

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Số 85 tháng 7-2019

Nhiều người viết
HOUSTON NGÀY HỘI NGHỆ

Chủ đề
LỮ KIỀU THÂN TRỌNG MINH



Với sự đóng góp bài vở của Đỗ Hồng Ngọc, Nguyễn Lệ Uyên, Ng~, Nguyễn An Bình, Ngọc Bút, Tô Thẩm Huy, Mang Viên Long, Trang Luân, Trần Dạ Lữ, Phạm văn Nhân, Khuất Dẫu, Từ Hoài Tấn, Huyền Chiêu, Cao Kim Qui, Lê văn Trung, Cái Trọng Ty, Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh, Trần Hoài Thư, Đặng Toàn, M.H Hoài Linh Phương. Trần thị Nguyệt Mai. Hai Trần Lương Thư Trung,...

Đặc biệt: Ghi nhận **Văn nghệ và cuộc sống** của Mai Thảo trên 18 số báo Nghệ Thuật năm 1966

Chúng tôi đã đưa lên Mạng một số tạp chí văn học miền Nam dưới hình thức Flipbook. Xin vui lòng dùng địa chỉ:

<http://tranhaoithu42.com> (click : các tạp chí văn học miền Nam)

Sáng Tạo (toàn bộ), nguyệt san Bộ Binh Thủ Đức khóa 24, Trình Bày, Văn Nghệ, Mai, Tiếng nói, Văn, Tân Văn, Văn Học, Văn Hóa Nguyệt san, Ý Thức, Tình Thương (toàn bộ 29 số), Hiện Đại, Văn Đê (toàn bộ), tuần báo Nghệ Thuật (toàn bộ)



THƯ QUÁN BẢN THẢO
Tập chí văn học bất định kỳ
Số 85 tháng 7 năm 2019

Chủ đề: Giới thiệu Lữ Kiều

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Sống và Viết:

Từ Hoài Tấn (5), Ng~ (11)

Phạm văn Nhâm (17), Lê thị Hoài Niệm (28), Tô
Thắm Huy (35), Trần Hoài Thu (40)

Chủ đề Viết về Lữ Kiều

- Trần Hoài Thu: *Lữ Kiều, bạn tôi* (49)
- Tô Thắm Huy: *Lữ Kiều, giọng suối...* (57)
- Đỗ Hồng Ngọc: *Tôi cũng tin vậy* (62)
- Đỗ Hồng Ngọc: *Bản lai diện mục* (67)
- Huyền Chiêu: *Cào lá sân vườn* (71)
- Cái Trọng Ty: *Người bạn gái vùng giới tuyến* (74)
- Khuất Đầu: *Viết như một Kinh Kha buồn* (81)
- Nguyễn Lệ Uyên: *Xem tranh Thân Trọng Minh qua Email* (88)
- Cao Kim Quy: *Nhân đọc Chàng nho sinh dưới bóng tùng* (97)
- Hai Trầu LTT: *Đọc truyện Trên Đồi là Lô Cốt* (99)
- Trần thị Nguyệt Mai: *Đôi dòng* (108)
- Khuất Đầu: *Đọc kịch Lữ Kiều* (112)
- Mang Viên Long: *Những vở kịch đời...(127)*

Trích văn Lữ Kiều:

Vác gỗ rừng sâu (138), Chàng Kinh Kha buồn (149),
Mảnh vụn của văn chương (155), Kể phá cầu (kịch)

(160)

Phần sáng tác

Thơ:

Cái Trọng Ty (183), Lê văn Trung (186), Ngọc Bút (191), Trần Dạ Lữ (194), Đặng Toàn (195), M.H Hoài Linh Phương (248)

Văn:

Phạm văn Nhân: Bến cũ & Dòng sông (188)

Trang Luân: Lối xưa tìm về (197)

Nguyễn An Bình: Bên dòng Patomac (223)

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: Ngày gió lên (239)

Sưu tập đặc biệt

Mai Thảo: *Ghi nhận về văn nghệ và cuộc sống* (250)

Tranh bìa: Thân Trọng Minh

Tranh phác thảo trong báo: TTM

Layout, trình bày bìa: THT

Liên lạc

Trần Hoài Thu

E mail: tranhoaithu16@gmail.com

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

THƯ TÒA SOẠN

Lại thêm một số báo nữa ra đời. Lại thêm niềm vui đến với anh em chúng tôi, là được dịp mang đến những trang văn chương chữ nghĩa được in trên giấy để gởi đến quý bạn trong khi những tạp chí giấy khác càng lúc càng rụng dần vì ảnh hưởng khốc liệt của chip, Internet, online và digital.

Đặc biệt, kỳ báo này phần Sống và Viết chúng tôi dành nhiều trang cho Houston ngày hội ngộ. Phần chủ đề là giới thiệu nhà văn/nhà thơ/nhà viết kịch và họa sĩ Lữ Kiều Thân Trọng Minh.

Với “Houston ngày hội ngộ” chúng tôi muốn dẫn bạn đọc thấy rõ cái tình văn hữu của những người cầm bút miền Nam là như thế nào. Dù trong thời buổi chiến tranh, hay lúc tuổi đã xế.

Riêng về phần giới thiệu tác giả Lữ Kiều, chúng tôi muốn chứng tỏ, văn học nghệ thuật của miền Nam không phải là văn học ở SG hay loại văn học đô thị. Đó là một nhận định sai lầm. Những tạp chí văn học ở SG chỉ sống được là nhờ sự đóng góp hay tiếp trợ của độc giả hay người viết mà phần lớn đều sống và viết ngoài vòng đai. Tạp chí Văn, Khởi Hành, là hai bằng chứng cụ thể. Chúng sống mạnh sống bền là nhờ ở tòa soạn đã biết tìm đến những người viết trẻ mà đa số

là quân nhân.

Đặc biệt số báo này chúng tôi cũng đi những ghi nhận về văn nghệ và cuộc sống của nhà văn Mai Thảo do chúng tôi sưu tập trên 18 số báo Nghệ Thuật trong năm 1966. Đây là cách để giữ gìn bảo tồn di sản văn chương miền Nam.

Cuối cùng, xin được gửi đến quý bạn bè, quý thân hữu và quý độc giả thân mến những lời chúc tốt đẹp của chúng tôi.

Trân trọng

TM Nhóm chủ trương
Trần Hoài Thư

SỐNG VÀ VIẾT



tranh phác họa: Thân trọng Minh

TỪ HOÀI TÂN

LÀM THƠ TRÊN ĐẤT MỸ

1.

Cuối cùng tôi cũng đã đến được nước Mỹ
Sau cuộc phỏng vấn ba phút ở Tòa Lãnh Sự Mỹ Sài Gòn

Cô người Mỹ trẻ đẹp hỏi tôi

Chú đang làm nghề gì ?

Tôi bảy mươi tuổi đã nghỉ hưu lâu năm

Tôi chỉ là nhà thơ, tôi là người sáng tác

Cô người Mỹ cười vui : chú đã được cấp visa, chúc mừng chú !

Tôi ra khỏi Tòa Lãnh sự lúc 9 giờ sáng ngày 5/4
Ông bạn NQT ngồi chờ bên kia đường hỏi tôi bị out
rồi chắc, vì mới vô có mấy phút
Nhưng không ngờ tôi đã được nhập cảnh vào Mỹ
Cái hộ chiếu của tôi còn trong trắng sẽ lần đầu được
đóng dấu của nước Mỹ
Tôi sẽ đi Mỹ

Quá nửa đêm ở phi trường Tân Sơn Nhất tôi bay đến
Taipei
Sau vài giờ chờ đợi tôi bắt đầu chuyến bay dài đến Mỹ
11 tiếng trên không trung, đường bay qua đại dương
6 giờ sáng ngày 10/5 máy bay hạ cánh
Los Angeles
Đất Mỹ
Tôi vừa lần đầu trong đời đặt chân trên đất Mỹ
Nguyễn Đình Thuần đón ở bên ngoài sân bay
8 giờ 30 trên đất Mỹ
Trời lạnh hơn ở Sài Gòn
Nhưng lòng tôi hồi hộp, tôi nghĩ rằng không thể ngờ có
một ngày tôi đến được đây
Sau một cuộc chiến tranh dài có tôi trong đó
Thuần qua Mỹ hơn hai chục năm nhưng loay hoay mãi
mới ra khỏi bãi đậu xe
Lòng vòng một chút rồi lên freeway 405 để về Santa
Ana
Tôi đi qua khu Little Saigon. Đại lộ Bolsa, khu
Westminster, ... những khu hàng quán Việt Nam với
những tên gọi nhớ đến Sài Gòn cũ

Mỗi buổi sáng Thuần chở tôi đến quán hàng cà phê
quen thuộc mất mười phút đi xe.
Ở đây phương tiện chính là xe hơi kể cả đi đổ rác hay

giặt đồ ở khu công cộng
Những người bạn dễ chùng nứa thể kỷ mới gặp
Tóc đã bạc, đời sống đã mệt nhoài cùng chuyện gia
đình không mấy suôn sẻ bởi qua đây thường người đàn
bà là chủ gia đình
Nhưng trên hết là sự nhàn nhã, ngày qua ngày trong
bình yên
Cuộc sống không cận kề mối hiểm nguy bất ổn và gần
với cái chết của thời chiến tranh ở quê nhà
Nhưng cuộc sống cũng dễ buồn chán
Về yên ổn làm mình không muốn làm gì khác
Cuối tuần gặp nhau, bia, rượu, mỗi miếng mỗi người
một ít
Góp lại niềm vui của những kẻ tha hương
Quanh quẩn và nhớ tiếc quá khứ
“Sống qua ngày chờ qua đời”
Bạn tôi nói vậy

Những người như tôi không biết có sống được nơi này
Với sự bình yên đó
Với sự lười biếng của sự nhàn nhã
Tôi cần viết
Tôi cần khám phá
Tôi cần sự thay đổi
Tôi cần những chân trời mới
Tôi cần sáng tạo

2.

Nếu có ai hỏi tôi
Qua Mỹ làm thơ có được không
Tôi nói
Ở Mỹ không làm thơ được, tôi không làm thơ được
Có lẽ tôi mới qua lần đầu
Chưa quen với khí hậu thời tiết cảnh quan cuộc sống

và nhất là cảm nhận về nơi ở
Vì không làm thơ được nên tôi viết tào lao
Nghĩ gì viết nấy

Tôi đi dự một buổi ca nhạc do người bạn tổ chức
Với giọng ca của cô ca sĩ mới được qua định cư ở Mỹ
Ở một tòa báo
Tình hoài hương
Nhưng bài hát thương nhớ quê hương
Những bài hát cũ của quá khứ
Những giọng ca đầy tâm sự (cứ cho là như thế) của
những vị không còn trẻ (chắc chắn rồi, ít ra cũng trên
sáu mươi)
Tôi chỉ vui vì mấy ly rượu chất uống với bạn ở cửa vào
Tôi thấy mình nhạt nhòa
Tôi nghĩ tôi còn xa lạ
Tôi phải sống ở Mỹ lâu hơn
Mới làm thơ được

3.

Tôi được đi qua nhiều tiểu bang ở Mỹ
Maryland, Virginia, Texas ...
Tôi có ý định thăm Tòa Nhà Trắng nơi ông Trump làm
việc nhưng không vào được vì bị rào chắn ngăn lại
Tôi đi phát phơ trên Đại lộ Pennsylvania, tháp Bút Chì,
Điện Capitol ... chụp hình này nọ
Tôi hòa vào dòng người đa chủng tộc của Mỹ
Tôi nghĩ tôi lạc lõng
Không nghĩ gì được
Và chắc là làm chẳng được một câu thơ ra hồn
Mặc dù rất cố gắng
Tôi trở về nhà chị Xuân ở Silver Spring Maryland
Tôi nghĩ mình thiệt vô tích sự

4.

Những ngày cuối tháng 5 ở Houston
Tôi và Thuần phải bay từ Santa Ana qua Texas
Gặp bằng hữu
Anh Trần Hoài Thư từ bờ Đông qua, để lại người vợ ở
Nursing home cho con trai chăm sóc tạm vài ngày, thật
cảm động khi gặp lại
Ở quán cà phê Nguyễn Ngọc buổi sáng hôm ấy
Những người bạn cũ bạn mới gặp nhau, nỗi vui của
những người đã phải rời xa đất nước
Không quên một thi sỹ mới qua đời
Chờ ngày thăm viếng để vĩnh biệt

5

Nếu có làm thơ được trên đất Mỹ
Tôi sẽ ca ngợi một mối tình
Ca ngợi em
Tình yêu của hơn nửa thế kỷ
Nhưng ngày ở Westminster
Những ngày ở Irvine
Là những ngày tôi yêu em
Không thể nào có một tình yêu như thế
Tôi yêu em bằng thanh xuân của tôi
Bằng những bất ngờ em không thể
Người đàn bà của tôi hãy cùng tôi
Mở một trang đời của tình sử

6.

Nếu có điều gì làm tôi bồi hồi nhớ lại trong chuyến đi
Mỹ lần đầu tiên
Là cuộc gặp hiếm có của tình thân với bằng hữu
Ở Houston những ngày nắng ấm

Vào cuối tháng 5/2019

7.

Làm thơ ở Mỹ khó thật
Nhưng viết cũng được mấy dòng ở đây
Có thể gọi là thơ không nhỉ ?

Nhưng thơ là gì
Không phải chính là cuộc sống đó sao ?

TỪ HOÀI TẤN
Santa Ana - California
Đầu tháng 6/2019

--	--	--	--

LAN MAN BẰNG HỮU

●Ng~.

Tập ghi tháng Tư của Trần Doãn Nho, đối với tôi (với tư cách một độc giả) như một cục than vùi trong lớp tro dày, âm ỉ ngùn, âm ỉ cháy bỏng tâm can. 4 lần “chạy” anh phơi bày trên trang viết như một nỗi đau của cả dân tộc; không có lần chạy nào dành cho nụ cười, toàn nước mắt và máu và ly tán.

Không chỉ riêng Trần Doãn Nho mới đưa vụ việc “chạy” từ trái tim ra ngoài nắng, mà có rất nhiều nhà văn đã viết về bộ mặt thật của cuộc sống, xã hội mà chúng ta đang sống, đang hít thở mùi bụi bặm.

Họ không đứng ngoài và tách lìa với lịch sử, ít nhất trong giai đoạn họ từng chứng kiến! Có điều, cách thể hiện của mỗi người trên trang giấy có khác nhau.

Nhớ có lần Kiệt Tấn về VN phát hành tập truyện ngắn của anh, có một vị nữ tiến sĩ văn học hỏi anh (trong buổi giao lưu) tại sao viết, viết cái gì? “Em Điền Xõa Tóc” tung tung trả lời đại ý: “tôi viết giống như chiếc xe đồ, hành khách nào lên xe tôi cũng chở”. Thoạt nghe, có vẻ như những gì anh viết ra là những tả-pí-lù lộn xà bần; nhưng không, càng đọc càng thấm từ những chi tiết vụn vặt, rất nhỏ mà đôi khi người đọc không để ý tới. Giống y chang nhà văn Tiểu Tử, cũng vụn vặt, cũng đời thường không có gì cao xa, nhưng khép lại, nhiều truyện làm ta muốn “ứa nước mắt”. Đó là truyện Bài Ca Vọng Cổ. Cả truyện không có gì là éo le, gay cấn, mùi mẫn... cũng không triết lý cao xa. Vẫn những tình tiết hết sức bình thường, nhưng cái không bình thường ở chỗ, khi đọc xong, mới thấu hiểu được

thể nào là tâm trạng của người xa xứ khi gặp lại người đồng hương là một chàng trai trẻ da đen - là sản phẩm của cuộc chiến tranh Việt Nam - ở phi trường Touba xứ Côte D'ivoire: “Lại nghe vọng cổ nữa. Mà lần này nghe rõ câu ngân nga trước khi xuống hò: *Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rũ bóng... đang vươn lên ngọn khói... á...lam... à ... chiều...*”. Tất nhiên sau đó là những mừng vui là những giọt nước mắt của thằng Lọ Nôi và tác giả, cả hai đều mất quê hương!

Một truyện khác, cũng của Tiểu Tử có tựa Nội. Truyện kể chuyện đứa con quyết tìm đường vượt biển, nhưng không dám thổ lộ với mẹ, sợ mẹ buồn, đau khổ. Trước khi ra đi, anh ta gặp mẹ với tâm trạng ngổn ngang của đứa con sắp xa mẹ, không biết phải nói, phải thể hiện tình cảm thế nào trước khi ra đi. Và rồi, chuyện gì đến phải đến: *“Tôi cảm thấy thương má tôi vô cùng. Tôi len lén từ phía sau lòn tay mân vú má tôi một cái. Má tôi giựt mình, rút cổ lại: -Đừng! Nhột! Thằng chơi đại mậy! Rồi má tôi cười vắng cót trâu. Con Ti la lên: Má ơi! Coi ba mân vú nội nè!”*

Truyện không có gì đặc biệt, nhưng nó đụng chạm tới cái quá khứ đau thương khốn khổ của rất nhiều người Việt phải đành đoạn bỏ nước ra đi. Đó là những cảnh tượng có thật giữa muôn ngàn cách “Chạy” khác nhau, ở những thời điểm khác nhau của dân tộc luôn bôn tẩu suốt hai ngàn năm. Hèn chi mà chữ Việt 越 viết theo ký tự Hán có bộ TÁU 走.

Ngồi lan man chuyện này với anh bạn văn, nghe xong, anh ta hỏi: Vậy ông bỏ quê vào đây cũng là một cách “chạy”? Phải. Một khi con người không thể chịu đựng nổi những cảnh huống xấu xí, mất vệ sinh xảy ra như cơm bữa, buộc anh ta phải tìm cách ẩn thân, tìm nơi chốn để “thanh thân” trong những ngày cuối đời. Và

mỗi người đều có cách tìm khác nhau. Ví như các ông bạn thiết của tôi, người thì Ngày Sẽ Hết (KĐ), người thì Về Thu Xếp Lại (ĐHN) đã chỉ ra cách sống khi về già, một cách chọn lựa không vướng lụy với cuộc đời đã qua và còn lại trước mắt. Tôi thấy nhiều người hay bận tâm về tuổi già, tuổi “hườm hườm chín rục”. Tôi có bận tâm hay không, thật sự chưa rõ ràng, bởi còn đang sống, tôi chưa làm tròn bổn phận với bạn bè thân sơ, khiến người này giận, người kia ghét ra mặt; thậm chí có người còn tuyên bố cắt đứt mọi quan hệ, thư từ, tình nghĩa... Bao nhiêu đó đủ thấy khó, khó còn hơn cả đưa quân ra chiến trận chiếm mục tiêu, còn đâu mà tìm kiếm sự an vui?

Duy nhất một anh chàng chẳng cần nghĩ ngợi có nên thu xếp hay sẽ hết lúc nào. Cứ tà tà rong chơi. Hôm trước nghe anh ta ở Đà Nẵng, bữa sau đã vào Quảng Ngãi rồi Phan Rang. Anh ta rong chơi cứ như cơn gió mát thổi qua hết chòm cây này tới vùng núi non, biển cả khác. Khi nghe tin tôi vào lưu xứ sâu riêng, chôm chôm, măng cụt... vào một cái ngôi tàu hỏa vào thăm, lại kèm theo cả Lê Văn Trung. Một bữa ăn đạm bạc theo đúng phong cách miền Trung (chồng) pha thêm chất Nam bộ (vợ) đãi hai bạn quý. Trong bữa, nhìn bạn tuy cũng 4,5 năm nữa là chạm 80 nhưng chẳng thấy chất già; trong khi người kia phải nhờ con gái cắt từng khoanh bánh nhỏ? Vậy thì bận tâm mà chi?

Cái tay không chịu già, là cơn gió mát rong ruổi đầu ghềnh cuối bãi chính là lão Viêm Tịnh. Trời xui khiến thế nào mà khóa 6/70 Thủ Đức, cả tôi Viêm Tịnh và Cao Huy Khanh ở chung Đại đội (31) thành ra thân thiết nhau tới giờ.

Nói nào ngay, bỏ gốc mận giếng nước và căn

nhà mà KD và HC và Lê Văn Thiện từng kêu lên “mát quá trời” để “chạy” vào xứ lạ sao tránh khỏi những xót xa? Nhưng bù lại, khi nghe ra “có sự”, bạn bè kẻ trước người sau “lặn lội” ghé thăm. Đầu tiên là cặp đôi vợ chồng Đỗ Hồng Ngọc, Lê Ký Thương... rồi Phạm Chu Sa, Viêm Tịnh, Lê Văn Trung... Mới rời là Chu Ngạn Thư, dân thổ địa xứ này, nhà cách nhau chừng 4 cây số! Vui và hạnh phúc nào bằng? Ngày sẽ hết và Về thu xếp lại của tôi là vậy đó.

Cách đây non tháng, Nguyệt Mai gửi về một file sách của Lữ Kiều có tựa: Lữ Kiều – Thân Trọng Minh và những người bạn, là những bài viết về thơ, truyện, kịch, hội họa của ông bác sĩ đa tài. Đọc lại những bài đã đọc mới thấy Chàng nho sinh luôn suy tư, dẫn vật về thế sự về thân phận con người trước xã hội, lịch sử. Nhưng rồi, trước khi thật sự “sẽ hết” anh đã ngộ ra cuộc đời bằng tiếng OM khe khẽ từ những bức tranh anh vẽ, có vẻ như anh đã thực sự đón ngộ, như Lê Ký Thương cũng đang trên đường đáo bỉ ngạn qua những nét vẽ trên những bức tranh khổ nhỏ. Không rõ, do tính chủ quan, do thân nhau mà tự dưng tôi rất thích loại tranh của hai vị này. Nó bàng bạc khối sương, nó dữ dội một cách dịu dàng, đỏ thắm màu yêu thương đồng cảm. Hai ông, mỗi người tặng tôi một bức chạn chứa cội nhân sinh.

Về nước, sau một tháng giao du hợp Quốc Học, LK gọi tôi nói TQBT sẽ thực hiện cho anh số đặc biệt. Ngẫm lại, những gì tôi đã viết về LK – TTM tôi đã viết cả rồi, từ truyện, ký, kịch chí hội họa... Có viết gì thêm, chắc cũng chừng đó, không viết thêm nổi nữa (Y như trường hợp Ngôn Ngữ thực hiện số đặc biệt về Hoàng Ngọc Biên, Tô Thùy Yên, Luân Hoán thư nói tôi viết bài. Mở máy, gõ được 2 trang... đọc trên các

trang mạng văn học, thấy các nhà phê bình, nhà văn phân tích, mổ dục xẻ ngang... không còn chỗ chen chân, bèn thư xin lỗi LH).

Nghe đầu LK lấy giấy phép in tập sách, không rõ có phải là tập mà Nguyệt Mai gửi file về hay không? Nhưng KĐ gọi vào nói, ngày TTM phát hành sách thế nào tôi cũng vào và sẽ chạy ra ông.

Cứ mong anh em ra sách thật nhiều để có cơ gặp gỡ nhau như chuyến gặp gỡ bên Houston giữa TTHuy, PVNhan, LQuỳnh, LKiều... và cảm động nhất là THT từ NJ bay sang giữa đêm tối chỉ để gặp bạn, ôn chuyện cũ vẫn chương, ôm nhau rót nước mắt rồi 3 giờ sáng lại ra phi trường về lại NJ.

Nghe LK kể và những hình ảnh LQ gửi về thì cái tình của anh em văn nghệ miền Nam trước 75 vẫn nguyên xi, không hề thay đổi.

Ước chi trúng cái số tombola bay qua một chuyến để ôm chặt các bạn tôi nửa thế kỷ rồi chưa nắm được bàn tay!

Phân đặc biệt Sống và Viết
**HOUSTON NGÀY HỘI
NGỘ**

Thời gian tuổi tác dù đã làm thay đổi con người, cướp mất đi nhựa đời, nhưng có một thứ không thay đổi. Nó bất biến. Nó không cần áo lớn, cà vạt chỉnh tề. Nó chẳng cần giữ gìn môi miệng. Nó cũng chẳng bắt ta nhìn người đối diện bằng một khoảng cách. Nó không trịnh trọng thái quá, nó thân tình, giản dị. Nó không cần trụ mốc thời gian để đo lường hay đánh dấu.

Nó chính là tình văn chương.

Như là lời ước ao cuối cùng của nhà thơ Tô Thùy Yên trước khi nhắm mắt.

*Đó là lý do tại sao có những trang đặc biệt này.
(TQBT)*

HOUSTON, NGÀY HỘI NGỘ

Phạm Văn Nhân

(tạp ghi)

Những ngày đầu tháng 5, 2019. Tôi nhận được tin báo là có những người bạn từ Việt Nam qua tham dự buổi họp mặt của trường Quốc Học/ Đồng Khánh Huế vào ngày 26 tháng 5 năm 2019. Tin từ anh bạn Lữ Quỳnh, bên Cali gọi điện cho hay, ở Việt Nam qua có Từ Hoài Tấn và vợ chồng Lữ Kiều Thân Trọng Minh + Thanh Hằng. Đối với ngày họp của cựu học sinh QH/ĐK với tôi không là gì cả; vì tôi không phải là cựu học sinh trường này. Nhưng, có những người bạn từ Việt Nam qua, là tôi rất vui; vì lâu quá, kể từ năm 2014 cho đến hôm nay cũng đã 5 năm rồi, không gặp lại bạn bè. Tôi báo tin cho hai người bạn của tôi: anh Tô Thẩm Huy và Cái Trọng Ty hay. Không ngờ, anh Cái Trọng Ty cũng đã biết qua email của Từ Hoài Tấn. Vài ngày sau, nhận được email của anh Từ Hoài Tấn từ Việt Nam gửi qua cho biết ngày giờ anh đến Houston., và nhờ tôi với anh Cái Trọng Ty sắp xếp cho chỗ ở (mướn phòng ngủ). Từ Hoài Tấn nói là chỉ ở Houston ba ngày thôi. Hội họp đối với anh không thành vấn đề. Chủ yếu là gặp anh em. Tôi nói chuyện với anh Phan Xuân Sinh. Anh chị Sinh rất vui và mời anh Từ Hoài Tấn về nhà ở; mặc dù trước đó anh Sinh chưa biết anh Từ Hoài Tấn. *Đây mới là cái tình văn nghệ mà chỉ có người cầm bút miền Nam trước 1975 mới thể hiện được, dù trước đó chưa quen biết. Nhưng với chỉ cái tên thôi là anh em tự*

thân đã thấy quen nhau rồi. Tôi mừng quá, gọi điện cho hai anh Cái Trọng Ty và Tô Thắm Huy hay ngay và báo qua email cho Từ Hoài Tấn biết; mặc dù trước đó anh Tô Thắm Huy nói với tôi là để anh Từ Hoài Tấn về ở nhà anh Huy cũng được.

Việc chỗ ở cho Từ Hoài Tấn đã xong. Một buổi sáng thứ bảy, vào khoảng ngày 11/5/2019. Ba chúng tôi gồm PVN, Tô Thắm Huy và Cái Trọng Ty ngồi uống cà phê ở Magic Cup. Nghe Từ Hoài Tấn qua Cali ở nhà của Nguyễn Đình Thuần (họa sĩ) mà cũng quen với Phan Xuân Sinh. Thế là Cái Trọng Ty gợi ý là mời Thuần qua chơi. Mời thì phải mua vé máy bay. Việc này, tôi đề nghị là anh Huy nói với anh Phan Xuân Sinh để hỏi email và số điện thoại của anh Nguyễn Đình Thuần; vì thật sự là hai anh Tô Thắm Huy và Cái Trọng Ty cũng như tôi chưa biết anh Thuần, ngoại trừ anh PXS. Sau đó chúng tôi giao cho anh Huy lo từ A đến Z. Cuối cùng rồi cũng book vé máy bay cho Nguyễn Đình Thuần đi cùng một chuyến máy bay với Từ Hoài Tấn. Bên cạnh đó, ba chúng tôi bàn với nhau gọi cho Trần Hoài Thư cố gắng thu xếp (lo cho chị Yến trong nursing home) làm sao qua được Houston trong những ngày này thì vui lắm. Tôi gọi điện thoại cho THT .

Có Lữ Quỳnh, có Lữ Kiều, có Thanh Hằng, có Từ Hoài Tấn, có Nguyễn Đình Thuần. Bây giờ phải có Trần Hoài Thư. Tôi gọi điện cho Trần Hoài Thư và Phạm Cao Hoàng, mong hai người bạn của tôi đồng ý qua Houston vài ba ngày. Nhưng PCH bận, không đi được. Còn Trần Hoài Thư phải lo cho chị Yến ở nursing home. Không biết có đi được không. Qua những lần gọi điện nói chuyện với nhau, THT háo hức

lắm. Cũng như lần trước, tôi với Tô Thẩm Huy cù THT qua Houston chơi. THT mua vé máy bay để đi, và chúng tôi chuẩn bị đón người bạn . Ai ngờ chị Yến trở bệnh và phải đưa vào bệnh viện, THT phải hủy chuyến bay. Cho nên lần này tôi vẫn nuôi hy vọng chị Yến khỏe để anh em chúng tôi gặp nhau, và kết quả rất vui là THT đã mua vé máy bay báo cho tôi và Tô Thẩm Huy hay là sẽ qua ngày thứ bảy (25/5 và về lại NJ sáng 27/5) . Như vậy cũng đủ vui lắm rồi, dù thời gian rất ngắn ngủi.

Đêm 22 tháng 5

Lữ Quỳnh báo cho tôi biết tối ngày thứ tư (22/5) anh và Lữ Kiều cùng với Thanh Hằng đã đến Houston. Lữ Quỳnh gọi tôi lúc 10 giờ đêm cho biết đã tới khách sạn Marriott. Vợ chồng Lữ Kiều đã về nhà anh Tôn Thất Hoa. Tôi báo ngay cho anh Tô Thẩm Huy nắm tình hình.

Trước đó một tuần, tôi gọi cho Hà Thúc Sinh sẽ gặp nhau tại tiệm Cà Phê Pháp (La Madelaine) theo đề nghị của Tô Thẩm Huy vì có các bạn cầm bút từ Việt Nam qua. Tô Thẩm Huy sẽ đến nhà đón anh. Tôi đi đón vợ chồng Lữ Kiều và Lữ Quỳnh. Nhưng, ngày thứ tư, 22/5 Hà Thúc Sinh đến nhà thăm vợ chồng tôi và báo là ngày thứ sáu 24/5 anh và các cháu phải đi N. Carolina. Tôi nói với Cái Trọng Ty, Hà Thúc Sinh không thể đi được. Anh Ty nói chuyện với Hà Thúc Sinh sao đó, cuối cùng Hà Thúc Sinh cũng thu xếp đến tham dự gặp bạn bè tại quán cà phê Madelaine vào sáng ngày 23 tháng 5 năm 2019..



(Hàng đứng: Thanh Hằng. Lữ Quỳnh. Phan Xuân Sinh. Phạm Văn Nhân. Tô Thẩm Huy. Hàng ngồi: Thiên Nga. Cái Trọng Ty. Lương Thư Trung. Lữ Kiều. Hà Thúc Sinh - Từ trái qua phải). Chụp tại tiệm Cà Phê La Madelaine.

Tôi cũng phải nói thêm trong những ngày này. Ngày mà những anh em cầm bút quen biết nhau buồn nhất. Và cũng là ngày bận rộn nhất đối với anh Tô Thẩm Huy và với gia đình anh chị Tô Thùy Yên và các cháu. Đó là ngày mất của anh Tô Thùy Yên. Anh mất vào ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Trước đó 2 ngày, vào ngày 19/5 anh Huy đến nhà tôi và báo tin theo như chị Bích (vợ anh TTY) cho anh Huy hay, là anh TTY yếu lắm. Hai chúng tôi buồn. **Không ngờ 10 giờ tối đêm 21 tháng 5, anh Tô Thẩm Huy gọi điện cho tôi và nói anh TTY đã ra đi vào lúc 9 giờ 15 phút ngày 21/5/2019.**

Sao lạ vậy. Đối với tôi, có hai tin đến cùng một lúc. Vui: ngày họp mặt bạn bè tại Houston. Buồn: ngày anh Tô Thùy Yên đi vào cõi vĩnh hằng. Vĩnh viễn không

còn gặp gia đình và anh em nữa. Cũng như mấy năm trước khi anh chị Đặng Tiến từ Pháp qua Houston. Anh ĐT gọi tôi tới nhà chơi và hôm sau cũng tại ngôi quán cà phê Pháp này (La Madelaine) anh Tô Thùy Yên, anh Đặng Tiến và những anh em khác trong nhóm cũng ngồi uống cà phê nói chuyện văn chương chữ nghĩa. Vui lắm. Nhưng, hôm nay, cũng tại quán cà phê này những người bạn của tôi lại ngồi đây, mà anh (TTY) lại bỏ anh em ra đi.

Thứ sáu. Ngày 24/5/2019.

Những ngày trước đó , đầu tháng 5, tất cả mọi việc đều xếp đặt để anh Tô Thẩm Huy đi đón Từ Hoài Tấn và Trần Hoài Thư từ phi trường về. Nhưng, sự ra đi của anh TTY, anh TTH rất bận không biết ai ra phi trường đón hai anh Trần Hoài Thư và Từ Hoài Tấn?. Nhưng, không hiểu sao, anh TTY vẫn còn nằm lại trong nhà thương (phòng lạnh) có lẽ nhà quản "kẹt chỗ"???. Vì thế anh Tô Thẩm Huy bận một ngày với gia đình anh TTY không đi đón Từ Hoài Tấn và Nguyễn Đình Thuần được. Phải nhờ anh Phan Xuân Sinh.

Sáng cùng ngày, tôi đến nhà anh Tôn Thất Hoa để đón Lữ Kiều + Thanh Hằng đi uống cà phê cùng với Lữ Quỳnh. lại một tin bất ngờ nữa khi Lữ Kiều hỏi tôi có biết cô em gái Tuyên không? Hiện Tuyên ở Houston. Tôi chờ. Tuyên đến nhà anh chị Tôn Thất Hoa. Cô em gái trước 1975 và bây giờ mấy chục năm rồi vẫn không thay đổi. vẫn nhỏ người. mảnh khảnh, tôi xem như cô em gái nhỏ trong nhà năm xưa. Anh em vui quá. Từ đó đến khách sạn đón Lữ Quỳnh có trễ. Rồi cũng gặp nhau. Đưa về nhà thăm vợ tôi. Bà ngồi trên chiếc xe lăn. Thấy bạn bè đến thăm, vợ tôi ứa nước mắt.

Ngày 25/5/2019

Vào lúc 9 giờ sáng, ngày thứ bảy, anh Trần Hoài Thư đến phi trường và anh Tô Thẩm Huy ra đón. 11 giờ trưa, Tô Thẩm Huy đưa THT đến nhà thăm vợ chồng tôi; vì dù sao giữa hai gia đình cũng biết nhau khi còn ở Huế. Tôi gọi cho vợ chồng Lê Thị Hoài Niệm và cô em gái Tuyên đến nhà sớm trước khi anh Huy đưa THT đến. Một cuộc gặp rất vui. Tôi trở tài nấu ăn (nấu bánh canh xương heo với chả cá) không ngờ tài nấu của tôi khoái khẩu người bạn già THT. Khen quá đề. Ăn hai tô. Tôi vui.

Một chập. Phan Xuân Sinh đưa Từ Hoài Tấn, Nguyễn Đình Thuần đến. Còn có cuộc vui nào vui hơn.



(Từ trái qua. Hàng đứng: PVN. Lê Thị Hoài Niệm. Hàng ngồi: Nguyễn Đình Thuần. Cái Trọng Ty. Từ Hoài Tấn. Tô Thẩm Huy. Trần Hoài Thư). Chụp ngoài patio.

Tối thứ bảy (25/5/2019)

Một buổi tiệc được tổ chức và lúc 4 giờ 30 chiều tại nhà anh chị Phan Xuân Sinh. Các anh em cầm bút họp mặt để đón mấy người bạn. Nhưng hai anh Lữ Kiều và Lữ Quỳnh bận đi thăm San Antonio về trễ. Không tới dự được. Đến 6 giờ chiều cùng ngày, anh Tô Thẩm Huy phải đưa Trần Hoài Thư và tôi đến nhà gia đình của anh Thư; vì nơi đây có một buổi họp mặt gia đình mừng ngày tốt nghiệp (?) đứa cháu của Trần Hoài Thư. Nhưng Thư không thông báo trước cho gia đình là sẽ có mặt. Tiệc tổ chức lúc 6 giờ chiều. Anh TTH đưa chúng tôi đến cũng gần 7 giờ tối.

Ở đây cũng cần nói thêm một chút. Khoảng hơn 6 giờ chiều, chúng tôi đang trên xa lộ để đến gia đình anh THT. thì Lữ Quỳnh gọi tôi. Cần gấp gấp. Đến khách sạn Marriott. LQ đang chờ. Tôi nói với Lữ Quỳnh là chúng đang trên đường tới nhà anh của THT. Tôi đưa điện thoại cho Huy nói chuyện với LQ. Và sau đó Huy gọi cho Cái Trọng Ty phải đến khách sạn Marriott gấp để gặp LQ. Cái Trọng Ty từ giả buổi tiệc ở nhà PXS tới gặp LQ. May quá, có Cái Trọng Ty giải quyết.

Tới nhà của các anh THT. THT bấm chuông cửa. Anh bước vào nhà nơi phòng tiệc. Mọi người đang ăn uống vui vẻ. THT nói chuyện huyền thuyên. Không cần xưng tên, xưng tuổi. Anh giơ tay. Cười nói rất ư là tự nhiên. Tất cả mọi người trong gia đình ai cũng ngạc nhiên. Không biết cái ông già nào, tóc bạc phơ, quen ai trong nhà mà ăn nói, cười đùa hồn nhiên quá. Tất cả ai cũng trở mặt ra nhìn. Thì có người từ trong phòng ra. Nhìn thấy ông già tóc bạc trắng đang vui vẻ nói cười

rất hồn nhiên. Người đàn ông ôm chậm lấy Thư là nói to: Chú Sách đây này. Sao em tới không cho các anh chị hay biết? Mấy cô cháu gái nghe nói tên chạy tới mừng chú Sách. Cả nhà mừng vui. Tôi với Huy đứng sau cũng thấy vui lây. Tôi thấy người ngồi thứ hai, bàn đầu đứng dậy, trên gương mặt rất vui, nói: Sách, em đây sao? Người này, tôi với Huy mới biết là anh Trần Quý Phiệt, anh cả của Trần Hoài Thư. Người ôm THT là anh Trần Quý Trâm, anh thứ hai của THT. Có lẽ cái chất lính thám kích vẫn còn trong máu của bạn tôi chăng. Tôi nhớ thời gian tôi ở Amarillo, TX, cách đây khá lâu. THT từ NJ bay qua thăm mà không báo trước. Chúng tôi không có nhà, nên bạn tôi tình cờ đánh một giấc trên sân cỏ trước nhà chờ chúng tôi về!. Sau đó ba chúng tôi ngồi ăn món cơm hến và món chả ốc đặc trưng của Huế do các bà vợ của hai anh Phiệt và Trâm làm. Món cơm hến thật ngon. Còn ngon hơn ở những nơi tôi với Viêm Tịnh đi ăn ở Huế. Gần 10 giờ đêm chúng tôi ra về, chị Vân, vợ anh Trần Quý Trâm còn lo cho tôi một phần cơm hến có cả chả ốc. Chị nói, mang về cho vợ tôi. Một món ăn rất Huế.

10 giờ đêm. Chúng tôi tới nhà anh Tôn Thất Hoa để gặp vợ chồng Lữ Kiều Thân Trọng Minh. Lâu lắm, Trần Hoài Thư không gặp Lữ Kiều. Gần 50 năm thì phải. 50 năm hai người bạn gặp lại nhau., mà trước đó một ngày, LK nói với tôi bằng giả nào PVN cũng phải cho tôi gặp THT. Ngày xưa còn rất trẻ. Trần Hoài thư là một anh chàng lính Thám Kích. Còn Lữ Liễu là một bác sĩ quân y. Thân nhau trên con đường viết lách. Mỗi lần tôi gặp hai người bạn này, tôi lại nhớ đến tác phẩm đầu tay của Thư. **Tác phẩm Nỗi Bơ Vợ Của Bầy Ngựa Hoang** do Ý Thức xuất bản. Lê Ký Thương

trình bày bìa, và Lữ Kiều làm bản kẽm. Hơn nữa mỗi lần gặp lại Lữ Kiều, tôi lại nhớ đến Ý Thức Bản Thảo phát hành sau tháng 4/1975. Sống được 6 số thì phải (trong nước). Có đúng thế không Lữ Kiều??? Cũng vì cái tên ÝTBT và sau này tôi với Trần Hoài Thư có cái tên Thư Quán Bản Thảo. Cho đến hôm nay đã 85 số. Anh em cầm bút trong nước nói với tôi và THT cố gắng làm TQBT tới số 100. Về VN, tổ chức kỷ niệm 100 số. Sức tàn lực mọn. Tuổi càng cao. Không biết có theo nổi không?



PVN, Tô Thâm Huy, THT, Lữ Kiều (tại nhà anh Tôn Thất Hoa)

Đêm THT và Lữ Kiều gặp nhau, sau gần 50 năm. Hai người bạn mừng quá, ôm nhau thật chặt. Tôi nói: sao hai bạn giống "gay" quá. Những nụ cười vui trong đêm hôm tại nhà anh chị Tôn Thất Hoa. Những ly rượu vang cùng nhau, cùng với tiếng cười tiếng nói. Chỉ có 5 người: PVN. Tô Thâm Huy. Trần Hoài Thư. Lữ Kiều

Thân Trọng Minh. Thanh Hằng. Bao kỷ niệm vui được nhắc đến. Tình bạn ấm nồng qua những cốc rượu vang trong đêm.

Chủ nhật 26/ tháng 5

Chiều 4 giờ tại nhà Tô Thắm Huy. Anh chị Phan Xuân Sinh phải đưa Từ Hoài Tấn và Nguyễn Đình Thuận ra phi trường để về lại Cali. Sau anh chị Phan Xuân Sinh đến trễ.



(Hàng đứng từ trái: Lê Cần Thơ. Lữ Kiều. Trần bang Thạch. Phạm Văn Nhân.

Hàng ngồi từ trái: Cái Trọng Ty. Trần Hoài Thư. Lữ Quỳnh. Lê Thị Hoài Niệm. Cô Dung. Tô Thắm Huy)

Hình chụp tại nhà Tô Thắm Huy, trước khi vợ chồng PXS đến.

Buổi họp mặt cuối cùng tại nhà vợ chồng Tô Thắm Huy thật vui. Gồm: Lữ Quỳnh. Lữ Kiều Thân Trọng Minh. Trần Hoài Thư. Cái Trọng Ty. Vợ chồng Lê Thị Hoài Niệm. Trần Bang Thạch. Lê Cần Thơ. Phạm văn Nhân. Lương Thư Trung.

Đêm họp tại nhà Tô Thắm Huy là đêm họp cuối cùng

đề sáng ngày mai, thứ hai 27/5 Trần Hoài Thư về lại New Jersey. Lữ Quỳnh về lại San Jose. Còn vợ chồng Lữ Kiều Thân Trọng Minh về Cali ngày thứ ba 28/5. Thật tiếc, các anh không có dịp đến thấp cho anh Tô Thùy Yên một nén nhang, vì ngày thứ năm 30/5 nhập quan và phát tang. Ngày thứ sáu 31/5 mới thăm viếng và tưởng niệm.

Với tôi. Trong những ngày gặp bạn bè đến Houston, dù thời gian có ngắn, nhưng tôi vui lắm. Rất vui. Dù ít thời gian để hàn huyên tâm sự cho riêng mình một cõi. Nhưng trái lòng thật ấm áp.

Và buồn cho những người bạn của tôi không đến để tiễn đưa anh TTY về chốn vĩnh hằng; vì tất cả chúng tôi ai cũng đều mến anh ấy.

Xin ghi lại những gì mà tôi đã gặp bạn bè tôi, trên xứ người.

Houston, những ngày cuối tháng 6 /2019.

Houston hội ngộ...

Lê thị Hoài Niệm.

Lần thứ ba tôi được “điện kiến” Thi-Văn sĩ Trần Hoài Thư, nhân dịp anh đến Houston thăm viếng gia đình và bạn hữu.

Hai lần trước tôi đến nơi có anh hiện diện qua làn sóng...radio. Lần đầu tiên anh về Houston ra mắt sách ngay trung tâm thành phố, trong một buổi chiều mưa tầm tã, nhưng vẫn có nhiều người đến tham dự, chắc là họ đã quen biết thi văn sĩ từ trước(?), nhưng cũng có người mới nghe danh nên tìm đến để gặp tác giả và mua tác phẩm. Và lần thứ hai tại khu sinh hoạt Beechnut, hai lần đều có phu nhân của anh đi cùng, và ngay chiều hôm đó, thi văn sĩ Phan Xuân Sinh đã mời một số thân hữu đến tham dự buổi họp mặt tại tư gia thật đông vui. Nhưng dù có mặt, cá nhân tôi vẫn ...kính nhi viễn chi với anh chị Trần Hoài Thư, ngoại trừ lời hỏi thăm...sức khỏe...

Tôi biết đến anh Trần Hoài Thư trên đất Mỹ nhiều là qua “Thư quán bản Thảo”. Với anh, Sách báo là niềm vui như tên “cúng cơm” của anh do cha mẹ đặt cho. Ngoài những tác phẩm văn xuôi viết từ những ngày tháng cũ hay là về cuộc sống hiện tại trên xứ sở này hoặc là những tập thơ mang nhiều nỗi trăn trở, niềm đau nỗi buồn hay vui muộn do chính anh in ấn và phân phối đến người đọc, còn chính là “Thư quán bản thảo”. Thư quán là tâm huyết, là đời sống, là đứa con tinh

thần dù anh phải miệt mài ngày đêm gõ từng con chữ, in từng tập sách đóng gáy bẻ bìa, là lặn lội từ thư viện này qua thư viện khác để tìm tài liệu cũ, là một kết nối với bạn bè, với người bạn..nổi khổ là nhà văn Phạm văn Nhân, hai người (phụ trách chính) đã hy sinh hết cả thời gian còn lại sau việc kiếm cơm để sống, và Thư quán bản thảo ra đời để những người đọc biết được rằng trước năm 75, trong giới văn chương chữ nghĩa, đã có quá nhiều người tuổi trẻ vừa cầm súng chiến đấu ngoài tiền tuyến, vừa cầm bút viết nên những áng văn sinh động vừa bi thương vừa chan chứa tình người..., những vần thơ ray rứt, trăn trở của người tuổi trẻ trước thời cuộc, những vần thơ đi vào lòng người bằng hơi thở, bằng mồ hôi có khi bằng máu của chính họ. Và đến nay TQBT đã được 84 số rồi. Một kỳ công trong văn đàn hải ngoại.

Nhưng tôi có cơ duyên “biết tên” anh từ những ngày anh còn là người Lính trận viết văn trong số những người viết trẻ đó. Đọc văn của anh ư?, hình như...chưa có cơ hội vì những sách báo bọn con gái chúng tôi đọc thời bấy giờ chỉ là Tiền phong, phổ thông, kịch ảnh, điện ảnh, tuổi hoa hay tiểu thuyết thứ năm...làm sao có truyện của các nhà văn quân đội(?). Nhưng từ một ngày hè về thăm gia đình Cậu mợ ở Tuy Hòa. Trong lúc chị họ tôi dọn dẹp quét nhà, chị rủ tôi có muốn đi theo coi “cái am” của ông anh họ...thi sĩ P.C.H không? Tôi hỏi chị sao gọi là am? chị cười nói đi lên rồi biết. Thì ra đó chỉ là một căn phòng nhỏ với nhiều sách báo vương vãi trên nền nhà, trên bàn là những ly cà phê chưa kịp dọn rửa, một mớ tàn thuốc từ trên bàn tràn xuống đất còn vương nồng nặc mùi....thuốc lá. Nói chung là căn phòng nhỏ bẽ bộn theo ...kiểu sống của

những người có “tâm hồn nghệ sĩ”. Chị vừa quét dọn vừa than: mấy ông thi sĩ, văn sĩ gì mà “hút thuốc như đót đuốc”!. Cũng bởi ông anh thi sĩ của tôi thời đó đã... nổi tiếng tuổi trẻ tài cao, không những có những văn thơ hay, mà anh còn có giọng ngâm thơ rất tuyệt vời, lại hát hay nữa, nên chung quanh anh có rất nhiều bạn bè, mà giới thi văn sĩ là nhiều nhất, nên họ thường rủ nhau... ghé lại tụ hội với anh khi có dịp. Chị nói nghe đâu mấy ông văn thi sĩ này ở trong nhóm Ý THỨC(?) và họ vừa ra đi, mà bà chị cứ tiếc phải chi em về sớm một buổi đã gặp được họ rồi, trong đó có nhà văn Trần Hoài Thư.

Nhưng kỳ này thì không có tiếc rẻ hay trề trảng gì cả. Nhà văn anh cả Phạm Văn Nhân đã “thông báo” ngày anh Trần Hoài Thư về Houston, chắc chắn là sẽ về, chứ không về... hút như lần trước. Lần đó, dù đã gần đến giờ ra phi trường, nhưng Chị Yến trở bệnh nặng, anh đành hủy vé máy bay. Tuy “lỡ hẹn” với bạn văn ở Houston, nhưng ai cũng cầu nguyện cho anh có đầy đủ sức khỏe để lo cho chị và luôn cầu nguyện cho bệnh tình chị Yến thuyên giảm.

Chúng tôi đến nhà anh Nhân buổi trưa thứ bảy và gặp ngay “Tiên ông đạo cốt” cũng vừa được anh Bùi Huy (nhà thơ Tô Thẩm Huy) chở đến. Với mái tóc bạc phơ, nhưng trông anh “đẹp lão” và còn nhanh nhẹn lắm. Chúng tôi nhìn anh cười nói mà rung rung muốn khóc. Anh em gặp nhau là mừng vui lắm chứ, nhưng sao trong lòng nó cứ quặn lại, xót xa làm sao, chạnh nghĩ đến cảnh một “ông già” gần tám mươi tuổi, ngày ngày ra vô viện dưỡng lão hai lần đã mấy năm qua dù mưa nắng tuyết lạnh tê người, để săn sóc người vợ không

thể điều khiển mọi sinh hoạt cá nhân trong cuộc sống. Động lực nào đã giúp anh đứng vững trên đôi chân và tinh thần vững mạnh để vượt qua bao nhiêu ngày nắng mưa gió tuyết bão bùng? Chắc không ngoài hai chữ “Tình yêu” mà anh đã dành cho chị...(luôn mong anh có đầy đủ sức khỏe và mong chị Yến được bình an trong những ngày tháng tới, trong khi ông anh Phạm Văn Nhân cũng lo cho chị Thu từng bữa cơm, giấc ngủ...vì chị chưa đi đứng được bình thường. Phục lẫn hai ...ông già!))

Hình như cái nóng của Houston không làm người về từ xứ lạnh cảm thấy khó chịu, cản bước chân đi, có chăng vì anh phải mang nhiều tập thơ “Đá” quá. Đó là tập thơ “tâm sự” của riêng anh Trần Hoài Thư, anh “giới thiệu” bìa tập thơ in bằng những hoa văn như đá nổi rất đặc biệt. Cầm tập thơ anh trao tận tay, chúng tôi cảm động lắm nhưng rất xót xa nhất là thấy anh nói chuyện vui mà như muốn che lấp niềm u uẩn nào đó, nhất là khi đọc hai câu thơ từ bài “Đá”:

*“ Và bây giờ anh cũng mong được làm phiên đá
Để chai lì với những bọt sủi niềm đau...”*

(THT)

Ồ đó là những cam chịu mà anh cố vượt qua và hình như anh đã, để anh còn làm thơ tặng đời như lời anh tâm sự :

*Xin tặng đời, một món quà hèn mọn
Tôi không biết lấy gì đền đáp chỉ thơ
Tôi đang ở tận cùng những mắt mắt tuổi già
Xin rộng lượng để bàn tay tôi khỏi vượt !*

(THT)

(Xin cảm ơn anh đã tặng cho vợ chồng em tập thơ Đá). Căn nhà anh chị Nhân Thu đông vui thêm khi có các anh nhà văn Cái trọng Ty (Houston), Anh Từ Hòa Tấn

đến từ Việt nam, họa sĩ Thuần từ Cali sang, sau đó có anh chị Phan Xuân Sinh đến tham gia “hội nghị bàn vuông” cùng với chị Ng cũng từ Cali sang để được gặp anh Trần Hoài Thư, chị đến mang theo thức ăn ngon, và chị Thu, phu nhân anh Nhân đã...hướng dẫn cho anh nấu món bánh canh rất đậm đà, thơm nức mũi đầu thua gì nhà hàng...chuyên nghiệp, nên người nào cũng... không nỡ từ chối. (Cảm ơn anh chị cho ăn ngon).



Chúng tôi được anh Cái Trọng Ty cho biết anh là “sư huynh” khóa 4 của trường Sư phạm Qui Nhơn, nên đầu đó có những thân tình từ những ngày tháng cũ. Quý anh Nhân, anh Thư, anh Ty ngồi nhắc lại những kỷ niệm xưa tại ngã sáu, khu hai thành phố Qui nhơn với nhiều vui buồn lẫn lộn nhưng ai cũng muốn nghe, Anh Thư còn đọc bài thơ dành cho “nàng” năm xưa của trường Sư phạm nghe thật mượt mà, tình tự nhưng cũng..buồn man mác. Đúng là Thi Văn sĩ lão thành có

khác, hể xuất khẩu là thành thi, nhưng anh vẫn đùa sao ngày đó không có nàng nào...gánh nợ? hahahaha..

Sáng chủ nhật đẹp trời, mới tám giờ, anh Nhân đã gọi “tập trung” tại quán “bánh mì Ng.Ngô”. Anh Thư bắt đầu kể chuyện đêm thứ bảy anh về thăm gia đình người anh ruột đang có “party” khách khứa đông đảo mà không báo trước, đến nỗi người anh ...không nhận ra đứa em út của mình, vì anh vừa bước vô nhà là nói đủ thứ chuyện, nói cười huyền thuyên, vui vẻ (khác hẳn với thời gian trước) khiến cả nhà rất ngạc nhiên tưởng ...tiền ông nào đi lạc. Khi họ nhận ra anh là những niềm vui òa vỡ, những cái ôm thân tình, những giọt nước mắt mừng vui ngày hội ngộ và cuối cùng là những vòng tay quyến luyến không muốn lìa xa.

Buổi sáng rồi cũng đi qua khi chúng tôi đưa anh vào ...chợ để tìm mua một số thực phẩm dành cho “nấu bếp gia” nhằm “phục vụ” cho người bệnh.

Buổi chiều, chúng tôi đưa anh Nhân, anh Thư đến tư gia của anh Tô Thắm Huy. Qwào! Căn nhà đẹp với lối trang trí rất nghệ thuật, trang nhã nhưng có chất lãng mạn của nhà thơ....cổ. Chúng tôi hân hạnh được gặp các anh Trần Bang Thạch, Lê Cần Thơ, Ngô Du Trung, Lữ Kiều (Bác sĩ Thân Trọng Minh từ Việt nam sang)) và Lữ Quỳnh. Tất cả là những nhà văn thơ một thời với nhiều tác phẩm rất có giá trị, trong số họ đã được hai anh Thư, Nhân đưa vào từng số Thư quán bản thảo, nên chúng tôi mới có cơ duyên được đọc, để rồi khi gặp họ không thấy ngỡ ngàng mà như có một mối dây thân tình gần gũi.

Anh chị Tô Thắm Huy rất nhiệt tình với khách, nhưng chúng tôi phải đưa quý Anh họ Lữ ra về vì họ có thêm

những buổi họp mặt với bạn bè thân hữu khác.



Họp rồi phải tan. Có đến rồi cũng có đi. Các anh Tấn, Thuận về lại Cali sớm nhất. Hai anh Lữ còn ở với hội Quốc Học Huế, chỉ có anh Thư về lại NJ sáng sớm hôm sau chắc là hành trang...nặng hơn lúc ra đi vì chứa thêm tình cảm của những người em, người bạn thân

TÔ THÂM HUY

tháng 5 hội ngộ

9 giờ sáng thứ Bảy, 25 tháng 5, tôi ra phi trường Bush Intercontinental đón Trần Hoài Thư từ New Jersey hạ sơn về thăm bạn bè. Kia rồi, Kim Mao Sư Vương đang đứng cạnh mấy xe taxi. Mới hai năm không gặp, anh trông già hẳn đi. Nhưng vẫn mái tóc ấy, tuy có cắt ngắn hơn. Vừa lên xe là không gian tràn đầy tiếng anh cười nói sang sảng. Liên tục, không ngừng. Tôi yên tâm. Trần Hoài Thư còn khỏe lắm. Mọi khổ nhọc, phiền toái ở trần gian này chẳng làm gì được chàng viễn thám ngày xưa. Vẫn lưng lửng, vẫn tung bừng, ào ạt tuôn chảy.

Ghé Starbucks đầu ngõ lấy 2 ly Americano trước khi về nhà. Vừa vào phòng là mở valise nặng chình chịch. *Đá. Đá* trên giấy, bìa có vân sần sùi, nhám như đá. Valise tuyên là sách, là thơ. Ngồi ngay trên giường ký tặng tôi tập thơ mới của anh. Vừa viết vừa nói: Bạn là người đầu tiên nhận được *Đá*. Rồi anh và tôi ra đằng sau nơi tôi có căn phòng Hấp Yên thất. Tôi ngồi hút thuốc. Anh ngồi nói. Nói hăng say về người anh thường nhắc đến trong văn chương bằng một mẫu tự, Y., về bạn bè, về sách vở, về bộ 1 của tờ Nghệ Thuật đang nằm trên bàn, mà anh sẽ in thêm cho tôi 3 bộ nữa cho đủ 4 bộ, về môn võ công mà anh mới học được. Không phải Sư Tử Hồng,

món này từ lâu đã là nghề của chàng rồi, mà bây giờ là Hoạt Kê Ngâm. Dùng tài ngân nga hát vịnh để chọc cười người bệnh, đem thơ nhạc ra để đánh thức phần não bộ đã tắt máy, lấy lời đường mật không được thì đem tài hoạt náo ra để dụ khị người nằm trên giường há miệng ra ăn. Trần Hoài Thu là người độc nhất vô nhị trên cõi đời này có khả năng đem mọi điều bất hạnh, buồn phiền, khổ não trên đời ra làm điều gay cấn, thú vị để mà hào hứng bày ra một cuộc mừng chào chúng chơi. Tôi không biết anh lấy từ cõi trời nào một nguồn năng lực tưởng như đến vô tận, lúc nào cũng ăm ắp.

Rồi đưa anh đến nhà bạn bè cũ. Trước tiên bắt buộc phải là Phạm Văn Nhân. Có thêm mấy người quen biết cũ từ ngày xưa ngày xưa. Rồi là nhà Phan Xuân Sinh, có cuộc họp quần hùng đại hội. Rồi tiếc là ngôi chưa hóng gió, rượu chưa ướm cổ là chạy, chạy, chạy. Chạy đến nhà người cháu ở mãi tí tít Pearland đang có buổi gia đình họp mặt mừng cậu quý tử mới ra trường. Chàng viễn thám muốn chơi trò hú tim, không báo cho ai biết chàng đang ở Houston. Đột nhập bất ngờ xem mọi người phản ứng ra sao. Nào ngờ bị tổ trác. Chẳng ai ngạc nhiên, chẳng ai hoan hô, mừng rỡ, vì chẳng ai nhận ra, chẳng ai biết 3 kẻ mới bước vào trong nhà đang đầy người là ai, quen biết với ai, cứ mời ăn mời uống thoải mái như mời...người lạ. Kim Mao Sư Vương phải chặn một ông anh lại. Anh có biết ai đây không ? A ! A ! Sách... Về bao giờ vậy ? Rồi gọi người anh cả đến. Anh trông Sách này. Lạ quá, không nhận ra nó. Rồi 3 anh em ôm nhau tươi cười mừng rỡ. Rồi bày ra ăn cơm hến, uống rượu, đến là vui. Rồi rượu chưa ướm

bao tử lại phải chạy, chạy, chạy. Chạy về Sugarland gặp Thân Trọng Minh từ Việt Nam sang. Trời đã tối sẩm. Đến nhà đã gần nửa đêm. Tôi nhìn hai người bạn nửa thế kỷ xa nhau mới gặp lại ôm chầm lấy nhau như không muốn rời mà vui lây cái vui của họ. Và bây giờ là được thông thả ngồi uống rượu rồi đây. Là được cùng Lữ Kiều Thân Trọng Minh, Thanh Hằng, Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư ngồi uống rượu, nghe nhắc lại chuyện ngày xưa còn trẻ. Nghe Lữ Kiều nói về đam mê hội họa. Mấy năm về trước, lúc chưa gặp mặt, chưa viết cho nhau một lời thăm, anh Minh đã gửi tặng tôi một bức tranh anh vẽ trên nền đen có 3 có cá bơi lòng vòng cạnh con chim đang đứng suy tìm ý nghĩa cuộc đời dưới chữ OM viết bằng tiếng Sanskrit gồm cả quá khứ, hiện tại, tương lai. Hai hôm trước khi anh Thư đến Houston, chúng tôi một nhóm đã gặp nhau ở Medeleine. Có Lữ Quỳnh, Lữ Kiều, Cái Trọng Ty của Quốc Học... đông lắm. Anh Quỳnh hiền như ông Bụt. Gặp một lần là đã gặp từ thiên cổ đến ngàn sau.

Ngày hôm sau tụ họp ở nhà tôi. Đông đủ bạn bè. Cười vui như Tết. Trong bữa cơm tối anh Thư nhắc đến hai chữ “Vàng Khanh” của Cái Trọng Ty. Anh Ty làm thơ có tài ảo thuật biến hóa. Nhiều chữ dùng đến là lạ đời. Anh Trần Bang Thạch đúng là nhà ngôn ngữ hỏi ngay: *Vàng Khanh? Một Nôm một Hán? Vậy là sao? Nghĩa là gì?* Tôi trả lời điều này phải hỏi anh Thư. Anh Thư có dùng hai chữ ấy trong một bài lục bát hay lắm, tôi chỉ nhớ một câu là *Khanh vàng lai láng một dòng vàng khanh*. Hỏi anh Thư anh cũng không nhớ. Tôi ngồi ăn cơm vắt óc cũng không nhớ ra. Bèn chạy lên lầu, lục bài *Đùa Với Lục Bát* tôi

viết cho tập thơ của Trần Hoài Thu. A đây rồi:

Nước lên, trời thổ mật vàng

Nửa lan mây núi

Nửa tràn bãi sông

Trời *thổ* mật vàng? *Mật* của trời? Nghe chua xót
tự tâm can, tỳ vị trào lên men cay đắng.

Nước lên kéo mật trời gần

*Khanh vàng lai láng một giòong vàng
khanh*

Lại nghe như *thổ* lộ cả tấm lòng nhớ thương, tha
thiết, cả một giòong vàng khanh lai láng.

Vàng Khanh. Vàng Khanh. Nửa Nôm nửa Hán.
Nghe sao âu yếm lời quân vương đang gọi giai
nhân sùng ái. *Vàng Khanh, Vàng Khanh* ơi, lòng
ta cùng với con nước thủy triều đang rướn mình
dâng cao, ôm lấy khanh mà chan hoà trong sắc
vàng long lanh, óng ánh.

Hôm sau 4 giờ sáng là đã phải ra phi trường. Hai ngày
ngắn ngủi mà dồn chặt bao nhiêu chuyện, bao nhiêu kỷ
niệm, bao nhiêu điều đã nói, bao nhiêu điều chưa nói,
bao nhiêu món tôi muốn đưa Trần Hoài Thu đi ăn mà
chưa đi được. Cháo cá, bào ngư ngon tuyệt trần đời,
sủi cảo ngon đến mức dám độ với những tiệm ăn ngon
nhất ở phố Tàu San Francisco, đùi bê Osso Bucco có
tủy ngọt lịm cả hồn, linguini đen làm bằng mực của cá
mực, Cá halibut nhồi thịt cua thơm đến chín tầng trời
... Hẹn một ngày vậy.

Tôi đưa Trần Hoài Thu ra phi trường về mấy hôm thì
nhận được thư anh gửi đây nhớ thương. Kèm thêm một

video chàng viễn thám đang ca múa bên chị Y. Anh viết: *THT bây giờ vui lắm. Đónk kịch hay lắm. Và hiện đang là một chuyên gia về tâm thần học.*

Tôi nghe và xem, vừa cười vừa lặng rơi nước mắt. Lòng kiên nhẫn, sức chịu đựng, lòng độ lượng, sức yêu đời của anh đã thăng hoa tình nghĩa vợ chồng. Từ nay tôi xin sửa lại cái biệt danh tôi tặng anh ngày nào. Tôi xin đặt thêm một nét phẩy lên đầu chữ vương 王 thành chữ chủ, hay chúa 主, và bỏ bộ khuyển ra khỏi con sư tử 獅 để còn lại là 師, ông sư, rồi nhân đó vinh danh cho anh thêm một nấc, đặc đạo thành Phật 佛.

Vậy từ nay với tôi, Trần Hoài Thư là Kim Mao Phật Chủ.

Và xin chép tặng anh hai câu trong truyện Quan Âm Thị Kính:

*Chữ rằng nhẫn nại nhiệm hòa
Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu*

Tô Thẩm Huy
Tiết Hạ Chí, Kỷ Hợi

Về Houston **Trần Hoài Thư**

Về Houston lần này mọi sự được êm đẹp ngoài sự tưởng tượng của tôi. Trước hết là tình trạng sức khỏe của Y. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ để tôi quan ngại. Năm ngoái, đã mua vé tàu dành bỏ vì đến gần ngày đi thì Y. phải được đưa vào Emergency và phải nằm trong phòng đặc biệt mất một tuần lễ, mạng sống như sợi chỉ mảnh treo chuông. May mắn thứ hai là con tôi được mấy ngày nghỉ. Nó lái xe từ tiểu bang cạnh qua NJ để thay mặt tôi chăm sóc mẹ.

Như vậy là tôi lên đường như một kẻ ẩn sĩ xuống núi. Buổi sáng tinh sương lạnh lạnh, phi trường ít người, ít xe vì quá sớm, khiến tôi dễ dàng tìm bãi gởi xe rẻ tiền để từ đây xe bus bốc đưa về phi trường. Tôi gởi vali hành lý vì nó quá nặng, quá khó mang theo bên mình. Hành lý chỉ là những tập thơ tôi mới in. Nhất là lần in này, tôi làm bìa có vân nổi trên giấy láng. Nhan tựa của tập thơ mới nhất là *Đá*, lấy từ tựa một bài thơ hiện diện ở trong thi phẩm:

*Em có bao giờ thấy một người nào chắn đạn ?
Em có bao giờ nhìn những khối đá bốc lên
Và những tia lửa hồng tức tối xẹt cuồng điên
khi trăm ngàn đầu đạn đâm vào thân thể đá ?*

*Và bây giờ anh cũng mong được làm phiến đá
Để chai lì với những bọ sủi niềng đau !*



Đó là những gì tôi chỉ có thể có được trong đời sống hiện nay. Bạn bè thương tôi, cảm thông hoàn cảnh của tôi, tôi biết làm sao mà đền đáp. Chỉ có tập thơ này. Nó do chính tự tay tôi làm, từ đầu đến cuối, từ A đến Z. Nó hèn mọn lắm:

*Xin tặng đời, một món quà hèn mọn
Tôi không biết lấy gì đền đáp chỉ thơ
Tôi đang ở tận cùng những mắt mắt tuổi già
Xin rộng lượng để bàn tay tôi khỏi vượt !*

Sau gần bốn giờ bay, tôi đã được thở trong một cõi đất trời khác, thế giới khác. Những ngôi lâu, building, những con đường tấp nập xe cộ đã thay thế những hàng cây xanh, những con nai, hay những ngôi giáo đường ... Người đón tôi ở phi trường là Bùi Huy tức là nhà thơ Tô Thâm Huy. Vẫn là mái tóc bông bông, dù

kỳ này thấy anh mập hơn xưa. Cảm ơn đất trời đã cho tôi có những bạn bè tốt. Và cảm tạ văn chương đã cho đời những tâm hồn đồng điệu. Quen biết là một sợi dây buộc hai người, nhưng với những kẻ mang giòng máu thơ văn, sợi dây ấy càng buộc chặt hơn...

Có phải ?

Tôi nói lên niềm mong mỏi lớn nhất của tôi trong kỳ về Houston này là được đến nhà quán để nhìn nhà thơ Tô Thùy Yên một lần cuối. Tôi muốn cảm ơn anh, dù trong tình trạng bệnh hoạn trầm kha nhưng vẫn còn nhớ đến tôi, tặng tôi thi tập cuối đời của anh. Giòng chữ run rẩy trên trang đầu, chứng tỏ là anh phải rất khó khăn lắm mới cầm bút và viết..

Nhưng Huy cho biết, xác anh TTY chưa được tải về nhà quán vì nhà quán hết chỗ. Phải dời lại một tuần.

Việc dời lại này đã giúp Huy – người mà gia đình xem như là người nhà, và anh TTY xem như là một bào đệ, một người bạn tri kỷ về văn chương- mới được rảnh tay để “take care” toàn phần tôi trong hai ngày ở Houston.

Có lẽ có người cho việc dời ngày tang lễ hay ngày thăm viếng nhà quán chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ. Riêng tôi thì khác. Bởi chính tôi nhận được món quà vô hình vô giá này. Sự giao cảm giữa những thi sĩ thì lạ lùng lắm. Hình như họ bắt được mạch nhau. Đó là cái mạch mà đời thường không thể thấy hay cảm nhận nổi.

Gặp lại bằng hữu

Sau khi ghé nhà Huy để bỏ lại cái vali nặng trĩu *Đá*,

Huy buổi trưa chở tôi đến nhà PVN để dùng cơm. Gặp lại bạn cũ. Gặp lại chị Nh. Gặp lại Tuyên, người mà chúng tôi xem là em gái, vui như chợ Tết. Tôi như thằng bị khóa miệng lâu năm, giờ mới được tự do. Nói cười thả dàn. Và ăn cũng thả dàn. Món gì cũng “double”. Dù rằng chẳng còn một chiếc ! Nhất là món Bánh Canh mà PVN là đầu bếp. Tôi hỏi về cách nấu. Và PVN thì cặn kẻ dạy tôi. Hai phút bỏ trong Microwave. Một phút trung nước sôi...Vẫn chương văn nghệ thi phú giờ này là gia chánh. Nghĩ lại, có lẽ không có một ai có cùng một hoàn cảnh giống nhau - rất giống nhau - như PVN và tôi... Cùng sinh vào tuổi ngựa. Cùng đi lính ở Bình Định. Cùng tốt nghiệp lò “khu Sáu” Qui Nhơn. Cùng lưu lạc ở Nha Trang, Tháp chàm... Cùng chủ trương tờ tạp chí “có một không hai” là TQBT suốt 18 năm nay. Cùng bị bệnh ở chân nên phải chống gậy. Cùng có vợ bị bệnh không thể di chuyển. Và bây giờ cùng trở thành nội tướng nấu ăn bất đắc dĩ. Chỉ có khác là bạn tôi đã trở thành ông cố. Còn tôi thì mới lên chức ông nội.

5 giờ chiều, anh chị Phan Xuân Sinh mở tiệc khoản đãi bạn bè. Có người đến từ VN như nhà thơ Từ Hoài Tấn. Có người mãi tận CA như họa sĩ Nguyễn Đình Thuận. Hay từ NJ là tôi. Hay từ Dallas như anh chị Trần Doãn Nho. Ở địa phương có anh Lương Thu Trung, CTT, PVN, TTH v.v.. Ngoài ra còn có một số bạn khác mà tôi quên mất tên. Tôi mang *Đá* ra tặng. Bởi tôi chỉ có bấy nhiêu đề làm quà cho bạn bè. Như nhà thơ Tô Thùy Yên, dù bệnh nặng, vẫn cố gượng viết vài giòng chữ tặng anh em. Hai người bạn tôi mong đợi là Lữ Quỳnh và Lữ Kiều không có mặt. Lí do: họ không về kịp.

6 giờ chiều, bạn Huy làm tài xế chở tôi và PVN ra ngoại ô Houston để tôi tham dự một party “reunion” mà người tổ chức là cháu gái tôi. Tôi không thông báo việc tôi đến Houston. Tôi muốn cả đại gia đình có mặt phải ngạc nhiên về một ông chú bụi, chú hoang đàng, chú đãng tử, chú bất cần, chú đi lính dử, chú viết văn làm thơ... Tưởng tượng hai ông anh ruột và hai bà chị dâu của tôi sẽ phải ngạc nhiên lắm lắm. Và cả nhà sẽ phải òa vỡ niềm vui đoàn tụ...

Vậy mà khi tôi xuất hiện trước những bàn tiệc đông đảo người, bị bộ huyên thuyên cười nói múa tay múa chân nhưng chẳng ai buồn ngó hay quan tâm. Đến nỗi tôi phải chặn ông anh thứ hai, nhìn ổng và hỏi: Anh biết ai không ?

Trời ơi, tôi đã trở thành một con người khác rồi. 6 năm chăm sóc Y. đã làm tôi thay đổi đến thế sao ? Mỗi ngày phải nuốt vào bao nhiêu muối lệ. Và mỗi ngày cũng phải nhả ra bao nhiêu lệ muối. Mỗi ngày tôi đóng kịch, để trở thành người bạn đồng hành với người loạn trí. Hay là tôi cũng trở thành một lão già điên loạn cũng nên.

Các bạn ở Houston của tôi ơi. Từ lâu tôi chưa bao giờ soi gương, nhưng kỳ về này, tôi đã **được** soi gương để thấy rõ hơn về mình. Tôi vẫn bụi như thời trẻ. Ngay cả chụp hình với nữ họa sĩ Thanh Hằng, áo vẫn không hề cài khuy trọn vẹn !



như tấm hình dưới đây, chụp cách đây 6 năm, khi đưa bà xã viếng chùa cách nhà khoảng 2 tiếng đồng hồ:



*Tuổi trẻ áo banh vào trận mạc
Tuổi già banh áo đẩy xe lăn !
(chụp tại chùa Thái Lan, 2013)*

Nhìn xung quanh ai cũng quần áo chỉnh tề, cung kính.

nhìn mình thấy như một tay du côn, xem chỗ tôn
nghiêm không ra gì. Lại ườn ngực, để người khác chụp
hình mới anh chị chứ !
Không phải thế đâu !

Nếu kết tội thì kết tội cái thói quen.

Cái thói quen từ thời đánh giặc. Trong khi có kẻ gân
cổ xem cái chết tựa lông hồng, nhưng áo giáp thì che
thân, áo bào che ngực, nón sắt che đầu còn ta thì mũ
rùng nhẹ hẫng, không áo giáp che mình, đưa bộ ngực
lép ra mà hứng đầu tên mũi đạn trước hết vì là lính
thăm kích, khi gặp bạn thì mặc bom đội pháo rên, rũ
vào quán tiếp tục banh áo:

Chiến tranh thì vẫn là tranh chiến
Mặc. Kéo nhau vào quán chị Hai
Mặt trời đỏ ối trên vòm xáng
Banh áo. Ngâm bài thơ Cổ Lai

Hóp rượu cay cay chiều nhạt nhạt
Rừng lau trắng bạc dòng kinh xa
Ai ngồi đốt thuốc trên bờ xáng
Hay lính bộ binh quá nhớ nhà?

Cái thói quen banh áo, vì để hứng gió, cũng như vì
ngừa nắng mấy thứ phù vân trên người, muốn trần
trường, muốn kêu gào tự do muôn năm, muốn thơ phải
nóng với rượu để cuộn cuộn chảy trong người...
Không ngờ nó lại nằm trong máu thật, không chịu rời
để bây giờ lại thêm một lần banh áo bên bạn ta, cũng
như trong sân chùa và bây giờ bên cạnh vợ bạn mình
thì chẳng lịch sự chút nào !
Chị TH, xin lỗi chị nhé.

Người tôi được soi gương thứ hai là Lê thị Hoài Niệm mà tôi xem là em gái. LTHN là độc giả của tạp chí TQBT từ số đầu tiên. Nhưng mãi sau 17 năm, tôi mới được cơ duyên gặp mặt. Thú thật tôi rất e dè trước phái nữ khi phải đứng ra ưỡn ngực chụp hình, bởi hầu hết những cô những chị đều tỏ lòng thương hại, hay sụt sùi, hay kêu trời ơi sao anh Thư lại thăm vậy hà ! Nhưng với cô em gái tôi, ví tôi như một tiên ông đạo cốt - 4 chữ mà thật lòng tôi không hề dám nhận bởi xét ra mình quá trần tục - đã làm tôi càng thấy mỗi giao cảm kỳ diệu của những tấm lòng văn chương với nhau. Chúng tôi có cái nhìn khác cái nhìn thường tình. Và cũng vì cái nhìn này nên Houston có một ngày hội ngộ. Từ VN qua. từ CA đến. Từ NJ về. Và những triền miên lai láng tinh thần chảy từ ngày đầu đến ngày cuối. Nó không phải là cái nhìn thương hại, mũi lòng. Dù hôm ấy, LTHN đã không ngừng bỏ vào cart trong một tiệm thực phẩm VN, hết đòn bánh ú này đến gói chả lụa khác, hết hộp bột nấu phở này đến hộp súp khác cho tôi, vì biết là ở chỗ tôi không có tiệm VN mà tôi rất cần để nấu ăn cho Y. Buổi trưa ở Houston nóng kinh khủng, vậy mà tôi cảm thấy mát dịu lạ thường, vì bóng mát tình bằng hữu văn chương đã rợp ngát cả lòng tôi!

Còn nữa. Còn rất nhiều những người bạn quý để tôi phải nhớ mãi trong chuyến đi này. Bùi Huy thì lo cho tôi từng giây từng phút, và can đảm để nghe tôi nói, tôi kể, tôi đọc thơ suốt dọc đường đưa và đón... Lữ Kiều thì ngồi cạnh tôi, vẫn dằng dấp khoan hòa, thỉnh thoảng nói lên một vài ý nghĩ về văn học nghệ thuật và sự trường cửu của nó. Nữ họa sĩ Thanh Hằng cũng vậy. Ít nói. Ít bàn. Chỉ lắng nghe. Chỉ nói với ông xã để

Lữ Kiều cứ tấm tức nhắc nhở hoài một bài thơ trong *Đá*. Và Dung, hiền nội của Bùi Huy cũng vậy. Anh chị PXS đôi bạn không rời, luôn luôn có mặt. Rồi anh Lương Thu Trung, Lê Hoàng Viện, Trần Bang Thạch.. Họ đến. Và chỉ cần cái bắt tay thật chặt. Là đủ.

Tuổi già chỉ cần bấy nhiêu. Phải vậy không ?

Trần Hoài Thư

Trang Chủ Đề

Viết về

Lữ Kiều

Tên thật Thân Trọng Minh

Sinh năm 1943 tại Huế

Bút hiệu khác: Nàng Lai, Cung Nghi, Trầm Tư

Làm thơ viết văn từ năm 1958

Viết kịch từ năm 1966

Vẽ từ 1983

Trong nhóm chủ trương Ý Thức



Lữ Kiều, bạn tôi

người viết: Trần Hoài Thư

Người viết văn không phải là thợ viết văn mà là nhà văn. Bởi viết là một nhu cầu vì tinh thần chứ không phải vì vật chất. Văn chương là một nỗi đam mê chứ không phải là một phải là một cái nghề. Chữ nghĩa có

*linh hồn chứ không phải chữ nghĩa được đếm để tính
xu nhận bút.*

Tôi nghĩ ngay đến Lữ Kiều.



(với LK)

*Thật ít có ai say đắm văn chương nghệ thuật như anh.
Ngày còn học sinh trung học, anh đã chứng tỏ niềm
đam mê này:*

“...Nhớ những buổi chiều mùa hạ ở Huế, như đã hẹn nhau, tôi và Lữ Kiều đạp xe vào thôn Vân Dương. Từ ngôi nhà của bạn có dây leo bờ tường, có vườn hoa hồng xinh xắn, số 66 Lê Lợi, chúng tôi qua Đập Đá lộng gió, rẽ phải theo con đường làng nhỏ hẹp dọc bờ sông. Cuối đường, băng qua vài đồng ruộng vừa gặt xong, chỉ còn trơ chân rạ vàng úa, đến nhà Trần Hữu Ngù. Đôi khi tôi và Lữ Kiều phải chờ bạn từ đồng xa đi về.

Bộ bàn ghế đặt ngay chái hiên nhà đầu tiên đi vào. Ở đây ba chúng tôi đã bàn chuyện đặt tên cho tờ báo, tờ “tạp chí” với nội dung thơ văn, tham luận, cả mục sinh hoạt văn học trong nước! Sau nhiều buổi chiều đi về như thế, tờ báo được chọn tên GIÓ MAI (tiền thân của tạp chí Ý THỨC sau này).

Gió Mai viết tay, đánh máy. Bìa nghiêm túc, đẹp mắt. Đóng xén cẩn thận. Ra định kỳ 2 tháng, tuy phổ biến hạn hẹp, nhưng tờ báo được chuyển tay nhiều người. Được góp ý, được khích lệ. Thời gian không lâu sau, Gió Mai thêm sự cộng tác của Nguyên Minh, Châu Văn Thuận, Hồ Thủy Giũ, Nguyễn mậu Hưng, Hồ Nguyên Hân.”

(Lữ Quỳnh - Những kỷ niệm một thời Ý Thức)

Theo nhà văn Nguyên Minh, đó là vào khoảng năm 1957, lúc LK mới 15 tuổi. Và trong thời gian này, Lữ Kiều cũng đã xuất bản tập thơ mang tên là U Hoài. Sự ràng buộc về văn nghệ thật dễ thương làm sao:

“...Hàng tháng ra một số báo, bài vở tác giả tự viết tay, tập trung lại đóng thành một tập duy nhất, rồi truyền tay nhau mà đọc. Thỉnh thoảng ra một vài tập thơ của từng tác giả như U Hoài thơ của Lữ Kiều, Thác Loạn của Lữ Quỳnh, Những Người Cùng Đi tuyển tập thơ của nhiều tác giả. Tuyển tập thơ văn Gió Mai, in ronéo. Hết bậc trung học ở trường Quốc Học, anh em bắt đầu tản mác. Lữ Kiều, Nguyên Thanh vào Sài Gòn học Y Khoa...”

Chúng ta cứ tưởng chương trình học hành thi cử quá nặng của trường thuốc đã làm ngăn cuộc hành trình văn chương của anh, nhưng không ! Anh vẫn tiếp tục

viết văn làm thơ. Thơ văn anh xuất hiện trên nguyệt san Tình Thương dưới bút hiệu Nàng Lai:

*Cùng một lượt bao nhiêu bè bạn cũ
Đêm đêm ngồi nhớ từng mặt anh em
Trên mướt đất xanh hồn ca dao Việt
Tay ta buồn cầm lấy số phận đen...*

(Nàng Lai - Niềm quê hương, Tình Thương số 2 Xuân Giáp Thìn 1964)

Một truyện ngắn khác được đi trên Tình Thương số 6 tháng 6-1964 mang tên “ Trên đời là lô cốt”, kí tên Nàng Lai. Truyện ngắn này được anh in lại trong tập truyện mang cùng tên vào năm 2006, Thư Ấn Quán xuất bản.

Sự dành trân trọng ưu ái của anh cho một sáng tác cũ, rất cũ, không phải là không có lí do. Trong khi với Mai Thảo: sáng tác đầu đời **chỉ là những cái hồng, những cái yếu (1)** còn anh thì khác. “*Viết là một cách chia xẻ. Đâu chỉ là chia xẻ chữ nghĩa, trong đó còn có quả tim tội nghiệp, cái đầu thao thức, những cơn mê sáng của lý trí, những tuyệt vọng khốc liệt của từng đêm thâu...*”

(Lữ Kiều - Tự tình với nhóm Ý Thức)

Sau khi tốt nghiệp Y Khoa anh bị trưng tập và được đổi về phục vụ tại một đơn vị quân y ở Phú Quốc sau đó lên phục vụ ở Đà Lạt (Trường võ bị ?). Đó là thời gian anh viết hăng say hơn hết. Phần lớn anh chuyên tâm vào viết kịch.

Đặc biệt hai vở kịch được bạn bè nhắc nhở rất nhiều. Đó là *Kẻ Phá Cầu* (1969) và *Con sâu trong mắt* (1973).

Kẻ Phá Cầu được viết sau biến cố năm Mậu Thân và được phổ biến trên tạp chí *Ý Thức* vào năm 1969 mà tòa soạn "lưu động theo chân người viết" (có nghĩa là tòa soạn không có chỗ nhất định, bởi những người chủ trương hầu hết mang bộ đồng phục tứ tán khắp nơi). Chúng ta sẽ thấy những nhân vật đại diện cho từng thành phần và giai cấp. Từ trí thức, hay kẻ không học. Từ bên này hay bên kia hàng ngũ. Thương binh, phụ nữ, bà cụ, thanh niên... Từ hữu khuynh đến tả khuynh. Tất cả tình cờ tụ họp và gặp nhau vào một đêm trong một căn nhà không phải do **chính họ chọn mà lịch sử đã thay họ chọn dùm cho họ.**

Vở kịch dù không bao giờ được diễn nhưng được đón nhận rất nồng nhiệt trong vòng bằng hữu, và được giữ gìn đến ngày hôm nay. Tôi rất tâm đắc với những nhận định của nhà văn Mang Viên Long:

“Thời điểm ấy, *Kẻ Phá Cầu* là “vở bi kịch” đầu tiên đã đề cập đến “một màn/một cảnh” của biến cố Mậu Thân 1968 một cách sâu sắc, trung thực, hàm súc bao điều mà hầu hết giới trẻ đang trăn trở! Có thể nói đây là “vở kịch” tiêu biểu của muôn ngàn vở kịch đã và đang “diễn ra” trong cuộc chiến bi thảm, lặng thầm và khốc liệt, mà tất cả đang phải gánh chịu!”

(Mang Viên Long: *Những vở kịch đời* được đưa vào trang viết của *Lữ Kiều*, đăng trong số này)

Riêng vở kịch *Con sâu trong mắt*, lấy bối cảnh từ trại tù CS ở Phú Quốc.

Lần này không phải là lịch sử thay họ chọn dùm mà chính là Đảng thay họ chọn dùm, để bên trong hàng rào dây kẽm gai của trại tù, đêm đêm có những phiên tòa bí mật được lập ra để xử tội kẻ mà Đảng cho là phản động, tiết lộ tin tức về âm mưu vượt ngục của 500 tù binh VC.

“Vây là xong. Kỹ sư Trần Văn Quyết đã chết. (một lát). Tôi biết anh vô tội, nhưng tôi phải giết anh. Người ta cần kẻ phản bội, và họ chọn anh. Lỗi tại anh đó, lỗi tại trái tim anh. Anh Năm và anh đều cá mè một lứa. Trái tim. Trái tim. Trái tim là cái thứ gì? Đúng là giọng lưỡi của bọn lãng mạn”.

Hai vở kịch ra đời đã gây một xúc động rất lớn trong anh em chúng tôi bấy giờ. Chúng càng chứng tỏ tài năng của Lữ Kiều. Chẳng những thơ, văn mà còn kịch. Anh viết rất ít, nhưng suy nghĩ rất nhiều. Và rất thận trọng ở ngòi bút của anh.

Điều này (sự suy nghĩ) được chứng tỏ qua truyện *Vác gỗ rừng sâu* viết vào năm 1983, được phổ biến rất giới hạn trong vòng thân hữu. Một truyện thật buồn thảm. Bởi những nhân vật miệng thì cam mà đầu thì nổ búng:

“...Bạn chàng – người kỹ sư – nằm dài giữa xác lá mục rữa, gổ đầu lên...Giờ đây, ông nằm giữa rừng này, khuôn mặt quá đổi trí thức làm chàng se lòng. Những dấu ấn của tư tưởng như hằn sâu trên từng đường nét của khuôn mặt người kỹ sư. Tuần trước, trong buổi đi chặt tre rừng về làm phân, ông đã té từ trên ngọn cao xuống. Anh em phải kiêng ông về. Quần áo tả tơi, da

thịt rách nát, khi tỉnh dậy ông không nói một lời nào. Ông lù đù câm lặng suốt ba ngày liền. Sau này, khi chàng hỏi tại sao ông câm lặng như vậy (có phải là một tổn thương tâm trí do chấn thương?), ông trả lời “Tôi suy nghĩ”.

Ông suy nghĩ. Ông suy nghĩ điều gì vậy? Cũng như chàng, chàng suy nghĩ điều gì vậy? Cái gì vẫn thức chàng dậy giữa đêm khuya, trở mình trên mảnh ván kê lưng, trong tiếng ú ớ mê sảng chung quanh của những người bạn cùng số phận? Chàng suy nghĩ điều gì vậy? Những ý tưởng bập bênh như từng mảnh thuyền vỡ tan trôi lênh bênh trong trí nhớ. Đôi khi chàng phải quờ quạng hai tay trong đêm, níu chặt lấy bất kể cái gì bắt gặp – một mảnh chăn, một sợi dây, một cái lon – tưởng như níu lại cái thực tế hiện sinh, ngăn lại sự suy nghĩ nghiệt ngã của trí óc.”

(Vác gỗ rừng sâu trong tập truyện Trên đồi là lô cốt)

Tháng 9 năm 2001 anh gọi tôi cho biết là anh đến Mỹ, hiện ở tại Virginia. Anh dự trù sẽ lên NJ thăm tôi. Nhưng chuyến đi phải hủy vì biến cố 911.

Cuối tháng 5 năm 2019, PVN cho hay là Lữ Kiều và Lữ Quỳnh đến Houston để tham dự ngày họp mặt cựu học sinh Quốc Học và rủ tôi qua chơi. Tôi nói là tôi muốn lắm, nhưng còn tùy thuộc vào sức khỏe của Y. Nếu đi không được thì bạn tôi sẽ bay lên NJ thăm tôi và Y.

Và mọi sự đều tốt đẹp. Tôi lên đường. Một sự lên đường tự nguyện chứ không phải do lịch sử chọn dùm như ngày xưa. Một sự lên đường đi tìm cái bóng đã mất. Đêm cuối tháng 5, 10 giờ khuya, Bùi Huy mang tôi đến nhà anh Tôn Thất Hoa, nơi anh chị LK tạm trú. Hai đứa ôm xiết nhau mà lòng bật rung rung. Vì tôi

thấy anh ôm rất chặt tôi như ngạt thở. Không biết hai tay kia còn như thời trẻ hay vì anh dồn tất cả tình thân cho một người bạn cũ?

Gặp bạn cũ. Tha hồ nói. Chẳng lẽ câm à. Câu chuyện vẫn là văn nghệ văn chương, chứ không dính dáng gì đến chuyện đời thường... Nói mà không biết mệt. Cười mà không biết ngưng. Không cần biết bạn là một bác sĩ có một điền trang mênh mông. Hay tôi là một lão già tận mạt ngát ngư mà chỗ “hường già” là một căn phòng ở nursing home với một người vợ bị đình định mệnh đóng phập vào tay chân và cả não bộ. Chiếc bàn tròn, có Thanh Hằng có Tô Thẩm Huy, có Phạm văn Nhân, có Lữ Kiều, THT. Như một gia đình. Vui nhất là nói được người nghe. Cười có người cười lại. Chỉ có một người khá nghiêm như giám khảo. Đó là nữ họa sĩ Thanh Hằng. Nhưng mà không sao. Chị biết rõ hơn ai về tính tình của mấy ông văn thi sĩ này quá rồi. Mấy mươi năm không thấy nhau, giờ gặp lại để cho bọn này sống lại một thời tuổi trẻ chứ.

Bạn tôi hỏi tôi về nhân vật chánh trong Đêm Mơ của tôi. Anh nghĩ là thật. Tôi quả quyết là không. Đó chỉ là hư cấu. Tôi nhìn cô bạn học người Tàu mà tưởng tượng là người Việt Nam. Tôi nhìn qua bên kia sông Hudson từ cửa lớp học mà ước một đêm mơ. Mơ thì có bao giờ thật đâu.

Nhưng mà có khi mơ là thật. Tự nhiên có hai thằng bạn không thấy mặt nhau cả nửa thế kỷ, nghĩ là sẽ không bao giờ gặp lại nhau, thế mà lại gặp nhau tại xứ Mỹ ngàn trùng, và tiếp tục nói chuyện văn chương.

Vậy là mơ hay thật ?

(1) Mai Thảo - *Nhìn lại một đoạn đường*. TQBT số 68

Tô Thẩm Huy

Lữ Kiều, Giòng Suối Dịu Dàng Hơn Tình Yêu, Dữ Dội Như Định Mệnh

*Bởi vì tình yêu mạnh như cái chết
Và ghen tương quyết liệt tựa nắm mồ
Songs of Solomon*

Mời nghe đối thoại của hai nhân vật trong kịch của Lữ Kiều:

- *Tôi hiểu thấm thía một thứ tình cảm mạnh hơn tình yêu.*
- *Là gì ?*
- *Hận thù.*

“Tôi” là kẻ đã lên núi, đã trở về, và đã nhất quyết sẽ phá cầu.

Cầu nào? Tác giả không nói ra, nhưng ai cũng đoán biết. Hãy nghe nhân vật của ông nói:

- *Nhà tôi ở đầu cầu, tôi đã lớn lên bên bên sông ấy, xuống tắm dưới chân cầu kia. Nhưng tôi tình nguyện phá, vì không thể làm khác. Chúng ta là những kẻ bất hạnh. Cầu đã mù nên chẳng trông thấy hòa bình. Còn tôi thì không sống đến ngày ấy*
- *Trung, tại sao?*
- *Phá cầu tôi đau đớn lắm. Tôi vẫn là bạn cầu,*

Miên hãy nhớ như thế. Dù là hận thù, dù là tình ái, thì cũng chỉ là tình cảm.

Miên và Trung là hai người bạn từ thuở ấu thơ. Trong đời nhau đã bao lần cùng chạy nhảy nô đùa, bơi lội dưới giong sông ấy. Miên đi lính bên này, rồi giải ngũ vì bị mù mắt. Trung lên núi theo bên kia, rồi trở về đặt mìn phá cầu. Việc phá cầu ấy đáng trách hay không đáng trách, đúng hay sai, hẳn đó không phải là điều cần nói ra ở đây. Cả cái tình tiết của cốt truyện, tuy là sườn của vở kịch, cũng nên thụt lui ra đằng sau. Nhưng chỗ cho cái bi kịch là sự mâu thuẫn oái ăm, không phải cái mâu thuẫn đến từ hai thể đứng đối ngược nhau của Miên và Trung, mà là sự mâu thuẫn nằm chình ình giữa tâm hồn Trung. Đã có ai yêu thương cây cầu ấy hơn Trung. Nhưng Trung vẫn phải phá sập nó *vì không thể làm khác*. Tại sao thế ? Dù *đau đớn lắm* Trung vẫn phải phá cầu, bởi vì tình yêu, dù là *hận thù, dù là tình ái, thì cũng chỉ là tình cảm*. Cái bi kịch của Trung là ở chỗ ấy. Rằng cái biên giới giữa *hận thù* và *tình ái* tự bao giờ đã bị Trung bôi xóa mất. Bao đó là niềm chán chường đến tuyệt vọng, hay lòng hăng say đến quyết liệt, hay sự cay nghiệt của định mệnh, hay sự vô nghĩa đến lạnh lùng của mọi việc trên đời, có khác gì nhau không ? *Chúng ta là những kẻ bất hạnh*. Ví thử nếu không có chiến tranh, liệu Trung có thoát ra khỏi cái bi kịch ấy ? Liệu Trung vẫn có thể tìm được lý do nào khác để gài mìn, rồi ở lại để cùng cây cầu nổ tan thân xác ? Tại sao Mizoguchi đã đốt Kim Các Tự ? Điều gì đã xô đẩy Trung đến cái mép rìa bi kịch của thân phận con người ? Tôi không biết, nhưng tôi tin lời Trung nói là Trung sẽ *bất hòa với đời mình* nếu không giật mìn để phá cầu. Tôi như nghe thấy trong lời kịch những buổi chiều vàng đẹp

đến muốn tự sát vì một tình yêu nào đó đã tức tưởi chết từ những ngày thơ ấu. Những ngày khi Miên và Trung cùng thắm trong nắng vàng lúc mặt trời dần khuất, cùng say mê hát: *Người yêu dấu ngàn đời thấu chẳng, anh bước ra đi luyến tiếc hoài, đời còn có em nay là thôi.* Tại sao khi sắp sửa dần thân vào cõi chết Trung lại cảm thấy sung sướng khi gặp lại Kim, chị của Miên ? Có hay không một thứ tình cảm âm thầm đã nhen nhúm trong lòng Trung mà mãi mãi không được tỏ lộ. Liệu điều gì sẽ xảy ra nếu hình ảnh vàng ngọc của Kim Các Tự trong đầu Mizoguchi đã không làm anh bị bất lực khi đang ôm ấp người bạn gái ? Liệu Miên có mãi mãi là kẻ mù lòa ? Liệu Miên rồi sẽ tha thứ cho Trung ?

Vẫn tức là người. Điều ấy có khi đúng, có khi sai. Có khi vừa đúng, vừa sai.

Tháng trước tôi được thêm hai người bạn. Thiền sư Phạm Văn Nhân giới thiệu cho tôi hai người bạn lâu năm của anh, hai ông họ Lữ vốn tự xưa là đồng du hiệp thiếu: Lữ Quỳnh và Lữ Kiều.



(Lữ Kiều, Lữ Quỳnh ngày hội ngộ)

Rồi hỏi: *Thấy hai người bạn già của tôi ra sao?*

Tôi trả lời: *Mỗi người một vẻ.* Lữ Quỳnh thâm trầm, nói nhiều bằng khuôn mặt. To và nặng như núi. *A mountain never moves.* Lữ Kiều tươi cười, ầm ập trong lời nói. Trong và vui như giòng suối. *A spring adores its banks.*

Thật không có nhận định nào sai lầm hơn. Ai mà có thể ngờ là ẩn sau tiếng cười róc rách của dòng suối ngọt ngào ấy lại là dập dồn thác ghềnh tuôn chảy, là cuộn cuộn cuồng lưu, là tung bừng sóng nước. Đọc văn Lữ Kiều là bị đẩy vào cõi lung linh giữa hư và thực, giữa hồn nhiên và lý sự, giữa cao thượng và ích kỷ, giữa ham muốn và thánh thiện, giữa ý thức sáng suốt và mơ mộng lãng mạn, giữa xung đột và dấn vật, tất cả trộn lẫn với nhau, đọc lên cứ như là say rượu. Lữ Kiều của tập kịch *Kẻ Phá Cầu*, của tập truyện *Trên Đồi Là Lô Cốt*, là Lữ Kiều hai mươi tuổi của những ngày chiến tranh bom đạn. Là những đau đớn đến tàn nhẫn, những băn khoăn đầy ý thức của kẻ sĩ trong một đất nước nhiều nhương, bên cạnh những rung động rạo rực của thèm khát yêu đương, có khi là thơ ngây, đại khờ, của một tâm hồn còn trong trắng, khao khát đi tìm cái đẹp ở trên đời. Vì thế họ gần gũi với chúng ta. Vì thế chúng ta vẫn có thể yêu Trung. Vì thế ta thấy mình băng khuâng tự hỏi liệu Hiền có bao giờ đã cảm thấy sự rung động dạt dào trong lòng người em chồng những ngày nàng còn con gái, khi Cung đem thư của anh mình đến cho nàng ? Và Nhị, ai trong chúng ta đã từng đối diện với tình cảm của một người yêu mình mà mình không muốn người ấy ? Có khổ không ?

Vì thế đọc văn Lữ Kiều ta có thể yêu anh thân thiết

nghĩa yêu một người bạn đã cùng mình chơi đùa, chạy nhảy từ những ngày lên năm, lên bảy, dù rằng ở trần gian này có thể anh có ít nhiều thâm niên công vụ hơn ta. Ai cũng chẳng đã một thời là hai mươi tuổi những ngày chiến tranh khói lửa. Mà có cần phải sống cùng một thời mới thông hiểu nhau không ? Nguyễn Du chẳng đã hai trăm mấy chục năm ư ? Tô Đông Pha thì cũng đã hơn nghìn năm rồi ? Sao vẫn thân thiết là thế ! Tôi đọc Lữ Kiều thấy anh gần gũi như hòn đá trước hiên nhà. *Môn tiền cổ kiệt ngọa tà dương, Duyệt thế như lưu sự khả thương*. Hòn đá cổ nằm dưới nắng tà, đang cùng ta nhìn cuộc đời trôi qua mà ngậm ngùi giọt lệ, cùng nhớ lại một thời âu lo chiến tranh, băn khoăn thân phận giống nòi. Cùng nhìn ra, thấy trái đất này nó đang quay. Ai ơi, kìa trái đất này nó đang quay.

Văn Lữ Kiều ngồi lên ánh sáng, âm vang tiếng gọi phải tiếp ứng nhau. Phải làm sao tiếp ứng với những đóm lửa đang le lói cháy một mình, như lời nhắc nhở của St. Exupery. Và vì thế Lữ Kiều là đáng yêu, là ấm áp, là thao thức, là mang lại cho chúng ta sự tin tưởng ở nhau, là làm chúng ta muốn xích lại gần bên nhau hơn. *You are forever responsible for what you have tamed*. Tôi tin là Trung đã được Kim thuần hóa. Vì thế, giữa những sắt máu của tín điều quyết liệt, Trung vẫn là kẻ đáng yêu. Và nhờ thế, tôi vẫn có thể giữ được lòng tin tưởng rằng những kẻ ôm bom tự sát hôm nay không phải là những kẻ đã đánh mất lương tri.

Và nhờ thế, tôi giữ được niềm tin rằng sự thật có thể cứu rỗi chúng ta. Cuối cùng rồi, thiện sẽ thắng cái ác. Đây chẳng phải là niềm hạnh phúc lớn lao sao ?

Tô Thẩm Huy

Houston, Lễ Độc Lập 2019, Tiết Hạ Chí, Kỷ Hợi

Đỗ Hồng Ngọc
Tôi cũng tin vậy...

LỮ KIỀU THỬ BÚT

chàng nho sinh dưới gốc tùng



Hơn bốn mươi năm cầm bút, chàng “nho sinh” kia vẫn chỉ có mỗi một việc để làm , miệt mài, không mệt mỏi, ấy là **thử bút**. Chàng nắn nót, nâng niu, đưa ngọn bút lông lên ngang tầm mắt, ngắm nghía từng sợi nhỏ, xoay tới xoay lui đôi ba bận một cách thuần thực mà ngập ngừng, rồi thè lưỡi liếm nhanh mấy cái như vót cho các sợi lông bút quấn quít vào nhau, cho nhọn

hoắc lại như gom nội lực vào nhất điểm; rồi thận trọng, nhẹ nhàng chàng nhúng bút sâu vào nghiêng mực đã mài sẵn, ngập đến tận cán, rút nhanh ra rồi chắt vào thành nghiêng, ần ần xoay xoay lúc nặng lúc nhẹ cho mực tủa ra nức nở, ào ạt rồi thưa dần, đến lúc sắc nhọn vừa ý, chàng phết nhẹ một nét lên tờ giấy đợi chờ, như để đo độ đậm nhạt, hít một luồng chân khí, định thần, lim dim, phóng bút...Chàng “nho sinh” mỉm cười khoái trá, trút đi gánh nặng ngàn cân, kiệt sức, nhanh tay nhúng bút vào lọ nước trong... Những giọt mực thừa rơi lả tả...

Thử bút, không phải tùy bút, không phải tản mạn, không phải tạp văn... Nó ủa ra, nó tủa ra, nó lan ra, có lúc tòe loe, có khi hụt hẫng, những cảm hứng, những ngẫu hứng, những xúc động bất chợt, như không kèm chế được..

Bạn tôi, *Lữ Kiều* Thân Trọng Minh, con mắt thầy thuốc dẫn đo, cái hồn thi sĩ mang mang, trái tim hiền triết đông phương. Tuổi đôi mươi tự vẫn văn chương, số phận, ý nghĩa đời người...Rồi “xuôi dòng” với bao bờ bến lạ. Có những phút tưởng thoát ra được. Dấn xé, hoang mang. Cuối cùng là đầu hàng. Chàng vẫn là kẻ chỉ sống với cảm tính, viết với cảm tính, nếu có nhận ra một điều gì đó như là một khẳng định thì ấy chính là “*chỉ có văn nghệ là vượt thoát, là giúp con người tử tế với nhau*”. Chàng thổ lộ.

Thuở đôi mươi chữ nghĩa đã mê hoặc tôi.

... cho đến khi hiểu ra, cuộc sống vẫn hồn nhiên trôi đi, ta cũng trôi đi

... chúng tôi không còn trẻ, quỹ thời gian của đời người đang hồi vét cạn (2001)

:Khi nói về thơ, thứ mê hoặc hơn tất cả những mê hoặc, chàng cũng đã nhận ra của hôm nay và ngày

tháng cũ:

Thơ bây giờ là bài ca mê muội của lòng say đắm, có cái thất thanh của tiếng vỗ thủy tinh nhưng cũng đâu đó đã có cái bồi hồi im lặng của giới hạn.

... những điều tưởng như rất cũ xưa kia, giờ đây đã khác. Đã có sự giả hình, lòng khinh bạc, có cả sự thù hận lẫn trong tình thương yêu...

Những cuộc chia tay, những lần phụ tình, thấy lòng nghèo đi những xúc động cũ. Mới hoảng hốt thương mình đã sống quá xa đường hẹn ước...

Chàng không viết “những lần tình phụ” mà viết “những lần phụ tình” Tôi thích cái cách viết của bạn tôi, khẳng khái, của một tâm hồn hào hoa mà nhân bản. Nhưng điều đáng cay động lại trong chúng tôi chính là “thấy lòng nghèo đi những xúc động cũ...hoảng hốt thương mình đã sống quá xa đường hẹn ước.”

Bởi đã có một thời chàng hùng hồn như đứng giữa đời mà hét: *Con đế mèn có thể hát để mà hát nhưng tôi không thể viết để mà viết.* Đó là những phút rời bỏ viễn mơ, thấy con đường trách nhiệm của người trí thức, thấy cần thiết một dân thân.

Phải, nhưng rồi chàng đành thú thật: *Đời sống trở nên đầy ắp dần co. Sự dàn co giữa hai người trong một tấm thân làm ta kiệt quệ!*

Đó chính là sự dần xé giữa lý trí và cảm xúc để cuối cùng chỉ còn “chừa lại một sợi khói phù du”. Vâng, chính là sợi khói phù du đó mà ta “ưng tác như thị quán!”.

Đọc Lữ Kiều, thấy có những lúc ngọn bút của anh như những nhát dao phẫu thuật, sắc cạnh và chính xác; lại có những lúc như những nhát cọ mom man, đâm đuổi...

Tôi thương bạn như thương chính mình, cùng những

anh em bạn bè mình một thuở khôn nguôi. Chàng như vùng vẫy giữa trùng vây của *ngã nhân chúng sanh thọ giả*, để rồi hốt hoảng nhận ra mình đang cheo leo: “*Tôi vẫn thường ngồi thâu đêm, suy nghĩ và không suy nghĩ. Thời gian qua đi, tôi chiêm nghiệm được thời gian trên từng phân vuông da thịt, bởi khi người ta già, ta nhạy cảm với cái chết của từng tế bào trong cơ thể, vô hình nhưng có thật*”.

Đó là những lúc bạn bè về trong trí nhớ, và đôi mắt nhưng ai kia đã từng dòng lệ nhỏ, một chiều cuối năm hun hút nơi đầu hẻm cụt phố phường:

Bạn cũ gọi về trong trí nhớ

Lá vẫn bay và ta cuối năm

Đôi mắt nhưng đen hàng lệ nhỏ

Thì thôi lá chọn đất ân cần.

Bạn cũ. Đất. Ân cần. Đó là tất cả những gì còn lại trong người đàn ông 60 chiều cuối năm.(2003).

Đọc Lữ Kiều, thương một thân phận. Cảm được cái chán chường, cái đắng cay lạ lùng không nói hết, không nói được. Tôi rung rức nhớ hình ảnh buổi chiều, anh ngồi bên tôi ở một quán riêng. Để ánh sáng hắt từ phía sau lưng mình, không như lệ thường, chàng buồn bã nói với tôi về chiếc lá bàng đỏ hun hút cuối hành lang của một phòng thí nghiệm, ở đó, một người bạn chung của chúng tôi là bác sĩ “anapath” mỉm cười cùng chàng mà ánh mắt vời vợi xa xăm.

Với tôi, dầu thế nào tôi cũng hiểu và thương bạn hơn bao giờ hết: *Khi tác phẩm đã hình thành, mây tan, hồn tôi khánh kiệt*. Bạn viết. Sự khánh kiệt nào cũng dễ thương, như một buồng xả. Bởi buồng xả nào mà không khánh kiệt, phải không?

Tôi có một thói xấu là mỗi khi soạn chồng sách cũ, giờ lại những tờ thư xưa, những tấm ảnh hoen màu lại bản

thần rã rượi, bị chìm đắm cuốn hút vào bao nhiêu kỷ niệm lúc nào không hay, quên cả thờ chánh niệm! Đọc bản thảo THỦ BÚT của bạn, nhớ lời bạn dặn viết gấp mấy dòng mà đắm và sợ. Như ngọn lửa ngùn trong một gốc cây to, chỉ cần thổi vài hơi là đủ bùng cháy. Bụi nhùi đâu mà sẵn sàng đến vậy?

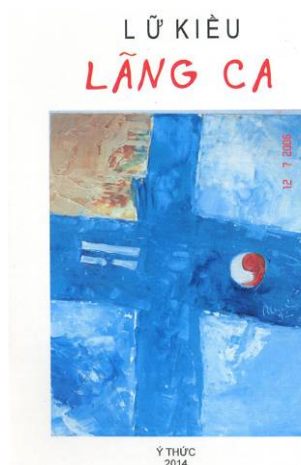
Rồi bỗng lóe lên một niềm hy vọng mong manh khi bạn tôi viết:

.Tìm trong kinh Dịch, bèn đắc ý với một hào dương dưới những hào âm, quẻ Phục đó!

Tôi cũng tin vậy.

(ĐHN)

“Bỏ lại diện mục”
Đôi dòng cho tập LẶNG CẢ của Lữ Kiều
● Đỗ Nghê



Viết về tập thơ “đầu tay” của một người bạn thiết đã ngoài tuổi bảy mươi ư? Chẳng khác nào viết về mối tình đầu của một người ngoài chín mươi tuổi! Chỉ có Trời mới biết! Mà Trời có nói gì đâu! Lặng thình thoi. Lặng thình như niệm này vừa dứt mà niệm kia chưa sanh, giữa khoảng trống không mênh mông đó là cõi *vô niệm*. Đó cũng là cõi lặng giữa hai tiếng đập của tim, tâm thu và tâm trương, khi chưa loạn nhịp. Đó cũng là cõi lặng giữa hai hơi thở, hơi thở vào *Ana* và hơi thở ra *Apana*: “con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh...” – *Anapanasati* – mà tôi gọi là “*Pranasati*”... cho dễ nhớ trong thiền tập. Ở đó, phải ở đó, ta có thể nhận ra *bỏ lại diện mục* của chính mình.

Còn “bỏ lại diện mục” của bạn tôi, Lữ Kiều Thân Trọng Minh ư? Có khi tưởng anh là một bác sĩ tim mạch, thường lắng nghe tiếng lặng của tim người; có khi tưởng anh là một họa sĩ, thường bày biện nơi này nơi khác; có khi tưởng anh là người viết kịch, đóng kịch với những ngôn từ cay đắng, ngọt ngào, chanh chua, khinh bạc... Cho nên nói về anh không dễ, dù chúng tôi là bè bạn thân thiết của nhau đã hơn nửa thế kỷ dưới mái trường y khoa và trong cũi “văn chương”. Nhưng hôm nay, ngoài tuổi bảy mươi, chàng bỗng dung gom góp những bài thơ một thuở như “*chút nắng vàng giờ đây cũng vội*” (TCS) để sẽ chia cùng bè bạn anh em. Tôi biết viết gì đây khi chàng bảo hãy viết đôi dòng cho một tập thơ !...

Thân Trọng Minh làm thơ rất sớm. Những bài thơ tình đầu tình cuối như bao nhiêu bạn bè trang lứa, bên bờ dòng Hương ngát xanh, nơi người ta chẳng thể chẳng làm thơ, nơi có *đường phượng bay mù không lối vào* (*), có *người áo tím qua cầu tà áo tím phai màu* ... (**). Và tôi, may mắn được đọc thơ chàng từ những ngày xa xưa đó.

Vậy mà, thật tình, với tôi chỉ còn đọng lại mỗi ba bài thôi. Ba bài là đủ cho một thi sĩ!

Hãy thử đọc đi. “**Người bạn gái vùng giới tuyến**” là một. Đó là một bài thơ, chàng cho tôi xem đúng nửa thế kỷ trước, dưới mái trường Y khoa Saigon, 28 Trần Quý Cáp. Chiều đó sau giờ học, chúng tôi ngồi ở bệ gạch trước sân ngắm những tà áo qua lại như thường lệ, chàng nhẹ nhàng đưa bài thơ. Tôi đọc và thấy mình muốn khóc. Chẳng có gì là thơ cả đâu! Chỉ là một câu chuyện kể về một cô giáo ở vùng giới tuyến ngày đó. Chuyện kể về một người con gái. Nhưng, vậy mà

không phải vậy. Hãy đọc đi trong tập thơ này.

Chàng không làm thơ đâu! Không có ý định làm thơ đâu! Chàng chỉ kêu tiếng kêu từ cõi lòng tức tưởi, từ nỗi cay đắng xót xa, từ những phận người, trên một đất nước giữa thời nhiễu nhương!

Chàng chỉ “thật thà kể chuyện”. Vậy thôi. Mà, bây giờ, nửa thế kỷ đã qua, khi đọc lại, tôi vẫn còn thấy mình muốn khóc. Sau này, khi chàng vùi mình vào với màu với cọ, bạc đầu với chữ nghĩa ngôn từ – như một lãng quên – đã là một Lữ Kiều khác.

Bài thơ thứ hai, **Tự thán**, là những ngày lửa đỏ của chúng tôi ở trường y, những buổi xuống đường, những ngày bãi khóa, không khí ngột ngạt oi bức lạ lùng của những năm 65, lúc tôi viết những bài thơ Thư cho bé sơ sinh, Lời Ru, Tâm sự Lạc Long Quân, Cổ tích về ngôn ngữ...

Hãy thử đọc đi.

Giờ không còn bè bạn

Ta một mình nơi đây

Đưa tay mà vuốt mặt

Mỗi ngày một lạ thêm...

Những tưởng mình anh hùng

Ôm bom vào giữa trận

Thương thay ta hèn hạ

Ôm mặt khóc thương thân

Hỡi ơi đời đã nặng

Ta ngã đầu được chăng?

Lữ Kiều,

(1965)

Và rồi ở tuổi 60, một buổi sáng trong quán cà phê vắng,

chàng ngồi né vào một góc khuất, che đi chút ánh nắng phả lên mặt, nhẹ nhàng nói về những chiếc lá bàng vàng úa lắt lay trong bệnh viện Nhi đồng, nơi chàng vừa nhận kết quả Anapath từ một người bạn...

Vẫn là một sự im lặng giữa hai chúng tôi. Không ai cần nói với ai điều gì. Đây là bài thơ thứ ba:

Những chiếc lá cuối năm:

*Lòng hư vô mà chiều cuối năm
Chân đi theo bóng lá rơi vàng
Ôi gió đời ta sao chẳng lặn
Vẫn ngửa nghiêng hoài chiếc lá khô*

*Một xác phàm thôi sao nặng quá
Nặng cả hai vai, một cuộc đời
Muốn gánh giùm em niềm tuyệt vọng
Nhưng vết thương không chia được cho người.*

*Bạn cũ gọi về trong trí nhớ
Lá vẫn bay và ta cuối năm
Đôi mắt nhưng đen, hàng lệ nhỏ
Thì thôi, lá chọn đất ân cần.*

Lữ Kiều
(2003)

Tôi nói bạn tôi chỉ có mỗi ba bài thơ là vậy đó! Ba bài thơ đọng lại trong tôi, và với tôi, cũng đủ cho một thi sĩ.

Bởi ở đó, ta thấy được « bỏn lai diện mục » của chàng !

Đỗ Nghệ

(*) Trịnh Công Sơn, (**) Hoàng Nguyên

HUYỀN CHIÊU CÀO LÁ SÂN VƯỜN

Lần này trở lại , con dốc như có vẻ cao hơn.
Chầm chậm, kiên nhẫn như những con ốc sên, cuối cùng anh Khuất Đầu và tôi cũng xuống được tới cổng nhà.

Dừng lại một chút để thở và để ngắm nhìn tấm bảng quen thuộc “Thân Trọng Điền Trang” . Một chút bồi hồi khi nhìn thấy cảnh cũ, một chút ảm áp khi nhìn thấy người xưa .Chủ nhân đang cào lá trong sân, nữ chủ nhân đang phơi mền trên ban công ngôi nhà gỗ.

Cây bơ trước sân nhà vươn những cành hoa trắng lấm tấm lên nền trời màu xám. Những cây tùng trong vườn cũng lớn nhanh, xanh non như trẻ dậy thì.

Trong khi ngôi nhà như người mẹ già yên phận , lặng lẽ nhìn những đứa con lớn lên theo từng mùa xuân.

- A lô. Tết dương lịch tại tôi lên Dalat để sống vài ngày trong ngôi nhà kỷ niệm sắp phải phá bỏ để xây lại. Nhà hư cũ lắm rồi. Ông bà có khỏe lên chơi.

Anh Thân Trọng Minh gọi từ cách đây mười ngày.

Cứ tưởng có cả anh chị Đỗ Hồng Ngọc và vợ chồng lê Ký Thương, Kim Quy. Tiếc, các anh chị đã có chương trình ở Lagi.

May là ngoài chúng tôi , lần này trong nhà có thêm một bóng hồng khuê các. Ngọc Sương, giọng Huế dịu dàng, nghe tiếng chào đã thấy lòng ảm áp.

Lá rụng đầy sân. Chắc lâu lắm rồi chủ nhân mới từ Sài Gòn lên thăm lại điền trang. Trong khi Thanh Hằng, Ngọc Sương tíu tít trong bếp , chúng tôi cào lá khô, khiêng củi chuẩn bị nhóm lửa dưới cội bơ già.

Cũng tại góc vườn này biết bao lần ngọn lửa đã bùng cháy.

Biết bao lần anh em , bạn hữu của chủ nhà đã cùng nhau ngồi quanh đây.

Và mùa xuân năm nay , có người không bao giờ còn trở lại .

Chiều xuống nhanh, cả nhà xuống phố đón ngày đầu năm mới.

Vào Palace , anh Thân Trọng Minh và anh Khuất Đầu uống rượu ngoài ban công.

Thanh Hằng, Ngọc Sương và người viết ngồi gần để nghe tiếng Piano của Võ Chí Hiền .

Hiền cũng là người quen của Điền Trang Thân Trọng. Đêm đêm , Hiền ngồi sau cây Piano của La Palace đã hơn 20 năm.

Ngày đầu một năm sắp tàn. Chia tay, Hiền hẹn tối mai ghé lại điền trang.

Về nhà, ngọn lửa rực rỡ khi chiều chỉ còn lại những đóm than hồng giữa màu tro tàn buồn bã.

Chúng tôi lại cào lá để ngọn lửa bùng lên.

Sáng. Ở đây có tiếng gà gáy.

Cả nhà co ro mặc thêm áo ấm để ra phố.

Lần này mới thấy leo dốc cao giúp bớt lạnh.

Cả nhà ngồi cà phê .

Cả nhà đi chợ.

Cơm trưa hôm nay có đợt hoa cải xào thịt bò.

Chiều xuống dần.

Các ông già lại cào lá, khiêng củi.

Các quý bà chuẩn bị món bún thang.

Khi trăng thượng tuần mỉm cười nhìn xuống, ngọn lửa lại bùng lên.

Tôi nay trời quá lạnh. Chúng tôi chỉ dám ngồi trong nhà nhắc chuyện xưa, nhìn ngọn lửa qua khung cửa kính.

Khách đã tới. Hiền bước vào với hộp đàn trên vai.

Khúc serenata của Hiền làm cho những trái tim già thốn thức.

“Nhạc Chiều Của Chúng Ta” câu hát này có lẽ gợi nhớ một điều gì nên anh Thân Trọng Minh cứ ca ngợi mãi.

Và có lẽ lâu lắm rồi mọi người mới được nghe anh hát khúc Les feuilles mortes.

Trời khuya .

Cám ơn chàng nhạc sĩ với những khúc nhạc chiều êm ái.

Trong bóng đêm lạnh buốt, chàng nhạc sĩ lầm lũi một mình lên dốc.

Khúc nhạc chiều đã tắt, chỉ còn ánh lửa bập bùng.

Những người bạn già ngồi lặng im .

Những ngôi sao trên bầu trời Dalat ngả màu xanh.

Nhớ những người bạn đã từng đến nơi này, ngồi bên ánh lửa , nụ cười chìm trong bóng tối.

Những nụ cười đã về với ánh sao xanh.

Huyền Chiêu

đầu năm 2017

NGƯỜI BAN GÁI VÙNG GIỚI TUYẾN (Mượn tựa bài thơ của Lữ Kiều)

CÁI TRỌNG TY



Tranh Phác thảo của TTM

Thuở cùng ngồi dưới mái trường Quốc Học Huế bỗng một hôm tên tuổi Nàng Lai xuất hiện trên tập san của trường. Lớp học trò chúng tôi vừa ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Xem như một hiện tượng lạ..*ngày chị đi lấy chồng chị khóc như mưa mùa đông...* giọng vẫn nhẹ như hơi thở người tình, ai cũng viết được như thế, nhưng qua toàn bộ nội dung câu chuyện có sức quyến rũ đặc biệt của ngòi bút học trò mười lăm mười bảy. Như có bùa ngải keo sơn dính mãi đến hàng chục năm sau.

Thi sĩ Lữ Kiều có lần đã viết "*làm thơ, để bày tỏ nỗi im lặng hùng vĩ kia, quả thật là một cái gì vượt cao hơn*

ngôn ngữ. Mới hiểu ra cái bất lực của thi ca".

Thi sĩ nhìn thấy tiếng Thơ bay vút tận trời mây, xuyên suốt hố đen đến cõi trời Đâu suất. Nhà Thơ bất lực không với kịp cái mệnh mông vô hạn ngàn sao.

Nói đến nét tài hoa của người nghệ sĩ ẩn náu trong tâm hồn cuộn cuộn sâu lắng như dòng Hương xanh biếc êm đềm. Qua bao đổi thay của thời đại, bao dâu biển đời người. Dòng Hương vẫn đẹp ngát hương mùi thạch xương bồ. Nơi cội nguồn của bao biến cô kinh thiên động địa chốn Kinh Đô nhà Nguyễn.

Huế là quê hương của Ông và những bạn bè thời mới lớn mười lăm mười bảy. Tôi cũng từng lăm bạn đi về, đứng trên đồi Vọng Cảnh "thời nhỏ bên dòng sông thơm ngát 60-62" của Lữ Kiều.

Những bến sông mùa hè rực phượng đỏ, bến đò Thừa phủ, nơi những kỷ niệm không bao giờ tàn. Con đường về Long Thọ, ngôi biệt thự bên sông, một ngày nào đã xa như cổ sử trong kí ức chàng thi sĩ Lãng Ca. Hôm nào cùng bạn đạp xe qua cầu Lòn, lên Nguyệt Biều tắm trong rừng thanh trà ngọt lịm. Con đường ngập ngừng trong bóng mát xanh biếc biếc bao kỷ niệm hạnh phúc tai ương. Hạnh phúc mù loà.

Nghe đâu đây vọng tiếng nói ngọt ngào của người yêu dấu, ngọt như nhãn lồng đến se môi khô hạn. Huế những di tích lịch sử bi hùng của thời chín Chúa, mười ba Vua, thuở mở cõi về phương Nam. Chàng một chàng trai Huế nhưng không còn rất chất Huế, ít ra cũng dễ thân cận. Sinh trưởng trong một gia đình dòng họ lớn quan lại xưa. Học thành tài ra đời hành nghề Bác sĩ có thuận lý chăng? bởi tâm hồn Chàng là một nghệ sĩ đa tài. Tôi thử tưởng tượng đôi tay mô xê của

ông Bác sĩ Thân trọng Minh vẫn đẹp như một Hoạ sĩ cũng không thú vị lắm ru ?

Một đời thơ trẻ mãi xuôi dòng Hương trên chiếc đò độc mộc, nơi có những phụ lưu đại khờ đắm đuối. Đại khờ tiếc nuối.

trên má trên môi lời thơ đắm đuối

tại sao yêu em để bây giờ tiếc nuối

Nỗi tiếc nuối không phải đời thường. Một bi kịch phù hoa vận hội đã tít mù xa lắc lơ nơi bến bờ Lãng Ca.

nửa đêm thân tôi thành gió thổi

đưa thuyền vô cớ đậu bến người

Thân tôi thành gió thổi. Tôi tự ý thức được cơn bão thời đại, tôi tự làm chủ bản thân, kệ dòng nước ngược, sá gì em thân yêu. Lãng mạng trong đau thương nhức nhối. Cogito, ergo sum (Rene' Descartes) Tôi suy nghĩ, là tôi hiện hữu... có ý thức của thân phận làm người giữa một lịch sử Việt Nam cận đại đầy giông bão biến thiên. Câu nói nổi tiếng của Thân trọng Minh (Lữ Kiều):

Lịch sử chọn chúng tôi, chứ chúng tôi không chọn lịch sử. Tôi cảm khái câu nói của kẻ trượng phu khí tiết.

Lịch sử cận đại là thứ lịch sử mù, ô nhục.

Tôi cũng chứng nhân Mậu thân 1968, cuối tháng 2 đầu tháng 3 năm đó, khi những người cán binh Bắc Việt còn sống sót trong trận đánh cuối cùng với TQLC của VNCH, đã rút quân khỏi nội thành, giữa thành phố còn đổ nát, còn khét lẹt mùi khói súng, mùi sinh thối của xác chết hai bên. Tôi từ Bao Vinh (vùng đất chưa lọt và tay cộng quân) trở về phố Huế đứng giữa chợ Đông Ba. Tôi chợt thấy một anh bộ đội BV, quân phục đầy

đủ vói về thể lương tuyệt vọng, đơn vị anh ta đã bỏ chạy lên núi, bỏ lại anh giữa kẻ thù. Có người đến hỏi thăm, anh không nói gì, chỉ im lặng ngơ ngác, bơ vơ, không một ai bắt trời anh ta. Cuộc chiến thật dị kì, ta và địch sau cuộc chém giết tận tình. Tôi ngậm ngùi nghĩ đến câu *L'enfer c'est les autres* của Jean Paul Sartre.

Con người bất lực giữa sống và chết. Ngọn cờ xanh đỏ rách te tua cắm trên cổng thành Đông Ba bên cạnh xác chết sinh thời của một người lính bắc quân.

Ôi đất nước tôi tội nghiệp.

Chiến tranh trong thơ văn Lữ kiều là những hệ lụy buồn thảm. Gia đình, bè bạn, những con người Việt Nam bên này bên kia. Một cuộc chiến tranh uỷ nhiệm tàn nhẫn đã man dai dằng. Hậu quả của nó là thứ hận thù phi lý kéo dài lê thê bao giờ dứt?

Cùng một lửa bên trời lặn đạn. Buồn bã như dòng Hương, dòng sông Bến Hải. Đứng vùi trông đến tận cuối đời... Thơ văn của chàng là thứ định mệnh bất trắc, mang ngòi bút nghiệt ngã vào đất Tàn. Chúng ta bị đập nát đầu khi còn phơi phới... thứ định mệnh u nản ngóc ngách tối thui. Bị lột đến trần truồng bản thể. Bước vào khó dứt ra, dai nhéch như con đĩa quái vật lăm vùi. Chợt nhớ lời nói của cô nurse tên Greta trong phim *Generation War* giữa bệnh xá dã chiến mà quân Đức đứng bên bờ tan rã... *We all make mistakes...* lạnh căm tàn nhẫn. Chiến tranh không tha ai. Cho dù em là cô giáo chẳng nữa, em vẫn vác ngòi bút ra vùng giới tuyến để đêm ngày nghe B52 gào thét, nghe súng nổ nơi trận địa cận kề. Để thấy lũ học trò run bắn khi nghe tiếng súng đạn xé màng tai, chui xuống gầm bàn né

tránh. Thật xót thương

*Nàng năm nay hai mươi bốn tuổi
Con mắt to hàng mi đen
Nụ cười nàng hiền như đêm mùa thu
Cùng bàn tay dài như nhánh huệ
Nàng về dạy vùng địa đầu
Nơi ngày đêm bom đạn*

.....

*Nàng không đi trên đường cái quan
Sợ bom mìn chặn lối*

.....

*Nàng trông xuống lũy học trò
Năm mươi đứa mặt mày lem luot*

.....

*Mỗi lần tiếng phản lực bay ngang
Lũ học trò của nàng
Cùng một lượt chui xuống gầm bàn
Im thin thít
Bỏ nàng đứng bơ vơ trên bụi gỗ
Run rẩy âu lo
(Người bạn gái vùng giới tuyến) 1964.*

Tôi lắng nghe Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc viết đôi điều về Bác Sĩ Thân Trọng Minh Lữ Kiều. Ông cũng là bạn thiết từ thời sinh viên y khoa, và bạn Thơ Văn, thời một lứa bên trời lận đận của hai kẻ tài hoa rong chơi buồn bã:

...Hãy thử đọc đi. "Người bạn gái vùng giới tuyến" là một. Đó là một bài thơ, chàng cho tôi xem đúng nửa thế kỷ trước, dưới mái trường Y khoa Saigon, 28 Trần

Quý Cáp. Chiều đó sau giờ học, chúng tôi ngồi ở bệ gạch trước sân ngắm những tà áo qua lại như thường lệ, chàng nhẹ nhàng đưa bài thơ. Tôi đọc và thấy mình muốn khóc. Chẳng có gì là thơ cả đâu! Chỉ là một câu chuyện kể về một cô giáo ở vùng giới tuyến ngày đó. Chuyện kể về một người con gái. Nhưng, vậy mà không phải ậy. Hãy đọc đi trong tập thơ này (Lãng Ca).

Thời 50 tuổi kẻ lữ hành đang bước vào tâm của vòng xoay thời gian, cổ nhân bảo ngũ thập tri thiên mệnh. Nhân duyên nào đưa ta vào cuộc lữ để thấy ra tâm Đạo. Thấy ra bản lai diện mục. Hành trình nào đến được ngôi nhà uyên nguyên. Tự ta nắm bắt và tự ta buông xả.

*Trong nỗi buồn của ta
Đã có chút gì mật đắng
Những thất vọng một thời
Như bóng con ruồi đen
Bay hoài trong mắt đau*

.....

*Hồi trăng xanh
Một ngày nào em sẽ tặng ta
Vòng hoa trên mộ chí
Như ta đã tặng em
Đóa hồng thời mới gặp*

Dù sao thì cũng một lần nữa, tạ ơn cuộc đời, tạ ơn người đã cho tôi nỗi lòng thăm thiết. Để sống. Để nhận ra chân tướng mình là gã lang bạt kỳ hồ trong ngôn ngữ cũng như trong cuộc đời.

(LỮ KIỀU)..

Hồi trăng xanh, trăng an nhiên muôn chiều phiêu
hốt.Thi ca là vàng trăng diệu kỳ, thuyền mộng bên
mơ.Trong thảng thốt trăng về đầu núi giữa đêm khuya
hiu quanh nàng ngóng ai bắc lặn nền tàn.

*Con mắt em thăm thiết
Như ngọn nến khuya
Bên thành cửa sổ
Một nhà nguyện ngoại ô*

(Từ Biệt,1985)Thơ Lữ Kiều.

CÁI TRỌNG TY

VIẾT NHƯ KINH KHA BUỒN

● Khuất Đầu



tranh phác thảo của TTM

Cuối năm, ngồi đọc lại những đoạn viết rời của Lữ Kiều, bỗng bàng hoàng nhớ lại một thời khói lửa nhiều nhưng suốt 30 năm. Thời mà anh gọi là lịch sử chọn chúng tôi, chứ chúng tôi không chọn. Hay nói như Nguyễn Gia Thiều, “cái quay búng sẵn trên trời/ mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”. Còn hơn thế nữa, không phải đi mà bị lôi xềnh xệch trong đêm tối đen. Đó là số phận của những người nhớ sinh ra trong khoảng 40, 50 thế kỷ trước.

Cho nên, cái tựa đề “Chàng nho sinh dưới gốc tùng” cũng chỉ là một cảnh viễn mơ ngậm ngùi mà thôi!

Sự thực thì: “*ngày-hai-mươi-tuổi, có-những đêm-chong-đèn-ngồi*”. Không phải “chong đèn ngồi nhớ lại”, mà ***ngồi nhớ tới***.

Nhớ nỗi khắc khoải của Trang tử: ta hóa thành bướm hay bướm hóa ra ta? Nhớ một tiếng “được” thêu thảo của Nguyễn Du trước khi nhắm mắt, như dấu chấm hết cho nỗi đoạn trường. Và nhớ những lúc nghe Beethoven với khúc giao hưởng số 9, ở đó anh *đếm được đến những 24 lần cái nét nhạc bồng bồng thất thanh hạt lệ nóng trong cái hành âm cuối-cái choeur ấy-như một âm thanh ma trời, càng nghe càng rùng mình*.

Anh cũng nhớ tới G.Nasser, người đã quyết liệt quốc hữu hóa kênh đào Suez trước sức ép nghẹt thở của Anh, Mỹ để phục sinh một Ai Cập huy hoàng của 6000 năm trước; nhớ tới Che Guevara, nhà cách mạng latinh cực kỳ lãng mạn, đã chết một cái chết đẹp như bài thơ.

Anh còn nhớ tới Hà Thúc Nhơn, một bác sĩ chống tham nhũng giống như chàng Don Kihôtê tự tin một cách ngây thơ, để rồi cuối cùng gục chết thảm thương ở quân y viện Nha Trang.

Và dù đau đớn đến xé lòng, anh vẫn không thể không nhớ tới những người điên nói cười ngô nghê trước cảnh chợ Đông Ba bị đốt cháy hôm mừng hai tết Mậu Thân và cầu Trảng Tiền bị Bắc quân giệt sập để chứng tỏ cho thế giới thấy được sự hiện hữu ngiệt ngã và tàn nhẫn của họ.

Anh cũng không quên những người tù không chịu trở về Bắc ở trại tù Phú Quốc, không phải ở lại để hỏi chánh mà để khỏi bị loại khỏi cái bầy đàn gọi là “sinh Bắc tử Nam”.

Cũng không thể không nhớ tới hai cha con một anh địa phương quân hồn nhiên đi bắt cúm nùm, cha tóc đen mũi tẹt còn con tóc vàng sợi nhỏ, để rồi cảm phục cái cách anh ta biến nỗi đau của mình thành niềm vui

sống,.

Và, đương nhiên rất nhớ tới Huế.

Anh gọi Huế là người tình cũ, một người tình có mái tóc dài đà đuột ngát hương, là Hương giang, cài chiếc lược ngà lóng lánh, là cầu Tràng Tiền. Người tình cũ ấy cực kỳ kiều sa, đài các nhưng cũng cực kỳ yếu đuối. Nàng đã hai lần bị tổn thương, hai lần bị làm nhục*. Nàng đáng yêu muôn phần, nhưng thật không dễ để cùng nàng đi trọn đường tình.

Anh, cũng như những trai Huế khác, Trịnh Công Sơn, Lữ Quỳnh, Trần Hoài Thư ... đều tự nhận mình là người tình phụ. *Tôi phụ em một thời bé dại* chứ không phải em phụ tôi.

Ngày chàng 20 tuổi, những đêm chong đèn ngòi nhớ, để mà chi?

Thưa để viết!

Hóa ra đây là những ghi chép, những suy tư, những chiêm nghiệm, những thao thức của một người muốn viết như một lần dẫn thân.

Nhưng viết như thế nào?

“Viết như Kinh Kha cầm cây chủy thủ, “Viết như Kinh Kha buồn!”

Kinh Kha buồn.

Không phải vì sông Dịch lạnh.

Không phải vì đất Tần lang sói.

Chàng buồn.

Vì phải lên đường cùng với Tần Vũ Dương to xác nhưng hèn yếu. Buồn vì thái tử Đan quá nóng không đợi được Cao Tiêm Ly. Nghĩa là buồn vì cảm thấy việc lớn sẽ không thành. Buồn nhưng không sợ, dù biết rằng *“nhất khứ hề bất phục phản”*. Ba ngàn tân khách tiễn đưa tóc dựng ngược khi nghe chàng cất

tiếng hát. Trong cổ kim chưa có một cuộc lên đường nào bi tráng như thế.

Tần Thủy Hoàng chưa biết sợ ai ngoài chàng.

Chàng đã bị băm vằm, nhưng hơn 2000 năm qua chàng vẫn sống. Và chàng vẫn tiếp tục sống đến nhiều ngàn năm sau nữa. Chàng sống không phải vì đã vung con dao chủy thủ trước mặt Tần Thủy Hoàng. Chàng sống vì đã dám chứng tỏ sự bất khuất. Chàng sống bằng chính cái chết của chàng.

“Viết như Kinh Kha buồn”

“Viết như Kinh Kha cầm chủy thủ”

Nghĩa là, biết chẳng đi tới đâu, biết là thất bại mà vẫn cứ viết. Phải viết. Vì đó là sứ mệnh của những nhà văn ở các nước nhược tiểu, những nước không chỉ có một Tần Thủy Hoàng ngất ngưỡng trên ngai vàng đầm máu, mà còn có rất nhiều bạo chúa ở khắp nơi, nhất là trong lĩnh vực văn chương và nghệ thuật.

Biết là thất bại nên “viết còn là một thú tội”

Vì, đã là nhà văn thì ***“không có sự thật nào là cấm kỵ”***

Rồi chàng vẽ ra “một nền kiến trúc mới, tinh thần khí thế như tiền nhân những ngày xưa hào hùng... Phải giết con sâu bọ trên giấy trắng. Sống hùng dũng và viết như chém đá”...Làm sao đừng nguy tín. Bởi vì tự hạ giá mình, chúng ta hạ giá văn chương”

Không nguy tín, không tự hạ giá mình nên ngay từ tuổi 20, anh đã xác tín mình không thể nào và không bao giờ là nhà văn cọng sản.

Anh viết: “Người cọng sản không tin ở giá trị tự thân cô đơn của nhà văn... Y là đám đông. Y bị lãnh đạo một cách tự nguyện”

Viết như thế quả thực rất khó. Vậy nên, cho dù những

gì anh đã sống, đã hạnh phúc, đã khổ đau, đủ để làm nên một cây chùy thủ, nhưng anh vẫn ngại ngùng chưa viết, dù rằng trong anh vẫn luôn giục giã:

“Kính Kha thôi đừng bịn rịn, hãy lên đường!”

Thực ra, chẳng phải anh không đủ tự tin để cầm lấy bút như Kính Kha cầm cây chùy thủ. Anh dùng dằng, đắn đo chỉ vì tự trọng. Cái cốt cách rạng rỡ nhất của một nhà văn chính là lòng tự trọng. Viết hay không viết, còn hơn Hamlet tự hỏi “to be or not to be”.

Bởi vì, viết cho ai? Cho những em bé sơ sinh khi anh đang ở tuổi 20, hay viết cho thế hệ vừa bị cướp mất và vừa tự đánh mất cái “bản lai diện mục” của chính mình.

Viết làm sao, nếu không phải là khúc sinh ca của đồng lúa trở thi cũng đừng là bão giông, là hí luận để làm ngu dại cả một dân tộc. Theo anh, “nhà văn đích thực, là nhà văn bị đầy đọa, nhà văn của địa ngục”... Đó là nhà văn bị đóng đinh. Nhà văn bị trừng phạt: viết!

Vì vậy, những đoạn viết rời được bạn bè góp nhặt để in thành sách cách đây 10 năm chỉ được anh khiêm tốn gọi là: Thử Bút. Như thử test trước khi tiêm thuốc. Đó là tính cẩn trọng của một người vừa yêu vẻ đẹp ngát ngậy của văn chương mà cũng vừa thấp thỏm ngại ngần trước uy lực phù thủy của ngôn ngữ.

Thử bút, nhưng có nhiều đoạn rất đẹp, gần như hoàn chỉnh. Như viết về Mẹ trong Sen. Viết về Huế trong Người tình cũ. Và, rất cá tính, rất đời trong Quán trên đồi.

Ngày đầu năm, lên chơi diên trang Thân Trọng, ngôi nhà gỗ cũ kỹ đối với anh, quý nhất vẫn là những bức phác thảo, những bức tranh của Đình Cường, Lưu

Công Nhân, Dương Cẩm Chương. Chỉ vào một bức tranh do chính anh vẽ, anh bảo: “Một bức tranh ai hiểu thể nào cũng được., Nhưng nếu cần giải thích thì cũng có thể. Như bức này. Những mảng màu trắng đục là những trang báo. Con cá thì mắt không bao giờ nhắm. Cây đèn dầu tuy bé nhỏ nhưng vẫn tỏa ra ánh sáng. Tức là, người viết phải luôn tỉnh thức và viết dưới ánh sáng của lương tri”.

Vậy đó! Viết hay vẽ, đối với anh tuy là một hình phạt, một định mệnh, thì vẫn là một dần thân hết sức nghiêm cần. Bởi thế, cho dù con đường anh đi chưa trọn, chỉ một tập truyện ngắn, 7 vở kịch, một tập thơ, đúng là thử viết, thử bước chứ chưa thực sự đi vào đất Tần bát trắc.

Nhưng chẳng phải vì thế mà tôi bớt kính trọng anh. Bởi vì, tuy có ít nhiều hồ đồ, tôi đã thực sự xúc động khi nhìn thấy mình trong Thử Bút những năm anh 20, 30. Ở tuổi đó, tôi cũng có những đêm thao thức: viết cái gì, viết cho ai, viết hay không viết ?

Cứ tưởng tuổi tam thập là vừa đủ vốn sống để có thể phóng lên giấy trắng những con chữ chứ không phải những con sâu, thì, hỡi ơi, cả đất trời bỗng dưng sụp đổ.

Tháng 4, 1975 Lữ Kiều bẻ bút!

Đành nghe trong im lặng khúc giao hưởng số 9 ai điều cho chính mình.

Ở đâu đó, anh viết, tình yêu như là sự chết. Và chết chỉ một lần. Nhưng rồi anh lại bảo, tình yêu cũng có thể phục sinh. Và anh đã làm sống lại chàng Kinh Kha bằng cách cầm cọ vẽ. Những nhát vẽ từ năm 1982 đến nay như chém vào đá. Và những con cá không bao giờ

nhắm mắt, dù đã chết. Những con cá vẫn tỉnh thức.
Nhà văn bị bức tử giờ thành họa sĩ. Thì cũng như
Trang tử mơ thấy mình hóa bướm. Tuy hai mà một. Có
sao đâu!

10/1/2017

Khuất Đầu

** Kinh thành Huế thất thủ lần thứ nhất 23/5/ Ất Dậu
(1885) (Pháp chiếm)*

** Lần thứ hai, tết Mậu Thân (1968). (CS chiếm)*

XEM TRANH THÂN TRỌNG MINH QUA EMAIL

Bài Nguyễn Lệ Uyên

Thân Trọng Minh, Lữ Kiều hai cái tên gắn bó suốt chẳng dài lao vào nghệ thuật bên cạnh ông nghe tim phôi lũng lảng hai tai. Như vậy, ông vừa là người “cứu đời” vừa “cứu người”: Một bác sĩ tận tụy, nhà viết kịch đào sâu vào tận cùng nỗi đau của thể hệ ông, lại vừa là một họa sĩ.

Tôi không và chẳng đề cập đến thiên chức “cứu người” của ông; nhưng về nghệ thuật, tôi đã từng viết về tác phẩm kịch “Kẻ phá cầu” từ cái nhìn của ông về cuộc đời phi lý, những phận người oằn oại tan chảy, một sự hủy diệt kinh hoàng từ những con người với nhau... Tôi cũng viết về những tùy bút, những bài thơ đặc lênh những thao thức của ông... với sự chia sẻ của người cùng thời bị “lịch sử chọn” (chữ của Lữ Kiều).

Cách đây mười ngày, tôi vào trung tâm HH khám bệnh nhân tiện ghé thăm ông. Chúng tôi nói chuyện về văn học, nghệ thuật... về sự khốn đốn của người cầm bút hiện tại. Tôi nói, tôi chẳng hiểu gì nhiều về hội họa, nhưng lại rất thích bức tranh ông vẽ tặng Khuất Đầu làm bìa sau cho tập “Buồn như ly rượu cạn”. Và, Khuất Đầu tung từng ghi dưới tranh “*Tôi tìm thấy tôi trong tranh Thân Trọng Minh*”. Nhìn kỹ, lật ngược, xoay ngang, lộn đầu bức tranh thì quả thực, đó là khuôn mặt nội tâm của Khuất Đầu trước thể sự nghiêng ngã, lộn tung phèo mọi giá trị đạo đức truyền thống, đầy đầy những trí trá gian manh... với khuôn mặt trợn trừng vừa ngạc nhiên trong cái thân nhiên,

vừa khinh bạc với đôi mắt méo mó và miệng thì như mếu như cười khẩy. Ba con cá Thân Trọng Minh vẽ quanh khuôn mặt trên nền màu đen như một sự kiếm tìm sự thật vô vọng, tréo ngoe mà con người vẫn phình cổ ra hít thở thứ căn bã của lũ buôn thần bán thánh, cả đám dân đen ngu lơ ngơ hơ hãi. Tôi không quan tâm đến màu sắc của bức tranh (yếu tính của hội họa) mà chỉ chăm chăm vào những đường nét kỹ hà học, như một sự cố tình của ông (TTM) ám thị cho người xem về một thế giới người thu nhỏ, như bốn, năm năm trước tôi đã nhìn ngắm những bức tranh này của ông trong cuộc triển lãm chung với Đinh Cường ở Đà Lạt, có sự khác biệt giữa hai họa sĩ về màu sắc và đường nét. Tranh ông đập vào mắt tôi, len vào đầu óc tôi với những ấn tượng khó giải từ độ ấy.

Ba ngày sau khi quay về cố xứ, tôi nhận email của ông, kèm theo 12 bức tranh trong thư với dòng chữ “gửi NLU vài bức tranh mới, biến tấu quanh chữ OM...”.

Tôi không rõ những bức này ông vẽ bằng sơn dầu hay màu nước, bởi nó là hình chụp, khó phân biệt, xác định... Lại những con cá quanh mặt người lặng lẽ nhìn nhau mà không nhìn, gần nhau nhưng xa lạ. Có vẻ như một nửa người này là của người kia, mà sao lạnh lẽo như một thời băng. Có lẽ bức tranh ông vẽ không như tư thế tôi paste trong bài. Tôi cố tình để vậy. Tôi thích ngắm tư thế hai mặt người sắp sửa chồng khít lên nhau, rất gần mà cũng thật xa, xa lác trong một tích tắc rất gần!



Rồi lại con rắn và mặt người tôi cũng đặt nằm ngang và ngắ. Tất cả đều trong tư thế của sự hiện hữu trước ngọn đèn dầu không hắt bóng. Tôi nghĩ, nếu như để xuôi bức tranh và nhìn, có lẽ mọi sự đều biến mất, kể cả ngọn đèn, con rắn và mặt người?

Bức tranh tôi đặt ngang để có thể thấy và cảm rằng con rắn (biểu thị sự hủy diệt) cuốn bên lề một khuôn mặt không mấy quan tâm tới cái ác, tới những bừa phứa, lộn xộn trong đời sống đầy rẫy những tội ác khệnh khạng trên chất lương thiện. Nhưng khuôn mặt kia như không thấy, không nghe tiếng khò khè giận dữ của con rắn mà, vẫn “tĩnh bơ”, vẫn thản nhiên với điệu thuốc gấn lạch trên môi Ca Diếp khiến tôi thích thú, bởi, hình như ông và tôi và cả bấy lũ chúng ta đang bị xoay trong cái trục mỗi mòn và rắng tìm ra cho riêng mình một sự ản nấu, một cách nhìn đời khác hơn, mới mẻ hơn trong tâm thức “tính bản thiện” của đứa trẻ chưa bập bẹ! Ý nghĩ vu vơ này, vô hình trung “lòi” ra cái hèn của thế hệ chúng tôi, những người hiểu quá nhiều mà chẳng hiểu gì cả về sự đời dị dạng!



Đáng chú ý nhất là những bức tranh ông vẽ “cá” một con, nhiều con cùng các “nhân vật phụ” đi kèm với đủ loại hình dạng, sắc màu... có vẻ như chúng đã và đang hốt ngộ, lúc trên nền đen thẫm, khi thì trên mặt nước xanh hay xám soi sáng bởi cây đèn hột vịt rất “phiêu hốt”.

Hẳn nhiên, ở đây, ý tôi muốn nói tới là một sự liên tưởng bắt vòng quanh co chọt nảy ra trong đầu rằng, giữa bức tranh trên đây của Thân Trọng Minh chẳng có liên quan gì đến mấy câu thơ sau của Phạm Phú Hải (1990 – 2009), nhưng sao có vẻ như hai người ngộ cảm được nhau trong cách nhìn, cách suy nghĩ, hành xử về vị trí con người trên thế gian này?:

*Bà già đứng tắm dưới trăng
Trăm con rắn nhỏ vùng vằng chui ra
(...)*

*Bà già tắm suốt đêm dài
Trăng rừng mình gửi tà cài góc mây
(...)*

*Lão bà ơi có tiếng gà lạc canh
(Bà già tắm)*





Và rồi, cũng lại những con cá. Những con cá trong tranh ông, dưới cây cọ trong bàn tay ông, trên tấm vải “toang” rất chi an nhiên tự tại trước những lưỡi dao nhọn, những chén, những đũa, ly tách... Nhìn những cặp mắt, những vây, những vảy, những đuôi... dựng đứng hay nằm ngang thấy đều vượt qua, đứng ngoài thực tại, thần nhiên và “bình thường tâm” trước mọi việc chung quanh; như thể những thứ đó không hề tồn tại quanh chúng, là những khái niệm thừa thãi trong một thế giới lệch, chỉ còn lại bẽnh bồng mây trắng và khí trời trong suốt!





Rồi cũng lại hốt nhiên, từ những bức tranh trên của Minh, tôi lại nhớ đến mấy câu thơ, cũng của thi sĩ phiêu hốt bên trời mây trắng Phạm Phú Hải, bài A, AA, AAA, AAAA... mà tôi đọc được trên bán nguyệt san Thời Tập của Viên Linh đầu gần giữa năm 1974:

*Lạnh mùa thu ở trong núi đá
 Có con cá nhỏ chết bên cầu
 Có con chim nhỏ vì vui quá
 Cũng chết bên cầu ấy, bữa xưa
 (...) Có một thư sinh trên núi đá
 Hỏi thăm đường tới chốn Bất lai
 Trăng khuya úp mở sau ngàn lá
 Bướm đỏ đàn đàn chấp chới bay
 (...) Trăng khuyết xuôi, trăng gtròn, trăng khuyết
 ngược*

*Bứt thàng, hái ngày, phơi khô năm
 Năm khô, râu cũ đùn râu mới
 Sợi sợi ẩn ngời Vô lượng quang...*

Tôi không có ý so sánh tranh Thân Trọng Minh có sự liên hệ gân gủi với thơ Phạm Phú Hải. Nhưng chất thơ

trong tranh Minh có chút gì đó rất gần với những câu thơ như tranh vẽ trong giây phút xuất thần của Phạm Phú Hải.

Vâng, chỉ trong một “sát na”, cả hai, Minh và Hải đều cất lên một tiếng OM vang dội tận cõi lòng của cả hai và tiếng OM vang dội ấy lại lan sang tôi, ít nhất dưới con mắt nhìn và cảm thức chủ quan?

Có hay chăng một Lữ Kiều, một Thân Trọng Minh tách đôi và hòa một như một “nghệ sĩ” tài hoa, nói theo Nguyễn Thị Khánh Minh thì ông là “*chàng lãng tử của thời gian*”

(<http://vandoanviet.blogspot.com/2015/03/chang-lang-tu-cua-thoi-gian.html#more>)

Vâng, thời gian đưa đẩy để cuối cùng ông cũng thốt được tiếng OM tiệp ngộ!

(Xương Rồng, tháng 6/2016)

CAO KIM QUY

Nhân đọc CHÀNG NHO SINH DƯỚI BÓNG TÙNG của tác giả LỮ KIỀU

Cũng khó viết cho anh một điều gì đó, vì đã có lúc anh không tin ở ngôn từ. Vả, nếu tin, những dòng này dành cho ai? Một “tiền bối”? Nhưng tôi không muốn xem anh là người ... cao tuổi, dù anh lớn hơn tôi khá nhiều. So tâm hồn, tôi với anh chẳng có mấy cách biệt. Cho bạn ư? Cũng chẳng biết ta có xem nhau như bạn? Đường như ta chưa bao giờ thực sự chia sẻ với nhau nhiều. Vậy thì tôi viết về một nhân vật tình cờ gặp gỡ trên con đường mình đi, một nhân vật, với tôi, rất gần mà cũng rất xa, rất giống mà cũng rất khác, nhân vật mà khi đi ngang qua, tôi vẫn muốn ngoái lại nhìn, trong im lặng.

Chàng nho sinh ngồi đọc sách dưới bóng tùng. Thế gian xô bồ. Dáng lặng lẽ của chàng khiến cho kẻ tìm kiếm sự tĩnh lặng phải dừng lại. Nhưng khốn thay, chàng chẳng mang đến cho ai được cảm giác bình an. Quả tim ngụt lửa của chàng thiêu rụi cỏ dại chung quanh, chỉ còn lại duy bóng tùng ngạo nghễ. Trang sách mở. Chàng ngồi cúi mặt. Mắt không ngược nhìn nhưng vẫn thấy cả đất trời, chân không xê dịch nhưng chàng vẫn lướt từ quá khứ đến tương lai. Tại sao chàng bất động mà tôi nhìn thấy thân chàng quằn quại, chàng cười nhưng tôi chỉ nhìn thấy dòng lệ chảy?

Chàng nho sinh ngồi giữa đất trời khoáng đạt, mấy ai thấy chàng đang vùng vẫy cố thoát tầm lưới chính

tay mình đan trong cơn mê sáng. Đón đau và bất lực. Trang sách vẫn mở. Chàng hoài công tìm kiếm thứ nhan sắc quá hoàn mỹ của giấc mộng đêm qua. Chàng nho sinh ngồi dưới bóng tùng, nén tiếng thở dài.

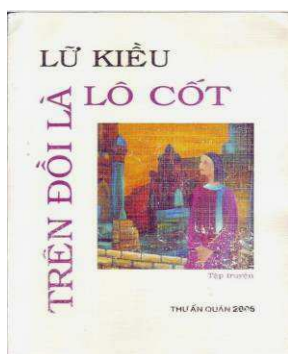
Tôi đã thấy anh như thế ngay từ những ngày đầu gặp gỡ. Nhìn anh, tôi liên tưởng đến một bức tranh có hai màu sáng tối. Nhưng tôi không đủ tài ba để khắc hoạ những dẫn xé trên gương mặt kia. Nửa tươi cười lộ ra ánh sáng, nửa u uất lẫn vào bóng đêm. Nửa khinh mạn, nửa dịu dàng. Nửa can đảm, nửa run sợ. Nửa cay nghiệt, nửa ấm nồng. Rồi tôi tự hỏi tại sao. Tại sao. Tại sao phải che giấu. Tại sao phải biểu hiện. Tại sao không là chính ta. Tại sao phải là ta. Anh từ chối vong thân, nhưng những cái nửa kéo anh xa lìa sự chân thật. Anh đi tìm mà tôi ngờ rằng sẽ chẳng bao giờ anh có được những đoá sen vừa nở ngay sau lưng mình..

Dưới bóng tùng, chàng nho sinh ngồi cô đơn trong tấm thân bị trói buộc. Chân không xỏ vừa đôi hia bầy dậm, tay chẳng với nổi trời cao, chàng gục mặt đếm lá vàng sau trận cuồng phong. Kinh Kha thả kiếm.

Nếu tôi có thể gọi anh là bạn, thì bạn ơi, hãy thôi ngồi trong bóng tối vì ánh sáng vẫn tràn ngập mặt đất này mỗi ngày. Đừng mãi đếm lá vàng. Bạn không thấy bầu trời xanh? Đừng kết tội hay ngợi ca. Đừng nói, cũng đừng im lặng. Buông tay. Thôi tìm kiếm. Bạn sẽ gặp. Đừng níu giữ cô đơn. Đừng bỏ lại bằng hữu phía sau. Cũng đừng chờ họ đi trước. Hãy nắm tay họ để bàn tay bạn thôi lạnh. Tôi tin, bằng hữu thật sự chỉ đem lại cho ta mỗi một cảm giác. Ấm nồng. Đó là điều xác tín.

Hai Trần Lương Thư Trung

**ĐỌC TRUYỆN “TRÊN ĐÒI LÀ LÔ CỐT” CỦA
LỮ KIỀU**



Thưa bạn,

Tập truyện ngắn “*Trên Đồi Là Lô Cốt*” của Lữ Kiều do Thư Ấn Quán (Hoa Kỳ) ấn hành, năm 2006, sách dày 156 trang, gồm 13 truyện ngắn tác giả sáng tác hồi còn những năm chiến tranh khốc liệt của thập niên 1960 và chỉ có một truyện duy nhất tác giả viết sau năm 1975, là truyện “*Vác Gỗ Rừng Sâu*” (1982). Tập truyện này gồm có các truyện:

- 1/ *Trên đồi là lô cốt* (1961), trang 5.
- 2/ *Mưa qua thành phố* (1960), trang 23.
- 3/ *Đôi guốc trắng* (1970), trang 24)
- 4/ *Nước mắt* (1958), trang 31.

- 5/ Người chờ máy bay (1966), trang 37.
6/ Với một dòng sông (1960), trang 45.
7/ Giác mơ của Thi (1969), trang 51.
8/ Người con gái và chiếc lồng chim trống (không ghi năm), trang 65.
9/ Con chim đen (1964), trang 73.
10/ Buổi mai trắng (04-10-1967), trang 84.
11/ Cho chúng ta nhìn nhau (1965), trang 103.
12/ Cuộc đi dạo tình cảm (1965), trang 118.
13/ Sợi dây điện (không ghi năm), trang 130.
14/ Vác gỗ rừng sâu. (1982), trang 145.

Đặc biệt, dưới mỗi truyện, tác giả có ghi lại truyện được viết vào năm nào, trong hoàn cảnh nào qua những lời văn vừa êm đềm, diễm đạm mà cảm động; vừa từng trải của tuổi già mà lãng mạn thời trai trẻ dạt dào của tuổi hai mươi; nó giống như một người giữ kho tàng cổ tích nắm tay người đọc và ân cần giải thích từng báu vật được lưu giữ giữa biết bao mùa đông bão trôi qua với rêu phong lớp lớp xanh màu...

Chẳng hạn như ở ngay truyện đầu với cái tựa “*Trên Đồi Là Lô Cốt*”(1961), được tác giả lấy làm tựa cho tập truyện, tác giả ghi:

“Trên đồi Vọng Cảnh ở Huế, còn lại một cái lô cốt. Năm 1957, học sinh trường Nguyễn Tri Phương cắm trại ở đó, và tôi đứng trên lô cốt nhìn dòng sông Hương lặng lẽ trôi quanh chân đồi. Quá đẹp.(...)”

Cái lô cốt chứng kiến mỗi tình đầu của tôi. Mỗi tình đơn phương, đau đớn, mãnh liệt, và theo tôi suốt cuộc đời còn lại. Người con gái ấy không hề hay biết tôi say

*đắm nàng đến như vậy.(...) Ôi, tuổi 15 với những đại
khờ đầu đời, ngờ đâu thành vết sẹo không lành cho
đến ngày tóc bạc.(...)*

*Đọc lại, thấy thật quá. Thật đến nỗi như không thật.
Bởi vậy, nên người con gái ấy, một tình đầu ấy vẫn tồn
tại trong tôi, năm mươi năm sau.” (Tháng 7 năm 2006)
(TRĐLLC”, trang 17)*

Ở cuối truyện “*Người Con Gái Và Chiếc Lồng Chim
Trống*”(không thấy ghi năm, nhưng có lẽ vào những
năm 1960), tác giả viết:

*“Tôi viết truyện này để nhớ đến cô bạn cũ tên Hương ở
Thủ Thiêm. Đó là những năm 1960 của thế kỷ trước,
chiến tranh đến hồi khốc liệt nhất, tôi hay qua Thủ
Thiêm với Hồ Thanh Ngạn. Bốn mươi năm qua, tôi
không còn tin tức Hương. Em ở đâu, sống hay chết,
hạnh phúc hay bất hạnh. Làm sao tôi biết được sự bí
mật của lồng chim trống và những con chim đã bay đi
tuổi 20.” (Tháng 7 năm 2006) (Người Con Gái Và
Chiếc Lồng Chim Trống, TĐLLC, trang 72)*

Mời bạn đọc thêm một ghi chú nữa của tác giả sau
truyện “*Cuộc Đi Dạo Tình Cảm*” (năm 1965), mà tôi
nghĩ là bạn sẽ hết sức ngậm ngùi về những kỷ niệm
của tuổi trẻ một thời của tác giả mà có lẽ là của chính
mình nữa:

***“Ngày hai mươi tuổi, có những đêm chong đèn
ngồi... Ai viết vậy nhỉ, sao đêm nay ta nhớ lại. Như nhớ
lại 42 năm trước, ngọn đèn nơi đã tìm đến gặp người
con gái lúc bảy giờ 16 tuổi tên Sương. Nhớ ngồi***

trường nữ nội trú huyền thoại. Một tình yêu tinh khiết đầu đời, thế nhưng, thay vì sống tình yêu, thì tôi đã suy nghĩ tình yêu của mình. Ngoài đời cũng như trong văn chương.

Nhưng quả thật đó là tình yêu say đắm nhất mà giờ đây, còn lại, chỉ là vài trang văn chương trữ tình, một quá khứ được gọi lại bằng những dòng chữ có phần trau chuốt đạo ấy, nó che đi cái nồng nàn say đắm có thực.

Có thực trong nhiều năm xa cách nhau. Như là thực tại hiện tiền. Tình yêu ấy vẫn tràn đầy quả tim tôi trong đêm nay, rất khuya, bật đèn lên để viết vội những dòng chữ này, lòng xao xuyến nhớ lại một buổi chiều ở phi trường miền Đông nước Mỹ, bước xuống phi cơ, người nữ mặc áo tím đứng đón, hai tay dang rộng, ôm lấy nhau trong một vòng tay nghẹn ngào thương mến nhưng cực kỳ tinh khiết. Họ chỉ còn thấy nhau. Mọi người biến mất. Ba mươi ba (33) năm xa cách cũng biến mất. Mới hiểu ra một mối tình bất chấp thời gian. Có gì khác đâu, thời trai trẻ của buổi ban đầu vĩnh viễn ấy.

Ngày hai mươi tuổi, có những đêm chong đèn ngồi... Ai viết câu văn này nhỉ..." (Tháng 7-2006) (Cuộc Đi Đạo Tình Cảm , TĐLLC, trang 129.)

Tôi tin bạn, những bạn cùng thế hệ với tác giả, tức những người đã sinh vào những năm của thập niên 1940, sống qua thời kỳ chiến tranh khốc liệt nhất của đất nước mình có lẽ bạn cũng thấu cảm được nỗi lòng của tác giả khi viết ra truyện “Sợi Dây Điện”(không

ghi năm), trang 130:

“Sợi dây điện bỏ quên trên đường rây, bỏ quên chỉ là cái có. Chiến tranh cũng là cái có. Thời 60, đất nước Việt Nam đang hồi chiến tranh khốc liệt, cũng là cái có.

Những cái có ấy đan xen vào nhau làm thành đời sống. Tự nó đã phi lý. Thì làm sao những tâm cảnh trong môi trường ấy không phi lý. Hình như ý niệm vô thường của cuộc sống đã khởi đi từ những cái có ấy.

Và, cả một thế hệ hai mươi của chúng tôi đã đối mặt với vấn nạn về ý nghĩa sống, chết, và những cái có giữa hai bờ sinh tử ấy.” (Tháng 7 năm 2006) (Sợi Dây Điện, TĐLLC, trang 144.)

Còn nhiều lắm những lời ghi chú mang nổi băng khuâng ngậm ngùi như vậy. Nhưng trước hết có lẽ nên mời bạn lướt qua một vài nhân vật trong truyện của Lữ Kiều, để thấy cái tài dựng truyện và viết văn của tác giả lúc còn rất trẻ. Chẳng hạn với truyện đầu tiên trong tập truyện này tác giả viết vào năm 1961, khi ông mới đậu Tú Tài bán phần, có những đoạn tả cảnh, tả người rất gợi cảnh, gợi hình với những trần trở rất tha thiết của một chàng trai cũng xấp xỉ với tuổi của người con gái được gọi bằng “O” trong truyện:

“ Làm sao và làm sao cắt nghĩa điều đó, làm sao cắt nghĩa được sự kiện người con gái mười bảy tuổi, lớn lên nơi đây, không hề nghĩ đến một người con trai? Nhất là khi người con gái ấy đẹp. Những đêm dạo chơi với những người bạn dưới vòm trời đầy sao, đi ngang nhà O, tôi vẫn có thói quen ngó vào để nhìn khuôn của mở rộng, ánh đèn trắng xanh, và bóng O ngồi dưới

bóng đèn ấy. Đẹp. O ngồi trước bàn học, hai tay bình yên nắm cuốn vở, mái tóc đen ôm lấy vai, khuôn mặt cúi xuống, hai bờ vai mảnh dẻ, gầy đến xót xa. Tôi nghĩ rằng không còn hình ảnh nào an phận hơn hình ảnh một người con gái ngồi một mình dưới ánh đèn. Dáng người của O làm tôi có cảm tưởng O đang buồn trong khi tôi hiểu rằng O không hay buồn. Nhưng ở O có một điều gì đó ngăn cách O với thế giới bên ngoài khuôn cửa kia, ánh đèn trắng xanh kia. Trong thế giới của O có nỗi bình yên và trầm tĩnh, đơn độc và quạnh hiu, những điều ấy vây bọc lấy dáng bé nhỏ của người O.” (TĐLLC, trang 6).

Nhưng có một điều cũng nên thừa cùng bạn là hầu như qua 14 truyện ngắn trong “*Trên Đồi Là Lô Cốt*”, tác giả cho người đọc thấy được không khí triết học phảng phất qua những trang sách ấy với những câu hỏi về chiến tranh, về con người, về cuộc đời, về sự sống và về cái chết... Ví như tác giả có nhắc qua truyện “*Con chim đen*”, ở phần chú giải về sự ra đời của truyện này:

“Viết vào thời 22 tuổi, những tháng ngày đắm chìm trong rừng sách triết học cổ điển và hiện đại. (...) Hơn 40 năm sau, đọc lại, (...) vẫn cảm giác bồi hồi như xưa về một con chim đen chết cứng, về một tiếng cỏ mọc trong tâm linh. Và những chia xẻ của những người đọc ngoài 60,) (TĐLLC, trang 83).

Vâng, vào những năm 1960-1970 của thế kỷ trước, khi tôi còn nhỏ cũng đã nghe tên các cuốn sách như “*Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học*” (1964), “*Hồ Thắm Tư Tưởng*” (1967), *Im Lặng Của Hồ Thắm* (1967), “*Mặt Trời Không Bao Giờ Có Thực*” (1967)

của Phạm Công Thiện, “*Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng*”(1968) của Krishnamurti, “*Về Thể Tính Của Chân Lý*” (1968) của Heidegger do Phạm Công Thiện dịch, và nhiều, nhiều lắm các sách vở về triết học khác nữa của nhiều tác giả được xuất bản ào ạt lúc bấy giờ, nên những tư tưởng ấy ảnh hưởng đến các nhà văn nói chung, và Lữ Kiều cũng không là ngoại lệ.

Dẫn chứng về điều này, tôi nghĩ không khó, bởi lẽ những suy nghĩ của tác giả vào những thời điểm ấy là những suy nghĩ của tuổi trẻ mới bước chân vào đời với sách vở còn thơm mùi mực mới cùng với hoàn cảnh xã hội đang ở vào lúc chiến tranh, nên những suy tư về thân phận của con người, của chính mình là những suy tư có thực với những câu hỏi mà chừng như người nêu câu hỏi không cần có lời giải đáp:

“ Có còn nhớ không những ngày tháng mơ hồ mất hút ấy? Tại sao phải cười, phải bắt chước tiếng cười của thằng Ngạc- Khà khà!... Phải đó, giọng cười nửa khinh bạc, nửa khô héo, cười như thở dài? Cái gì đã đến trong bấy nhiêu năm xa cách giữa chúng ta? Một đời sống? Một số mệnh?” (Cho chúng ta nhìn nhau). (TĐLLC, trang 105).

Hoặc đây là một câu hỏi khác, mà tác giả cho rằng: “*Đọc lại những dòng viết 40 năm trước, có một chút hư vô chủ nghĩa của tuổi 20, thật ngậm ngùi.*”:

“Có thật tôi đau khổ? Có thật tôi muốn đạo diễn cho mình một vở kịch mới khác hẳn những vở kịch đã đóng trong đời?” (Buổi Mai Trắng; TĐLLC, trang 92)

Nhiều và nhiều lắm những khắc khoải, băn khoăn, trăn trở của tuổi trẻ qua những trang sách của Lữ Kiều mà tôi vừa trích dẫn vài đoạn như vừa rồi; nhưng có lẽ cũng cần nhắc qua một chút về truyện cuối cùng trong tập truyện mỏng này. Đó là truyện “*Vác Gõ Rừng Sâu*”, là truyện duy nhất tác giả viết sau năm 1975 theo như lời ghi chú vào tháng 7 năm 2006 trong sách: “*Sau năm 1975, tôi đi học tập cải tạo tại trại tập trung LITI. Thời gian 3 năm ấy tôi sống như cỏ cây. Đôi khi sự sinh tồn còn vượt lên cuộc sống. Bây giờ tôi 32 tuổi, tuổi sung sức nhất của sáng tạo.*”

Đó là những ngày mà trí óc trắng, không còn sách vở, không còn văn chương. Chỉ còn một cuốn Kinh Thánh. Và ký ức về những lời Phật dạy. Đó là cơ hội cho tôi chiêm nghiệm lại cuộc đời mình, không phải bằng chữ nghĩa, mà bằng chính thực tại. Và tôi nghiệm ra điều mà Phật dạy: Tâm không phân biệt- tâm bất nhị.

Đây là bài văn duy nhất viết được sau 1975, sau đó thì ngừng viết cho đến khi viết trở lại năm 2000.”(Tháng 7 năm 2006, (Vác gỗ rừng sâu, TĐLLC, trang 154)

Vâng, tôi rất hiểu và rất cảm thông được thế nào là “*trí óc trắng*” và “*chiêm nghiệm lại cuộc đời mình*” của những ngày tác giả “*vác gỗ rừng sâu*” ấy, bởi lẽ chính tôi cũng đã có những ngày vô rừng làm thân một gã tiều phu còm-cõi với cây gậy bằng thân cây trầm khô nhỏ nghêu-ngao giữa rừng trầm cũng hết mấy năm trời!

Tóm lại, với 14 truyện ngắn qua 156 trang sách trong *Trên Đồi Là Lô Cốt* của Lữ Kiều, tính đến nay những

truyện ngắn ấy có tuổi đời trên dưới năm, sáu chục năm; nhưng sau khi đọc xong và gấp sách lại, tôi thấy ở các truyện của tác giả vẫn còn đó những nỗi băn khoăn, trăn trở, dằn vặt và ngậm ngùi của những cuộc tình chưa trọn hời ở tuổi đôi mươi ngày nào của chính tác giả. Dĩ nhiên rồi, có truyện tình nào hay mà trọn vẹn bao giờ? Nhưng có lẽ cũng phải ghi nhận thêm một điều là tác giả rất khéo léo mang cái chất liệu lãng mạn cùng với một chút hồn nghệ sĩ của chính mình vào các truyện nữa, nên truyện của Lữ Kiều dù có buồn thật là buồn nhưng rất lôi cuốn và hấp dẫn! Và sau cùng, nghĩ cũng nên thêm một điều này nữa là dù đã qua hơn bốn mươi năm rồi nhưng với những lời chú giải dưới mỗi truyện với lời văn vừa êm đềm vừa thanh thoát mà dạt dào tình cảm của chính tác giả, chẳng những ở đó là những trang văn tuyệt tác mà còn là những viên ngọc lấp lánh của một tâm hồn nghệ sĩ được sống lại cái thời của tuổi đôi mươi đầy thơ mộng của mình nữa. Ôi, đẹp biết bao!

Hai Trầu/ Houston, ngày 01 tháng 11 năm 2018

ĐÔI DÒNG
TRẦN THỊ NGUYỆT MAI



tranh TTM

Nhà văn/ Nhà thơ Lữ Kiêu/ Họa sĩ Thân Trọng Minh là một người rất mực tài hoa. Ở lãnh vực nào ông cũng rất tuyệt.

Vì vậy, tôi không ngạc nhiên khi Nhà thơ/ Nhà văn Đỗ Nghê/ Đỗ Hồng Ngọc đã viết TỰA cho Thử bút như vậy:

Thử bút, không phải tùy bút, không phải tản mạn, không phải tạp văn... Nó ùa ra, nó túa ra, có lúc tòe loe, có khi hệt hăng, những cảm hứng, những ngẫu hứng, những xúc động bất chợt, như không kèm chế được...

Độc Lữ Kiều, thấy có những lúc ngọn bút của anh như những nhát dao phẫu thuật, sắc cạnh và chính xác; lại có những lúc như những nhát cọ mơn man, đắm đuối...

Tôi cũng bị "mê hoặc", cuốn hút theo từng bài trong Thử bút mà ông nhờ xem giùm morasse. Bài nào ông viết cũng thật hay.

Từ những tình cảm ủy mị rất riêng:

“Ba mươi năm rồi, mới nghe lại giọng nói của em. *Như đó ư? Như đây. Anh có khỏe không?* Ba mươi năm, tưởng như không có thời gian ngăn cách, tưởng như mới chia tay với người bạn tháng trước, tuần trước, vào ngày chúng ta còn đôi mươi.

Đặt tay lên ngực. Quả tim ta ơi...”

...

“Không thể khác đi được. Như yêu quý. Gọi là Như yêu quý, nhưng là một cách gọi cường điệu của *tôi-yêu-quý, bạn-yêu-quý, cuộc-đời-yêu-quý*, bởi em không còn là một hình ảnh của một người, mà em là chính cuộc tình hoặc nhiều cuộc tình trong một cuộc tình trong đời – và ta chỉ có một cuộc đời, cho nên chỉ có một tình yêu. Một tình yêu duy nhất. Như cái chết không thể lặp lại. Sống chính là chờ phục sinh.”

(Từ một tiếng gọi bên kia đại dương)

Đến những suy tư với trách nhiệm của một người cầm bút đối với đất nước:

Người bạn nói: *Muốn làm văn nghệ, phải làm con người trước đã. Không làm được người, Văn Nghệ là*

ngọn. Ôi. Tôi cảm động thật tình. Con đế mền có thể hát để mà hát, nhưng tôi không thể viết để mà viết. Tư tưởng là những đám mây, tác phẩm là cơn mưa. Khi tác phẩm đã hình thành, mây tan. Hồn tôi khánh kiệt. (Một chiếc lá vàng, một ngọn nến trắng, một con đế mền)

...

“Viết như Kinh Kha buồn.

Bao nhiêu lần toan tính. Giàu ngôn ngữ xui mình thêm điêu ngoa để biện minh cái không có thật. Nhà văn và tính phục vụ. Tam thập nhi lập. Viết như một dân thân mới chia sẻ lo âu với quê hương. Để được sống. Để được nhìn mặt nhau. Viết như một thú tội.”
(Chàng Kinh Kha buồn)

Nhưng có lẽ “*Người tù binh ở Phú Quốc*” làm tôi chấn động nhất, và cũng nhận ra rằng người lính miền Nam chúng ta rất nhân bản:

“Tôi hiểu cái gọi là tàn ác. Tôi hiểu cái gọi là sự thiện. Đôi khi tôi dò dẫm bằng trí óc, đôi khi tôi thao thức bằng con tim để tìm sự thật. Từ đó, đại đột chưa, tôi cũng đôi khi muốn rơi nước mắt sau trận cười điên đảo!”

...

“Hơn ai cả, người nghệ sĩ Việt Nam phải thức tỉnh trước tình tự đau thương ấy. Thức tỉnh, nhìn nhận sự thật, và tạo niềm tin để vững nhận trách nhiệm chung...”

Vâng, tôi muốn nhấn mạnh đến trách nhiệm chung của chúng ta. Tôi vừa kể chuyện người tù đảo hãm. Đến sự tra tấn. Đến tội ác. Tôi biết không thể nói hết

được. Xin anh hiểu cho. Tôi muốn nhắc lại niềm tin tôi dành cho những nghệ sĩ Việt Nam.

Có bao giờ, anh nghĩ rằng chúng ta đều là những kẻ bị kết án, và đang được triển hạn?”

(Người tù binh ở Phú Quốc)

Ở bài “*Chàng thi sĩ viết văn*”, ông tiết lộ:

“Bạn biết rằng, giờ đây, tôi chỉ còn thấy được bằng một con mắt, tôi đã hư một con mắt từ 15 năm nay...”

Bài này được viết vào năm 2007. Làm một con tính, tôi biết rằng ông đã bị hư một con mắt từ năm 1992, tức là đã 27 năm rồi. Mắt yếu, mệt, nên có lẽ đây là nguyên nhân ông chuyển từ viết sang vẽ. Cũng là một cách sáng tác. Sức sáng tạo của ông là vô tận.

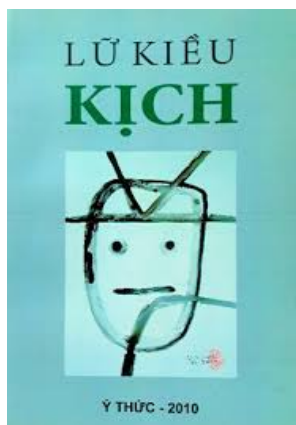
Em xin chúc mừng anh, anh Lữ Kiều kính mến. Mong anh vẫn mãi tiếp tục sáng tác.

Trần Thị Nguyệt Mai

25-2-2019

Độc Kịch Lữ Kiều

●**Khuất Đầu**



Kịch là một từ Hán Việt. Theo định nghĩa của Đào Duy Anh, là rất mạnh. Như một con địa chấn tạo nên những đứt gãy, những hố sâu.

Từ đó, Kịch được dùng để gọi những tuồng hát, những tuồng đời.

Trái đất là một tinh cầu. Mỗi vở kịch là mỗi tiểu tinh cầu. Và tác giả chính là mỗi tiểu thượng đế. Như trong kinh thánh, tác giả tạo ra ánh sáng và bóng tối, tạo ra gió và mưa, tạo ra không khí và sau cùng tạo ra nhân vật. Nhân vật được tác giả cài đặt định mệnh. Những định mệnh nâng đỡ nhau, va đập vào nhau tạo nên những số phận. Tất cả những chuyển động âm thầm ấy làm nên kịch.

Vở kịch được coi là thành công khi tạo được những dư

chấn trong hồn người xem sau khi đã cho họ thấy những đứt gãy, những hố thẳm.

Nhưng nếu vở kịch được viết mà chưa lên sân khấu, thì vẫn chỉ là một tình cầu chưa chuyển động. Chúng nằm im trên giấy như cô công chúa ngủ trong rừng chờ hoàng tử đến thức dậy. Hoàng tử ấy là đạo diễn. Anh ta dùng bàn tay kỳ ảo của mình như phù thủy hô phong hoán vũ kêu gọi âm binh, làm chuyển động ánh sáng, bóng tối, gió mưa và những nhân vật. Vở kịch có da có thịt trở nên sống động là nhờ anh.

Hiểu như thế để thấy rằng từ tim óc người viết cho dù là tiểu thương để cũng phải cần có nhiều cơ may mới có thể đến được với người xem.

Trên các sân khấu VN, có rất ít cơ may như thế. Thì đành phải “đọc” vậy.

Đọc như thế nào? Đọc một cách ơ hờ như đọc một thông báo? Hồng! Đọc như một chút tình bè bạn, cũng hồng! Phải đọc như một đạo diễn có tài đang dựng kịch. Tức là phải làm cho vở kịch chuyển động, phải đánh thức những con chữ để nó phát ra tiếng nói. Và phải nghe bằng sáu giác quan, trong đó giác quan thứ sáu là vô cùng cần thiết. Như Kim Thánh Thán “nghe” Tây Vương ký. Như Bùi Giáng “nghe” Malentendu, kịch của Albert Camus.

Tôi cũng tin là mình đang “nghe” như thế trước những tiểu tình cầu của Lữ Kiều.

Thức dậy đi kẻ phá cầu!

Kịch được viết năm 1969, sau Mậu thân đúng một

năm. Cứ cho là vào những ngày giỗ đầu của hàng vạn con người đã chết oan để làm nên một tiếng nổ lớn còn hơn bom nguyên tử. Chiếc cầu tuy không gọi tên nhưng ai cũng biết là cầu Trường Tiền. Cây cầu yêu điệu thực nữ đưa những bờ vai “như giấy mới” bắc qua hai bờ sông Hương, con sông như kiếm dựng trời xanh dưới mắt nhìn Cao Bá Quát.

Cây cầu còn là một niềm kiêu hãnh như một nét mày cong vẽ trên tâm hồn Huế.
Vậy mà có kẻ muốn phá, dám phá!

Kẻ ấy là Trung, tổ trưởng đặc công, là người từng lớn lên bên bến sông ấy, từng tắm dưới chân cầu kia. Trung còn là bạn của Miên một thương binh “nguy” mù mắt, và đã từng thầm yêu Kim, chị của Miên, từng biết Văn chồng của Kim, từng lui tới đề huề coi mẹ Kim như mẹ. Anh cùng đồng chí chọn đúng ngôi nhà thân quen để làm nơi xuất phát cho cuộc tàn sát một cây cầu.

Khi biết được nhiệm vụ của anh, Kim và Miên ra sức cản ngăn. Nhân danh tình bạn, một thời đã rất lãng mạn cùng âm ỉ hát bài Chiều vàng dưới nắng vàng để tương tư một người con gái, Miên đã tranh luận với Trung, quyết liệt đến nỗi, *ngày mai, khi nghe tin cầu gãy, nếu tôi còn sống, tôi xem như cậu đã chết*. Nhưng Trung vẫn khẳng định là cầu phải bị phá huỷ. Để chi vậy? Để ngăn đường tiến quân của địch? Không! Mà chỉ để xác tín bọn họ có mặt ở thành phố này và để cho thế giới biết được sức mạnh của họ. Cuộc chiến ý thức giữa hai người một thời là bạn dẫu đội không kém những cuộc đấu kiếm hay đấu súng. Cuối cùng kẻ mù

loà nhưng sáng suốt đã thua kẻ sáng mắt có sức mạnh mù quáng.

Cây cầu đã bị giựt sập. Và Trung đã chết cùng với cây cầu.

Gần một phần tư của vở kịch, tác giả để Trung khắc nhổ vào quá khứ, hận thù hiện tại, *nhưng lạ một điều là Trung không thuyết giảng về tương lai*, một tương lai màu hồng như ta thường nghe thấy từ miệng lưỡi của “những đứa con mang gươm đao về xóm làng”. Từ lời nói, từ cử chỉ, rắn và lạnh như thép sừng. Trước mặt người chỉ huy và đồng chí Út, Trung có vẻ sừng sững cao ngạo của một kẻ mà lập trường đã được trui rèn trong lửa đạn. Ở đây ta thấy sức mạnh của nguy tín đã thắng áp đảo những mong manh yếu đuối của tâm hồn.

Trung cho thấy dưới mắt nhìn của cả hai phía, tâm hồn anh đã hoá thạch. Một tâm hồn còn chai cứng hơn cả Martha trong Malentendu của Camus.

Nếu Trung còn sống trở về hay bị tử thương vì chất nổ thì toàn bộ những sự kiện, những nhân vật chỉ là vật chứng, người chứng để tôn vinh là anh hùng của phía bên kia, hay để kết tội là kẻ phá hoại của phía bên này.

Nhưng, qua lời nói hờn hên của người chỉ huy bị thương trở về, chứng nhân cuối cùng của cuộc ám sát, ta bỗng thấy dung nham của sự thật đang trào lên sau tiếng nổ lớn. Như đêm bỗng sang ngày. Như chết bỗng thành sống. Tất cả đã quay ngoắt 180 độ.

Giật mình nhớ lại một phần tư vở kịch, ta thấy Trung đóng kịch. Anh đóng kịch trước Miên, trước Kim,

trước đồng đội. Đóng kịch quá giỏi. Không ai có thể moi ra lời nào, cử chỉ nào để xác tín anh là kẻ sẽ chết theo cây cầu. Vậy mà chỉ một lời như trời trắng của người chỉ huy, *phía bên kia* Không thể tôn vinh anh là anh hùng, *phía bên này* không thể kết án anh là kẻ phá hoại.

Anh là kẻ tuân tiết.

Anh chết theo cây cầu như trước đó anh nói với Miên, *tôi còn thân thiết cây cầu hơn cả cậu*. Từ một kẻ tâm hồn tưởng chừng hoá thạch, bỗng trở nên nóng ấm vì sự phục sinh của một tâm hồn đắm đuối.

Cái quyết định bi tráng ấy không phải bỗng dưng mà có. Nó bùng nổ trong tâm hồn Trung khi được biết cây cầu sẽ bị phá để gây một tiếng vang lớn trên toàn thế giới sau khi cuộc tổng tấn công đã bị thất bại. Trung được chọn, còn hơn thế, tự nguyện trở về để làm cái việc mà trước khi lên núi anh không hề nghĩ đến. Anh vẫn tưởng làm cách mạng là lau rửa khuôn mặt Huế đã nhớp nhơ, xấu xí vì bàn tay lông lá của ngoại xâm, để giữ cho nét mày cong ấy đẹp hơn, tô điểm cho xứ Huế thêm yêu kiều lộng lẫy.

Cái chết của anh chính là một thức tỉnh sau những đêm dài ngộ nhận. Nó còn là một lời tạ tội với những người thân quen cũ, là sự đoạn tuyệt dứt khoát với những người “bạn” mới, mặc dù dưới mắt họ, trước đó anh là một anh hùng. Cái chết của anh bỗng dưng bi tráng hơn cả Kinh Kha. Vì sao? Vì Kinh Kha còn có cả ba ngàn tân khách tiễn đưa bên bờ sông Dịch, còn tỏ được cái hào khí trên sông lạnh với những câu hát làm tóc trên đầu tân khách dựng ngược. Còn Trung lặng lẽ, âm

thâm. Một mình mình biết, một mình mình hay. Khi bơi đến đặt chất nổ vào lòng cầu, trái tim Trung chắc đập dữ dội. Cây cầu bình yên ôm lấy anh như đã ôm anh suốt cả thời thơ ấu. Lúc này anh như một kiếm khách, một tay ôm chặt người yêu, mặt sát mặt, môi sát môi, một tay đâm cây kiếm bén ngót từ phía sau, xuyên qua tim nàng và xuyên qua tim mình !

Từ trong sâu thẳm, nhân vật Trung cho ta thấy vẫn còn chất người. Còn rất nhiều. Một người dám chết với những gì mình dấu yêu còn người hơn một người sống thấp hèn với những gì mà mình căm ghét. *Chỉ một cái chết nhưng dưới hai mắt nhìn, một bên cho Trung là kẻ phản bội, một bên có thể gọi Trung là kẻ chung tình.*

Còn một nhân vật khác, cô đọng như một giọt máu khô. Đó là mẹ Kim, một người đàn bà câm (hay bồng dung bị câm?). Bà chỉ kêu lên A! A!, những tiếng kêu quái dị khi nhìn những xác chết. Bà là hình ảnh tượng trưng của Linh Hồn Huế. Trước nỗi đau sâu dài khiến bà hoá câm, chỉ phát ra những tiếng kêu đứt ruột.

Đọc xong vở kịch, tôi mơ hồ tưởng như mình đang ngồi trước một sân khấu mà ánh sáng và bóng tối được sử dụng bởi những kỹ sư tài giỏi, một dàn nhạc biết rải vào khoảng lặng những âm thanh nhiều màu sắc, những nhân vật được thể hiện bởi những nghệ sĩ đích thực, và tất cả được phù phép dưới bàn tay của một đạo diễn bậc thầy. Tôi như trông thấy ngọn lửa của cây cầu đã hoá thân trong đó có máu thịt của Trung. Ngọn lửa ở phía sau và người Mẹ câm ôm yếu, đen đúa ở phía trước. Bà đưa hai tay lên trời kêu A!A! trong khi màn từ từ hạ. Tôi nghe như Trời Đất ời!

Tiếc rằng đó chỉ là giấc mơ. Cũng như tiếc rằng tác phẩm ai điều cho một cây cầu này của Lữ Kiều chỉ là những trang bản thảo cho dù đã được bạn in thành sách như một tiếng thở dài.

Con sâu trong mắt

Kịch được viết năm 1972, năm ký kết hiệp định Paris. Ở thời điểm này cuộc chiến tranh đã xuống thang, một số tù binh sẽ được hai bên trao trả. Nhưng trước đó và sau đó, những tù binh ở Phú Quốc vẫn không phải là tù chính trị như ở Côn đảo. Một chừng mực nào đó, người ta vẫn phải tuân theo công ước quốc tế Genève về tù binh. (không có những cai ngục miệng luôn mồm chửi, tay luôn đánh đập). Bên cạnh những giám thị ăn nói khá hoà nhã (gọi tù là các anh) còn có thêm những bác sĩ mặc áo lính. Một trong những bác sĩ ấy là tác giả.

Chúng kiến những người tù đói khát, ốm đau, thương tật, những âm mưu đào thoát, một người đã từng tuyên thệ trước Hypocrate cảm thấy những nỗi đau âm ỉ, khắc chằng ra nuốt chằng vào, nên phải viết thành kịch. Viết cho chính mình, trước hết, như một băng bó tạm thời trước khi có một cuộc đại phẫu. Viết, sau đó, những mong để lại trong văn học một nét khắc cho dù không bóng bẩy tài hoa như Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân, nhưng vẫn là một vết khắc của lịch sử. Cái tập thể với hơn 500 con người tạm thời thua một vài trận nhưng vẫn tin ở chiến thắng cuối cùng. Dù bị giam cầm canh giữ nghiêm mật, họ vẫn nung nấu một ý đồ vượt thoát. Kịch phơi bày cái khát vọng tự do

dưới hình thức một cuộc tuyệt thực để đấu tranh những đòi hỏi mà họ cho là chính đáng: thả những người bị biệt giam mà họ nghi ngờ là bị thủ tiêu. Trả xác những người đã bị bắn chết khi vượt thoát. Họ không còn vũ khí để chiến đấu. Họ chỉ còn cái quyền từ chối được ăn. Dĩ nhiên là để làm reo. Ta chẳng lạ gì cách đấu tranh của họ. Chỉ lạ là họ ngồi lì giữa trời nắng cháy hay giữa trăng khuya lạnh buốt để che dấu cho một âm mưu táo bạo. Họ âm thầm đào một địa đạo dưới lòng đất dài cả trăm thước, đào bằng cả men, bằng tay không, để đưa cả trăm người tù thoát qua bãi mìn rồi biến mất giữa rừng lau lách. Công cuộc ấy kể ra cũng khá vĩ đại nếu thành công. Đó là công cuộc quật khởi giữa lòng quân thù, là thắng trước mũi giặc, là tiếng nổ lớn vang dội tận hoà đàm Paris.

Nhưng họ không thành công. Cuộc vượt thoát đầy mưu trí và kiêu hãnh ấy bị nhận chìm trong biển máu. 99 con người bị bắn chết ngay khi vừa ló đầu ra khỏi miệng hầm, mũi chưa thở được chút khí trời tự do. Chỉ có một người bị thương may mắn sống sót nhờ giả chết. Người mà số phận bỗng được nuông chiều một cách kỳ lạ ấy bắt đầu một cuộc trả thù. Không phải những kẻ đã vãi những tràng đạn đại liên trên lưng anh em đồng đội, mà là kẻ phản bội đã bán đứng cả trăm con người cho địch.

Kẻ ấy là ai? Là người đàn ông trung niên tên Quyết, người đã bằng đầu óc kỹ sư của mình vẽ ra cái địa đạo tuyệt mật ấy, người đã khước từ cái phần thưởng xứng đáng là được đào thoát, người cao thượng hảo, người để lộ cái bản chất tiểu tư sản kiêu bạt khi tuyên bố chỉ ra đi cuối cùng với địa đạo sau cùng. Và nếu có chết

thì cũng chết như một thuyền trưởng dày dạn chết theo con tàu của mình sau khi thủy thủ đã xuống hết thuyền cứu hộ. Chính cái lãng mạn bị tráng ấy đã bị những người tù còn lại kết án là phản bội, vì sau đó ông ta đã được đưa vào trại giam khác để rồi lặng lẽ biến mất.

Người thanh niên suốt ba năm đi tìm ông ta với một quyết tâm không gì lay chuyển: phải giết ông ta bằng được để giải oan cho những linh hồn của những người đã chết. Đã tìm là phải gặp. Người thanh niên đã gặp ông ta nằm ngủ trước cổng tam quan một ngôi chùa nhỏ cô tịch. *Máu kêu trả máu, đầu kêu trả đầu*. Anh ta đã giết được người kỹ sư sau khi đã trưng ra những bằng chứng không thể chối cãi của sự bội phản.

Kẻ phản bội đã phải đền tội nhưng câu chuyện chưa phải đã hết. Vì như thế thì có khác gì những cuộc trả thù nhằm chán trong những phim kiếm hiệp. Cái đáng xem của vở kịch này là mặt trái của câu chuyện, là thấy vậy mà không phải vậy. Cũng như Trung kẻ phá cầu, thực ra là kẻ, bằng cái chết của mình, đã bắc một cây cầu mới nối những tâm hồn đồng điệu.

Ở đây, kịch là một bí mật được gói kín bởi nhiều dữ kiện. Người xem giống như những nhân vật trong Quán củ hành trong Chiếc trống thiết của G. Grass. Mỗi người được phát cho một củ hành, một con dao. Cứ thế mà bóc vỏ, mà băm vằm cho đến khi nước mắt nước mũi lòng thông, nổi khùng lên ôm nhau hôn, ôm nhau khóc.

Trong kịch Lữ Kiều, cái lớp vỏ lụa vàng óng bên ngoài là cuộc đối thoại ngắn giữa một chú tiểu vừa mới nhập

môn, hãy còn những nét trẻ con ngây ngô của thể tục với một người đàn ông trần tục lại nói ra toàn những lời của nhà Phật. Cái vô ấy kêu lạo rạo đôi chút, chẳng có gì là mùi vị hăng nồng đặc trưng của củ hành.

Lớp vỏ thứ hai là cuộc gặp giữa người đàn ông và người thanh niên. Người đàn ông chưa nhận ra người thanh niên, nhưng người thanh niên thì biết ông ta quá rõ. Ông ta tên Quyết, người mà anh ta kiếm tìm để kết thúc cho một mối hận thù. Khi nghe nói đến hận thù ông ta liền nhận ra anh ta đã từng là người tù như ông, những người cùng chí hướng cùng lý tưởng ở trại tù A trên đảo Phú Quốc. Lẽ ra họ đã ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, nhưng giữa họ đã có một con dao dáu sẵn trong áo của người thanh niên. Đến đây người xem đã chắc một điều rằng, đây chính là củ hành chứ không phải củ khoai tây.

Nhưng vẫn chưa thấy mùi hăng. Phải đến lớp vỏ thứ ba mới thấy. Đó là một lớp vỏ đã ngả màu hư thối, dậy lên một mùi khó chịu, vừa cay vừa chua, mùi của một lớp tuồng đã cũ. Sân khấu chuyển cảnh bằng cách sử dụng nhuần nhuyễn ánh sáng và bóng tối, đưa ta trở lại ba năm trước. Cảnh hàng trăm tù binh tuyết thực và biểu tình ngồi để đòi trả xác những người bị bắn chết. Người chỉ huy, tên Năm, đưa ra những yêu sách rất cương quyết nhưng cũng rất ôn hoà. Một người cho dù là đã bị tước khí giới, bị nhất thời làm người thua cuộc, vẫn bằng lời nói đỉnh đặc chứng tỏ mình xứng đáng là người chỉ huy, thay mặt cả 500 con người, hiên ngang đứng thẳng, mặt đối mặt với kẻ địch.

Trước một cuộc đấu tranh bất bạo động và được điều

khỉnh bởi một người có tư cách, ban giám thị cũng đã tỏ ra là những quân nhân có giáo dục. Họ đã trả lời một cách hoà nhã tuy không kém phần cương quyết. Ở nơi tường chừng chỉ có gậy sắt bọc cao su, chó berger, những khuôn mặt lầm lì, không ngờ lại được nghe những lời đối đáp khôn ngoan kín kẽ như những nhà ngoại giao trong các cuộc đàm phán lâu dài mỗi một. Ta bất ngờ cảm được cái vị ngọt ít ỏi trong cái cay nồng của củ hành.

Lốp vỏ tiếp theo đã bắt đầu làm ta cay mắt. Những người tù đang âm thầm tổ chức cuộc vượt thoát. Cái cảnh sử dụng quyền không muốn ăn của bọn họ chỉ là bức màn làm bằng 500 con người ngồi để che dấu những lớp đất đựng trong thùng phân được chuyển lên từ hố sâu. Một địa đạo dài gần 100 mét sắp hoàn thành. Nhưng nếu mở miệng hầm thì tất cả sẽ phải đi qua một bãi mìn, tức là tự sát.

Một cuộc tranh luận gay gắt giữa anh Năm và người thanh niên, trưởng toán đào hầm. Người thanh niên sôi nổi muốn vượt thoát bằng bất cứ giá nào. Nếu phải hy sinh 50 cũng đã là một chiến thắng. Nhưng anh Năm thì không, một người cũng không. Dù có phải lấp lại hầm để bảo toàn bí mật, lấp vùi luôn bao nhiêu công sức của cả trại A, ông vẫn cứ làm. Sau cùng, theo lời người đàn ông tên Quyết, nếu kéo dài thêm 6 tiếng thì mọi việc sẽ hoàn thành trọn vẹn. Người chỉ huy đã chứng tỏ tài lãnh đạo của mình khi thuyết phục được ban chỉ huy trại tù cho kéo dài thêm 6 giờ để ngồi mặc niệm những người bạn đã hy sinh. Hãy nghe ông nói, *chúng tôi xin ngồi đến giờ giới nghiêm của trại. Bởi vì đêm nay là đêm rằm, đêm rằm tháng bảy, ngày*

xá tội vong nhân...Chúng tôi sẽ im lặng mặc niệm cho tất cả anh em, bạn cũng như thù đã chết...Một lời thỉnh nguyện có tình như thế làm sao ban chỉ huy từ chối được. Họ đồng ý và địa đạo được đào xong.

Vấn đề đặt ra cấp bách ở đây là ai đi ai ở lại. Anh Năm thường công cho người kỹ sư bằng cách bảo đêm nay anh hãy trốn đi. Nhưng người kỹ sư bảo anh Năm phải đi để lãnh đạo những người vượt thoát trốn lên phía bắc. Phần ông, cho dù bị kết tội là anh hùng cá nhân ông vẫn muốn ở lại để đào thêm những địa đạo mới mặc dù biết rằng ở lại là phải chịu đựng những cây gậy sắt bịt cao su quất vào đầu vào lưng. Lớp vỏ tiếp theo, qua lời kể của người thanh niên trưởng toán đào hầm, tất cả đã bị ba khẩu đại liên dẫu trong rừng lau quét sạch trừ anh ta.

Chưa hết bàng hoàng bởi cái chết của 99 con người đói khát, ta lại đối mặt trước một toà án kỳ dị với một bồi thẩm đoàn 8 người trong đó có người kỹ sư, vừa ở tư thế quan toà vừa ở vai bị cáo. Mỗi đêm, cứ một ai đó khả nghi là kẻ phản bội liền bị đưa ra trước hội đồng. Chỉ cần 5 cánh tay của 5 người trong bọn là kẻ đó liền bị hành quyết ngay giữa hội đồng bằng cách đâm một vật nhọn vào giữa ngực. Cứ thế, mỗi đêm một người mới trước đây là đồng chí phút chốc đã trở thành kẻ phản bội. Mỗi đêm một người chết và sáng ra tất cả tù còn lại phải chịu tra khảo để tìm cho ra ai là kẻ chỉ huy của cuộc thanh trừng.

Cái cảnh những người tù xử với nhau thật kinh hoàng. Còn hơn cửa ngục thứ mười vì ở đó là những con quỷ bảy màu với cái chia ba, chứ không phải những người

anh em đã cùng sống chết có nhau. Mà bằng chứng tội phạm của những kẻ bội phản là gì? Chỉ là nửa mẩu thuốc lá thừa, một chút cặn trong lon đồ hộp, hay vô ý đánh rơi một miếng giẻ rách dùng làm khăn... Bằng chứng còn là được thân nhân ở bên ngoài tiếp tế mà lại lén lút để ăn riêng... Nếu không có một người trước cái án oan của mình hốt hoảng đặt ra một nghi vấn, *anh Quyết ấy sao không đi? Sao không nghi ngờ anh ấy mà lại nghi ngờ em chỉ vì em thêm thuốc quá!* Thì mỗi đêm một người cứ phải chết cho dù có phải lần lượt chết đến người thứ gần bốn trăm!

Mọi nghi ngờ đều kín được trút hết vào người kỹ sư. Ông ta bị đóng đinh câu rút giữa những người anh em mà ông đã yêu từ lúc còn trẻ tuổi. So với người thanh niên, ông là thế hệ đi trước. Ông có bằng kỹ sư. Ông yêu cuộc cách mạng này, ông nguyện hiến cả đời mình cho sự nghiệp ấy. Thế nhưng ông bị buộc tội tổ chức đào cả một đường hầm để đưa cả trăm chiến sĩ vào giữa những họng súng của kẻ địch. Ông bị tội chết là phải lắm. Người thanh niên có nghĩa vụ to lớn và chính đáng giết ông ta.

Người kỹ sư tuyệt vọng, không phải vì phải chết mà vì niềm tin đã sụp đổ. Khi một người sống mà không niềm tin nào cả thì chết là một giải thoát. Ông ta chịu để cho người thanh niên đâm dao vào ngực mình. Cái lớp vỏ cuối cùng của cử hành này tuy có cay nồng thật đấy nhưng chưa làm người bóc vỏ nổi cơn điên gào thét. Phải đến khi người thanh niên chúi máu dính trên con dao vào tay áo mình, cười lớn trước sự ngây thơ ngờ nghệch của người kỹ sư và nói những lời làm cho tóc ta dựng ngược, *tôi biết anh vô tội nhưng tôi phải*

giết anh...tôi là kẻ duy nhất biết ba khẩu đại liên đang chờ những người tù...tôi là kẻ lên sau cùng khi 99 người đã bị giết. Thì lúc ấy khi những lời nói của hắn ta trào ra khỏi miệng như những con rắn độc, ta sững sờ nín lặng, rồi hai tay bịt lấy tai mình mà hét toáng lên. Sao lại có một sự thực tàn nhẫn và lạ lùng đến như vậy. Một sự thực cay xè còn hơn là một củ hành tỏi.

Sau cơn cuồng điên vì không thể tin được lại có một kẻ bội phản yêu quái ranh ma như thế, ta rơi xuống vực sâu của sự im lặng. Sự im lặng của thao thức. Sự im lặng của tuyệt vọng. Trong mơ hồ ta thấy những khuôn mặt dị kỳ với những con mắt không phải chỉ có những con sâu mà còn có cả cạp beo rắn rít, những con mắt của bạch cốt tinh chỉ nhìn vào ai là kẻ đó lạnh toát biến thành xác chết.

Ta giật mình nhớ lại những lời nói, tiếng cười của tay thanh niên, trường toán đào hầm. Hắn sôi nổi nhiệt tình bao nhiêu càng đáng sợ bấy nhiêu. Hắn sẵn sàng hy sinh cả 50 và như ta thấy đó. Cả 100 nếu tính luôn cái chết sau cùng của người kỹ sư để tạo nên cho mình cuộc vượt thoát hào hùng. Khi người kỹ sư mà hắn xem như cái đuôi quá dài của bọn tiểu tư sản bị giết thì trên đời này còn ai biết được sự thật của hắn. Sự sống sót của hắn đã là một trang anh hùng trong lý lịch của hắn. Giờ lại thêm cái chiến công giết kẻ “phản bội” để trả thù cho anh em, thực ra là để bịt miệng, hắn trở thành kẻ đi đầu trong đoàn quân chiến thắng. Thử tưởng tượng từ đó đến nay, nếu chưa chết, hắn đã leo lên bao nhiêu bậc? Hắn đã giết thêm hại thêm bao nhiêu người vô tội để xây đắp tượng đài cho mình?

Mà đâu phải chỉ có một trại tù như thế ở Phú Quốc mới có những kẻ như hần. Còn bao nhiêu trại tù trên đất nước chúng ta!

Thôi mệt quá, không hơi sức đâu mà nghĩ tới hần nữa. Nói một đôi điều ngoài lề với tác giả.

Là như thế này, sao lại để cho hần nói quá nhiều. Chỉ một vài tiếng là đủ. Chỉ cần “mô Phật” khi chùi xong lưỡi dao vào áo là đã quá cay chua rồi. Cần gì phải để hần hỏi chú tiểu bé con có thấy trong mắt hần có con sâu hay không. Ngoài tiếng *con người* mà hần không xứng đáng được gọi thì con gì chẳng được, cứ phải là con sâu. Những cảnh không lời của cái hội đồng kỷ luật 8 người đố với một ngọn đèn con khi sáng khi tắt (như lương tâm) và những người bị giết lặng lẽ là tuyệt đỉnh của vở kịch này. Những cảnh đó nói lên biết bao điều tối ám trong lòng hần. Nếu vở kịch này diễn ra trước công tam quan mà không có chú tiểu ở đầu và cuối mà thay vào đó là những tiếng chuông chùa vọng ra từ hậu trường thì đúng là cả một sự im lặng kinh hoàng như cả trái đất này đã biến thành một lỗ đen.

Kết

Kịch của Lữ Kiền là những dấu hỏi lớn, những phân định một cách công bằng về công và tội, về Thiện và Ác, về ánh sáng và bóng tối. Không một sân khấu nào giữa thời buổi này dám dựng. Hãy dựng nên trong đầu ta, mệt thật đấy, đau thật đấy, nhưng chỉ một mình ta cùng sông và cùng chết với kịch, nói như Thánh Thán, không sướng sao?

20/5/09

MANG VIÊN LONG

Những vở kịch đời được đưa vào trang viết của
Lữ Kiều



Vào thập niên 60 -70 của thế kỷ trước, những người viết trẻ đi vào văn học thường vẫn chọn thơ hay truyện làm thể loại sáng tác chính, bởi hai lãnh vực này ít đòi hỏi “kỹ thuật” chuyên môn, dễ phổ biến hơn là viết kịch. Tuy vậy, cây bút Lữ Kiều đã sớm chọn cho mình con đường gian khó bằng vở kịch đầu tiên là “*Bọn Họ Bốn Người*” (1964), và “*Kẻ Phá Cầu*” tiếp theo viết vào năm 1969; được giới thiệu ngay trên tạp chí Ý Thức số 01 vào năm 1970 (ngày 01 tháng 10 năm 1970).

Thời điểm ấy, *Kẻ Phá Cầu* là “vở bi kịch” đầu tiên đã đề cập đến “một màn/một cảnh” của biến cố Mậu Thân 1968 một cách sâu sắc, trung thực, hàm súc bao điều mà hầu hết giới trẻ đang trăn trở! Có thể nói đây là “vở kịch” tiêu biểu của muôn ngàn vở kịch đã và đang

“diễn ra” trong cuộc chiến bi thảm. lặng thầm và khốc liệt, mà tất cả đang phải gánh chịu!

Thái độ phản kháng cuộc chiến tương tàn dai dẳng ngày càng hủy hoại đất nước, con người, và niềm khát khao yêu thương, hòa bình cao độ của những người trí thức trẻ Miền Nam mà tác giả là một người đại diện; đã tạo được nhiều ấn tượng sâu đậm, mới mẻ, một thời lôi cuốn người đọc hết sức quan tâm; qua cách “dựng kịch” tưởng rất đơn giản, mà vô cùng vi tế, sâu khuất, gợi cảm, và gần gũi với đời sống... Niềm mơ ước đến sự yên bình hạnh phúc cho đời sống muôn nhà, đến Hòa bình cho đất nước, đã luôn là mạch nguồn “làm tươi mát” nỗi bi tráng của bao thảm cảnh bao trùm quanh thôn làng, phố thị, mà chỉ “một màn/một cảnh” của một đêm “phá cầu” đã được tác giả ghi lại thật sôi động: *“Miền ạ, một mai, khi hòa bình, đời sống sẽ khác. Chúng ta sẽ gặp lại những người thân, sẽ trở về làng cũ, chị sẽ đưa Miên đi...”* - *“Chị vẫn bền lòng hy vọng ư? Dù sao, chúng ta cũng không được già cỗi để chờ ngày hòa bình trở lại (...)”*

Nhưng rồi, cuộc chiến cứ dần dấn tất cả đi dần vào sự thù hận, bức bách, không lối thoát như những mắc xích oan nghiệt qua cuộc đối thoại giữa hai người bạn cũ đang ở hai bên bờ vực thẳm: *“Không, chiếc cầu không phải của bên nào cả. Nó là của thành phố chúng ta. Nó là của lịch sử. Chiếc cầu đã có từ khi chúng ta chưa sinh ra. Nó có lịch sử của nó, gắn liền với lịch sử đất nước. Phá cầu là một hành động phá hoại thuần túy”* - *“Phá hoại nào cũng thuần túy cả. Miên ạ, tôi cũng yêu quý cây cầu (mơ màng) Đâu phải dễ dàng quên hết những liên hệ giữa mình và cây cầu kia. Nhưng nó*

phải bị hủy diệt”.

Những mâu thuẫn ý thức hệ, những dồn nén riêng tư, sự đấu tranh giữa tình cảm và mệnh lệnh, giữa quá khứ và hiện tại (...), cứ dồn dập đưa đẩy tất cả tiến dần vào ngõ cụt của sự hủy diệt - một thảm kịch lớn của cuộc nội chiến kéo dài như được thu nhỏ lại trong một đêm “phá cầu” đầy máu và nước mắt của chính những người thân yêu khi chưa nhìn rõ được mặt nhau, cho dù chỉ quanh quẩn có tám con người (nhân vật)!

Năm 1972, Lữ Kiều viết *“Con Sâu Trong Mắt”* (vanchuongviet.org) - tiếp nối dòng suy tưởng, thái độ, và cảm nhận từ “những vở kịch đời”, ngày càng lan rộng, quy mô hơn, bi thảm hơn. Sự xung đột không chỉ nhìn thấy (& nghe thấy) từ bên ngoài, mà là một sự xung đột tiềm ẩn, tôi tạm gọi là những mâu-thuẫn-nội-tại trong mỗi con người. Trong “Kẻ Phá Cầu” tuy sự xung đột có lúc lên đến đỉnh cao của sự thù hận là máu và nước mắt; nhưng cuối cùng đã tìm thấy sự cảm thông bằng tình thương yêu, tuy có hơi muộn! Ngược lại, trong *“Con Sâu Trong Mắt”* tác giả đã “dừng lại” vở kịch đời, không những chỉ có máu và nước mắt, mà còn là một thảm họa lớn hơn trong cuộc sống mỗi người: Sự mâu thuẫn nội tại không thể giải quyết, xóa bỏ, hay chuyển hóa được ngoại trừ ngay chính bản thân của họ: *“Ta không quên được chuyện cũ Hận thù. Hận thù. Hận thù giữ chặt chân con người trên quả đất này”* và *“Hận thù và lòng tàn nhẫn làm tai họ điếc. Tim họ chai. Họ đã nghi ngờ tôi. Ôi, những người anh em tôi hết lòng yêu mến đã nghi ngờ tôi (...).”*

Thảm kịch đã bắt đầu từ đó, và xuyên suốt theo cả cuộc đời mỗi người, không thể làm khác: “Lòng tàn nhẫn. Chỉ có lòng tàn nhẫn mới giúp ta thắng tay nhúng vào máu người anh em mà ta nghi ngờ. Chỉ có lòng tàn nhẫn mới làm cho họ chỉ còn thấy kẻ bị nghi ngờ là một cái cớ, một sự kiện, chứ không phải một người. Người ta yên ổn, bình tâm triệt hạ những sự kiện, chứ khó lòng triệt hạ con người, phải không?”

Có đôi lúc, được phút giây “nhìn lại chính mình”, nhưng cũng chóng trôi theo guồng máy của bạo lực, của uy quyền, của mệnh lệnh như tâm sự của người kỹ sư trẻ Trần Văn Quyết: “(...) Anh cười, tôi linh cảm nhiều quá? Đúng. Và chính linh cảm này hại tôi. Dù sao, anh cũng ráng hiểu cho tôi, tôi ghét máu. Tôi ghét sự chết. Mà tay tôi đã ngập máu đến cùi chỏ. Mà sự chết của anh em đã đẩy trái tim này...”

Khi sự mù quáng và lòng thù hận đã đi vào tim óc mỗi con người, thì trái tim và khối óc đâu còn rung theo nhịp đập tự nhiên của đạo đức, của lẽ phải? - “Những lý do, có thể gọi đó là lý do được không khi chúng tôi sống trong sự mù quáng của lòng thù hận, khi mà hai mắt nhìn đâu cũng chỉ thấy kẻ tình nghi, kẻ phản bội...”.

Một đoạn đối thoại giữa Người Trẻ Tuổi & Người Đàn Ông:

NGƯỜI ĐÀN ÔNG (mơ màng)
Họ hỏi gì?

NGƯỜI TRẺ TUỔI

Tên kẻ phản bội.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG (ngậm ngùi)

Kẻ phản bội!

NGƯỜI TRẺ TUỔI

Phải. Họ hỏi tên kẻ đã bán đứng anh em cho trại giam. Kẻ đã cho tin bọn giám thị để chúng phục kích những người đào thoát ngay miệng hầm, không kịp tẩu tán. Hắn là ai? Lúc bấy giờ tôi chưa định thần để nghĩ ra ai đã phản bội. Tôi hoàn toàn không biết những người ở lại ra sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Anh muốn biết ư?

NGƯỜI TRẺ TUỔI

Tôi muốn biết. Bởi tôi biết rằng tên phản bội còn ở lại đó trong trại giam.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Thật tình anh muốn biết?

NGƯỜI TRẺ TUỔI (cười ghê rợn)

Ha! Ha... Sự thật nào cũng đau lòng. Phải không anh Quýết?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Anh hãy bình tĩnh. Tôi biết anh đang nghĩ gì trong đầu. Tôi biết anh em ở trại A đã nghĩ gì về tôi. (cười nhạt) Tôi biết lưỡi dao anh giấu trong tay áo. Không. Tôi không chạy tội. Tôi chờ đợi cái phút này từ lâu. Mỗi buổi sáng, mỗi buổi chiều. Tôi biết sẽ gặp lại anh,

hay một anh em khác. (ngậm ngùi) Một cổ nhân với cây dao sắc giấu sau lưng, hoặc một viên đạn trong nòng súng. Khi mặt trời mọc, cũng là lúc tôi tìm đến cái cổng chùa này. Để làm gì? Anh cười. Anh chế riễu tiếng chuông, tiếng mõ. Anh khinh bỉ tiếng động của thiên nhiên. Anh cho là tôi sám hối. Không. Hơn thế nữa. Còn một thứ mãnh liệt hơn: sự quên lãng. Quên đi. Quên đi những ngày rùng rợn khi cuộc đào thoát thất bại, anh em bị giết.

NGƯỜI TRẺ TUỔI

Anh đã biết? (cười) Tôi nghĩ gì về anh? Tất cả tù binh trại A nghĩ gì về anh? Chỉ một ý nghĩ: anh là kẻ phản bội. Vậy thì anh đã hiểu số phận của anh. (khích động) Con dao này ư, anh tinh mắt thật (rút dao ra) Tôi đã giấu trong mình ba năm qua. Anh còn muốn phân trần điều gì nữa không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG (buồn bã)

Thành thật mà nói: không còn gì để nói. Sống sót sau những tháng ngày ấy là một tội lỗi. Đúng vậy. Nhưng bởi anh muốn biết chuyện gì xảy ra ở trại giam khi anh đã thoát ra, tôi muốn chia sẻ với anh những tháng ngày ấy. Hận thù, trong tim anh chỉ có vậy, phải không? Trong tim tôi, ừ nhỉ, trong tim tôi còn gì? Hình như chẳng còn gì. (tiếng trống) Hình như trái tim tôi chẳng còn đập cùng nhịp với tim đồng loại. Tôi đã thoát ra từ một lò luyện người, tôi biến thành kẻ khác. Chỉ trừ cái trí nhớ, trí nhớ cay nghiệt như con sâu cựa quậy trong đầu đau buốt từng cơn. Giờ đây, tôi chỉ muốn quên. Anh nói đúng, tôi đến đây, gối đầu lên những bậc cấp cổng chùa này, tôi nhắm mắt, nhưng không ngủ. Không thể ngủ được, cũng như không thể

quên được.

NGƯỜI TRẺ TUỔI (riều cợt, háo thắng)

Tôi giúp anh quên bằng lưỡi dao này, lệ lắm.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi không phản đối. Nhưng tôi muốn thắng thần đối diện với sự thật còn làm tôi bàng hoàng cho đến bây giờ. Không phải cái sự thật đau lòng như anh nói đâu. Đau đớn. Nhảm. Có sá gì với cõi lòng này. (thân mật) Đây anh, dù sao tôi cũng cảm ơn anh. Có anh, tôi hình như sáng suốt hơn, như thể đang đối diện với một quá khứ vẫn làm tôi như lạc hồn bấy lâu. Anh bạn, hãy cho tôi gọi như thế, anh bạn hãy cất dao đi. Tôi nhắc lại: chúng ta còn nhiều thì giờ mà...

NGƯỜI TRẺ TUỔI

Nhất trí. Tôi cất dao. Nhưng Thần Chết vẫn cạnh anh, ông kỹ sư Trần Văn Quyết ạ (...)"

Nỗi bi thảm của cuộc chiến tương tàn, không chỉ tàn phá nhà cửa ruộng vườn, đường sá cầu cống phố chợ, mà đã tàn phá con người; biến con người thành những cỗ máy vô tri, xảo quyệt, bất hạnh! Một con người (nhân vật Người Đàn Ông có tên Trần Văn Quyết) là một trí thức trẻ, đã tâm sự như một lời di chúc: *"Tôi muốn vợ tôi khóc một lần. Tôi không muốn vợ tôi mãi mòn chờ đợi (ngậm ngùi) Chờ đợi một cái gì đó ở bên kia đường thấp thoáng, ta bước đến nhưng chẳng thấy gì. Như một trò hú tìm. Trò chơi kéo dài. Cho đến lúc ta không biết mình chờ gì. Và người đàn bà như cái hoa, tàn héo. (Đổi giọng, tâm sự) Đứng ra, trong một nghĩa nào đó, tôi đã chết, đã chết vì không còn như xưa. (trở lại cứng cỏi) Xin lỗi anh, anh Năm, chúng ta*

sắp chia tay, anh là người tôi kính phục, tôi xin thú thật điều này: tôi là một kỹ sư, nhưng tôi là một kẻ lãng mạn!”.

Cuối “vở kịch”, Người Trẻ Tuổi (nhân vật) đã ôm lấy một chú tiểu thơ ngây, trong trắng (nhân vật) nơi cửa chùa nọ để chỉ cho chú nhỏ thấy trong mắt mình có “một con sâu” như một lời sám hối: *“Ta chỉ muốn chú phân biệt kẻ phản bội với kẻ khác. Thật chú không thấy gì trong hai mắt của ta sao? Có HAI CON SÂU, có hai con sâu đang bò trong ấy. Tất cả kẻ phản bội đều có CON SÂU TRONG MẮT. Có HAI CON SÂU đang bò trong hai mắt của ta!”* - Bởi vì, không ai khác, chính hắn - Người Trẻ Tuổi, là “Kẻ Phản Bội” đã giết chết cả trăm người trong đêm vượt ngục, và hôm nay...

Với sự cách tân cho kịch khi viết (cũng như khi dàn dựng: *“Tác giả chủ trương các nhân vật được giản lược phân hóa trang đến mức tối đa. Nhưng đặt quan trọng ở kỹ thuật âm thanh và ánh sáng...”*), nhà văn Lữ Kiều đã đặc biệt quan tâm đến các chuỗi chuyển biến tâm lý, tư tưởng, thái độ của từng nhân vật; do vậy - sự “biểu diễn” cũng cần đòi hỏi nhiều nỗ lực của đạo diễn, và từng diễn viên, mới có thể “lột tả” hết được tâm trạng, nổi lòng, cốt lõi của kịch được gói gắm trong nhiều tình huống hết sức phức tạp, vi tế... Ngoài hai vở kịch quan trọng được ghi nhận trên, Lữ Kiều còn có vở kịch *“Nơi Đảo Xa Kia”*(tienve.com) được anh viết trong những tháng năm đầu đời hành nghề bác sĩ nơi Phú Quốc - một hòn đảo xa ở phía Nam, khi vừa tốt nghiệp trường Y. Nếu hai vở kịch trên là hai “trường hợp” mà người đọc có thể dễ dàng chia sẻ, ghi nhận trực tiếp, thì “Nơi Đảo

Xa Kia” là một “trường hợp” khác, thiên về một triết lý sống rất sâu khuất, đã thấm sâu vào từng cảnh đời ngay từ thuở nhỏ. Cuộc chiến lúc này, không chỉ hủy hoại ở những “người trẻ tuổi, người đàn ông, ông già, bà già”, mà đã bắt đầu đến với những đứa trẻ thơ ở một làng chài xa xôi, hẻo lánh...

Kịch bản” Nơi Đảo Xa Kia” chỉ có vồn vẹn hai nhân vật chính (là 2 đứa nhỏ/một trai – một gái) và 2 nhân vật phụ (người tù & lính canh) – với một màn một cảnh “*Một bãi biển hoang vu; cây rừng và ghềnh đá xen kẽ. Bãi cát vàng. Những con cá chết nằm lăn lóc dọc theo bờ. Hình ảnh trại giam tượng trưng bằng cái chòi canh ở thật xa trên đỉnh núi* - nhưng nó đòi hỏi ở người đọc (người xem) nhiều suy nghĩ, trăn trở hơn hết! Người đọc mãi mê theo dõi “trò chơi” kỳ quái của hai đứa nhỏ, lắng nghe những lời trò chuyện hồn nhiên, chơn phác của chúng; và cuối cùng cảm nhận rằng “trò chơi” của người lớn đã ảnh hưởng đến tâm hồn, suy nghĩ tuổi thơ một cách thật đau lòng, buồn thảm!

Một đoạn đối thoại của hai đứa trẻ:

“BÉ GÁI: Nè. Anh Tư con chú Xôi. Vậy mà ông hội đồng xã nói anh Tư con chính phủ rõ ràng tao nghe. Vậy chú Xôi là chính phủ chứ ai nữa.

BÉ TRAI: Người ta xạo đó.

BÉ GÁI: Sao mày biết.

BÉ TRAI: Người lớn ưa xạo lắm.

BÉ GÁI: (cười ngất nghẻo) Sau này mày lớn mày cũng bày đặt xạo hé!

BÉ TRAI: Tao không.

BÉ GÁI: Ai biết (im lặng một lát). Thôi nói vòng vo hoài. Bày trò khác chơi đi mày.

BÉ TRAI: Hết biết trò gì rồi (thở dài). Mấy hôm trời động, chỉ mong trời nắng. Bữa nay trời nắng mà cũng đéo có gì vui. Chỉ có mấy con cá chết.

BÉ GÁI: Ủ, chỉ có mấy con cá thúi ỉnh. (Khịt mũi) Thôi về mày.

BÉ TRAI: Tao chưa muốn về (...)

Kết thúc vở kịch là cái chết của đứa bé trai chạy theo tiếng quạ kêu, và đứa con gái còn lại gọi tên bạn là một bản cổ nhạc miền Nam đã một thời làm say đắm lòng người:

“BÉ TRAI: Tao làm quạ nghe mày. Mày làm xác chết đi. Đi mày. Nằm xuống.

Đứa bé gái văng lời, nằm xuống cạnh những con cá chết.

BÉ TRAI: (kêu lên) Quạ! Quạ! A...

Bé chạy quanh vòng quanh bé gái. Vòng chạy càng lúc càng rộng và nó phải leo lên những ghềnh đá. Nó vung tay, mặt ngược lên trời, hai chân thoăn thoắt trên những ghềnh đá càng lúc càng cao. Tiếng kêu của bé trai bắt đầu trở nên man rợ.

Quạ! Quạ! A...

Tiếng còi tàu hú. Tiếng quạ kêu. Đứa bé trai càng chạy mau. Nó nhảy lên ghềnh đá cao và trượt chân té xuống. Sân khấu im lặng.

BÉ GÁI: (bật ngời dậy) Mày đâu rồi.

Bé gái chạy lại đỡ bạn. Bé trai mặt mày đầm máu.

BÉ TRAI: (thều thào) Quạ... Quạ... Quạ...

BÉ GÁI: (thét lên) Hoàng Trung! Hoàng Trung! Tỉnh dậy mày ơi!

Bé gái ôm lấy bạn. Người lính canh từ từ dẫn người tù đi ra. Người tù hai tay bị trói gập ra đằng sau. Người lính chìa súng sau lưng người tù.

LÍNH CANH: (nhìn hai đứa nhỏ, lắc đầu) Em nhỏ, em nhỏ, bạn em chết rồi.

Tiếng còi hú. Người lính canh dẫn người tù đi.”

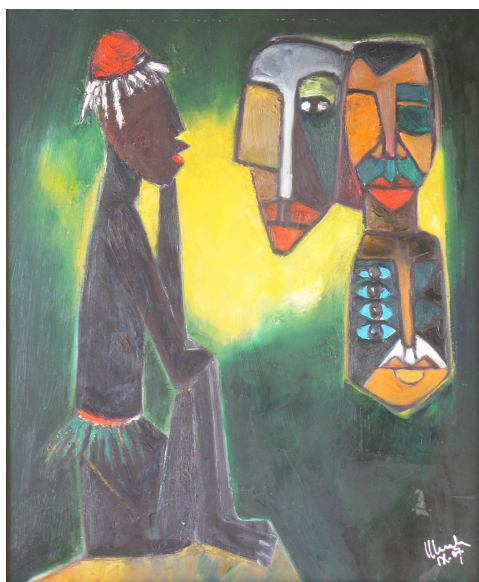
Có thể nói, ở mỗi “vở kịch đời” được anh nhìn ngắm, ghi nhận dưới nhiều lăng kính khác nhau, qua từng trang viết tâm huyết một đời...

Sau mấy mươi năm, cuộc chiến đã đi qua, nhưng hiện thực đời sống của “những vở kịch” vẫn còn đang tiếp diễn...

MANG VIÊN LONG

Sáng tác của Lữ Kiều (trích)

VÁC GỖ RỪNG SÂU
truyện Lữ Kiều



tranh TTM

Buổi chiều, họ vác gỗ về. Người đàn ông cao lớn ôm gốc, người đàn ông tóc hoa râm đeo kính cận vác ngọn. Họ đã rời khu rừng thưa, bắt đầu băng qua những trảng trống lau lách và cây táo để trở về trại cải tạo. Lối mòn chằng chịt dấu chân. Thình thoảng, một

vũng nước mưa in hình bầu trời xám xịt.

Trên vai chàng, mùi gỗ thơm nồng, vỏ cây xần xùi cửa vào cổ chàng rất buốt. Họ đã đi trên mười cây số. Hai chân chàng rã rời, những giọt mồ hôi che mờ mắt. Nơi thất lung, cái bi đông nhựa lỏng tỏng chất nước cuối cùng cho đoạn đường còn lại. Chàng bước, lằm lũi như cái máy theo bước chân người đi trước. Nhưng chàng vẫn tiếp tục suy nghĩ. Lúc này thì chàng nghĩ tới văn chương, tới chàng văn sĩ Pháp tên St. Exupery.

A, chàng nghĩ thâm, cái anh chàng Exupery này có lỗi suy nghĩ thật dễ thương. Về tình yêu. Về bằng hữu. Về giá trị con người. Những Hoàng Tử Bé trong sách và ngoài đời. Anh phi công lạc ngoài sa mạc cùng đóm lửa thấp lên trong đêm tối. Những Mozart chết đi trong từng góc toa tàu. Còn cuốn sách nào viết về những chuyện bay vĩnh biệt, viết gì nhỉ? Trí óc chàng lằm mò tìm lại ký ức. Chàng cố gọi ra mà không thể nhớ. Có lẽ hai chân chàng đã mỏi quá, cái xác phàm đã đuối sức chẳng, chàng bèn gọi bạn:

– Thôi, nghỉ mười phút bạn.

Chàng bật cười. Nghỉ mười phút. Cái lỗi nói chuyện nhảm thói quen của trại. Cứ nghỉ mười phút sau một giờ lao động.

Họ dừng lại, ngồi xuống, một ngụm nước ngọt ngào trôi theo cổ, xuống ngực, xuống bụng, thiên nhiên òa vào cơ thể, hồi sinh từng tế bào rã rời. Chàng tựa lưng vào góc cây bằng lăng. Ta đã sống, đang sống. Rất gần

với mặt đất và bầu trời, nhưng rất đổi xa cách con người.

Phải đó, rất cách xa con người. *Sự bí mật kỳ lạ của một kiếp sống hữu hạn luôn luôn lên đường đi tìm cái vô hạn. Phóng tới trước, như một hành tinh cô đơn trên quỹ đạo của mình.*

Bạn chàng – người kỹ sư – nằm dài giữa xác lá mục rữa, gối đầu lên tay, ông đã bỏ cặp kính cận, lim dim mắt. Vài sợi lông mày bạc tẻ lạnh giữa những sợi khác. Một vết bầm trên trán. Một vết sưng rướm máu trên má. Ông ta quá vụng về trong lao động chân tay, mỗi lần ngã vì leo cây ông ta tự gây cho mình những thương tích. Ông là cha bảy trẻ bảy đứa. Giờ đây, ông nằm giữa rừng này, khuôn mặt quá đổi trí thức làm chàng se lòng. Những dấu ấn của tư tưởng như hằn sâu trên từng đường nét của khuôn mặt người kỹ sư. Tuần trước, trong buổi đi chặt tre rừng về làm phân, ông đã té từ trên ngọn cao xuống. Anh em phải khiêng ông về. Quần áo tả tơi, da thịt rách nát, khi tỉnh dậy ông không nói một lời nào. Ông lù đù câm lặng suốt ba ngày liền. Sau này, khi chàng hỏi tại sao ông câm lặng như vậy (*có phải là một tổn thương tâm trí do chấn thương?*), ông trả lời “Tôi suy nghĩ”.

Ông suy nghĩ. Ông suy nghĩ điều gì vậy? Cũng như chàng, chàng suy nghĩ điều gì vậy? Cái gì vẫn thức chàng dậy giữa đêm khuya, trở mình trên mảnh ván kê lưng, trong tiếng ú ớ mê sảng chung quanh của những người bạn cùng số phận? Chàng suy nghĩ điều gì vậy? Những ý tưởng bập bênh như từng mảnh thuyền vỡ tan trôi lênh bênh trong trí nhớ. Đôi khi chàng phải quờ quạng hai tay trong đêm, níu chặt lấy bất kể cái gì bắt gặp – một mảnh chần, một sợi dây, một cái lon –

tưởng như nín lại cái thực tế hiện sinh, ngăn lại sự suy nghĩ nghiệt ngã của trí óc.

Sống – Đó là vấn đề.

Như giờ đây, nhìn người bạn lim dim đôi mắt, chàng tự hỏi: Sống là gì? – Thế nào là giải thoát, thế nào là trói buộc – Con người – Quan hệ giữa người với người – Những nhân danh, những giá trị – và nhất là tại sao chàng phải ở nơi này, giữa núi rừng sâu. Tại sao? Chàng nhớ một câu thơ cũ :

“ Đừng bắt đầu suy nghĩ như thế.”
Nhưng làm thế nào để đừng bắt đầu?

Một con kiến chậm rãi bò lên má người kỹ sư. Ông ta vẫn nằm yên. Chàng gọi:

– Này anh, con kiến!

– Gì?

– Con kiến trên má anh. Coi chừng nó đốt.

– Có những loại con kiến không biết cắn.

Chàng bật cười:

– Nhưng lỡ con kiến này sẽ đốt má anh sung vù thì sao?

Đấy, không ai tin chắc được cái gì xảy đến cho mình.
Từ ngàn xưa, đó là vấn đề chính của triết học.

Chàng lấy ngọn lá khêu nhẹ con kiến, con vật bò lên
cuống lá và chàng bóp nó giữa hai ngón tay. Chất nhờn
của xác kiến làm chàng rùng mình. Sự ác độc bất ngờ
như một khám phá hồi tỉnh. Chàng chà mạnh bàn tay
lên áo, và giục bạn đứng dậy.

– Thôi. Tiếp tục. Đầu óc chúng ta lệch lạc rồi.

– Tiếp tục.

Họ tiếp tục trở về, đoạn đường đã gần lại trại cải tạo.
Những gốc cây, một khúc rẽ của lối mòn là những cái
mốc để chàng ý thức sự hiện sinh của mình. Ta đang
vác gỗ trở về nơi lưu đày, không phải là một con
đường khác, cho dù lá rừng có xào xạc dưới chân, cho
dù có những suối cạn âm u còn tro những viên cuội
trắng.

Những viên cuội trắng – Giữa cái khung cảnh mà tất cả
sắc màu đều u ám – trời đất, lá cây, rừng – thì những
viên cuội trắng, quá đối diệu dàng làm chàng ghen
ngào. Nó nhắc đến một gia đình (*ánh đèn điện, những
đứa con*) mà chàng đã chia lìa gần ba năm. Một quá
khứ xa xôi, trong một đời sống khác, một nơi chốn
khác. Giờ đây, giữa rừng sâu này, có chàng cùng người
bạn đang vác gỗ trở về trại cải tạo, phi lý như người
khách trọ của Albert Camus(1). Ôi, chàng lại suy nghĩ.
Đầu óc chàng – kỳ cục thay – không ngớt suy nghĩ
mênh mang trong từng phút giờ tỉnh thức.

– Này anh!

– Gì?

– Có nghe không?

– ...

– Tiếng chim. Như tiếng chim cu.

– Chim cu rừng.

– Thật ư?

– Có lẽ.

Tiếng chim càng lúc càng gần lại theo bước chân họ tiến về phía trước. Ngang qua trắng tranh thì họ gặp một người Thượng đang ngậm cái kèn tre trong miệng, hai tay bịt các lỗ nhạc, phồng má thổi để phát ra cái âm thanh mà chàng nhâm với tiếng chim cu. Thấy có người, y ngừng thổi. Đó là một gã đàn ông già khụ, khó đoán ra tuổi, khuôn mặt nhăn nheo, da đen bóng, lồng ngực trơ xương, cả thân thể trơ xương, hai con mắt trắng dã, vô hồn. Y như một khúc củi sau trận lửa rừng. Chàng đề nghị người bạn ngừng lại nghỉ. Họ gác khúc gỗ lên hai đầu nạng, thân gỗ tựa vào gốc cây dầu. Người bạn kỹ sư tò mò tiến đến cái lồng chim, đặt cách chỗ người Thượng vài chục bước. Đó là một cái bẫy, trong ấy có hai con cu rừng làm mồi. Người Thượng dùng tiếng kèn thay tiếng chim hót, chiêu dụ những

chú chim tự do nhưng nhẹ dạ chui vào lồng để tình tự với hai con chim tù tội.

Chàng nhìn vào cái gùi trên lưng y, trong ấy lúc nhúc những con chim cu bị bắt, vài con đang gù gù. Chàng chỉ vào cây kèn tre, nói:

– Thổi kèn đi. Cho nghe với.

Người Thượng trả lời, giọng trọ trẹ bằng tiếng kinh:

– Đói quá. Sáng giờ chưa ăn. Không kêu được.

Chàng đưa cho y củ khoai mì. Khẩu phần ăn trưa của chàng. Y cười móm mém chộp lấy cho vào miệng. Cái lưỡi y đỏ lỏm, hàm răng mất quá nửa. Chàng ngồi xuống. Cái thân thể khô héo, cái thân thể khô héo trần trụi trước mắt chàng là một con người mang hình hài thượng đế xinh đẹp ư? Y đang nghĩ gì? Về con chim? Về chàng? Về củ khoai mì ngọt ngào? Hay y chẳng suy nghĩ gì cả. Đầu óc y là một khoảng trống.

Người bạn kỹ sư ngồi chồm hòm nhìn cái bẫy chim. Tấm áo ông ta loang lổ mồ hôi. Ông có vẻ vui thích thấy những con vật không phải là con người.

Chàng nói với người Thượng:

– Thổi kèn đi.

Người Thượng cười bằng đôi mắt nhắm nheo, y quệt

miệng bằng mu bàn tay rồi đưa cái kèn lên môi, hai bàn tay khum lại trên những lỗ hơi của nhạc cụ. Y mím miệng, hít một hơi dài, và thổi. Tiếng chim vang lên. Không phải là âm thanh của con người mà tiếng chim ca hát. Lồng ngực y phập phồng theo hô hấp, những khoảng liên sườn lõm vào, những cái xương sườn nhô hẳn ra, tưởng như chỉ được khoác ra ngoài một lớp da mỏng tanh. Y nhắm mắt thổi một âm điệu trở đi trở lại, không bắt đầu, chẳng tận cùng. Cả thân hình y chao đảo theo tiếng chim vang lừng như cây tre trước gió.

Tiếng chim ngừng đột ngột. Y vừa mới bỏ cây kèn ra khỏi miệng. Một khoảng lặng yên tĩnh như lan rộng trên trắng tranh. Chợt chàng thấy thoáng một nét hẫ hững trên mặt y, sau đó y gập người xuống và y ho, y ho một tràng dài như xé ruột xé gan. Một lát, không còn hơi để ho, y cúi người xuống để khạc đàm, tưởng như trút hết cả lá phổi ra ngoài. Đờm vương lên trên đám lá non. Hết ho, y đứng dậy, thở ra một lát, rồi lặng lẽ y xách cái bẫy chim, bước đi theo một lối mòn khác. Không một dấu từ biệt. Ôi tiếng ho giữa rừng vắng này xé lòng chàng, không thể nhầm được, tiếng ho mà chàng đã nghe qua thời trẻ, trong những bệnh viện điều trị bệnh lao phổi. Chàng tiến tới bãi đờm. Thật vậy, giữa những cục đờm xanh, là những cục máu đỏ tươi. Đôi phổi ấy đã nát theo tiếng kèn mưu sinh!

Chàng lặng người.

Khi họ tiếp tục vác gổ về, chàng nói với bạn:

– Anh có thấy những con chim bị lừa dối ?

– Có

– Văn hóa cũng có thể dẫn đến cái lòng nô lệ.

– Xin đừng nhầm văn hóa với sự cám dỗ. Văn hóa không phải là tiếng kèn giả tạo.

– Đó chỉ là cách nói.

– Văn hóa là con người. Sự cám dỗ là của qui.

– Loài qui nào vậy?

– Vấn đề là đó. Thật ra tôi không lưu tâm đến số phận con chim hay cái lồng lừa đảo. Với tôi, đôi phổi rách nát của người Thượng già là bi kịch của chúng ta. Sự bi thảm cùng cực.

– Anh muốn nói đến sự phi lý của kiếp người? Của muôn loài? Của trần gian?

Người bạn kỹ sư không trả lời. Ông ta vẫn có thói quen im lặng trước những vắn nạn không giải quyết. Chàng nhìn hai vai ông như còng xuống dưới sức nặng của khúc gỗ. Cái dáng đi ấy chứng tỏ ông đã mệt. Cái mệt nhen nhóm từ ngày này qua ngày khác, vượt qua giới hạn của sự chịu đựng, chỉ còn là một dãy dựa đuối sức câm lặng. Cả chàng nữa, chàng cũng muốn đuối sức. Nhưng những bước chân vẫn tiếp tục. Và đầu óc vẫn suy nghĩ. Ôi, cay nghiệt thay đầu óc của chàng.

Họ về tới trại khi mặt trời khuất bóng. Bọn cải tạo viên đi đón gỗ đã về trước họ từ lâu, trong bóng tối mờ mờ, họ nhìn thấy những đôi mắt mờ nhạt nhìn họ e ngại, nhưng không một ai lên tiếng.

Khi thấy khúc gỗ trên vai xuống đám gỗ lổm ngổm dưới sân, âm vang như gõ vào lòng chàng một tiếng động bí mật, một tiếng gọi kêu cứu kỳ lạ mà chàng không hiểu được ý nghĩa, như tiếng kèn cùng cái âm thanh ma quái phát đi từ lồng ngực rách nát đầy máu, mũi, vì trùng lao của người Thượng già.

Chàng sờ tay lên bờ vai rất bông, và nói:

– Anh thấy không, mỗi ngày chúng ta đều phải vác gỗ trở về. Như ngày xưa Giêsu vác thập tự lên đồi sọ chịu chết.

– Người xưa chỉ vác một lần. Nay, ta phải vác khổ giá mỗi ngày. Nhưng giữa ta và Giêsu ngày trước còn một bức tường ngăn cách.

– Bức tường nào vậy anh?

– *Bức tường xấu hổ.*

Chàng lặng người. Người kỹ sư quay đi, lăm bằm trong miệng:

– Đó là chưa kể đến bức tường kiêu căng ngu muội của chúng ta.



Đêm, có một cuộc điếm danh đột xuất. Tiếng kễng báo động và tập hợp vang lên. Hình như có kẻ đào trại. Các cải tạo viên rời lán ở, ra tập hợp ở sân. Trời lạnh buốt. Sương mù trên những tàng cây rừng. Người quản giáo cầm cây đèn tù mù soi lên tờ giấy trắng đọc tên từng người. “có mặt”! Trong đêm, những tiếng trả lời “có mặt” như tiếng vỗ gỗ lên quan tài.

Chàng cũng trả lời: “có mặt”. Có mặt. Có mặt.

Nhưng thật chàng có mặt nơi này? Hay chàng đang ở một nơi nào khác?

Chàng tiếp tục suy nghĩ.

(1) Truyện ngắn “Người Khách Trọ” trong tác phẩm Lưu Đày và Quê Nhà của A. Camus

chàng Kinh Kha buồn

Buổi tối, cơn mưa vừa dứt, đốt một điếu thuốc, hơi khói của một lần cũ còn vương đâu đây trong mắt nhìn. Vấn đề vẫn nguyên lành như bao lần suy nghĩ: Có còn đủ trí óc và con tim để cầm viết?

Viết như một con thú dữ phá vỡ những giới hạn, vượt ra khỏi cái ngã chấp hẹp hòi của nó. Người viết như giọt nước mắt nóng hổi vừa tròn lăn trên gò má đứa nhỏ. Khóc không vì tình cảm. Khóc không vì thói quen. Khóc như một tình cờ, như một buổi đất trời xao động, giun đé cùng rủ nhau hát chơi.

Viết như một thất bại.

Không thể nhìn trong ký ức, những ngày lìa xa như bóng mờ, những đêm xao xuyến, ngồi bình an dưới ngọn đèn bập bùng, ngày hai-mươi-tuổi, có-những-đêm-chong-đèn-ngồi... Những giòng chữ phù thủy, những nhân vật như ma quái, và sự buồn bã của ngôn từ. Lời nói phải dịu dàng và thật.

Nhưng làm sao cho lời nói thành thực phẩm, thành vải mặc, thành nhà che?

Việt Nam 1966, những người cầm bút có hay không hoàn thành sứ mệnh của mình? Thật ra, có hay không, cái sứ mệnh của người cầm bút?

Sông Dịch lạnh, Cao Tiệp Ly đưa tiêu lên miệng thổi, Thái tử Đan nước mắt lưng tròng, thuyền đã xong xuôi chờ đợi, đám tân khách áo trắng che tay trên mặt nhòe vì nắng sớm. Kinh Kha đứng đó, yên lặng và buồn.

Kinh Kha buồn.

Viết như Kinh Kha cầm chủy thủ, để ngẫm nghĩ cái thất bại ngất ngất đắng cay và đau đớn. Nỗi thất bại biết trước và không tránh được của một lần dấn thân.

Viết như Kinh Kha buồn.

Bao nhiêu lần toan tính. Giàu ngôn ngữ xui mình thêm điều ngoa để biện minh cái không có thật. Nhà văn và tính phục vụ. Tam thập nhi lập. Viết như một dấn thân mới chia xẻ lo âu với quê hương. Để được sống. Để được nhìn mặt nhau. Viết như một thú tội.

Tiểu tư sản vẫn là thành phần ô hợp. Nên “*người*” nhất. Tiểu tư sản là nhân bản. Cho một nền văn nghệ nhân bản, những kẻ tiểu tư sản phải được vứt vào đời sống, bó tay lại, và chỉ viết trước khi chết.

Con chim trước khi chết cất tiếng kêu đau lòng. Lời người trước khi chết thì lạnh và thật.

Chỉ có sự thật mới làm nên con người. Bởi vậy những tên tiểu tư sản chỉ được viết sự thật. Sự thật được kiểm chứng bằng cái chết trước mặt. Lúc đó, hẳn hết loạn ngôn.

Thời mặt pháp, lời nói hý luận. Sự thật chỉ được nhìn bằng tận cùng.

Diệt hết mọi dục.

Mới hiểu làm sao Tần Thủy Hoàng đốt sách...

Làm thế nào để đạt thân?

Làm thế nào để khỏi hệ lụy vì ngôn ngữ? Đứa trẻ đã chết. Một phút trước, nó còn thở, mẹ vỗ về bằng nước mắt, bằng lời than, giờ, chỉ còn thể xác đó. Và hư vô trên đầu mọi người.

Những đứa trẻ đã chết. Tuổi thơ làm sao xuyên, *nhưng còn cuộc đời có đáng cho tuổi thơ mất đi?*

Không bao giờ có đạt thân nếu vẫn còn tha nhân. Viết là một vong thân vĩnh cửu về một hình ảnh tiên tri hư tưởng. Viết như một lo sợ. Viết như tìm bình an.

Biết làm sao. Mỗi giờ, có bao nhiêu người chết... Có lúc nào chợt tự vấn, mình nào xứng đáng với bấy nhiêu hy sinh. Bởi dù sao, anh em bằng hữu cũng đã ngã xuống quá nhiều. Ta không thể mùa bút như trắng sớ mùa gươm. Vậy mà vẫn sống trên bao nhiêu máu, tủy, nước mắt. (1)

Không giác ngộ được mình, chẳng giác ngộ được người, chỉ bằng bẻ bút. Người xưa bẻ bút mang cung tên lên đường. Giờ, hai tay trống không, ta bùng mặt khóc.

Xin thông cảm nỗi đau bất lực để tha thứ. Tha thứ bởi những người chết và những người sắp sinh ra đời. Cái kiêu hãnh cuối cùng đã mất theo với tuổi nhỏ, và trong ta, con chim phượng, chim hồng đã biến thành con sâu – cái kiến.

Chờ thân xác mình qua sông, hai cánh tay mỗi không còn bơi được nữa. Bền mê giòng rã đời người, làm sao tìm ra một nhan sắc?

Tưởng tượng một vận hội mới, vẽ ra một nền kiến trúc mới, tinh thần như khí thế tiền nhân những ngày xưa hào hùng.

Phải làm lại hết, từ nhà cửa cho đến yêu đương. Phải giết con sâu bọ trên tờ giấy trắng. Sống hùng dũng và viết như chém đá. Thương thay chúng ta, đêm vẫn bất an, ngày vẫn lo sợ, tin buồn ngập tràn, tin vui không có, thời loạn còn ai nhớ liêm sĩ, còn ai ba ngày không đọc sách soi gương thấy mình phàm phu?

Bởi không thanh lọc tâm hồn nên những điều viết ra dối trá và nguy tín. Cây bút đã cong vì mặc cảm bất lực: Kinh Kha buồn là phải.

Vẫn bước đi, cuộc hành trình cô độc. Đêm như mê ngủ mà ráo hoảnh ý thức, bất động mà vẫn bùng bùng xao xuyên. Viết như một ăn năn.

Suy nghĩ về những điều phải làm, phải hoàn thành trước trang giấy. Đêm dài, mắt sâu hoắm, trí hôn mê. Bạn hữu ấy và nỗi cô đơn này. Bốn năm gác bút, sự lựa chọn ngập ngừng và những giã từ vĩnh quyết trong đời. Phải đem lại cho văn chương cái giá trị ngôn từ của nó cũng như phải phục hưng tinh thần tiên tri và dẫn thân. Làm sao đừng nguy tín. Đó là thái độ văn chương có thật. *Bởi vì, tự hạ giá mình, chúng ta hạ giá văn chương.*

Người Cộng sản không tin ở giá trị tự nhiên của nhà văn. Nhà văn dưới con mắt người Cộng sản, mang hình ảnh phóng túng của cá nhân làm xao xuyên cái tập thể của hần, lung lạc thói quen tư tưởng của quần chúng. Bởi vậy, nhà văn Cộng sản không phải là văn cô đơn. Y là đám đông. Nhà văn Cộng sản đông vui, nên hăng hái và xây dựng. Y bị lãnh đạo một cách tự nguyện.

Suy tư là một xa xỉ phẩm? Có hay không, thái độ ấy của những dự tưởng trong tương lai?

Làm nhà văn Cộng sản, có phải đó là lúc đầu hàng

mình, đó là lúc nhận mình lầm lạc? Có phải đó là nhà văn không còn tin mình nên tin ở tập thể? Đó là nhà văn trốn chạy cô đơn?

Bưng tai, bịt mắt, anh không muốn làm nhà văn Cộng sản. Nhưng anh không muốn phản bội bạn hữu, đồng bào. Quê hương chúng ta đang hồi thăm kịch. *Do đó phải hạ giá văn nghệ để được hạ giá mình...*

Viết như thỏa hiệp với cái bất cập. Nhưng đâu đó trong anh, giòng nước mắt đã rơi...

Bây giờ, đã đến lúc đặt mình trong thực tại quê hương, và tìm một chỗ đứng trong viễn tượng tương lai ấy. Không thể mãi mãi tìm kiếm những chỗ trú ẩn cho chân tướng mình. Không thể vong thân mãi. Vòm trời cao phải vươn vai đứng dậy. Gió đã nổi. Thuyền, thôi hãy lên đường.

Kinh Kha thôi đừng bịn rịn, hãy sang Tần...

Anh vẫn tưởng tượng viết cho các em, hồi các em bé sơ sinh ngày hai mươi tuổi của anh. Anh những tưởng sẽ vẽ cho các em bức tranh hạnh phúc, bức tranh sẽ mở lối cho các em nhìn mà xây dựng.

Thương cho anh không có chất liệu, cũng như mỗi mòn đôi mắt, anh chẳng thể trông thấy ngày mai của quê hương ta. Cái hào khí bừng bừng của một lần nào tìm thấy, một lần nào tin tưởng ở sứ mệnh văn chương như ngọn bắc cháy đã tàn lụi. Giờ thì thế đó. Anh biết rằng, dù thế nào, anh cũng chỉ viết cho thế hệ anh. Nhưng thế hệ chúng ta không còn gì để thông báo cho nhau nghe. Chúng ta cô đơn và khép kín. Mỗi người đi con đường của mình, lời nói bị lẩn át bởi tiếng súng. Cuộc diện của quê hương, của thế giới không còn phần

cho chúng ta dự. Chúng ta là cuồng sĩ trong thời đại mới, tự chôn mình bằng ngôn từ của chính mình.

Vậy đó. Nhưng vẫn viết. Như một định mệnh. Như một vượn lên vô vọng. Như hạt bụi đã bay vào mắt, và nước mắt đã chảy...

1965

Thời 22 tuổi, đã có những than thở về sự cay nghiệt của sáng tạo. Của văn chương nói riêng. Có lẽ đây là những trăn trở đầu tiên để gửi cho người bạn nay không còn nữa: Ngy Hữu.

VII. 2006

(1) Thời điểm này, chiến tranh rất khốc liệt. Những người lính VN tuổi 20 ở cả hai phía đều gục chết nhân danh lý tưởng

*(trích từ **Chàng Nho Sinh** dưới gốc tùng)*

mảnh vụn của văn chương

Đạo sau này, tôi cũng bất chợt nhận ra mình như thể ngập ngừng mỗi khi cầm bút. Viết gì? Tại sao viết. Chính lúc đó tôi rợn rùng trong cái cảm tưởng gian dối của ngôn ngữ. Có phải thói quen của những lời nói ra đã dẫn tôi đi quá xa vùng sự thật? Có phải giàu ngôn ngữ chỉ xui mình thêm điều ngoa? Nói như Ngý Hữu :...*đưa đến sáng tạo – như kiếm tìm hạnh phúc*. Có thật có cái gọi là hạnh phúc của sáng tạo?

Tôi nghiệm ra rằng, tôi có những công việc cấp thiết và hữu ích hơn là cầm bút. Trong mỗi đêm, mỗi ngày, thân xác và trí óc chia lìa nhau, tôi bàng hoàng, không còn nhận ra chân tướng. Dòng văn chương cũng theo đó mà khoác một khuôn mặt không phải của tôi. Của ai? Trong chuyến tàu tốc hành chóng mặt, tôi quay cuồng với sự thông minh của trí óc kẻ khác: đó là những tấm gương chiếu hậu, những tấm gương hé cho tôi nhìn tôi không ý thức. Tôi nhận ra tôi bơi trong dòng văn chương của mình, tôi bị che tứ bề bằng những chữ.

Chữ nghĩa. Mỗi người không tạo được cho mình một thứ chữ để diễn đạt. Chúng ta dùng chung một thứ

chữ, như chịu chung một định mệnh. Tôi ăn. Tôi ngủ. Tôi thao thức. Tôi yêu mến. Khi len vào tai, chạy vào hõ sâu của trí óc, chữ nghĩa là biểu tượng của độc đoán, khe khắc và ngộ nhận. Tôi nghiệm ra rằng, nói cho cùng, tôi chỉ là một dòng văn chương biền ngẫu của thời đại mới. Chữ nghĩa đứng đưng không tình cảm, vậy thì sao viết? Trời đất có nói chi đâu! Thiên hà ngôn tai (Khổng Tử).

Dần co với những ý nghĩ hỗn mang, tôi như tê điếng, không thể diễn đạt những điều muốn diễn đạt. Nhớ đến một quá khứ xa lắc, khi viết dòng đầu tiên, sự trong trắng của trí óc cùng với thứ ngôn ngữ dò dẫm trình nguyên chưa hề phải lập lại. Như mũi tên độc bắn đi, vùng văn chương ấy rẫy chết. Tan hoang và bí mật. Viết, trong cái ý nghĩ đầu tiên ấy, là thoát ly những dồn nén của mình. Tuổi trẻ như mặt trời mọc, sức nóng nồng nàn của rung động đầu tiên thật là khốc liệt. Bùng bùng e thẹn và ngập ngừng, những dòng chữ viết theo nhịp tim kiểm chứng bằng từng phút hồi tưởng. Sống-và-viết như một gắn liền độc nhất, cho đến khi hiện ra trí thông minh của tôi và của kẻ khác.

Đó là kẻ phá hoại đầu tiên. Tên phá hoại cần thiết đem chúng ra khỏi một trò chơi cay độc. Chính phút này mới bắt đầu, bắt đầu lại hết sau cuộc tan vỡ và đoạn tuyệt với những tác phẩm đầu tiên không tra hỏi, nghi vấn.

Và vì vậy: *Tại sao còn viết?*

Nếu quan niệm viết như kiếm tìm hạnh phúc, và người viết là kẻ bất hạnh thường trực, tôi nghĩ rằng sự

thúc bách kiếm tìm ấy không đủ cho tôi đánh đổi đời mình – một cuộc đời không văn chương, không còn tin ở ngôn ngữ – Bởi vậy cho nên, tôi ray rức khôn cùng mỗi lần trở lại câu hỏi cấp thiết ấy. Viết không những cho tôi mà cho người khác nữa. Đúng không? Phải chỉ tôi có thể nghĩ như thế...

Tại sao không?

Tôi chợt hiểu ra điều bí mật của những mật ngôn. Nói những lời đầu tiên. Hình ảnh của Moïse. Những lời tiên tri khắc trên núi đá của dân Incas xứ Pérou. Hình ảnh của Zarazousthra xuống núi. Đó là những trí óc đã biến ngôn từ thành một trí óc thứ hai – ngôn từ bấy giờ đã hoàn thành sứ mệnh của nó: chuyển đạt tư tưởng chứ không làm trung gian của chuyển đạt. Tôi im. Hoặc tôi nói. Không có gì cả. Chỉ là một phát biểu bằng phương tiện cộng đồng nhất. Tôi phát biểu bằng những-lời-đầu-tiên. Thật cảm động. Nhà văn nào cũng ước ao được cơ hội phát biểu như thế.

Tôi cũng hiểu tại sao phương Đông từ chối luận lý học. Tại sao chúng ta có những nhà ngụ biện mà thiếu những người lý luận khi lập thuyết hay lập ngôn. Vậy thì văn nghệ phương Đông là một nền văn nghệ tri âm và im lặng. Không cất nghĩa. Như một tiếng chim kêu mất hút giữa trời. Triết học phương Đông là triết học vô ngôn, triết học im lặng.

Nếu tôi tin rằng cùng đích của thái độ viết văn là hình thành một mật ngôn cho thế hệ mình, tôi sẽ không viết. Bởi chừng trí óc của tôi đã bị hủy hoại, cái tinh anh của đời mình kiếm tìm suốt kiếp cũng không thấy,

đâu là tôi, tôi là ai? Trả lời được câu hỏi ấy cũng tương tự như dựng cho mình một căn phần. Khi chết, bằng trí tưởng tượng, tôi nhìn được nơi mình an giấc, như một dạng thức tình cảm lãng mạn: chỉ là những chăm lo quá đáng về sự hiện hữu của bản thân. Tôi cũng nhìn được cái giới hạn của mình, sự loay hoay tội nghiệp của mình. Tôi chỉ là giun dế.



Tôi từ chối sự ngăn nắp của tư tưởng. Tôi từ chối sự diển dịch đã đem trí óc tôi đến những vùng trời thấp của con người và lịch sử con người. Tôi muốn thông dong hơn, bằng cái hồn mang không đầu đuôi, vô thủy

vô chung, không bắt đầu, không chấm dứt; chỉ trong dòng sống bập bùng lênh đènđăng ấy tôi mới bắt gặp một vài viên đá quý của chính mình. Như loài sâu bọ lân cận lấp lánh trong bụi cỏ đêm, dưới trăng sao im lặng, trên một đỉnh núi cao của hồi tưởng và sáng tạo.

Tôi không muốn làm một người định kiến. Nhưng đó chỉ là một ý muốn tâm tình. Vẫn không cắt nghĩa được tại sao tôi viết, và nhất là tại sao *còn viết*?

Làm văn chương nhưng phủ nhận ngôn ngữ. Suy nghĩ và trầm tư nhưng từ chối trí thông minh. Nhận liên hệ của đời sống, nhưng không nhận sự sáng tạo của kẻ khác. Đó là nhà văn bây giờ, nhà văn bị đầy đọa, nhà văn của địa ngục, (*địa ngục nào? Có phải địa ngục của chính hắn?*). Đó là nhà văn bị đóng đinh, nhà văn không kiếm tìm hạnh phúc.

Tôi gọi: *nhà văn bị trừng phạt*. Hình phạt: *Viết*. Và chính khi quan niệm mình là tù nhân của văn chương, câu hỏi: *tại sao viết* không còn cấp thiết nữa. Chúng ta sẽ hỏi: *Ta đã phạm tội gì?*

Phạm tội gì, đó là chìa khóa của dòng văn chương hôm nay.

12 – 67 (*bài viết trả lời Ngự Hưu*)

Gió Mai Tha Hương số 4 năm 1968

(*trích Chàng nho sinh dưới gốc tùng*)

KẺ PHÁ CẦU

Lữ Kiều

KỊCH MỘT MÀN MỘT CẢNH
CÁC NHÂN VẬT

VĂN : Người chồng

KIM : Người vợ

MIÊN : Em người vợ, thương binh mù

TRUNG : Tổ trưởng đặc công

NGƯỜI CHỈ HUY: Đặc công

ÚT : Du kích

DU KÍCH QUÂN : (3-5 người)

BÀ MẸ : Cầm, bắt thường



(ký họa của Lữ-Kiều Thân-Trọng-Minh)

CẢNH

Bên trong một căn nhà dưới mức trung lưu, trong thời chiến. Cái hầm nổi xây bằng bao cát và gỗ ván chiếm phần bên mặt. Trên cái hầm là khuôn cửa sổ lớn, khép lại, chỉ mở ra để hé thấy hình ảnh chiếc cầu phía sau. Một cánh cửa ở bên trái là cửa chính. Cánh cửa nhỏ hơn, bên cánh gà sân khấu, để ăn thông với nhà sau. Sự bày biện sơ sài, nghèo nàn.

Kịch xảy ra vào cuối năm 1968.

MÀN ĐỌC NHẬT

Mọi người trong gia đình vừa xong buổi cơm tối. Ngọn đèn dầu leo lét trên bàn. Người Mẹ ngồi khuất trong một xó, nhìn về phía khán giả. Văn đọc báo. Kim dọn

đẹp. Miên ngồi tựa lưng vào những bao cát, mãi đeo kính đen, hút thuốc. Tiếng chó sủa xa xa.

VĂN: Em đóng cửa chưa?

KIM: Rồi, anh ạ.

VĂN: Miên, vào hầm trước đi. Vào với mẹ.

MIÊN: Tôi ngồi một lát cho thoáng.

KIM: *(Đến bên Miên, dịu dàng)* Hình như mấy hôm nay Miên không được khỏe.

MIÊN: Không sao đâu chị.

KIM: *(Ngồi xuống cạnh Miên, mệt mỏi)* Đêm nào cũng phải chui vào hầm. Thật khó chịu. Mẹ và anh Văn hay lo nên tôi đành chịu lòng. Chứ tình thật tôi chỉ thích ngủ thoải mái. Ở ngoài hiên kia!

MIÊN: *(Giọng cười)* Tôi cũng thích như vậy *(một lát)* Dù sao, chị cũng cần nhiều cố gắng và can đảm nhất trong nhà.

VĂN: Em đã cài then hết cửa rồi chứ?

KIM: Hết cả rồi, thưa anh.

VĂN: Đạo này, em cũng gây đi nhiều đó.

KIM: *(Giọng cười)* Có gì đâu anh. Em vẫn mạnh khỏe! *(nói với Miên)* Phải không Miên?

MIÊN: Tôi chẳng thấy gì.

KIM: *(Chạnh lòng)* Chị quên... *(nhắm tay Miên bối rối trong lúc Miên cười lặng lẽ)*

VĂN: Kim, em đưa mẹ vào hầm trước đi. Anh chưa muốn ngủ.

KIM: Em cũng muốn ngồi một lát nữa.

Tiếng phản lực. Tiếng bom dội về. Người Mẹ này giờ ngồi ngó ra khán giả, bỗng đứng dậy. Bà cử động như cái bóng lẩn lút, âm thầm. Bà vào trong hầm.

MIÊN: Hò này, tôi nghe chị hát. Chị hát bài gì vậy, chị Kim?

KIM: Bài ca Hòa Bình. *(Ngượng ngịu, một lát)* Miên còn thích bài Chiều Vàng chứ?

MIÊN: *(giương cười)* Còn, chị ạ. Chị nhắc làm tôi nhớ Trung. Chúng tôi đã sống với nhau những ngày ruột thịt. Cả hai đều hát bài Chiều Vàng âm ỉ và hăng hái, để cùng tương tư một cô gái không có gì đặc sắc hơn các cô gái khác.

KIM: Ừ nhỉ. Vậy mà Trung bỏ đi. Lên núi.

MIÊN: Đáng buồn. Cả tôi lẫn Trung đều sống quá vội. *(Một lát)* Chị Kim ạ, bây giờ, trước mắt tôi thỉnh thoảng cũng hiện ra những chiều vàng rực rỡ trên thảm mạ xanh rợn người. Bác sĩ bảo giấy thần kinh thị giác của tôi chưa chết hẳn.

Vẫn bị câu chuyện giữa hai chị em làm chú ý. Chàng cảm động nhưng chẳng thể biểu lộ. Sân khấu tối dần lại chỉ chừa hình ảnh Văn loay hoay bút rút giữa ghé ngòi, tờ báo; hình ảnh gây ấn tượng một người bị trời buộc bởi nhiều sợi dây căng ra từ những tĩnh vật và tiếng động chung quanh – tiếng phản lực, tiếng chó sủa, tiếng mèo, tiếng đại bác. Trong lúc ấy, câu chuyện giữa hai chị em vẫn trầm trầm, đều đặn.

KIM: Miên ạ, một mai, khi hòa bình, đời sống sẽ khác. Chúng ta sẽ gặp lại những người thân, sẽ trở về làng cũ, chị sẽ đưa Miên đi.

MIÊN: *(cười)* Chị vẫn bền lòng hy vọng ư ? Dù sao, chúng ta cũng không được già cỗi để chờ ngày hòa

bình trở lại.

KIM: Miên làm chị cảm động. Chị hát Chiều Vàng cho Miên nghe nhé. *(Khẽ hát)*

MIÊN: (Làm bộ vô tình không nghe, ngắt ngang) Anh Văn, hôm nay có tin gì về hòa đàm Ba Lê?

VĂN: Vẫn luận điệu cũ. Chưa tiến triển. Người ta đề nghị rút quân về cả hai phía...

Không khí trong nhà rời rã. Mỗi người như theo dõi tư tưởng của chính mình. Có tiếng còi tàu thật xa, thật rền.

KIM: Chín giờ rồi.

MIÊN: Vẫn tiếng còi tàu ấy.

KIM: Nghe thật buồn, phải không?

MIÊN: Buồn lắm!

Im lặng, một lát. Rồi tiếng chó sủa ở xa gần lại. Tiếng mèo. Tiếng chó rên rã hơn. Tiếng chân người rào rào, dừng lại. Văn thất sắc đứng dậy.

VĂN: *(nói nhỏ)* Có người đến. Tất cả mọi người vào hầm. Để mặc tôi.

KIM: Không được. Anh hãy tránh đi. Giờ này đã giới nghiêm rồi. Có lẽ soát gia đình. Để em liệu.

MIÊN: Anh Văn hãy tránh đi một lát. Để tôi và chị Kim.

VĂN: *(lo sợ)* Họ đông người. Có lẽ họ vào đây. Kim hãy vào hầm với mẹ. Anh và Miên ở đây.
Những tiếng động chợt im. Một lát. Rồi có tiếng gõ cửa.

MIÊN: Hãy nghe lời tôi. Anh Văn tránh vào nhà sau

đi. Lát nữa anh ra vẫn chưa muộn. Anh nên nhớ là nhà này ở

vùng xôi đậu giữa hai chính quyền.

KIM: *(nấn nỉ)* Anh Văn, hãy nghe em, hãy vào nhà sau tránh đi. Sau tủ áo. Nghe anh. *(nắm lấy áo Văn đẩy đi)* Cố gắng lên anh. Nghe em.

Văn khui vào nhà sau. Tiếng gõ cửa rụt rè. Rồi dồn dập. Rồi tiếng một người.

NGƯỜI LẠ: Có ai ở nhà, xin mở cửa.

KIM: *(lớn tiếng)* Ai đó?

NGƯỜI LẠ: Xin mở cửa.

KIM: Xin cho biết các ông là ai? Chúng tôi ở đây chỉ có đàn bà.

NGƯỜI LẠ: *(Văn nhỏ tiếng)* Xin mở cửa. Chúng tôi đây.

Kim tần ngần một lát rồi mở cửa. Những người lạ ủa vào nhà rất nhanh, sủng cầm tay. Họ bao vây cái hầm, chắn trước những cánh cửa. Một người mở hé cánh cửa sổ cho nhìn thấy hình ảnh cây cầu phía sau rồi khép lại.

NGƯỜI CHỈ HUY: Xin mọi người đứng yên, *(lớn giọng)* yêu cầu những người trong hầm hãy ra ngay.

MỘT DU KÍCH: Theo báo cáo nhà có bốn người.

KIM: Thưa ông, chỉ còn má tôi trong hầm. Má tôi lẳng tai.

NGƯỜI CHỈ HUY: Tôi hiểu. *(Nói với những người du kích quân)* Các đồng chí hãy bố trí canh gác vị trí này. Đây là hậu cứ cho mục tiêu hoạt động đêm nay.

NGƯỜI DU KÍCH: Rõ.

NGƯỜI CHỈ HUY: Đồng chí Út!

ÚT: Có mặt.

NGƯỜI CHỈ HUY: Báo cáo với tổ trưởng giai đoạn một đã hoàn tất.

MỘT DU KÍCH (*ngập ngừng*) Còn những người trong hầm?

NGƯỜI CHỈ HUY: Đây là những người quen. Tôi biết. (*nói với những người du kích*) Các đồng chí hãy y lệnh. Bây giờ, tôi ở đây một mình. Các đồng chí nhớ mật hiệu vào nhà chứ.

NGƯỜI DU KÍCH: Dạ nhớ, thưa đồng chí (*rút lui dần*).

NGƯỜI CHỈ HUY: (*cứng rắn*) Thưa bà tôi cho bà một phút để gọi người trong hầm ra. Còn ông kia (*gọi Miên*) ông hãy ngồi đó, yên lặng. Tôi biết ông mù.

KIM: (*lo âu gọi lớn*) Má, Má. (*Người chỉ huy tiến thêm một bước, chìa súng vào hầm. Kim gọi thêm*) Má!

Má!. (*Trong lúc này bà mẹ từ từ ra khỏi hầm, nhìn người lạ, không nói năng*).

KIM: (*nhìn mẹ rồi ngập ngừng*) Má ra ngoài này cho người ta xét nhà.

NGƯỜI CHỈ HUY: Còn một người nữa!

KIM: Chồng tôi vắng nhà!

NGƯỜI CHỈ HUY: (*ngạt*) Hừ, vắng nhà, bà nói dối! (*một lát, dịu dàng hơn*) Thôi được. Trong trường hợp này, tôi được lệnh xử sự đặc biệt (*mỉa mai*) Dù sao, dù chồng bà có lánh mặt thì cũng chẳng thể làm gì hơn. Bà biết chứ, bà biết chúng tôi là ai. Chúng tôi đã bố trí quanh nhà này, để không ai vào ra được (*dịu dàng*) Nhưng xin bà đừng sợ, chúng tôi chỉ mượn tạm

căn nhà này trong một thời gian ngắn.

Đến ngồi giữa ghế, nhìn mọi người lơ đãng.

KIM: Các ông định làm gì?

NGƯỜI CHỈ HUY: Một công tác mà bà có biết cũng chẳng ích lợi. Nhưng chúng tôi hứa sẽ không làm hại gia đình bà.

Sân khấu tối dần. Kim đứng gần lại Miên đang gục mặt. Người mẹ tiến về xó tối, ngồi xuống, bó gối nhìn khán giả.

KIM: *(Giọng mắt bình tĩnh)* Chúng tôi chỉ có bà mẹ già. Và một người tàn tật.

NGƯỜI CHỈ HUY: Tôi đã hứa không làm hại gia đình bà. Chúng ta là người quen cũ.

KIM: Người quen?

NGƯỜI CHỈ HUY: Vâng. Người quen. Bà không nhận ra tôi đâu, bà Văn ạ. Nhưng tôi thì không thể quên bà. *(cười khan)* Không hề quên bà.

KIM: *(Lúng túng)* Xin ông cho biết tên.

NGƯỜI CHỈ HUY: Sá gì một cái tên, thưa bà. Chúng tôi đến, rồi đi. *(một lát)* Nhưng chốc nữa đây sẽ có một người đến, và bà sẽ nhận ra.

Nhìn về Miên. Ánh sáng hướng về Miên: Miên đang nhú mặt, đau đớn, bất lực, nghe ngóng. Lúc bấy giờ, tiếng chó sủa. Tiếng chân người. Người chỉ huy đứng bật dậy, rút súng ngắn, lên đạn, đứng nép một bên cửa chính.

NGƯỜI CHỈ HUY: Không ai được lên tiếng!

Tiếng chân dừng lại. Tiếng chó sủa. Rồi tiếng gõ cửa. Hai tiếng ngắn, ngừng lại, ba tiếng rời. Cánh cửa từ từ

mở. Một bóng người len vào. Người chỉ huy hạ súng xuống.

TRUNG: *(khuất vào bóng tối)* Chào đồng chí.

NGƯỜI CHỈ HUY: Chào đồng chí.

Trung di động trong phần tối của sân khấu. Chỉ thấy cái bóng sinh hoạt

TRUNG: Giai đoạn đầu đã hoàn tất?

NGƯỜI CHỈ HUY: Vâng.

TRUNG: Còn những người trong nhà?

NGƯỜI CHỈ HUY: Ông Văn lánh mặt.

TRUNG: Thôi, được rồi. *(Trung đến cánh cửa sổ, mở rộng ra, y đứng quay lưng về phía khán giả, bóng người nổi bật trong đêm)* Đồng chí còn thắc mắc gì về công tác đêm nay?

NGƯỜI CHỈ HUY: Xin trình bày lại kế hoạch. *(Nhìn những người trong nhà, ngáp ngừng)*

TRUNG: *(trầm ngâm)* Đồng chí cứ nói. Những người này không làm hại chúng ta.

NGƯỜI CHỈ HUY: Vâng, mục tiêu đã được nghiên cứu kỹ. Đồng chí Tư và Hào mở đường. Đồng chí Vui giữ đường liên lạc. Tôi và đồng chí là những kẻ mang chất nổ và thực hiện công tác. Căn nhà này là hậu cứ của chúng ta. Đồng chí Út sẽ ở lại đây.

TRUNG: Vâng.

NGƯỜI CHỈ HUY: Vậy, tôi xin rút lui.

TRUNG: Lệnh cuối: Chúng ta không nổ súng. Hẹn đồng chí giờ N.

NGƯỜI CHỈ HUY: *(ngáp ngừng)* Còn điều này,

những kẻ ở trong nhà...

TRUNG: Tôi sẽ liệu.

NGƯỜI CHỈ HUY: Còn người đang trốn?

TRUNG: *(lạnh lùng)* Được rồi. Chúng ta đã hoàn tất giai đoạn một êm đẹp.

NGƯỜI CHỈ HUY: Chào đồng chí *(rút lui)*

Trung giơ tay phát một cử chỉ mệt mỏi. Ánh sáng chiếu lên cái lưng của Trung đang đứng yên lặng nhìn cây cầu.

Trong lúc đó, Miên, trong một dáng điệu cực kỳ đau đớn, sờ soạn đứng dậy.

MIÊN: *(run giọng)* Trung đó hả?

TRUNG: *(quay lại từ từ)* Phải, Trung đây!

KIM: *(thốt kêu lên, đứng bật dậy)*. Trời! Trung!

Mọi người im lặng sững sờ một giây.

TRUNG: Vâng. Tôi từ núi về. *(Một lát)* Tôi mừng thấy Miên còn sống sót.

MIÊN: *(Tiến tới, đưa tay ra với Trung.)* Trung thật đó hả? *(cảm động)* Chúng ta đều còn sống...

TRUNG: *(Nén xúc động, thẳng thắn.)* Tôi chỉ còn rất ít thời giờ. Chị Kim, chị hãy gọi anh Văn ra đây. Tôi hứa với chị không để ai làm hại anh ấy.

KIM: *(yếu đi)* Anh ấy không có nhà.

TRUNG: Chị không còn tin tôi nữa. Thôi được. *(ngừng một lát)* Tôi chỉ muốn thăm anh ấy.

MIÊN: Trung, cậu về đây làm gì?

TRUNG: Miên biết rồi. *(ngồi xuống ghế)* Miên hãy ngồi. Chị Kim cho tôi ly nước. Chúng ta còn rất ít thời giờ nói chuyện với nhau. *(nhìn người mẹ)* Thưa bác,

bác vẫn mạnh?

Người mẹ nhìn Trung, khoát tay ra dấu từ chối.

KIM: Chỉ ra sau lấy nước cho Trung.

TRUNG: Hãy nói với anh Văn: đừng trốn khỏi nhà. Chúng tôi chỉ chọn tạm nơi này làm hậu cứ. Mọi người chỉ cần giữ thái độ không nghe, không biết, không thấy.

KIM: Tôi nghe lời Trung (*khuất về sau*).

MIÊN: Trung! Bây giờ cậu ra sao?

TRUNG: (*khinh bạc*) Thế đó!

MIÊN: Tôi không còn nhìn thấy cậu.

TRUNG: Chúng ta đều thay đổi.

MIÊN: Hãy lại gần đây (*giơ tay quờ quạng trong lúc Trung bước lại gần*)

TRUNG: Ở trên núi, tôi nghe tin cậu đã chết.

MIÊN: (*nắm lấy tay Trung*) Tôi không thể tưởng tượng ra cậu. Có lúc, tôi cũng nghĩ là cậu đã chết.

TRUNG: Chúng ta đều còn sống. Nhưng không thể còn như xưa.

MIÊN: Tôi không tin. Người như cậu không thể gột bỏ quá khứ.

TRUNG: Tôi học được điều này: chúng ta đã có một tuổi trẻ lãng mạn. Quá khứ ấy phải biết quên đi. Tôi nghĩ đến hiện tại. Cái quá khứ khôn nạn đã dày dọa đời sống chúng ta, đã bắt tôi rời gia đình, xa bạn bè. Cái hiện tại đã dạy cho tôi lao tù tù nhục, đã cho tôi hiểu thấm thía một thứ tình cảm mạnh hơn tình yêu.

MIÊN: Là gì?

TRUNG: Hận thù.

MIÊN: Thật thế ư?

TRUNG: *(hăng hái)* Chính hận thù đã đẩy tôi lên núi.

MIÊN: Đó cũng là sức mạnh xui cậu phá cầu?

Im lặng sững sờ. Một lát.

TRUNG: *(ngập ngừng)* Miên, cậu không hiểu đâu.

(thăng thán) Phải, tôi sẽ phá cầu. Tôi về đây để phá cầu.

MIÊN: *(Kêu lên, lùi xa.)* Trung, cậu không được làm vậy.

TRUNG: Quyết định không phải của tôi. Tôi không đi ngược lại với nghị quyết. Tôi chấp nhận. Vì vậy, tôi tình nguyện về đây, phá cầu.

(Im lặng, nặng nề.)

MIÊN: *(Cổ nén xúc cảm)* Trung, tôi đồng ý chúng ta đã đứng ở hai phía. Nhưng chiếc cầu trung lập. Nó không phải là mục tiêu quân sự của bên này, hay bên kia.

TRUNG: Trong cuộc chiến này, không có nơi nào trung lập. Bên này. Hay bên kia.

MIÊN: Không, chiếc cầu không phải của bên nào cả. Nó là của thành phố chúng ta. Nó là của lịch sử. Chiếc cầu đã có từ khi chúng ta chưa sinh ra. Nó có lịch sử của nó, gắn liền với lịch sử đất nước. Phá cầu là một hành động phá hoại thuần túy.

TRUNG: Phá hoại nào cũng thuần túy cả. Miên ạ, tôi cũng yêu quý cây cầu. *(mơ màng)* Đâu phải dễ dàng quên hết những liên hệ giữa mình và cây cầu kia. Nhưng nó phải bị hủy diệt.

MIÊN: Sự phá hoại kia mang ý nghĩa gì?

TRUNG: Tôi không muốn cắt nghĩa. Nhưng cậu thử nghiệm xem. Giờ là chiến tranh. Sáng mai, thức dậy, cả thành phố này kinh hoàng: chiếc cầu đã gãy. Chiếc cầu huyết mạch của đô thị đã bị phá bởi những người trên núi trở về. Chỉ sự kiện ấy thôi, đủ mang cái ý nghĩa có mặt của chúng tôi.

MIÊN: (*Hắn học*) Sự có mặt của phá hoại.

TRUNG: (*chán nản*) Cậu không thể nào hiểu nổi. Con đường tôi đi dạy cho tôi nhiều điều, trong đó, có sự mù quáng của tình cảm. Phải biết hy sinh tình cảm. Cây cầu có sá gì, so với những bắt công, đau khổ, chết chóc kia? Tại sao cậu mù lòa? Sao tôi lên núi? Tại sao hàng vạn thanh niên như cậu như tôi không được sống bình an?

MIÊN: Cậu muốn thuyết phục tôi đó ư?

TRUNG: Tôi không còn thì giờ. Dù sao, chúng ta cũng đã chọn lựa.

MIÊN: Cậu sẽ không hối hận? Sáng mai, khi cầu gãy, những người dân mà cậu muốn giải phóng sẽ oán trách các cậu.

TRUNG: Những người nặng tình với chiếc cầu chỉ là thiểu số. Trong đó có cậu và tôi. Còn bao nhiêu người trên đất nước này chẳng biết chiếc cầu kia ra làm sao. Nhưng sáng mai, hàng triệu người ở đây, ở khắp nước, ở khắp thế giới sẽ biết đến chiếc cầu, chiếc cầu gãy, chiếc cầu bị phá bởi chúng tôi.

MIÊN: Cậu tin ở áp lực phá hoại?

TRUNG: Đó là chiến tranh.

MIÊN: Phá hoại là sức mạnh của kẻ yếu.

TRUNG: *(riều cợt)* Cậu lý luận như tên tiểu tư sản lẳng mạn.

MIÊN: *(bất mãn)* Cậu đã lột xác đến thế ư?

TRUNG: Cậu phải hiểu rằng suy nghĩ bằng hận thù khác hơn suy nghĩ bằng tình ái *(cười khan)*. Nhưng, dù sao tôi cũng chưa thể quên hết. *(buồn bã)* Tôi không thể bắt hòa với đời mình. *(thân ái)* Miên, cậu không thay đổi. Ở xa, nghĩ tới cậu tôi không tưởng tượng ra được một hình ảnh về cậu mà khác đi. Nhưng còn tôi...

MIÊN: *(cảm động)* Chúng ta đã khác.

Im lặng bịn rịn. Hai người bạn đứng gần nhau. Miên sờ lên người Trung, rồi dứt khoát.

Trung, tôi phản đối cậu phá cầu. Ngày mai, khi nghe tin cầu gãy, nếu tôi còn sống, tôi xem như cậu đã chết.

TRUNG: *(Bình tĩnh)* Miên ạ, *(ngập ngừng)* Miên hãy nhớ điều này: Chiếc cầu kia còn thân yêu với tôi hơn với cậu. *(dịu giọng)* Nhà tôi ở đầu cầu tôi đã lớn lên bên bến sông ấy, xuống tắm dưới chân cầu kia. Nhưng tôi tình nguyện phá. Vì không thể làm khác.

(Rời Miên, đứng quay lưng, nhìn về phía cầu, ngậm ngùi)

Tôi phải đi. Chúng ta là những kẻ bất hạnh. Cậu đã mù nên chẳng trông thấy hòa bình. Còn tôi thì không sống đến ngày ấy.

MIÊN: Trung, tại sao?

TRUNG: *(xúc động)* Phá cầu, tôi đau đớn lắm. Tôi vẫn

là bạn cậu, Miên hãy nhớ thế. (*Khinh bạc*) Dù là hận thù, dù là tình ái, thì cũng chỉ là tình cảm.

Trung gục mặt trên những song cửa sổ. Miên mò mẫm đứng gần bạn. Hai người quay lưng lại phía khán giả, ánh sáng trên hai phần lưng và chiếc cầu rục rờ đằng xa. Im lặng, Kim bước vào, mang theo ly nước..

KIM: (*nhìn hai người một lát*) Trung uống nước.

TRUNG: (*Quay lại, gượng cười, vỗ vai Miên, lấy lại bình tĩnh*) Cảm ơn chị (*Cầm ly nước uống một hơi*)
Chị Kim!

KIM: (*sợ sệt*) Dạ.

TRUNG: Tôi mừng còn gặp lại chị. Tôi không còn người thân nào. Tôi mãi nguyện lăm, (*cứng rắn*) chị hãy nhớ đây: giữ thái độ không nghe, không biết, không thấy!

KIM: Tôi nghe lời Trung.

(Tiếng chó sủa rõ dần. Tiếng gõ cửa theo mật hiệu.)

TRUNG: Cứ vào.

NGƯỜI CHỈ HUY: (*bước vào*) Đồng chí, đã đến giờ (*quay lui*) Đồng chí Út!

ÚT: Dạ.

NGƯỜI CHỈ HUY: Đồng chí ở lại đây, canh giữ những người trong nhà, cho đến khi có lệnh.

ÚT: Rõ. Tuân lệnh!

TRUNG: Chúng ta đi.

Trung khép cánh cửa sổ lại, bước đi, lạnh lùng, dứt khoát, không nhìn Miên và Kim. Bỗng Trung dừng lại, tiến đến trước mặt người mẹ, đưa tay ra, nhưng bà mẹ lùi lại, ra dấu từ chối.

KIM: *(gọi)* Trung!

NGƯỜI CHỈ HUY: *(bước sau Trung)* Bà Kim, xin bà ngồi yên. Mọi người tạm dưới sự canh gác của người này *(chỉ tên Út)*

Trung khuất sau cửa. Người chỉ huy trước khi khép cửa, còn nhìn lui.

KIM: *(gọi theo)* Trung!

NGƯỜI CHỈ HUY: *(bình thần, buồn bã)* Bà Kim. Bà vẫn không nhận ra tôi. Xin từ biệt Bà.

Miên đến sau lưng chị, nét mặt đau khổ. Mọi người yên lặng. Út nãy giờ đứng bất động đang dõi bước nhìn khắp mọi người. Người mẹ lại tìm xó tối, ngồi xuống, bó gối, nhìn ra khán giả.

ÚT: *(súng nơi tay, đi lại bút rít)* Các người hãy ngồi! Miên và Kim ngồi xuống hai chiếc ghế đặt gần cửa sổ. Cả hai như chưa thoát ra khỏi những xúc động dồn dập vừa xảy đến. Những tiếng động ở xa vọng về. Không khí trống trải.

ÚT: Này, anh kia?

MIÊN: Ông gọi tôi?

ÚT: Anh tên gì?

MIÊN: Miên.

ÚT: Còn bà kia.

KIM: Tôi tên Kim

ÚT: *(hần học)* Hai người ngồi xa nhau ra. Kim đỡ Miên đến ngồi xuống trước hầm, gần bà mẹ, rồi trở về chỗ cũ. Mọi người im lặng. Một lát.

ÚT: (đi lại, khó chịu) Hừ, rồi các người cũng không tránh được ngày đền tội trước nhân dân!

KIM: Ô hay! Chúng tôi có làm gì?

MIÊN: Chị Kim, xin chị đừng cãi lời ông ta.

ÚT: (giận dữ, bước tới trước mặt Miên, thẳng tay tát vào má Miên.) Khốn nạn. Bộ tao không đáng nói chuyện với con đàn bà kia hả. Hừ, nếu mày không mù lòa thì tao đã thí cho mày viên đạn.

KIM: (*đứng dậy*) Ông không hổ thẹn đánh một người mù?

ÚT: Hấn khiêu khích tôi.

KIM: (*cố gắng*) Nào chúng tôi có làm gì đâu...

ÚT: Câm miệng. Lãi nhãi. Khi đứng trên núi cao nhìn xuống thành phố ban đêm, tôi thấy một vùng ánh sáng. Tôi hiểu ra rằng tôi không được sống trong vùng sáng đó vì các người đưa tôi đi. Các người là những đồng rác mà chúng tôi phải dọn.

KIM: Ông bắt công.

MIÊN: (*can ngăn*) Chị Kim. Tôi van chị. Lời nói chẳng đi đến đâu. (*nhấn nhọc*) Xin ông đừng nóng. Chúng ta là những kẻ thù địch không hiểu nhau được.

KIM: (*vẫn bực tức*) Hừ, các ông ghen tỵ. Các ông ganh ghét chúng tôi, các ông ganh ghét luôn với cây cầu. Vì bởi nó còn nguyên lành nên các ông phải phá gãy nó.

ÚT: (*đắc chí*) Hà. Hà. Bà rắc rối quá. Về chuyện cây cầu, đó là lệnh. Bà nghe chưa. Là lệnh. (*xem đồng hồ*) Hà hà, các người ráng chờ. Ráng chờ. Chỉ còn ít phút nữa thôi. Còn ít phút thôi – ừ, đúng vậy – cầu sẽ nổ tung. Hà hà...

KIM: Trời! *(bung mặt khóc)*

ÚT: Lại khóc rồi. Sao mà dễ khóc lắm vậy. Nín đi. Bà nghe chưa. Nín!

KIM: Ác độc!

ÚT: Hà ! Hà ! Giữ nhiệm vụ canh gác các người thật khó chịu. Lải nhải. Khóc lóc. Giữ trâu còn sướng hơn! *(một lát)* Anh kia!

MIÊN: Ông gọi tôi.

ÚT: Chứ ai nữa. Ở đây chỉ có tôi và anh là đàn ông!

MIÊN: Tôi tên Miên.

ÚT: Biết rồi, các người ưa được gọi tên lắm. Này, sao anh mù vậy?

MIÊN: *(bình tĩnh trong lúc Kim uất ức)* Tôi bị thương.

ÚT: À, lính phế thải! Thật ra, cho dù anh có lành lặn, có sáng mắt, thì nhân dân cũng đã phế thải anh rồi. Hiểu chưa ?

MIÊN: *(bình thản)* Vâng. Tôi hiểu.

Cánh cửa mé bên hé mở. Vãn xuất hiện, tay cầm dao, định tiến ra nhưng thụt vào khi thấy Út tiến về phía Kim.

ÚT: Bà kia! Tôi đã nói bà im đi. Sao cứ sụt sùi hoài.

Khó chịu lắm *(Út lại xem đồng hồ. Tiếng chó sủa)* Việc gì mà khóc chứ! Có ai chết đâu!

MIÊN: *(bình thản)* Có nhiều người chết lắm ông ạ.

ÚT: *(nhìn quanh)* Đâu? Đâu?

MIÊN: Nhìn bằng mắt thì chẳng thấy đâu. Nhưng ông thử nhớ lại xem. Bao nhiêu người bạn của tôi, của ông đã chết!

ÚT: (gật gù) Ủ. Bao nhiêu người chết. Nhưng ăn chung gì đến bà mà khóc.

Bà mẹ trong xô tôi bỗng phát những cử chỉ khích động và òa khóc lớn tiếng – tiếng khóc như của trẻ con.

ÚT: (xao động) Ô hay! Bà già kia! Các người điên hả, Im! (hét lên) Im!

Sân khấu đột ngột yên lặng. Út cũng sững sờ. Y đi lại, bối rối, mỗi lần y bước gần cánh cửa, Văn lại thụt lùi tránh né. Cuối cùng khi y đến gần, Văn nhảy ra và giơ cao tay đâm vào lưng. Út hét lên. Văn bồi thêm một nhát. Súng nổ. Văn đẩy Út gục xuống.

VĂN: (hồn hển) Kim! Miên! Anh hạ nó rồi. (Nhặt súng cầm tay) Em hãy thoát ra cửa sau, chạy đến vọng gác báo tin. Không thể để họ phá cầu.

KIM: Em sẽ ráng. Anh hãy cẩn thận. (quay lui) Ô kia, Miên!

MIÊN: (Dựa lưng vào bao cát, tay ôm ngực mặt tái xanh thất sắc nhưng không lộ vẻ đau đớn.)

Tôi bị trúng đạn!

BÀ MẸ: (Đứng bật dậy, kêu lên những tiếng quái dị.)
A! A! A! A!

(Miên từ từ ngã xuống, kịp lúc Kim và Văn chạy đến đỡ.)

VĂN: Xé áo buộc vết thương cho Miên. (Kim xé ngay áo của mình.)

MIÊN: (cố gắng) Thôi khỏi. Tôi không sống nổi đâu. (Bà Mẹ chạy lại gần, Miên ngã người vào Bà) Con không sống nổi đâu mẹ ạ. (Kim đỡ Miên) Đừng cố gắng làm gì. Rất tiếc. Tôi không còn sống đến ngày hòa bình, chị Kim ạ. (thở dốc)

Tiếng ầm lớn vang dội sân khấu, đẩy cánh cửa sổ mở

rộng, cho thấy chiếc cầu đang chìm trong biển lửa từ từ gãy.

KIM: Miên! Miên! *(thất thanh)* Miên! Tỉnh dậy em. Tỉnh dậy *(khóc)* Miên!

VĂN: Muộn rồi *(Miên gục đầu qua một bên)* Chiếc cầu cũng đã gãy.

Kim ôm chặt lấy xác Miên khóc. Bà mẹ qua con xúc động ngồi dậy, bắt đầu sờ mó xác Miên – từ hai bàn chân lần mò lên người. Văn đứng sững nhìn chiếc cầu đang cháy. Lúc bấy giờ, những tràng súng lớn, súng nhỏ dội về. Tiếng chó sủa rân. Rồi tiếng trực thăng bay tới. Tiếng trực thăng xạ kích !

VĂN: Hãy tắt đèn. Chúng ta phải trốn.

Tiếng trực thăng bay sát mái nhà. Tiếng oanh kích âm ầm. Một mảnh trần sập xuống, bụi cát bay tứ tung. Mọi người nằm bẹp xuống!

KIM: Chết rồi, máy bay oanh kích nhà ta. Chạy đâu bây giờ?

VĂN: *(Bò đến, kéo bà mẹ và Kim vào hầm.)* Ra ngoài là chết. Vào hầm. Vào hầm đi!

Mọi người chui vào hầm. Đèn phụt tắt. Tiếng xạ kích. Thêm một mảnh trần sập đổ. Bụi cát. Sân khấu tối đen. Chỉ còn hai cái xác mờ mờ. Tiếng trực thăng bay xa. Bay trở lui, ánh đèn từ trực thăng rọi xuống, qua lỗ thùng trên trần cho thấy hai cái xác. Rồi bay luôn. Lúc bấy giờ tiếng chó sủa vang dội. Một khoảng im lặng. Sân khấu chết. Rồi có tiếng bước chân. Tiếng gõ cửa theo mật hiệu. Văn từ trong hầm bò ra, nhặt lại khẩu súng của Út, đứng nép bên cánh cửa lớn. Tiếng gõ lần thứ hai.

NGƯỜI CHỈ HUY: Còn ai trong nhà không? *(Im lặng)*

một lát) Bà Kim. Bà Kim. Bà còn sống không? Tôi bị thương...

Cánh cửa bật mở nhẹ nhàng như thể đã mở từ trước.

Người chỉ huy ôm bụng, lảo đảo bước vào.

VĂN: *(hét lên)* Đứng lại. Giơ tay lên.

NGƯỜI CHỈ HUY: *(Cố gắng đưa một tay tên, té tựa vào những bao cát, phều phào.)* Tôi bị thương nặng.

VĂN: *(Bước khỏi chỗ nấp)* Còn ai rút về nữa không?

NGƯỜI CHỈ HUY: *(phều phào)* Không. Họ chết rồi.

Làm ơn cho tôi nước.

KIM: *(Từ trong hầm chui ra đến gần người chỉ huy.)* Ông bị thương ở bụng. Máu ra nhiều. Ông không nên uống nước.

NGƯỜI CHỈ HUY: Bà Kim. Bà còn sống ư? Tên Út đâu.

VĂN: Nó không còn nữa.

KIM: Ông cố gắng. Trời sáng sẽ có người đưa ông đến bệnh viện.

NGƯỜI CHỈ HUY: *(Gục xuống, tựa lưng vào những bao cát, bên cạnh xác Miên.)* Tôi không chịu nổi... *(đụng vào xác Miên)* Ông Miên cũng nằm đây sao...

KIM: Ông cũng biết Miên nữa sao? Còn Trung đâu?

NGƯỜI CHỈ HUY: Chết rồi.

KIM: (Xúc động) Trung chết rồi? Bị bắn khi rút về?

NGƯỜI CHỈ HUY: Không.

VĂN: Em để cho ông ta nghỉ. Chúng ta chờ sáng.

NGƯỜI CHỈ HUY: Bà Kim, tôi là kẻ bị hạ khi rút lui. Còn Trung thì không vậy. Chúng tôi đã đặt chất nổ phá

cầu... *(thở khó khăn)*

KIM: Rồi sao? Sao Trung chết?

NGƯỜI CHỈ HUY: Chúng tôi cùng bơi tới chân cầu và leo lên găm. Chúng tôi dùng ngòi nổ chậm để có thì giờ thoát thân. Chính tôi kéo ngòi cho giây cháy. Nhưng khi tôi rút lui thì Trung ở lại.

KIM: *(xúc động rõ rệt.)* Trời. Trung ở lại?

NGƯỜI CHỈ HUY: Tôi... không... hiểu... nổi... Trung ở lại để tan xác với cây cầu.

KIM: Trung tan xác với chiếc cầu! Sao vậy. Sao Trung không rút lui. Sao Trung ở lại? Anh Văn, sao vậy?

VĂN: *(ngâm ngùi)* Trung tự sát.

KIM: Tự sát! Miên chết! Trung chết! Cầu gãy!

VĂN: Bọn họ cùng chết với cây cầu.

KIM: *(khóc)* Họ chưa đầy ba mươi tuổi.

NGƯỜI CHỈ HUY: *(rên)* Tôi kiệt sức. Tôi không còn thở nổi. Xin ông thí cho tôi một viên đạn vào đầu.

VĂN: *(đau khổ)* Ông hãy ráng. Có quá nhiều người chết trong đêm nay rồi.

NGƯỜI CHỈ HUY: *(rên rì)* Bà Kim. Bà Kim. Tôi chẳng thể nào quên bà. *(ói máu ra miệng)* Bà có nhận ra tôi không?

KIM: *(khóc lớn tiếng)* Không!

Bà mẹ lúc bấy giờ cũng từ từ ra khỏi hầm, bà nhìn những xác chết rồi kêu lên những tiếng quái dị.

BÀ MẸ:

A! A! A! A!

Văn vút súng, đến ôm lấy bà mẹ trong lúc bà mẹ càng

lúc càng lớn tiếng và càng khích động.

Màn hạ

1969

(nguồn: Văn Miền Nam Tập II, Thư Án Quán Hoa Kỳ
xuất bản Mùa thu 2009)

PHÂN SÁNG TÁC

CÁI TRỌNG TY

PHÙ LUÂN

thuở ấy hoa môi hoạ tường chừng
tình đành nín lặng kín như bưng
mười năm chiếc áo hoa vườn xám
chỉ một màu tẻ hại dửng dưng

tâm tượng thủy tinh hương đàm thơm mãi
ngôi nhà bên sông nắng đục mưa trong
em cũng dấu yêu qua cầu xa cách
cũng tại bùa thiêng giữ lại làm chi

đêm tĩnh lặng xe thời gian thức giấc
ngon đèn khuya bắc lun nền tàn
chớp mắt nhìn lại ta thẳng thốt
ôi cô đơn như một kiếp người

phiêu bạt trời mây mơn phương hướng
thờ bình đao sống được quay về
hồn trủy thủ chôn vùi cát bụi
lang thang qua bến bãi kiếp người

vòng lốc xoáy ta đi nhằm tâm điểm
bao thế hệ người da ngựa bọc thây
chết tội nghiệp chơi con bài ba lá
đứng dậy phủ tay lịch sử rừng mình

soi trực giác thật lạ lòng bản thể
cuộc phù luân điểm hẹn đã vô cùng
thời chuyển dịch tầng năng lượng áp suất
hạt kim cương mù mịt ánh trăng

LUYỆN NGỤC

đêm luyện ngục nghe thời gian rên rỉ
cây hôn mê từ đất kể nỗi niềm
ai qua đó muôn nghìn năm hệ lụy
mới đây sao đất đá cũng lưu vong

linh hồn sóng cười bao tầng đau xót
mãi miết xô bờ rẻo vọng hang sâu
đời như đã một sắc vàng hoang dã
ngơ ngác chiều hôm về muôn lưng đeo

đêm nguyệt thực chốn lao tù tối sẫm
đêm nghe kinh lão thạch sùng chắt lưỡi
âm thanh lạnh mồ tự do bọc lưới
em có về gửi lại một lần môi

anh tô lại đoá hồng dương phún thạch
từng thêm khát qua khe hẹp cửa tù
hạnh vô úy cũng có khi ứa rừ
mắt mở trùng đen tối lửa dung nham

ôi tha thiết những cung đường hương cũ
gió muôn phương quần tụ trái tim đau
tình vô thủy ngọn bắc tàn khuya rộ
lời trăm năm thờ thần bến sông sau

đời lang thang ôm mối tình kẻ chợ
lê lét theo về cội rễ quê hương
hồn cô độc chênh vênh trời cổ thạch
ai gọi hồn ma dưới lũng sâu đời

Cái Trọng Ty

LÊ VĂN TRUNG

HẸN VỀ

Có lẽ mai kia hay một nọ
Con đường mù bụi một mình ta
Nón lá gậy tre, hồn rách vá
Ta đi tìm lại bóng quê nhà
Huỳnh Dương đầu cũng là quán trọ
Còn hơn ngàn dặm cõi mù xa

Có lẽ tình cò ta gặp lại
Một màu hoa đã chớm úa tàn
Và tiếng ai buồn qua vách lá
Ngọn đèn khuya khơi muộn tình xuân

Những măng rêu phong tường ngói cũ
Những bờ tre ngã bóng triền sông
Những màu sương bạc vương trên tóc
Những sắc mây tan dọc mé rừng
Biết đâu hiu hắt lòng thơ cũ
Nhan sắc xưa còn đọng chút hương

Và biết đâu trên nền gạch vỡ
Ta tình cò nhặt chút màu xưa
Để một thoáng mù trong cõi nhớ
Tóc người chảy ướt buổi chiều mưa
(Tóc người một thuở hoang đường ấy
Biết chảy về đâu những bến bờ)

Nơi góc quán bên đường quanh què
Có một người ngồi đợi, mù tăm
Và một người muôn trùng dặm mới
Hẹn trở về cạn chén trăm năm
Tay cầm chéo áo lau đôi mắt
Chợt thấy màu trắng cũ ủa vàng

Tay cầm chéo áo lau đôi mắt
Lòng chợt mù sương một nẻo về
Còn ai xuôi ngược phương trời cũ
Mai này xin hẹn bến tình quê
Cho dầu thân tàn, hồn rã mục
Và đời đã vạn ngã phân ly

Ta về để thấy ta còn lại
Một chút tro than lạnh bếp chiều
Một chút tiếc thương màu trẻ dại
Đôi lời hò hẹn đã xanh rêu
Ta về , cô quanh, đường xa ngái
Gió lụy phiền xưa thổi hắt hiu
Bóng ta với bóng mây đầu núi
Cứ chập chờn quanh những dốc đèo.

LVT
2013

BẾN CŨ & DÒNG SÔNG

Phạm Văn Nhân

(viết ngắn)

tặng bạn LVT

*"...mà ngóng mây chiều bay xa lắc
Nỡ phụ trăm năm lời hẹn thề..."
Thơ Lê văn Trung*

Lão ngồi xuống trên những bậc cấp bên bờ sông. Vẫn còn đó sau gần 50 năm, mà trước đó là bến đò đưa khách. Chiều xuống dần trên thượng nguồn. Ráng chiều đỏ rực. Lão ngồi nhìn dòng sông, nước đang dâng lên. Lão chống cằm trên cái tay cầm của chiếc gậy, nhìn xuống dòng nước trong xanh đang chảy chậm dưới những bậc cấp. Chiều chưa tắt nắng. Mắt lão như muốn sụp xuống. Một mối trên cái tuổi về già. Những ý nghĩ ngày xưa trên bến đò này chẳng còn ai nhớ, ngoài trừ lão. Con đò năm xưa của Kim đưa khách đâu rồi. Lão hình dung lại bóng dáng của người con gái ấy. Mảnh khảnh, cao gầy, gương mặt trái xoan, nước da trắng. Ừ! Kim. Trung, người bạn ngày xưa còn sót lại đêm trên đầu ngón tay, ngồi bên cạnh, hỏi vu vơ: ông nghĩ gì khi trở lại bến đò này? Ông còn nhớ cô Kim? Vâng. Tôi nhớ. Nhớ mới trở lại bến đò này đây. Bến cũ.Vâng. Bến cũ. Không hẹn mà đến. Kim, hay ai? Trung hỏi. Tôi cũng không biết nữa. Ông chưa lần mà. Tại sao không biết?

Chiến tranh. Trung nhìn về hướng Tây. Ráng chiều đỏ rực trên những đám mây một màu máu. Ông lại đổ cho chiến tranh rồi, Trung nói. Phải. Ông biết tôi là một người lính. Chẳng biết sống chết ra sao. Ông biết mà. Một thằng lính bụi như tôi thì làm sao dám yêu ai? Sao từ khi nghe ông có vợ, cô ấy khóc. Trung vừa nói vừa mời thêm điều thuốc. Còn không? Cái gì? Thuốc lá.

Tại sao ông biết cô ấy khóc khi tôi lấy vợ? Cả tỉnh đồn. Bạn bè ông nói lại. Lão nhìn ráng trời. Lão buồn. Trung nói. Tình yêu? Không. Lão cúi xuống dòng nước trong xanh đang lên dần lấp lím những bật cấp. Lão nói rất khẽ. Người yêu: không. Người tình: không. Tôi xem như cô em gái. Trung hít một hơi thuốc dài: tôi nhớ cách đây cũng gần 50 năm, tôi với ông gặp Kim trong một thành phố nhỏ ở miền trung. Tôi nghĩ ông với Kim là người tình. Sao ông không đến với Kim. Chiến tranh. Lại đổ thừa.

Cho tôi xin điều thuốc. Lão hỏi. Hết rồi. Chập nữa mua. Hai người bạn già đi trên vỉa hè con phố cũ. Đèn đã lên. Chiếc gậy lão chống kêu lộc cộc trên hè phố. Đến một gốc phượng vĩ già. Một cái bàn có kê cái tủ nhỏ bán thuốc lá trước hiên nhà. Trung dừng lại mua một gói. Lão thấy một người đàn bà tóc bạc phơ. Gương mặt sao quen quá trên con phố nhỏ này. Nhất là đôi môi. Phải. Môi trên được khâu vá lại hồi còn nhỏ. Môi hở hàm ếch. Chẳng lẽ là chị? Lão ngập ngừng hỏi tên. Người đàn bà nhìn lão. Nhíu mày. Qua đôi kính lão. Hóa ra là ông. Lão cười. Người đàn bà mời vào nhà, rót nước mời. Trung ngồi yên nghe lão và người đàn bà nói chuyện. Chuyện năm mươi năm đã qua.

Chuyện bên đò bên dòng sông cũ. Chuyện của Kim. Người đàn bà chỉ lên bàn thờ cha mẹ. Có Kim ngồi đó. Lão xin thấp nén nhang. Trung cũng thế. Lão dụi mắt. Lão thấy: hình như trên khóe mắt của Kim, lão thấy có giọt nước mắt. Lão mệt. Người run lên. Trung dìu lão về nhà. Đi trên vỉa hè. Chiếc gậy kêu lộc cộc trên từng bước đi. Lão nói với Trung như thế. ...

viết xong ngày 5 tháng 7 năm 2019.

NGỌC BÚT

CHÀO EM

(tặng học trò)

phượng đã tàn hoa cuối sân
mái vẫn đỏ màu của ngói
lá xanh nồn mùa học mới
cô chào em – chào thanh xuân

một năm cô đợi hai lần
hẹn đầu xuân rồi cuối hạ
bạc trắng tóc còn ngơ ngẩn
cô đón em – đón trăm năm^(*).

phơi phới em – ngày tinh khôi.
trăn trở cô – đêm khó ngủ
đáy lòng cô – lời chưa nói
giữa tim cô – nỗi đau người

giông gió bão mưa cuồng nộ
cô không theo hết đường đời
theo em ngàn lời gọi vội
vẫn không nói hết đây vơi...

(*) Quán Trọng thời Xuân Thu Chiến Quốc nói: ...
*thập niên chi kế mạc như thụ mộc; chung thân chi kế
mạc như thụ nhân...* (... kế hoạch mười năm không gì
hơn trồng cây; kế hoạch trọn đời [trăm năm] không gì
bằng trồng người...)

ĐÓN CHÁU CHÀO ĐỜI

(tặng cháu nội)

ngày nắng long lanh rớt ngọc
bà nội bà ngoại áo hoa tóc tím mới tinh
ông nội ông ngoại không thềm đau ốm
mẹ cha chú cậu nhiệt tình bận rộn
đón cháu chào đời.

*

trắng tinh thanh bình nhắm mắt
thiên thần mơ giấc triệu năm
êm đêm thở hơi lá cỏ
thiên thần ghé qua ngàn năm
tươi xinh đỏ thắm nhoèn cười
thiên thần để rơi cánh mồi
vườn cũ
trăm năm.

*

nhà ai hôm nay lời chim vang vang
nhà ai hôm nay sắc hoa rực rỡ
nhà ai hôm nay nắng long lanh rớt ngọc
đón cháu chào đời.

KHÔNG ĐỀ

(tặng bạn đời)

roi mệnh mộng muôn giọt nắng chiều
tóc trắng rồi thương dáng liêu xiêu
bao nhiêu năm tháng duyên và nợ

đáy lòng son sắt một tình yêu.

cơm nóng canh ngon tình muối mặn
gừng cay một thuở tách trà ngon
thương nhau quên hết bao hờn giận
giữ mãi đời nhau một chút ơn.

một thuở ta tìm trong đáy mắt
tình long lanh rực rỡ gấm hoa
trời xanh cúi xuống vai ai ấm
nguyện hứa không bao giờ chia xa

em có đi đâu giữa biển đời
cũng về chung một mái nhà thôi
nợ duyên bờ bến xa ngàn dặm
sông chảy đôi bờ nước không vơi

TRẦN DẠ LỮ

MAI PHỤC

Dành một đời để mai phục em
Làm sao gỡ trắc cũng đâm mềm
Tuyên ngôn của gã tình si ấy
Có sĩa vào trong đáy mắt đen?

Đường nhân gian lạ lạ quen quen
Riêng ta quay quắt đứng bên thềm
Quơ tay tìm bóng mùa thương cũ
Ngơ ngác vàng hoa áo lụa hiền...

Dành thời gian nung nấu niềm tin
Phải đã tròng xe cát biển đêm?
Lỡ kiếp này tim lên tiếng gọi
Cũng đành khâu vá nỗi buồn riêng..

Biết một đời mai phục là điên
Bởi trắng đầu rút chôn ưu phiền
Mỹ nhân xưa nay làm bại tướng
Huống hồ ta lữ khách đi đêm...

Trần Dạ Lữ

ĐẶNG TOẢN

Trốn tìm

Chuyện xưa giờ nhớ lại
Chơi trốn tìm với nhau
Em núp lùm cỏ dại
Anh nép ngoài hiên sau

Anh lúc nào cũng thua
Em khi nào cũng thắng
Ừ , me chắc là chua
Em khóc anh bị mắng

Nắng trong lòng dầu cạn
Thấp đủ mùa nhớ phai
Nước xoi bờ tả ngạn
Ra bên ngồi ngóng ai

Thơ vương mùi cỏ rạp
Chuối lẹ choàng ướt vai
Giêng sẽ về bên chạp
Em đã về với ai ?

Đá ửng màu nhật nguyệt
Đêm sáng cùng pha lê
Nỗi nhớ hằn diễm tuyệt
Sầu chất tràn sơn khê

Trăng của sông ngày cũ

Hoa của mùa thu xưa
Ngãng đầu lòng tự nhủ
Gió còn hờn chi mưa

Trăng chảy về biên ải
Anh tóc bạc nửa đầu
Em đâu còn nhỏ dại
Sao trốn tìm quá lâu !

Houston 28/4/2018
Đặng Toàn

TRANG LUÂN
LỐI XUA TÌM VỀ
truyện ngắn

“Hiền thật không ngờ anh lại dám ra đây một mình!”

“Có gì đâu mà không dám!”

Người đàn bà trạc ngoài năm mươi, có mái tóc ngả màu cùng gương mặt tái nhợt quay sang giải thích: “Em thấy Việt kiều về nước, đi đâu cũng đều có người nhà sát cánh ngay bên cạnh. Chứ đừng nói tới chuyện đi xa như anh! Riêng! Có anh thì ngoại lệ. Dầu sao anh cũng nên cẩn thận thì hay hơn. Đi xa anh nên bảo Hòa hoặc ai nấy tháp tùng với anh cho an toàn. Anh đừng tưởng người ta không biết đâu! Người ta tinh lắm đấy. Nhất là màu da cùng cách xử dụng tiền bạc. Vả lại, anh về cũng đâu có giống như mọi người khác! Về là để lo công việc, chứ chẳng phải là để đi chơi hoặc đi thăm danh lam thắng cảnh chẳng hạn. Nhiều đêm, em nghiệm lại, mới thấy lời của ông thầy bói ở chợ Cồn đoán cho anh chẳng sai tí nào! Bốn mươi mấy năm trôi qua rồi đấy anh. Thế mới biết tốc độ thời gian đi qua đời người thật quá nhanh, anh nhỉ! Nhắc đến lão thầy bói, em lại liên tưởng đến buổi sáng chủ nhật ngày hôm ấy. Sau khi xem xét mấy đường chỉ tay cho anh, lão ta còn hỏi anh về giờ giấc cùng

ngày, tháng, năm sinh, rồi lằm nhằm đối chiếu theo phương pháp tử vi. Cuối cùng, lão mới ngẩng lên, gật gù phán cho anh bằng mấy câu hết sức thật chắc nịch.

“Số của cậu là số khổ. Số phải chịu cảnh nay đây, mai đó. Phải lao đao, lận đận. Phải sống xa gia đình. Phải tha phương cầu thực. Số lỡ mang tuổi thân thì phải tự lập lấy thân.”

Sau chót, lão ta còn nhấn mạnh bằng câu kết luận, nhuộm đầy màu sắc âm đạm, u tối ở trong đấy.

“Không những cậu vất vả về phần thể xác, mà lại còn vất vả cả về mặt tinh thần nữa cơ.”

Hai chữ vất vả cứ đeo đẳng, bầu chặt vào người anh cho đến giờ phút cuối của cuộc đời. Cho tới ngày anh xuôi tay, nhắm mắt, mãn phần rồi mới thôi. Năm mươi mấy tuổi đầu rồi còn gì nữa! Năm mươi mấy tuổi, về chiều, đáng nhẽ anh phải được nghỉ ngơi, nhàn hạ, thanh thoi, ung dung như mọi người khác! Nào ngờ! Cho tới tuổi này, anh vẫn còn phải thức khuya, dậy sớm, quần quật, bươn trải để đi làm. Đúng là con người ta, ai nấy cũng đều có cái phần số khác nhau, anh nhỉ! Anh thì em hoàn toàn không biết ra sao! Còn riêng em, thì lúc nào em cũng đặt hết niềm tin tuyệt đối vào thượng đế, vào đáng quyền năng, tối cao ở trên trời. Lúc nào em cũng cậy trông, phó thác vào nơi ngài. Vào số phận mà ngài đã an bài, định sẵn cho hết thấy mọi người trong chúng ta.”

Cứ theo như lời của Hòa, thì lần này anh về, cũng chẳng khác gì như lần trước! Lần nào cũng bận rộn. Lần nào cũng tất bật. Lần nào anh cũng phải chạy ngược, chạy xuôi, chồng chất đủ mọi thứ chuyện ngổn ngang ở trong đấy. Nào là chuyện của gia đình. Chuyện của họ hàng. Chuyện ở trong Nam cũng như ở ngoài Bắc. Diễn hình như chuyện tìm lại mồ mả của

ông bà, của giòng tộc, của người mẹ đã quá vắng cả hằng mấy chục năm về trước. Có biết bao nhiêu việc hệ trọng đang chờ đến bàn tay anh để giải quyết. Ngoài ra, kỳ này anh về, còn có chủ đích quan trọng khác nữa, phải không anh! Anh nhất quyết phải tìm cho bằng được, số ân nhân cùng bạn bè mà anh đã từng thọ ơn họ trong suốt quãng thời gian hoạn nạn, gian khổ trước kia. Sở dĩ, em biết được mấy chuyện này, là đều do Hòa kể lại cho em nghe từ mấy tháng về trước. Thỉnh thoảng, hai chị em vẫn thường hay liên lạc, trao đổi với nhau qua hệ thống điện thoại. Nó nói với em rất nhiều về anh. Nó kể cho em nghe tỉ mỉ về những năm tháng anh còn nằm ở Chí Hòa. Anh bị ghê lở. Bị đủ các chứng bệnh ngặt nghèo, oái ồm, hành hạ, dày xéo lên thể xác, tưởng chừng như khó có thể nào vượt qua được lưới hái của tử thần. Cũng may, chung quanh anh, còn có rất nhiều bạn bè cùng bằng hữu. Những bằng hữu có đức tính thương người. Những bạn bè có tâm lòng độ lượng, bác ái, lênh lảng, bao la như biển Đông. Em cứ đắn đo, suy nghĩ mãi, chẳng biết phải dùng từ ngữ nào cho đẹp đẽ và thanh cao hơn nữa, để diễn đạt cho thật xứng đáng về mọi nghĩa cử cao quý mà họ đã dành cho anh trong suốt khoảng thời gian bệnh tật ở trong đây. Họ san sẻ cho anh từng viên thuốc. Săn sóc cho anh từng miếng ăn. Ngoài ra, họ còn lo cho anh rất nhiều việc linh tinh khác nữa, phải không anh! Thậm chí, ngay đến việc vệ sinh cá nhân, họ cũng không còn nề hà nữa là đằng khác! Nói tóm lại, đó là cả một tấm lòng nhiệt thành. Một tinh thần tự nguyện, họ đã không quản ngại, tận tụy lo cho anh từng ly, từng tý, chẳng khác nào như họ lo cho người thân yêu, ruột thịt, máu mủ của chính họ. Lắm lúc, em cứ ngây ngô rồi tự hỏi thăm với chính mình: Giả sử,

nếu không có họ, liệu mạng sống của anh có còn tồn tại cho đến ngày hôm nay hay là không! Hoặc biết đâu chừng, anh đã quì ngã, vùi thây trong khoảnh rừng già âm u, ngút ngàn, xa xôi nào đó. Điều ấy cũng có thể xảy ra, chứ anh! Chính vì thế, anh mới cho đây là cả vấn đề cấp thiết, là mục tiêu tối hậu được anh đặt lên hàng đầu cho chuyến đi này. Có phải đúng như vậy, không anh! Cho dù có khó khăn, cách trở, xa xôi đến thế nào đi chăng nữa! Nhưng anh vẫn một mực cương quyết, lặn lội tìm đến với họ cho bằng được. Mục đích là để thăm hỏi. Để đền đáp được phần nào những ơn nghĩa sâu đậm mà họ đã cứu mang, đùm bọc cho anh trong suốt quãng thời gian bệnh tật, đau yếu ở quá khứ. Nhiều người vẫn thường có ý tưởng sai lầm và cho rằng: Chủ đích của Việt kiều về nước, là chỉ để đi chơi, để tiêu tiền, để giải trí, chứ chẳng còn mấy may ý nghĩa bóng bẩy nào khác! Nhưng! Ngược lại, với anh thì trái hẳn! Hơn nữa, thời gian đối với anh thì lại quá hạn hẹp, quá ngắn ngủi. Giờ giấc đâu có được dư giả, rộng rãi để đi *tour* ra Hạ Long, ghé Hà Nội, rồi bay sang Thái Lan hoặc Thượng Hải, Hồng Kông, Ma Cao của Trung Quốc. Nếu nói về hệ thống đường xá hiện nay tại Việt Nam, thì quả thật là có tu bổ, có sửa chữa, tương đối nhàn nhui hơn trước kia rất nhiều. Nhưng! Khoảng cách thì vẫn chỉ có bằng đầy cây số và chẳng bao giờ thay đổi! Và lại, từ Sài Gòn ra đến đây, thường xuyên xảy ra những tai nạn rừng rợn, khủng khiếp. Những tai nạn chết người, khiến cho ai nấy cũng đều phải phập phồng, lo sợ vào mỗi khi có dịp phải đi xa cả hàng mấy trăm cây số và nhất là chẳng đường từ trong Nam ra đến ngoài này. Anh có biết, tại sao họ lại ngại vào mỗi lần phải đi xa không anh! Nguyên nhân cũng chỉ vì lái ầu! Cũng chỉ vì sự bất

cần của tài xế! Cũng chỉ vì cạnh tranh, giành khách ở dọc đường! Chính vì lẽ đó, em muốn nói với anh, về sự rủi ro, nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào! Đôi khi, nó chỉ ập đến trong khoảnh khắc, hoặc một tích tắc, thì thử hỏi, làm sao mà mình có thể lường trước được! Từ Sài Gòn ra tới ngoài này, tối thiểu cũng phải mất đứt cả một ngày đường, chứ đâu có giống như từ đây ra Huế! Cứ theo như tin tức cập nhật trên hệ thống truyền thanh, truyền hình thì hầu như, tháng nào mà chẳng có tai nạn kinh hoàng xảy ra ở ngay trên quốc lộ 1. Nói đại, nhờ có chuyện gì không may xảy ra cho anh ở dọc đường, thì thử hỏi: Tâm trạng của em lúc bấy giờ sẽ ra sao! Câu trả lời chỉ thu hẹp, ngắn gọn bằng hai chữ ân hận. Ân hận! Đây là chuyện đương nhiên. Nhưng đâu có phải chỉ ân hận trong vòng đời ba ngày ngắn ngủi, mà nó sẽ còn kéo dài, dai dẳng cho đến mãn đời, mãn kiếp. Cho tới ngày em xuôi tay, nhắm mắt, giã từ khỏi đời sống phù phiếm đầy lo âu, phiền toái này. Điều mà làm cho em cứ phải bận tâm, lo nghĩ nhất, đó chính là, em phải đối diện trực tiếp với chị, tức là vợ anh ở bên đấy. Em sẽ ăn nói ra sao! Biện bạch thế nào! Để cho chị hiểu tường tận từng chi tiết, từng nguyên do, để từ đó, may ra, chị có thể thông cảm cho em. Quanh đi, quẩn lại cũng chỉ có bằng đấy, mà đầu óc em cứ rối bòng lên, rồi đâm ra hoảng sợ anh ạ. Theo em, thì anh cũng chẳng cần phải lặn lội ra đến tận ngoài này để làm gì! Anh cứ gọi điện thoại cho em thì được rồi.”

“Chủ ý của anh là muốn ra thăm em. Máy chục năm rồi còn gì nữa! Dù sao đi chăng nữa thì anh cũng có lỗi với em rất nhiều.”

Người đàn bà xua tay lia lịa:

“Dĩ vãng qua rồi. Anh còn nhắc lại làm gì cho thêm

buồn!”

“Hiền nói vậy! Nhưng! Lúc nào anh cũng cảm thấy lương tâm mình bị dày vò, ray rứt. Lúc nào anh cũng thấy xốn xang, tê tái ở trong lòng. Chưa bao giờ anh tìm lại được cái cảm giác bình yên, nhẹ nhàng, lâng lâng, thoải mái như thuở nào!”

“Tại sao anh cứ bận tâm về cái chuyện đó mãi để làm chi! Chúng ta bây giờ, ai nấy cũng đều ngoài năm mươi hết cả rồi. Đầu óc đâu có còn minh mẫn, sáng suốt như thời mình còn son trẻ trước kia! Chân tay thì càng ngày càng trở nên uể oải, chậm chạp. Còn mái tóc thì ngả màu, bạc phéch theo thời gian. Chắc, chẳng còn bao lâu nữa rồi cũng sẽ lần lượt đi về!”

“Anh hiểu! Nhưng cuộc đời Hiền trải qua quá nhiều cay nghiệt. Nó chẳng khác nào như con suối cạn nằm trong thời kỳ hạn hán. Vì vậy, cứ mỗi lần hồi tưởng về dĩ vãng, về Hiền, thì y như anh lại cảm thấy xót xa, ngậm ngùi ở trong lòng. Anh hiểu chứ. Hiền yêu anh. Hiền đã âm thầm chờ anh suốt mấy năm liền. Mấy năm ấy anh chẳng hề hay biết gì cả! Cuối cùng thì em mới quyết định lên xe để về nhà chồng. Thật ra, thì anh hoàn toàn có lỗi. Nhưng! Có điều khiến cho anh cứ thắc mắc mãi, là tại sao lúc bấy giờ em cứ một mực giữ nguyên thái độ im lặng! Ít nhất, em cũng nên cho anh biết về ý định của gia đình. Mãi cho đến sau này, khi anh bước chân vào quân đội, trôi dạt về đơn vị của anh Đại, nhân trong một chuyến hành quân tại vùng Mỹ Chánh, thuộc quận Phù Mỹ tỉnh Bình Định, anh mới tình cờ biết được cái tin này. Cái tin đến thật quá đột ngột, quá bất ngờ. Cái tin như tiếng sét nổ ngang tai. Cái tin làm cho toàn thân anh cảm thấy choáng váng, bủn rủn, rã rời cả tay chân. Thoáng chốc mà đã mấy chục năm trôi qua rồi đấy em! Mấy chục năm còn

động lại ở trong anh được những gì! Tủi nhục cùng cay đắng. Mấy chục năm, chỉ thấy tuổi đời càng ngày càng chông chênh cùng mái tóc đã ngả màu theo cát bụi của thời gian. Mấy chục năm là cả một chặng đường dài đầy gian truân, khổ ải. Nhưng! Anh vẫn còn nhớ. Chưa bao giờ anh quên! Chưa bao giờ! Anh có thể thẳng thắn nói với em là như thế.”



“Hôm đó, vào buổi chiều cuối tháng chạp. Buổi chiều mà chung quanh anh chỉ thấy toàn một màu chì âm ảm, thê lương và xám ngắt. Buổi chiều với những cơn gió bắc lạnh lẽo, ồ ạt, ngổ nghịch thổi về. Sau khi thanh toán xong cái mục tiêu lờ mờ, hóc búa, nằm chót vót trên ngọn đồi ngật ngưỡng, cao ngất. Ngọn đồi ấy chính là đường ranh giới, phân chia giữa hai phần đất của hai xã Mỹ Chánh và Mỹ Thọ. Cũng chỉ vì cái ngọn đồi hiểm trở, quái ác đó, mà đơn vị anh đã phải trả bằng một cái giá quá đắt. Tám người lính đã

ngã xuống, xuôi tay đền nợ nước. Đây là anh chưa tính đến mười hai đồng đội khác đã bị thương. Có thể nói, suốt cả đời anh, chắc chẳng bao giờ quên được cái trận đánh mở màn, gay cân ấy! Nếu đem so sánh với các trận qui mô, tàn bạo, khốc liệt ở sau này, thì quả thật, nó chẳng thấm là bao nhiêu! Nhưng! Em nên nhớ rằng: Đây là lần thử lửa đầu tiên, là trận đánh mà anh mới vừa chân ướt, chân ráo, ngỡ ngàng bước ra rồi đụng phải. Thú thật là anh sợ. Sợ đến nỗi tay chân anh cứ lẩy bẩy, run lên cầm cập, chẳng khác nào như thứ con nghiện thuốc phiện đang bị lên cơn dữ dội. Lúc đó, anh có cảm tưởng như lồng ngực mình muốn vỡ tung ra cả hàng trăm mảnh. Anh hé mắt, dáo dác nhìn sang hai bên, rồi nép mình sau tảng đá đồ sộ, kịch cõm đầy rêu phong phủ kín. Chưa bao giờ anh cảm thấy sợ hãi đến như vậy! Lần đầu tiên anh trực diện với địch quân. Lần đầu tiên anh cận kề với sự chết. Bên tai anh lúc bấy giờ, chỉ còn nghe thấy những tiếng nổ long trời, lở đất, đào xới, tung tóe ở chung quanh. Kể ra, anh cũng còn tự kềm chế được lấy bản thân mình. Nói như thế, chứ cũng phải mất đến gần ba mươi phút sau, anh mới dần dần thấy tỉnh táo, đồng thời lấy lại được trạng thái bình thường, nguyên vẹn như cũ. Đây! Trận mạc là thế đấy. Nói tới trận mạc là phải nói tới mất mát, tới đổ nát cùng nỗi sợ hãi đang trào lên ở trong anh lúc bấy giờ. Quả nhiên là anh sợ. Sợ từng loạt AK nổ rền, ròn rã. Sợ từng trái pháo rơi xuống nổ tung tóe, cây xới, mịt mù ở chung quanh. Từng loạt bom giáng xuống ầm ầm như thác đổ. Lần đầu tiên anh đụng trận. Lần đầu tiên anh chứng kiến tận mắt từng người lính ngã gục. Từng thân địch nằm co quắp, bất động. Từng dòng máu chảy ra. Từng tiếng la xung phong vang dội cả góc núi. Từ đó, anh

cứ bị ám ảnh về hai chữ chiến tranh. Về thân phận mỏng manh, sống nay chết mai của chính mình. Về những người lính tác chiến cận kề với anh. Những người lính lâm lì, gan dạ. Những người lính đang cố sức ghi chặt lấy tay súng, xông lên để chiếm cho bằng được cái ngọn đồi trọng yếu, hiểm hóc, gai góc ở trước mặt.”

Quần thảo suốt từ sáng sớm cho đến chiều, bọn anh phải vất vả, dằng co chiếm từng tấc đất, từng mồm đá, từng ổ kháng cự dữ dội, ác liệt. Địch ẩn nấp, bố trí ở trên cao, địa thế lại hiểm trở nên rất dễ dàng cho việc quan sát và tác xạ. Trong khi đó, đơn vị anh lại từ ở dưới chân núi bò lên. Chính vì lẽ đó, cuộc tấn công trở nên khó khăn và hao tổn xương máu đi rất nhiều. Nói trắng ra, phần lớn, bọn anh đều nhờ vào sự yểm trợ dồi dào của pháo binh, cũng như là không quân của lực lượng Đồng Minh Hoa Kỳ. Em cứ thử tưởng tượng xem. Với biết bao nhiêu phi tuần bom ồ ạt trút xuống. Cả hàng bao nhiêu tràng đại bác của Lữ Đoàn Kỵ Binh Hoa Kỳ rót vào từ đèo Nhông. Những tràng đại bác nổ đinh tai, nhức óc, khiến cho bọn anh cũng phải rùng mình, hoảng hốt, chứ đừng nói chi tới đơn vị địch quân hiện đang nằm chịu trận ở trên đấy. Hết bom rồi lại tới pháo. Và! Cứ thế, cứ thế, nổ liên tục, rền rã, kéo dài đến gần cả hai tiếng đồng hồ. Nói đại, nếu không có sự tiếp sức, yểm trợ hùng hậu của Đồng Minh, thì đơn vị anh khó có thể hoàn thành được cái nhiệm vụ một cách tốt đẹp mà thượng cấp đã giao phó. Giả dụ, nếu có chiếm được đi chăng nữa, thì cái giá mà bọn anh phải trả, đâu có thể dừng lại ở con số tám người đâu em! Mà theo như anh nghĩ: Số lượng tử vong sẽ còn được nhân lên gấp nhiều lần nữa là đằng khác!”

“Tối hôm ấy, tiểu đoàn anh được lệnh dừng chân, đóng

quân ngay trên ngọn đồi vừa mới chiếm được. Giữa lúc anh đang loay hoay, bận rộn với công tác phòng thủ, thì Đại bắt thần từ ở phía trên đi xuống, tiến thẳng đến tận chỗ anh đang đứng. Chờ cho anh phân chia, cắt đặt công tác xong xuôi đâu vào đấy. Đại lên tiếng dặn anh:

“Anh nên cẩn thận tối đa về ban đêm. Nhất là từ khoảng mười hai giờ cho đến ba giờ sáng. Anh nhớ chịu khó thức dậy, đi một vòng để nghe ngóng động tĩnh, đồng thời kiểm soát luôn tất cả mấy vọng gác. Địch ở đây ghê lắm. Chúng nó thường hay khai thác tối đa về những sơ hở của ta. Theo kinh nghiệm cho tôi biết, thì bọn chúng thường hay mở các đợt tấn công bất thần vào những giờ giấc khuya khoắt kể trên.”

Anh lẳng lặng không nói. Đại chỉ cho anh thấy từng giải núi ở phía xa. Từng ngôi làng quanh quẽ, nghèo nàn, xơ xác. Từng hàng dừa ngả nghiêng, cháy nám vì chiến cuộc. Đại cho biết, tất cả những nơi đó đều có dấu chân anh in hằn ở trên đấy. Ngừng lại vài giây, Đại thân mật hỏi anh:

“Thế nào! Anh đã thấy quen chưa!”

Anh thành thật trả lời:

“Mới đây thì làm sao mà có thể quen được hở, thẩm quyền! Ít nhất cũng phải mất đến vài ba tháng nữa! Chứ bây giờ thì vẫn còn bờ ngõ như cô dâu mới về nhà chồng. Thẩm quyền cũng thấy đấy, chúng tôi trước kia đã quen với lối sống buông thả ở ngoài dân sự. Rồi, dùng một cái, có lệnh gọi nhập ngũ, lách thếch bước vào quân trường, thụ huấn chẳng bao lâu. Mãn khóa với số vốn liếng ít ỏi, rồi quăng thẳng ra chiến trường sôi động chẳng chút do dự, thương tiếc, thì thử hỏi, làm sao chúng tôi không khỏi hoang mang, giao động! Chẳng nói dấu gì thẩm quyền, ngay trong lần chạm

địch đầu tiên này, thú thật, tôi hết sức là lúng túng và nao núng. Cũng mong thâm quyền hướng dẫn thêm về những kinh nghiệm quý báu mà thâm quyền đã đi qua. Dầu sao thì thâm quyền cũng là người đi trước, là cấp chỉ huy xông xáo, dày dạn với những phong ba, bão táp của chiến trường.”

Đại vỗ nhẹ vào vai anh:

“Từ từ rồi anh cũng sẽ quen. Chỉ có chiến trường mới dạy cho chúng ta biết được, thế nào là bài học xương máu! Có một điều mà lúc nào anh cũng phải ghi nhớ mãi ở trong đầu, đó là chớ đừng bao giờ khinh địch! Khinh địch thì chỉ có con đường chết. Phải biết người, biết ta mới được. Đây là câu châm ngôn mà từ cô cho chí kim, ai nấy cũng đều phải học thuộc lòng như cháo chảy.”

Ném tầm mắt nhìn ra xa, Đại cho biết, anh đang chuẩn bị để lập gia đình. Người vợ sắp cưới của anh là người Bắc. Cô ta còn rất trẻ, là xướng ngôn viên của đài phát thanh, là người có giọng đọc hấp dẫn trong các bản tin tức về chiến sự hằng ngày. Đại chớp nhẹ đôi mắt, giọng anh trở nên nhẹ nhàng, mơ màng:

“Tôi mới chỉ gặp cô ấy được hai lần. Cô ta là người mà chị tôi chăm cho tôi đấy. Chị tôi cứ khen, cô ấy là người mẫu mực, hoạt bát.

“Muốn chọn vợ cho cậu, thì phải tìm cho bằng được người đang hoàng, tử tế, chứ cứ vợ càn vào, thì chẳng khác nào như khoác cái gông sắt lên cổ cậu suốt đời.”

Chị tôi vẫn thường nói với tôi như vậy. Vì thế, chị tôi chọn người cho tôi rất kỹ. Tôi cũng chẳng dấu diếm gì anh, tôi chỉ có hai chị em. Cha mẹ tôi mất sớm, kể từ khi tôi còn nhỏ dại. Tôi lớn lên trong vòng tay cưu mang, đùm bọc của chị tôi. Chị tôi lớn hơn tôi tám tuổi. Bà tảo tần, xuôi ngược, nuôi nấng cho tôi ăn

học, đồ đạc, rồi đi vào võ bị. Nói xong, Đại rút ra từ trong ví, đưa sang cho anh một tấm hình bán thân, khổ nhỏ:

“Đây là tấm hình mà cô ta mới gửi cho tôi cách đây chừng vài tháng. Tấm hình tuy cũ kỹ. Nhưng! Tôi rất quý nó anh ạ. Lúc nào tôi cũng trân trọng. Lúc nào tôi cũng giữ nó ở bên mình như thứ kỷ vật ngà ngọc, vô giá khó quên ở tại đời sống này.”

Quả thật! Là anh không ngờ! Không khi nào anh có thể ngờ được - người con gái ở trong hình lại là chính em. Mà tại sao lại là chính em! Chính em đã cho anh cái cảm giác choáng váng, ngây ngất, xây xẩm cả đầu óc. Chính em đã để lại ở trong anh, cả bài học xót xa, chua chát để đời. Anh bủn rủn, rã rời cả tay chân. Chung quanh anh lúc bấy giờ, là cả vùng tối đen dày đặc, vây tròn lấy anh vào chính giữa. Tấm hình đó chẳng khác nào như thứ ung nhọt độc hại. Là mũi gai nhọn đâm thẳng vào người anh. Là vết thương rỉ máu đương hoành hành, dày xéo, cấu béo lên thể xác anh. Bao nhiêu câu hỏi cứ dồn dập đổ về, chất vắn nơi tâm tư anh! Tại sao cuộc đời lại quá éo le, nghiệt ngã, trở trêu đến như vậy! Sao em lại quá nhẫn tâm, đành đoạn bỏ lại tất cả mọi kỷ niệm ở sau lưng! Những kỷ niệm vàng óng, mượt mà, lung linh của chúng mình. Những kỷ niệm tươi đẹp, bóng bẩy của một thời yêu đương lãng mạn ở quá khứ. Tại sao! Tại sao! Và, tại sao! Anh cố mở to đôi mắt rồi nhìn lại thêm một lần nữa! Vẫn cái mái tóc đen nhánh, mềm mại, quen thuộc của thuở nào! Vẫn cái khuôn mặt bầu bĩnh, tươi tắn, cùng nụ cười hồn nhiên, rạng rỡ ở trên môi. Tất cả đều gọi lại ở trong anh, về một hình ảnh thân thương, sống động của sáu năm về trước. Sáu năm. Với cái khuôn mặt đầy đặn, dịu dàng, khả ái còn đọng lại ở trong anh.

Chưa bao giờ anh quên được cái tấm hình nhỏ nhắn, xinh xắn ấy! Tấm hình mà em đã lấy ra từ chiếc xách tay, rồi trình trọng trao sang cho anh, vào đêm tối trời khuya khoắt, trên đoạn đường vắng vẻ, lác đác vài bóng xích lô xuất hiện ở đằng xa. Bên tai anh lúc bấy giờ, chỉ còn nghe thấy tiếng gió xào xạc, chạy đuổi nhau trên lá cây. Đặc biệt hơn nữa, em còn kèm theo mấy dòng chữ mềm mại, nắn nót, cô đọng ở sau lưng. Thú thực! Anh không dấu được sự cảm động! Cảm động về hai chữ *tình yêu* mà em đã dành trọn vẹn cho anh. Tấm hình đó chẳng khác nào như món hành trang quý giá nhất, đi theo anh trong suốt cả chặng đường dài gió bụi, dọc ngang, mịt mù ở quá khứ.”

Tối hôm ấy, anh không tài nào dễ được giấc ngủ! Trong căn lều vải lạnh lẽo, anh trần trọc, thao thức, miên man nghĩ về thân phận, về cuộc đời, ngồn ngồn với nỗi xót xa, dày vò, tê buốt, chất ngát ở tâm thức.”

Hiền buông mắt nhìn ra xa:

“Anh nhớ kỹ lại xem! Đạo ấy đến cả mấy năm trời, em vẫn chẳng nhận được lá thư nào của anh gửi về! Hơn nữa, em lại là phận con gái. Chung qui cũng chỉ vì cái phận số của em như vậy. Em chẳng trách cứ gì anh cả! Thôi! Bỏ qua chuyện đó đi anh!”

Hiền dơ tay phác nhẹ trong không khí. Ngừng lại vài giây, nàng đổi giọng trầm xuống:

“Từ nãy đến giờ, mãi nói chuyện, nên em quên khuấy đi mất, không hỏi thăm chị cùng mấy cháu ở bên đó có khỏe không anh!”

“Cảm ơn Hiền! Nhà tôi cùng hai cháu vẫn bình thường. Bên Mỹ thì đời sống khác hẳn với bên đây. Cuộc sống lúc nào cũng tất bật, hấp tấp.”

“Em hiểu! Nhiều người bạn về thăm gia đình vẫn thường nói với em như vậy. Ráng đi anh! Bây giờ

chúng ta ai nấy cũng đều có phận riêng hết cả rồi. Em mong anh đừng suy nghĩ gì cả! Hãy quên đi anh! Từ nay anh đừng gửi tiền về cho em nữa! Em ở bên này, cuộc sống cũng tương đối, không đến nỗi gì eo hẹp cho lắm! Anh cứ gửi về càng khiến cho em áy náy thêm. Ngộ nhỡ, chị biết được, thì lại gây ra nhiều điều rắc rối, phiền phức, đồng thời tạo ra cảnh xào xáo, bất hòa cho gia đình. Em không muốn vì em mà gia đình anh mất êm ấm! Đừng gửi nữa, nghe anh! Chúng ta nhớ đến nhau là đủ rồi. Hằng đêm, em vẫn không quên cầu nguyện cho anh cùng gia đình được mọi điều an lành và tốt đẹp.”

“Cảm ơn Hiền.”

Hai người đi dọc theo bãi biển về chiều vắng lặng. Mưa lất phất bắt đầu điểm hạt. Trên cao, bầu trời xám xịt như trĩu xuống. Tiếng sóng vẫn nhịp nhàng vỗ nhẹ vào bờ, tạo nên chuỗi thanh âm êm đềm và liên tục. Thỉnh thoảng nghe chuỗi âm thanh bất tận của biển. Chuỗi âm thanh đưa anh trôi dạt về dĩ vãng thật xa lắm. Dĩ vãng về thời còn trai trẻ. Dĩ vãng về những năm tháng khói lửa chiến tranh, trên mảnh đất điêu tàn, căn cỗi này. Về đời lính! Về những chuyến trực thăng chở anh cùng đồng đội đổ xuống các vùng đèo Nhông, Mỹ Thọ, Vạn Ninh, An Lão, Phù Cũ. Về Đại, người đàn ông có nước da ngăm đen. Người đàn ông ấy đã hiến cả đời mình cho binh nghiệp. Đã có lần Đại tâm sự với anh:

“Tôi yêu đời lính ngay từ ngày còn ngồi ở ghế học đường. Lớn lên, tôi liền chọn lấy binh nghiệp là hướng đi chính cho đời mình.”

Anh mơ muốn trở thành một danh tướng. Nhưng! Giác mơ ấy đã chìm theo sương khói của hư không. Anh đã ngã xuống. Nhắm mắt, xuôi tay khi tuổi đời

còn rất trẻ. Cứ theo như lời của ông trung đội trưởng vũ khí nặng, thì viên đạn nghiệt ngã, quái ác đó, đã bay thẳng đến người anh từ ở hướng trước mặt. Nó xuyên thủng qua cuống họng, đồng thời anh cúi xuống và toàn thân anh run rẩy, co quắp, vào giữa lúc đơn vị đang chuẩn bị giàn đội hình để tấn công vào mục tiêu:

“Đột nhiên, tôi thấy thẩm quyền ngã chúi về phía trước. Hoảng hốt, tôi vội vàng nhảy sang, liền đỡ ông tựa đầu vào người tôi. Ai đời, vết thương lại quá nghiệt ngã. Viên đạn trúng ngay vào cuống họng của thẩm quyền. Vì thế, ông đâu có kịp trối trăn được lời nào! Tôi chỉ thấy hai mắt ông cứ chớp máy liên tục. Còn đôi môi thì động đậy như muốn nói với tôi một điều gì thật thắm kín ở dưới tận đáy lòng! Nhưng! Khổ nỗi thẩm quyền đâu có nói được nên lời! Trong khi đó, máu từ ở cuống họng cứ tự động tuôn ra, còn thân hình thì cứ lẩy bẩy, co rúm lại, trông thật là thảm nảo và chua xót vô cùng. Tôi nghĩ, chắc thẩm quyền đang trải qua cơn đau đớn lắm thì phải! Tức thì, liền sau đó, tôi thấy ông chỉ nấc lên được vài tiếng, rồi hai mắt cứ từ từ khép lại, và cuối cùng thì ông xuôi tay, tắt thở giữa những tiếng đạn réo đang rộn ràng, rộ lên ở chung quanh. Quýnh quáng, tôi ú ớ, quay sang nói với ông thượng sĩ thường vụ nằm ở gần đây: “Thẩm quyền đã đi rồi.” Thế là hết! Kết thúc kể từ đây! Xúc động, tôi dơm dóm nước mắt, rồi ôm chặt lấy ông vào lòng mình. Không bao giờ tôi quên được cái giây phút đó! Và, cũng chẳng bao giờ tôi quên được cái địa danh Lạc Sơn hiểm hóc, kỳ bí ấy! Nó đã in sâu vào tâm não tôi, về một cái chết bi thảm mà tôi tin chắc rằng: Khó có thể nào nhạt phai ở trong tôi vào chuỗi ngày tháng hờ hững, u ám ở trước mặt.”

Hạnh phúc ngà ngọc chỉ đến với anh trong vòng mười lăm ngày ngắn ngủi. Mười lăm ngày trắng mặt qua đi rồi kết thúc. Người vợ trẻ bước lên thang phi cơ ngày hôm trước, thì hôm sau cũng là ngày anh gục ngã, xuôi tay, giã từ khỏi đời sống phù phiếm này.

“Anh đang nghĩ gì vậy!”

Thịnh nhún vai điềm nhiên:

“Anh đang nghĩ về Đại. Anh ấy thật bất hạnh.”

“Anh ấy hiền. Tội nghiệp. Em chỉ ghét bà chị anh ấy. Bà ấy cứ bảo: Hôm đám cưới, tại em mặc chiếc áo màu vàng xui xẻo nên em bà ấy mới mất. Ngay sau khi nhận được tin sét đánh ngang tai, em liền tức tốc lấy vé, bay thẳng vào Qui Nhơn, nhận xác anh ấy đưa về tới Đà Nẵng. Trong khi đó, bà ta cứ lẩn ra ở giữa nhà, gào thét, xia xói vào mặt em, rồi rửa em là đồ sát phu. Thú thật với anh, lúc ấy em xấu hổ vô cùng. Có lẽ, đến gần cả ba tuần lễ sau, em mới dám lộ mặt ra đường. Suy đi, nghĩ lại, cũng chỉ tại mẹ em hết! Mẹ cứ bắt em phải lấy anh Đại. Ngày nào bà cũng tụng. Ngày nào bà cũng giảng giải cho em nghe. Quanh đi, quẩn lại cũng chỉ có mấy câu:

“Nó là thằng hiền lành, đạo đức. Nó chẳng biết tý gì về cờ bạc, rượu chè, trai gái hoặc hút sách! Mà còn chê nó ở điểm nào nữa, hờ cái con kia! Lấy được nó thì kể như mày có phúc bấy mười đời rồi còn chần chờ gì nữa! Mà còn chờ ai nữa, hờ Bích! Mà chờ cái thằng Thịnh à. Cái thằng dở hơi, bướng bỉnh đó, thì mày chờ nó để làm gì! Mà biết chờ nó cho đến chừng nào! Nó cứ im hơi, lặng tiếng, chẳng thấy đá động gì cả! Vô lý, nhà mình phải lên tiếng trước, thì đâu có còn ra cái thể thống gì nữa! Thực ra, lúc ấy em giận anh hết sức. Tức quá, em đành xuôi tay, bằng lòng cho bố mẹ em vui.”

Thịnh trầm ngâm, suy tư. Anh thò tay vào túi quần, lấy ra bao thuốc, rút một điếu cài lên môi, rồi bằng động tác thật khoan thai, bật hộp quẹt châm lửa: “Hiền cho anh xin lỗi.”

“Thôi! Bỏ đi anh.”

Ngẫm nghĩ giây lát. Nàng hỏi:

“Anh còn nhớ chỗ này không anh!”

Thịnh chau mày suy nghĩ. Cuối cùng anh lắc đầu:

“Anh chịu.”

Hiền chỉ tay về hướng trước mặt:

“Đấy chính là chỗ mà mấy chục năm về trước, mình bước lên bờ, trên chuyến tàu chở mình từ ngoài Bắc vào trong đây.”

Thịnh mở to đôi mắt. Anh nhớ ra rồi. Đạo ấy phương còn đỏ rực ở trên bờ em nhỉ! Nghĩ đến chuyến tàu ấy, lại khiến cho anh liên tưởng đến những ngày nằm chờ tại thôn xóm nghèo nàn ở Kiến An. Đến đoàn xe nhà binh chở đầy ắp người, đậu dài trên bến cảng Hải Phòng, chờ đợi để sắp xếp xuống tàu. Rồi con tàu chở cả tiêu đoàn công binh, mà trong đó, có bố anh, bố em cùng gia đình nằm ngổn ngang, la liệt ở trên đấy. Anh vẫn còn nhớ và nhớ rõ tất cả từng chi tiết. Chưa bao giờ anh quên! Chưa bao giờ! Mãi cho đến gần sáu giờ chiều, con tàu mới nhả neo, giã biệt cảng Hải Phòng, âm thầm rẽ sóng để ra khơi, lênh đênh, rờn rã suốt cả mấy ngày trời trên biển. Mấy ngày trời ử rữ, say sóng, mệt như. Tàu cập bến vào buổi chiều le lói, vàng ủa. Tám cửa sắt nặng nề, to lớn được mở ra và đoàn người ảo não, lục tục, lếch thếch bước lên bờ, ngõ ngàng trước thành phố xa lạ. Lúc đó, tự nhiên anh chạnh lòng thấy nhớ Hà Nội. Nhớ gò Đống Đa. Nhớ từng toa tàu điện. Nhớ đến năm cửa ô.

Nhớ tới bọn thằng Thái, thằng Lực, thằng Luyến. Nhớ đến những đêm trăng rằm vắng vắng. Những lần tập trận giả cùng các trái sáu chua nhẵn mặt, chứa chất, tiềm tàng nhiều kỷ niệm khó quên ở nơi đây. Thịnh lẩm bẩm:

“Thoắt chốc mà đã bốn mươi mấy năm trôi qua. Thế mới biết thời gian đi qua đời người thật quá nhanh em nhỉ!”

Hiền tiếp lời anh:

Nhanh! Chứ sao không nhanh! Anh tính thử lại xem! Ngày ấy anh lên mười, còn em thì lên chín. Bây giờ, ngoảnh lại thì ai nấy cũng ngoài năm mươi hết cả rồi. Có biết bao nhiêu người thân yêu đã bỏ mình, nằm xuống, ra đi. Rồi đây, trước sau gì, rồi cũng sẽ tới phiên mình. Theo em, thì ngày tháng cũng chẳng còn bao lâu nữa anh ạ!”

Hiền ngừng lại tại đây. Lát sau nàng mới thò thê:

“Anh về kỳ này, ngoài mấy việc quan trọng kể trên, anh có còn việc nào khác nữa, không anh! Nếu em nhớ không lầm, thì cách đây ba năm, anh có về một chuyến rồi. Lần ấy Hòa có gọi điện thoại báo tin cho em hay.”

Thịnh cất giọng buồn buồn:

“Anh về là để lo đám tang cho bố anh. Thật ra, còn đến gần cả tháng nữa, mới đúng là ngày anh về. Nhưng! Vì lý do đặc biệt, nên anh phải lấy vé để về sớm hơn như đã dự tính.”

Hiền tròn đôi mắt:

“Bác trai mất rồi hở anh! Sao chẳng thấy Hòa báo tin cho em biết gì cả!”

“Cũng tại em ở xa quá, nên anh có dặn Hòa là đừng báo tin cho em hay!”

Hiền trách:

“Anh tệ thật! Thế anh Nguyễn có về không anh!”

“Có! Rất may là ba anh em đều có mặt đầy đủ.”

“Chắc đám tang của bác trai lớn lắm anh nhỉ!”

“Cũng bình thường, giản dị như mọi đám tang khác thôi Hiền ạ.”

Bất giác, Hiền chép miệng rồi cất nhẹ lên tiếng thở dài:

“Tội nghiệp cho bố mẹ em. Đám tang thật thảm não và lạnh lẽo hơn bất cứ đám tang nào khác! Sau năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, trong suốt hai năm liền, em phải chịu tới hai cái tang liên tiếp. Đấy! Anh cũng biết. Gia đình em đơn thân độc mã sống ở ngoài này, chẳng có bà con thân thuộc nào cả! Khổ nỗi, ngày ấy em lại chưa tục huyền với nhà em bây giờ! Hơn nữa, ở trong nhà, chỉ có mình em là con gái mà lại là đứa con độc nhất ở trong gia đình. Tâm trạng em lúc bấy giờ rồi bởi như tờ vò, nát ra từng mảnh vụn. Cũng may, nhà em ở xóm ấy lâu năm, sống được lòng với tất cả mọi người ở chung quanh, nên ai nấy cũng thương tình. Chứ kể như mình em thì chỉ có chết mất. Nhìn lại hoàn cảnh lúc bấy giờ, gia đình em thì lại quá eo hẹp, chứ đâu có được dư giả như mấy gia đình khác! Nếu không có sự giúp đỡ tận tình của hàng xóm, của láng giềng, thì em cũng chẳng biết xoay sở ra sao! Càng nghĩ em lại càng thấy thương bố mẹ em vô ngần. Có lắm khi, em nảy sinh ra ý tưởng hết sức thật ngộ nghĩnh, ước gì, mình được nhỏ lại như thời còn đi học! Cứ mỗi lần hồi tưởng về dĩ vãng, em lại thấy gợn lên ở trong em, cả nỗi buồn man mác, đồng thời, muốn được sống lại chuỗi ngày tháng hồn nhiên, vô tư của thuở nào. Lớn lên, em nhận thấy, sao cuộc đời khổ quá hờ anh! À! Anh còn nhớ Hội An, không anh!”

Hội An có ngôi chùa cầu tối om về ban đêm. Ngôi chùa ấy cứ mỗi khi mình đi chơi khuya về, đều báo nhau ù té chạy. Đây là khu phố nhỏ thứ nhì mà mình đặt chân đến, kể từ khi bước chân xuống con tàu giã từ quê hương miền Bắc. Thỉnh thoảng, có dịp xuống dưới đây, em lại tạt ngang qua ngôi trường Bồ Đề mà anh đã từng ngồi ở năm lớp nhất, còn riêng em thì gần bó với nó tới hai năm liền. Ngôi trường tiểu học xinh xắn ấy, đã gọi lên ở trong em nhiều nỗi bồi hồi, xao xuyến. Anh thi tiểu học ở trường Nam, phải không anh! Năm ấy, anh đậu. Còn năm sau, em rớt. Mẹ em la cho một trận thật nên thân. Em cũng không quên ghé ngang qua khu gia binh, mà mình đã sống ở nơi đó rờn rã suốt hai năm liền. Nơi ấy, mọi vật hầu như thay đổi hoàn toàn. Mỗi lần trở về, em lại liên tưởng đến các trò chơi nhảy dây, bịt mắt bắt dê vào những đêm tối trời oi bức. Đạo đó mình chẳng thấy buồn là gì anh nhỉ! Chỉ có giận hờn rồi sau đó lại làm hòa với nhau. Anh lại hay có cái tật phá đám tụi em. Cứ mỗi lần như thế, em thường chạy đi mách bác trai. Em biết, bác trai thương em nhiều lắm. Bác thường hay xoa đầu rồi gọi đùa em là con dâu quý. Buồn nhất là khi đơn vị phân tán đi mỗi người mỗi ngả. Gia đình anh thì dọn ra ngoài Huế. Còn bố em thì thuyền chuyển về Đà Nẵng. Tuy cách nhau ngọn đèn Hải Vân, nhưng chẳng xót năm nào mà bác trai không ra thăm bố mẹ em vài ba lần. Hễ ra, thì thể nào, mẹ em cũng bày ra chần hoặc tổ tôm. Em còn nhớ, lần đầu tiên anh đi với bác ra nhà em. Mẹ bắt em phải ăn mặc đàng hoàng, gọn ghẽ.

“Con gái phải đằm dáng đôi chút. Phải biết làm dáng. Phải ăn nói nhỏ nhẹ, từ tốn và phải biết giữ ý tứ trong khi đi đứng.”

“ Em chẳng hiểu gì cả! Em chiều cho bố mẹ em hài lòng. Thì ra, có anh đi với bác trai. Tình cờ hay cố ý. Sau này em nghe mẹ em nói, anh ra là để xem mắt. Có phải đúng như vậy, không anh!”

“Anh chẳng biết ắt giáp gì cả! Vừa về đến nhà được hai hôm, thì bố anh cứ dục, ra thăm bố mẹ em. Bố anh bảo: Hai bác quý con lắm và thường hay nhắc đến con luôn. Thú thật, lần ấy anh lúng túng vô cùng. Thì ra, giữa hai gia đình đã có sự sắp xếp với nhau kể từ lâu lắm rồi.”

“Nhắc đến hôm đó thật buồn cười anh nhỉ! Sau khi hàn huyên vài câu chuyện, mẹ dục em dẫn anh đi chơi. Lần đầu tiên gặp lại, chúng mình chẳng biết nói gì với nhau! Em dẫn anh đi lang thang dưới cơn mưa buốt lạnh cuối năm. Cơn mưa ấy không bao giờ em quên! Cơn mưa ấy đối với em lúc nào cũng đẹp và em cất giữ nó một cách thật trang trọng trong cái ô kéo đặc biệt của ký ức.”

“Anh cũng vậy! Anh vẫn còn nhớ chuỗi ngày tháng vàng son, thơ mộng đó. Chuỗi ngày tháng mà giữa anh cùng em, đều mở ra những cánh thư nồng nàn, óng ánh màu xanh, trải đầy mộng ước ngọt lịm ở trong đấy. Không khi nào anh quên! Không khi nào! Anh có thể quả quyết với em là như thế.”

Thịnh ngừng lại tại đây. Lát sau, anh mới đổi giọng trầm xuống:

“Bây giờ thì cuộc sống của em như thế nào!”

“ Em chẳng dấu gì anh! Đối với cuộc sống hiện nay thì gia đình em cũng tạm đủ qua ngày, chứ không đến nỗi gì chật vật, eo hẹp cho lắm!”

“Còn chồng em! Anh ấy đối xử với em ra sao!”

“Anh ấy đối xử với em rất chùng mực. Bốn năm sau, kể từ khi bố mẹ em qua đời, em đành nhắm mắt, đưa chân bước thêm bước nữa! Chúng em ăn ở với nhau có hai mụn con và bây giờ thì hai cháu cũng đều lớn khôn hết cả rồi.”

“Mừng cho Hiền.”

Hai người tiến lần lên phía trên. Con mưa bắt đầu nặng hạt, lớn dần. Gió lao xao trên các tầng cây, nhẹ nhàng luồn qua cơ thể, gây liên cảm giác lạnh lạnh ở trong anh. Thịnh quay sang hỏi:

“Hiền có lạnh lắm không!”

Nàng gật đầu không nói. Anh kéo cao cổ áo rồi cất giọng đề nghị:

“Hay mình tìm cái quán nào ngồi đi em!”

Hiền ngập ngừng buông tiếng:

“Thôi! Hiền xin phép anh về. Cảm ơn anh đã cho em một ngày thật ấm áp, thật trọn vẹn. Tiện đây em cũng xin phân ưu với anh cùng gia đình. Anh có định ra Huế thăm bạn bè không anh!”

Thịnh lắc đầu:

“Anh không có thời gian! Bởi vì, ngày mai anh còn phải về Sài Gòn để điều chỉnh chuyến bay.”

“Anh về, cho em gửi lời hỏi thăm sức khỏe anh Nguyễn cùng vợ chồng Hòa. Chừng nào thì anh về lại Mỹ!”

“Tuần tới.”

“Chúc anh được thượng lộ bình an. Cho em gửi lời hỏi thăm sức khỏe chị cùng các cháu.”

“Cảm ơn Hiền.”

Lưỡng lự trong giây lát, nàng đổi giọng trùng xuống:

“Gặp anh lần này, rồi không biết có còn gặp lại nữa hay không! Hãy nhớ đến nhau nghe anh! Thôi! Chào anh. Em về.”

Thịnh bịn rịn, khe khẽ:

“Anh muốn tiễn em thêm một đoạn đường nữa!”

Giọng Hiền trở nên rung rung:

“Như vậy cũng tạm đủ rồi anh ạ.”

Nàng ngược lên nhìn anh lần cuối, rồi xoay lưng lăm lăm tiến vào đám đông. Chiều ử rữ, hấp hối trên ngọn đồi phía xa. Tự nhiên, Thịnh cảm thấy tim mình se thắt, tê tái, buồn rữ rượi.

.
.

Thịnh bước vào quán rượu ở gần đấy. Quán vắng, thưa người. Bà chủ quán có dáng dấp mảnh khảnh, lẻo lét trong chiếc váy đầm cũn cỡn màu đỏ thẫm, uốn ẹo từ ở trong quầy bước ra, nghiêng người, điểm nụ cười chào khách. Thịnh gật đầu đáp lại. Bà ta liền lên tiếng:

“Chào anh. Anh dùng gì! Tôi sẽ bảo mấy em đem ra cho anh.”

Thịnh đáp chẳng cần suy nghĩ:

“Chị làm ơn cho tôi chai bia.”

Nói xong, anh trực chỉ, tiến thẳng đến chiếc bàn trống nằm lẻ loi ở cuối dãy, thản nhiên kéo ghế ngồi xuống. Thịnh thích ngồi ở chỗ hóc tối kín đáo. Anh không thích ồn ào! Anh thích im lặng. Âm thanh trầm buồn, lâng lâng của bản nhạc xa xôi thời tiền chiến, bất chợt gọi lại ở trong anh, về chuỗi năm tháng khốn cùng, nghiệt ngã ở xó trời dĩ vãng. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh cảm thấy rùng mình rồi buông nhẹ lên tiếng thở dài. Anh ném tầm mắt nhìn qua khung cửa kính. Con mưa vẫn rả rích hầu như chẳng bao giờ dứt hạt. Xa xa, tận ngoài xa, thấp thoáng vài ánh đèn lù mù, lung linh trên đại dương. Thịnh đem ý nghĩ về Hiền. Về thị trấn xa xôi còn đọng lại ở ký ức. Cái thị trấn nhỏ bé, dễ thương, lồng khung trong cái khoảnh vườn hồn nhiên, ngây dại của một thời thơ ấu. Anh nhớ đến những buổi sáng còn ướt đọng hơi sương. Những buổi sáng lạnh lạnh trên con đường mòn ngoằn ngoèo dẫn đến trường học. Ngôi trường chỉ cách trại lính chưa đầy bốn trăm thước mà sáng nào mẹ cũng dặn đi, dặn lại:

“Nhớ dẫn em đi cẩn thận nghe con!”

Ngôi trường tiểu học xinh xắn ấy, đã mở ra ở trong anh cả không gian trời mưa mà, tươi tắn của tuổi thơ. Không gian trời đó cứ sống mãi với thời gian và chẳng khi nào nhạt phai ở trong anh! Thịnh nhớ đến những buổi chiều rạo rực cuối năm. Những buổi chiều mà hai đứa đi lang thang giữa đường phố nhộn nhịp, kín người. Những buổi chiều nồng nàn, ấm áp, lâng lâng hơn bao giờ hết.

“Có khi nào anh nghĩ rằng: Rồi một ngày nào đó, tình yêu mình sẽ phai không anh!”

Thịnh điềm nhiên trả lời:

“Anh tin rằng không có! Tình yêu mình lúc nào cũng đẹp. Nó nhẹ nhàng như tơ trời và êm đềm như tiếng thông reo mùa Hạ. Chúng ta hãy chăm bón, vun sới cho nó thành mượt mà, bóng bảy, tươi tốt nhiều hơn nữa!”

Người nữ chiêu đãi đặt chai bia cùng chiếc ly thủy tinh xuống mặt bàn. Thịnh rót vào đầy ly rồi nâng lên uống cạn.

“Anh muốn đi với em đến điểm cuối của cuộc đời. Cuộc đời là bể dâu, là sương khói, là ngã rẽ, là sự gãy đổ ê chề, nhức nhối, phải không em! Chúng mình chẳng khác nào như hai con tàu chạy ngược chiều, trôi dạt về các ga trạm xa lạ, buồn tênh. Mùa xuân chẳng khi nào về với chúng ta! Nhưng chúng ta vẫn phải gắng gượng để sống, cho những đứa con anh, con em, có hơi thở, có mạch sống để vươn lên rồi nở hoa đi vào cuộc đời. Hãy cố gắng đi cho hết chặng đường đời đầy phiền toái, nhàm chán này. Hãy gắng lên nghe em!”

Thịnh vẫy tay, gọi thêm bia. Anh muốn uống cho thật say. Uống để vui đi được phần nào nỗi xót xa, dằn vặt đang bủa vây kín mít ở trong anh hiện giờ. Thịnh dốc ngược chai bia rồi ngửa cổ nốc ừng ực. Hơi men luồn vào cơ thể, gây liên cảm giác ngầy ngật, khó chịu. Lãng đãng, mơ hồ, anh nghe như có tiếng hát Sĩ Phú trầm buồn, phát ra từ chiếc máy thu thanh nào đó.

“Yêu ai! Yêu cả một đời! Tình đó quá khát khe khiến cho đời ta, đau tui cả lòng. Tình yêu kia mà người hằng nhớ. Năm tháng trôi lạnh lùng hoài.”

Ngán ngẫm, anh mệt mỏi, nhường cặp mắt lơ đãng

nhìn băng quơ lên trần nhà.

Bên ngoài, đêm nhạt nhòa, mưa bay./.

TRANG LUÂN

truyện ngắn của NGUYỄN AN BÌNH

BÊN DÒNG POTOMAC



Hình (internet)

- Ông thầy, nhớ ngày mai đến dự buổi họp mặt người Việt mình nhé.
- Tao nhớ, mà có chuyện gì chú mày nhắc đi nhắc lại mãi thế?
- Tui biết lúc này ông thầy không vui chẳng muốn có mặt mấy chỗ đông người, xô bồ xô bộn nên muốn kéo ông thầy ra khỏi sự muộn phiền một chút vậy mà.
- Vợ chồng mày đi cũng được rồi kéo theo tao làm gì, lúc này tao muốn yên tĩnh một chút.

- Đi đi ông thầy, tui cam đoan với ông có một điều bất ngờ dành cho ông thầy đấy.
- Có điều gì bất ngờ đến với một lão già gần đất xa trời như tao, mấy chỉ lẻo mép cái mồm mà thôi.
- Thật mà không tin lượm đạn nổ banh xác tui đó ông thầy.

Diên bật cười vì câu thề thốt đầy chết chóc của thằng Cung, thằng đệ tử cật ruột của anh trong những ngày còn chiến tranh ở Việt Nam. Đó là câu thề độc trên cửa miệng mỗi thằng lính khi có một điều gì đó mà nó muốn đồng đội hay cấp trên tin điều nó thấy hoặc nói ra. Cung là thằng lính ôm máy truyền tin đi theo Diên trong những cuộc hành quân, vào sinh ra tử với nhau không biết bao nhiêu lần. Di tản khỏi Việt Nam, tản lạc rồi gặp lại nhau trên đất Mỹ, nó vẫn trịnh trọng gọi Diên một cũng ông thầy hai cũng ông thầy làm anh vô cùng cảm động, chứng tỏ tình cảm của nó đối với tôi dù trong hoàn cảnh sa cơ lỡ vận vẫn không thay đổi. Diên quý trọng sự chân tình của Cung nên cũng ừ ào cho nó vui lòng:

- Ủ! Tao sẽ có mặt nhưng cấm mày không được gọi điện nhắc lại lần nữa đó.

Trong máy nghe vắng tiếng nói lớn của thằng Cung:

- Tuân lệnh! Ông thầy.

Diên mừng tượng thấy cảnh thằng Cung gập hai chân lại, một tay đưa cao lên chào trong tư thế tác phong của người lính mà mỉm cười trong lòng như dịu lại.

*

Từ ngày ly hôn với Ái, Diên cảm thấy mình thanh thản và nhẹ lòng hơn. Ái là người vợ mà anh kết hôn sau ngày di tản qua Mỹ từ nhiều năm trước. Cô ấy là em gái của một người bạn cùng làm trong một công ty của anh, trong một lần anh đến dự buổi sinh nhật con gái

anh bạn thì gặp cô ở đó. Không đẹp lắm nhưng lại hoạt bát dễ gần tạo cho người mới gặp cảm giác thân thiện. Anh bạn biết hoàn cảnh đơn chiếc của anh nên cũng vun quén thêm thế mà thành đôi. Những ngày tháng sống hạnh phúc bên nhau không được bao lâu anh mới thực sự khám phá ra mình và Ái có nhiều điểm không hợp nhau nhất là tình cảm đối với gia đình mỗi bên. Ái rất hay mua sắm, làm đẹp cho mình đôi khi thật sự không cần thiết, điều này anh bỏ qua vì tiền làm ra là để tiêu xài chứ không phải ki bo gìn giữ, điều đáng nói cách đối xử với gia đình hai bên thiên lệch đến mức cố chấp làm anh thật sự không hài lòng. Khi những người thân trong gia đình Ái cần trợ giúp điều gì cô ấy luôn tìm cách thỏa mãn còn bên gia đình anh có nhờ giúp và cái gì đó thì cô luôn xia xói bới móc, nào là có tay có chân sao không biết làm, bộ nhà này là ngân hàng sao mà moi móc mãi thế. Cha mẹ anh mất đã lâu, chỉ còn có anh em ở quê nhà. Đứa cháu con trưởng em cần chút tiền đóng học phí học đại học, đứa cháu gái kết hôn về nhà chồng chẳng lẽ không có chút tiền gửi về mừng cháu trong ngày vui của nó? toàn là những việc cần phải làm cả. Lúc đầu anh chỉ im lặng, nhẹ nhàng giải thích nhưng về sau càng lúc càng xung đột, rồi những lời lẽ khó nghe được tuôn ra, gặp mặt nhau mỗi ngày mà không khí sao nặng nề quá, thôi thì ly hôn cũng là một phương sách vẹn toàn để cả hai tránh tổn thương nhau thêm nữa, hơn nữa giữa anh và Ái cũng không có con nên việc phân chia tài sản cũng thật dễ dàng. Như vậy cũng xong.

Diễn chuyển nhà qua bang Virginia ở vì nó sát bên Washington DC chỉ cách dòng sông Potomac, nối liền giữa hai tiểu bang là chiếc cầu Key. Cầu Key kiến trúc không có gì đặc biệt nhưng nó có những mái vòm uốn

cong in hình trên dòng nước nên cũng khá thơ mộng nên việc đi lại cũng thuận tiện không có gì trở ngại, thay đổi chỗ ở một là để thay đổi không khí tránh gặp mặt với người vợ cũ, hai là anh còn có một vài quan hệ những mỗi làm ăn cũ nên không thể chuyển đi xa được. Diên mua một căn hộ nhỏ khá khang trang và sạch sẽ, nơi ở mới cũng gần với công việc mới của anh đang làm.

Diên chọn Virginia để sống còn vì anh thích không gian gần gũi với thiên nhiên và nhất là nơi đây gắn liền với câu chuyện đầy nhân văn trong cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ. Anh không phải là người đam mê lịch sử nhất là lịch sử Mỹ nhưng anh thấy cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ có cái gì đó mà mọi người cần phải học hỏi và ghi nhớ. Nếu những ai quan tâm đến những gì xảy ra của xứ Cờ Hoa thì đây là cuộc chiến đẫm máu nhất của lịch sử nước Mỹ trong cuộc nội chiến Nam Bắc Mỹ bắt đầu từ ngày 12/4/1861 và kết thúc vào ngày 9/5/1865 với hơn 970.000 người chết. Chiến tranh đã để lại những cảm xúc khác nhau trong lòng người dân Mỹ cũng như những lý giải, tranh cãi của các nhà sử học về nguyên nhân và những khía cạnh khác nhau của cuộc chiến tranh tàn khốc và bi thảm này.

Diên không quan tâm đến những điều đó lắm bởi anh không phải là nhà sử học cũng không phải là người Mỹ, điều mà anh quan tâm đó là thái độ, cách hành xử của bên thắng cuộc với bên thua cuộc kia.

Khi phòng tuyến cuối cùng bị phá vỡ, tướng lãnh đạo liên bang miền Nam Robert Edward Lee tuyên bố đầu hàng tướng Grant chỉ huy quân đội liên hiệp miền Bắc. Trong buổi gặp gỡ, Tướng Grant đã trao cho tướng Lee một tờ giấy ghi những điều khoản trong đó có những

nội dung nói về binh lính miền Nam:

- Không bị coi là phản quốc và không phải ở tù.
- Chính phủ coi binh lính miền Nam là những công dân bình thường nếu họ chấp hành tốt luật lệ.
- Được mang ngựa và lừa về nhà để giúp gia đình cày cấy vào mùa xuân.

Sau khi xem qua những điều tướng Grant vừa viết, tướng Lee nói :

- Những điều này sẽ có tác động tốt đến quân sĩ của tôi. Chúng sẽ góp phần quan trọng trong việc hòa giải dân tộc chúng ta.

Tướng Lee cho biết ông sẽ trao trả những tù binh miền Bắc vì ông không có đủ lương thực cho họ. Tướng Grant đáp lại rằng ông sẽ gửi ngay cho binh lính miền Nam 25.000 phần lương thực khô. Ông cũng ra lệnh cho in 28.231 giấy phóng thích cho binh lính miền Nam.

Tướng Lee và tướng Grant đã đi vào lịch sử nước Mỹ như một huyền thoại. Người ta nói rằng sau cuộc gặp gỡ ở làng Appomattox giữa hai vị tướng là bàn tay đạo diễn của Tổng thống Abraham Lincoln, Ông thường nói rằng ông mong muốn cuộc chiến kết thúc trong sự khoan dung. Tổng thống Lincoln và tướng Grant đã có cuộc gặp nhau hai tuần trước đó trên chiến hạm River Queen ở sông James. Họ đã thảo luận rất lâu về cách thức kết thúc chiến tranh và những xáo trộn có thể xảy ra trong thời kỳ hậu chiến. Tổng thống Lincoln đã nói với tướng Grant: *“Hãy để họ buông súng một cách thoải mái”*.

Tướng Robert E. Lee đã đầu hàng quân đội Liên hiệp Miền Bắc tại Appomattox, bang Virginia. Nhưng điều đáng trân trọng, chính là thái độ, cách hành xử của phe thắng trận dành cho vị tướng bại trận miền Nam này là

sự kính trọng, chân thành và không chút hận thù. Diên miên man nghĩ đến cuộc chiến kết thúc chiến tranh Việt Nam sau cuộc nội chiến Hoa Kỳ gần một thế kỷ. Những người lãnh đạo cuộc chiến tranh Việt Nam đi đến thắng lợi đã học được gì về cách hành xử trong cuộc nội chiến ở Hoa Kỳ hay chỉ đem lại những hận thù với những năm tháng tù đầy của những người thua cuộc, những cuộc vượt biên chết chóc đối đầu với cướp biển dã man tàn bạo và những người con viễn xứ luôn hoài vọng về một quê hương trong tâm hồn mình. Mỗi lúc có thời gian, Diên thường chạy xe dọc theo sông Potomac tìm chỗ dừng chân thư giãn, khác với Washington DC, Virginia có nhiều cao ốc nhưng dọc theo sông khung cảnh gần gũi với thiên nhiên rất nhiều, chạy dài theo bờ sông là những rừng cây thấp và những bãi cỏ xanh rờn khoáng đãng, những ngày cuối tuần cư dân thường ra đây tổ chức picnic vui chơi hay câu cá. Anh thường chọn một băng ghế trống, hướng nhìn ra bờ sông. Ngồi ở đây anh có thể thấy được những tiếng reo hò thích thú khi có một bạn trẻ câu được con cá to, sông Potomac có rất nhiều cá, có lẽ do môi trường trong lành và người ta coi việc câu cá là thú vui tiêu khiển hơn là tìm nguồn thực phẩm cải thiện bữa ăn. Ở đây anh có thể nhìn thấy tiếng ồn ào của mấy con chim sắt bay lên và đáp xuống ở phi trường John Foster Duller, ở đây anh có thể nhìn thấy chiếc du thuyền Odessey khởi hành từ bến tàu Georgetown đưa du khách xuôi ngược dòng Potomac ngắm cảnh mỗi ngày... Tất cả những điều đó làm lòng anh cảm thấy nhẹ nhàng bình thản như đang thấy cảnh sinh hoạt trên dòng sông Tiền quê nhà, lâu lắm rồi thì phải anh chưa về thăm mình trên dòng sông ấu thơ ngày ấy. Năm tháng đã đi qua anh không còn tìm thấy nét

thanh xuân, những ước mơ thời tuổi trẻ mà anh cùng đồng đội năm xưa những khi hành quân trong rừng sâu núi thẳm mong có một ngày hòa bình sẽ thực hiện, tất cả chỉ còn là khói sương trước mắt.

*

Diên đến nơi họp mặt gần tới giờ khai mạc. Nơi diễn ra buổi họp mặt là hội trường rộng lớn của một tờ báo Việt lâu đời ở Virginia. Anh gửi xe vào bãi rồi thông thả đi tới cổng, Cung đứng trước hội trường từ bao giờ, mắt ngó dáo dác, thấy anh bước tới thì mừng ra mặt. Cung nắm tay anh bước nhanh vào trong, hội trường đầy những người là người.

- Tôi sợ ông thầy không tới, tôi không biết nói sao với người này nữa. Họ tha thiết muốn gặp ông thầy một lần.

\Diên hờ hững:

- Muốn gặp tôi sao? Tôi có quen với họ à?

- Sao lại không quen. Thân thiết nữa là khác.

- Ai vậy?

- Gặp nhau ông thầy sẽ biết mà.

Lại cách nói chuyện ỡm ờ đáng ghét nhưng thôi trách cứ nó lúc này làm gì không phải lúc. Len lỏi qua những hàng ghế đã đủ người, tới một dãy ghế phía bên phải tôi thấy vợ Cung đang ngồi với một người phụ nữ, vợ Cung quay mặt lại thấy tôi mặt lộ vẻ vui mừng, cô khẽ chào tôi rồi đứng lên nói:

- Anh Diên đến thật đúng lúc. Em giao chị ấy lại cho anh nhé.

Rồi cô nhanh nhẹn bước ra đi theo Cung đến một chỗ khác. Diên ngạc nhiên chưa biết điều gì đang xảy ra. Người phụ nữ quay mặt lại, nhìn Diên tươi tắn nói:

- Ngồi xuống đi anh Diên.

Diên nhìn người phụ nữ trước mặt mình, Anh sững sốt

nhìn cô không chớp mắt. Một luồng điện như vừa chạm vào người anh làm anh đứng như trời trồng, làm sao quên được gương mặt ấy đã in sâu vào tâm trí anh mấy mươi năm về trước, anh tưởng mình như đang sống trong một giấc mơ:

- My, phải My đó không?

- Em đây, My của anh đây Diên ạ.

Diên ngồi xuống ghế trống của vợ Cung bỏ lại, nói trong vẻ xúc động mạnh:

- Anh không ngờ còn được gặp My ở chốn này. Sao vợ chồng Cung không nói trước với anh tiếng nào cả. Cái thằng bậy quá.

My thanh minh giùm cho Cung:

- Chính em đã nói với vợ chồng cậu ấy đừng nói với anh để tạo cho anh sự bất ngờ đó mà.

Diên mừng quá, cầm nhẹ bàn tay My. Bàn tay vẫn nhỏ nhắn mềm mại như ngày nào. Diên không thể quên được lúc anh mê man sốt cao khi nằm ở bệnh viện Phan Thanh Giản Cần Thơ trong một trận đánh ở Hòa Lựu Chương Thiện, anh bị thương khá nặng chính người nữ y tá này đã chăm sóc anh hết sức tận tình. Khi anh tỉnh dậy anh thấy bàn tay mình đang nằm trong lòng bàn tay của My, cô gần như thức suốt đêm để chăm sóc anh, một sĩ quan thương binh mà cô không hề quen biết. Chính tấm lòng nhân ái đó mà trong những ngày nằm ở quân y viện tình cảm của anh dành cho My một tăng lên một cách chân thành. Trước khi rời quân y viện trở về đơn vị, anh đã thổ lộ tình yêu của mình với My, lúc đó cô chỉ biết im lặng rồi ngả đầu vào người anh không nói. Cuộc chiến sau đó đã lôi cuốn anh đi trên khắp chiến trường, càng lúc càng khốc liệt, đôi ba cánh thư viết vội trong các cuộc hành quân, những cánh thư hồi âm nhận được muộn màng,

xa cách chỉ làm cho sự nhứt thương càng tăng lên...

- Làm sao em biết tin của anh? Đã biết sao em không liên lạc với anh ngay chứ. Anh nghĩ kiếp này chắc chúng ta không còn có dịp gặp nhau nữa. Em nói cho anh biết đi.

My nhìn anh với đôi mắt hiền dịu:

- Là một dịp thật tình cờ thôi anh à. Liên – vợ Cung – là chị em bạn dì của em. Cũng mới đây thôi trong một lần qua Cali thăm mẹ em, em có cho Liên xem album ảnh mà em còn lưu giữ mang theo. Anh có nhớ lúc anh chia tay em ở quân y viện Phan Thanh Giản Cần Thơ để trở về đơn vị không, em có nhờ một anh bác sĩ quen cùng khoa chụp giùm cho hai đứa mình một tấm hình không?

Diên lên một tiếng. Anh nhớ rồi, nhưng lúc đó anh đã trở về đơn vị rồi nên không thấy được nó.

My tiếp tục nói:

- Khi nhìn thấy tấm hình này, Liên ngờ ngợ như gặp được anh ở đâu nên hỏi em người lính chụp chung với em là ai. Em nói đó là anh Diên người yêu của em hồi đó. Liên hỏi kỹ càng nguyên nhân hai người gặp nhau, rồi vì sao hai người không đến được với nhau. Liên còn hỏi em có còn nghĩ đến anh không? Đương nhiên là em nói có rồi. Sau đó Liên mới nói thật với em nếu em không còn nghĩ đến anh nữa thì thôi không hé lộ tung tích của anh vì như thế sẽ có lợi cho cả hai. Khi biết em còn tình cảm với anh, Liên mới thổ lộ anh vẫn còn sống và là anh kết nghĩa với vợ chồng Liên, em đã mừng biết là bao nhiêu anh biết không nhưng cố nén lòng mình lại. Chính vợ chồng Cung đã tạo điều kiện cho hai đứa mình gặp lại nhau đó anh.

- Hèn chi nó cứ điện năng nặc kêu anh đến buổi họp mặt cho bằng được mà không nói rõ lý do làm anh bức

mình và thắc mắc mãi.

My chợt hỏi:

- Ngày đó anh đang ở đâu sao không đi tìm em?

Diên nói với My sáng 30 tháng 4 ngày đó trung đội anh còn đang đánh nhau ở Long Khánh. Khi nghe tin Sài Gòn thất thủ, trung đội anh chạy ra Vũng Tàu tìm được một chiếc tàu nhỏ vượt biển may mắn gặp hạm đội 7 của Mỹ đưa vào trại tị nạn Philippine, sau đó được bốc qua đảo Guam rồi từ đó lần lượt đi định cư ở Mỹ. Anh cũng kể cho My biết anh từng tìm kiếm thông tin của My nhưng chỉ là bóng chim tăm cá, rồi anh cũng có một lần kết hôn nhưng gia đình không hạnh phúc đã ly hôn hơn năm năm rồi.

Diên hỏi hoàn cảnh của cô. My cũng cho anh biết sau ngày đó họ vào tiếp quản quân y viện đuổi hết các thương bệnh binh ra khỏi quân y viện. cô cũng rời bỏ nhiệm sở từ đó về quê ở Gò Công rồi cả nhà theo tàu đánh cá của người anh vượt biên. Qua đây cô đi học lại rồi tiếp lo cho mấy em đi học, hơn nữa hình ảnh của Diên còn trong trái tim của cô nên cô không nghĩ đến việc lập gia đình.

Diên cảm động không nói nên lời, cầm tay My rung rung nước mắt:

- Anh cảm ơn My luôn nhớ đến anh, suốt cuộc đời này anh không biết thế nào bù đắp hết tình yêu của My dành cho anh.

My chớp chớp mắt:

- Mình còn được gặp lại nhau âu cũng là duyên phận anh ạ.

Cả hai cứ thế nói với nhau hết chuyện này qua chuyện khác mà không biết buổi họp mặt đã kết thúc bằng một lời cảm từ ngắn của ban tổ chức và những tiếng vỗ tay của những người có mặt trong hội trường, ban tổ chức

mời mọi người ra nhà hàng gần đó để nhập tiệc, tất cả đã sẵn sàng những lời nói thăm hỏi chúc tụng nhau trong những cái cụng ly vui vẻ. Diên lặng lẽ nắm tay My rời khỏi hội trường ra xe. My hỏi đi đâu vậy anh, Diên chỉ nói nhỏ vừa đủ cho My nghe ra ngoài này có lẽ thú vị hơn em à, chẳng phải chúng ta cần nhiều thời gian để nói chuyện với nhau hơn là ở trong cái không khí ồn ào náo nhiệt này phải không? My gật đầu không nói gì ngoan ngoãn bước theo anh rời khỏi đám đông. Diên đánh xe ra khỏi khuôn viên tòa báo, chạy một đoạn ngắn rẽ trái ra đường lớn chạy dọc theo bờ sông Potomac về phía thượng nguồn một đoạn khá xa, dừng lại một khoảng đất trống đầy cỏ và những tán cây thấp, chọn một chiếc băng gỗ trống không người ngồi, kéo My ngồi xuống rồi anh cũng ngồi bên cạnh My một cách lặng lẽ. Bấy giờ trời đã vào thu, những chiếc lá vàng và đỏ lẫn trong sắc xanh của rừng cây thấp đan xen vào nhau tạo nên khung cảnh thiên nhiên đầy màu sắc. Mỗi khi có một làn gió mạnh thổi qua, những chiếc lá lìa cành cuộn lấy nhau tạo thành một trận mưa lá vắt ngay bầu trời trong vắt và mùi hương từ những loài hoa dại, thảo mộc ven đường làm người ta như chìm đắm vào một khu rừng cổ tích nào đó. Bên bờ bắc thuộc Washington DC cũng thế, một màu vàng óng ả xen lẫn màu tím đỏ của rừng cây ven sông trong buổi chiều tà tạo nên một khung cảnh thật ngoạn mục. My như ngợp thở trước một không gian đầy lãng mạn, hít vội vào lồng ngực mình cái không khí dịu ngọt đậm đà đến một cách đột ngột, nó sao ngọt ngào say đắm đến thế. Diên lặng im nhìn My một cách dịu dàng xen lẫn thích thú, anh hiểu được tâm trạng của My lúc này. Cả hai cùng im lặng ngắm nhìn cảnh hoàng hôn đang xuống dần trên dòng Potomac.

My chợt hỏi anh:

- Hình như đây là nơi anh thường đến?

Diên chậm rãi trả lời:

- Phải! anh thường đến nơi này tìm một sự tĩnh lặng khi có thể.

- Vì sao?

- Em có thấy trước mắt mình là dòng sông không?

- Em biết.

- Đó là sông Potomac bốn mùa trong xanh hiền hòa, nó là một trong những con sông dài nhất nước Mỹ, Potomac khởi nguồn từ tiểu bang West Virginia và lần lượt chảy qua các tiểu bang Maryland, Virginia và Washington DC. Đoạn sông chảy qua Virginia là dài nhất, bởi khi vào tới tiểu bang Virginia dòng sông uốn khúc nhiều lần khi nối với các phụ lưu nhỏ và mỗi lần tiếp nhận thêm một phụ lưu, dòng sông lớn hơn cho tới khi chạm mặt với thủ đô Washington DC thì dòng Potomac đã trở thành mênh mông khi xuôi về phía nam đổ vào vịnh Chesapeake rồi hòa vào Đại Tây Dương. Hơn một thế kỷ trước con sông này từng là chứng nhân cho cuộc chiến tranh Nam Bắc Mỹ với hàng triệu người chết nhưng kết thúc lại rất đầy nhân bản đến nay như một huyền thoại, mấy mươi năm sau nó cũng lại là chứng nhân trong một việc khác: nó chứng kiến ngọn lửa bùng lên từ tấm thân của người đàn ông tên Norman Morrison, anh tự hủy diệt mình trước Bộ Quốc Phòng Mỹ để phản đối chiến tranh Việt Nam, và ngày nay, hằng ngày soi mình trên dòng sông Potomac là tượng đài tưởng niệm cựu chiến binh Mỹ đã hy sinh ở Việt Nam. Tượng đài là một bức tường đá bằng cẩm thạch đen cắm sâu vào lòng đất tạo thành hình chữ V, trên bức tường khắc ghi tên những quân nhân Mỹ đã tử trận trong cuộc chiến ở Việt Nam. Hầu

như bất cứ lúc nào người ta cũng thấy có nhiều người đến viếng thăm, họ đứng trầm tư rất lâu và đặt hoa dưới chân tượng đài. Lấy tay dò tìm tên của người thân hoặc bạn bè của mình đã hy sinh ở một xứ sở lạ lùng bên kia bờ Thái Bình Dương. Anh cũng thường đến đây những dịp có thể, nghiệm ra rằng tất cả các cuộc chiến tranh đều vô nghĩa, nó cướp đi biết bao sinh mạng của con người vì một điều gì chứ?

My im lặng không nói gì, cô tôn trọng những suy nghĩ của anh, Diên tiếp tục dòng cảm xúc của mình:

- Mỗi lần ra đây ngồi nhìn dòng Potômac hiền hoà chảy xuôi về biển là anh lại nhớ đến dòng sông Tiền quê mình, nơi dòng sông bắt đầu đi vào đất Việt, Hồng Ngự nơi anh chào đời, nó cũng hiền hòa trong xanh như thế, nó chảy qua bao thành phố miền quê nước Việt thân yêu chảy đến vùng đất cuối cùng Gò Công quê em trước khi hòa vào biển Đông. Tại sao người ta lại biến nó thành dòng sông đầy chết chóc và tang thương, những con người sống trên hai bờ sông này có tội tình gì phải hứng lấy nỗi khổ đau mất mát chia lìa, những thù hận dai dẳng đến thế. Ngồi mà nhớ đến My, người con gái Gò Công mà anh luôn tưởng nhớ không biết còn hay mất, lưu lạc đến chân trời góc biển nào mà lòng không nguôi thương nhớ.

My chớp mắt cảm động:

- Anh nhớ thương em đến vậy sao?

- Khi người ta đánh mất thứ gì quý giá nhất người ta mới thấy rõ nó quan trọng với mình đến nhường nào em biết không?

Bỗng Diên như chợt nhớ ra điều gì, anh lần vào trong chiếc áo vest lấy ra một cuốn sổ tay mỗi lần anh đi đâu thường đem theo nó để tiện ghi chép những gì mà anh cảm nhận được, nhiều khi ghi thế không biết để làm gì

nhưng đã trở thành thói quen không thể bỏ được, lựa trang giấy trắng rồi hí hoáy viết lên đó điều gì. My im lặng không nói chỉ nhìn ra bờ sông. Nắng chiều đã dịu xuống từ lâu, một làn gió mát thổi qua làm lao xao cành lá. Có tiếng chim hót đâu đây trên một tàng cây gần đó, không gian êm đềm quá. Một lúc lâu, My quay sang ông Diên tò mò hỏi:

- Anh viết gì lâu thế?

Diên không ngược lên, trả lời nhẹ nhàng:

- À! Anh đang viết bài thơ ấy mà.

- Để làm gì?

- Tặng em đọc cho vui ngày chúng ta gặp lại nhau trên xứ người.

My cười hỏi:

- Thơ của anh à?

- Ô! Không phải thơ anh, thơ của một nhà thơ Việt Nam đang sống ở Virginia, viết về sông Potomac, anh đọc đã lâu thấy hình như ông ta đang viết về mình. Xong rồi em đọc thử xem.

My tò mò không biết bài thơ viết gì, cầm lấy tờ giấy Diên vừa rút khỏi cuốn sổ tay đưa cho cô, cô đọc khẽ:

khi dừng lại bên dòng Potomac
em bên tôi vẫn rất dịu dàng
gió lồng lộng cả một trời đông bắc
tóc em bay trong nắng thu vàng

và như thế mình đi và đã đến
mình đã tìm và gặp được dòng sông
tôi ngồi xuống để nghe sông hát
và đứng lên ôm lấy mặt trời hồng

và như thế mình đi và đã đến
đã bên nhau thủy tận sơn cùng

tôi nằm xuống để nghe đất thở
tạ ơn đời độ lượng bao dung

khi dừng lại bên dòng Potomac
tôi và em nhìn lại quê nhà
buồn hiu hắt thương về chốn cũ
phía chân trời đã mịt mù xa*

- Ủ! Bài thơ buồn mang tâm trạng của người xa xứ.
sao giống tâm trạng của mình đến thế anh nhỉ. Nhìn
dòng sông nước vẫn trôi mãi miết em cũng tự hỏi biết
nơi đâu là chốn quê nhà anh nhỉ?

- Nhưng mình cũng đã đi và đã đến, cuối dòng sông
mình đã gặp được nhau rồi không phải sao em?

Ông Diên quay sang My, tay nhẹ nhàng quần lại chiếc
foulard trên cổ My cho kín hơn, mùa này về chiều gió
nhiều có thể làm My cảm lạnh. My cảm nhận sự chăm
sóc của người bạn bên cạnh ngả đầu vào vai anh nói
nhẹ:

- Sớm mai em sẽ bay về Cali.

- Anh biết. Bao giờ mình gặp lại nhau?

- Chắc cũng sớm thôi. “Về thu xếp lại” mà. Anh còn
nhớ một bài hát của Trịnh Công Sơn có câu đó không?

- Anh nhớ chứ. Cái gì cuối cùng rồi cũng phải thu xếp
lại, nhưng đằng sau việc thu xếp đó là gì em nhỉ? Sự an
yên của cuộc đời đầy đông bão, niềm hoan lạc được
tìm thấy hay nỗi muộn phiền khôn nguôi của một kiếp
người?

- Tất cả đều có sự sắp xếp của tạo hóa anh ạ.

Trên sông Potomac chiếc du thuyền Odessey đang trở
về bến đỗ của nó sau một chuyến đưa khách du ngoạn
trên sông. Chiếc du thuyền nhẹ nhàng trôi trên sông
dưới ánh nắng chiều vàng thắm làm My mừng tưởng
đến một cánh chim đang bay về tìm tổ ấm của mình

sau một ngày vất vả cực nhọc kiếm ăn.
My muốn thời gian như dừng lại trong lúc này để cô
cảm nhận được hạnh phúc đến gần với cô hơn bao giờ
hết và hình như cô cũng cảm nhận được tâm trạng của
Diên cũng giống như thế.
Ngoài kia, sông Potomac vẫn lặng lẽ trôi một cách êm
đềm.

NGUYỄN AN BÌNH

*Bài thơ “Khi Dừng Lại Bên Dòng Potomac” thơ
Phạm Cao Hoàng

Ngày Gió Lên
Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

1

Bác sĩ bảo cứ để cho Mẹ ăn uống thứ gì Mẹ thích. Thế nhưng Mẹ không thích nữa. Đúng hơn là Mẹ không thể thích. Mẹ hầu như đã mất khẩu vị. Lúc trước, cảm thấy thèm ăn, mỗi ngày Mẹ ra một “menu” cho tôi mua hoặc nấu, khi thì bún bò, khi thì bún riêu, rồi nào là phở, mì, bánh xèo, cơm tấm... Món gì Mẹ ăn cũng thích thú. Tôi không thấy bận rộn gì thêm, bởi vì phần lớn là tôi mua, chứ không thể bày ra nấu nướng, trừ những ngày nghỉ. Tôi quá bận rộn với việc sờ. Có khi không kịp ăn sáng, tôi cứ vừa lái xe vừa gặm chút bánh mì, cũng xong. Nhưng tôi cảm thấy thích thú với những món ăn Mẹ yêu cầu. Nếu Mẹ cứ ăn được như vậy hoài thì quá tốt.

Chỉ mới đầu tháng trước, Mẹ trở nên biếng ăn. Chuyện này trùng hợp với kết quả xét nghiệm đột ngột xấu hẳn đi. Mẹ không còn đáp ứng với thuốc nữa. Các bác sĩ hội chẩn và quyết định ngừng trị liệu. Cả nhà đều biết phải làm gì.

“Mẹ ơi! Ly sữa nguội quá rồi!”

“Mẹ biết. Cứ để đó, khi nào Mẹ uống thì Mẹ hâm lại.”

“Mẹ cứ nói, con hâm.”

“Ừ. Con cho Mẹ vào máy một chút.”

Tôi kéo cái bàn lưu động bên trên có đặt cái laptop đến

gần cho Mẹ, giúp Mẹ ngồi thẳng lên. Mẹ vẫn thích vào máy để viết email, dù không ngồi được lâu. Mẹ lẩm bẩm:

“Bây giờ người ta không có dùng lịch giấy, lịch bóc hàng ngày... thì mình vào máy, coi ngày giờ trong máy vậy.”

Tôi mỉm cười:

“Mẹ thích coi lịch giấy, con đi mua cho Mẹ, thiếu gì ngoài tiệm.”

Mẹ lắc đầu:

“Không cần đâu con! Mẹ xem trong này. Không cần bóc lịch, họ đã ghi sẵn mỗi ngày. Đây rồi! Minh... còn một tháng nữa.”

Tôi rùng mình.

“Một tháng... sao hờ Mẹ?”

“Mẹ đau lưng quá! Mẹ muốn nằm.”



tranh TTM

Tôi đỡ Mẹ nằm xuống. Mẹ nhắm mắt lại. Mẹ có vẻ vui vì được có tôi bên cạnh. Tôi đã báo bệnh để nghỉ ở nhà một ngày. Tôi đã ở bên Mẹ quá ít chẳng? Cả những gì

Mẹ suy nghĩ trong đầu, tôi cũng không biết. Thôi thì cứ giúp Mẹ đi tới đi lui khi còn có thể đi được, rồi thì ngồi lên, nằm xuống. Biết đâu có lúc Mẹ khỏe, Mẹ lại kể chuyện đời xưa cho nghe.

Thế nhưng Mẹ hiếm khi kể chuyện đời xưa. Mẹ chỉ nói về hiện tại. Hiện tại là Mẹ đang chống chọi với căn bệnh ung thư. Bệnh khởi phát sau khi Mẹ sinh ra tôi. Mẹ chiến đấu rất quyết liệt. Có lúc tưởng chừng bệnh đã khỏi, thế nhưng gần đây lại tái phát. Và nay đã đến lúc Mẹ phải dừng lại. Mẹ đã chấp nhận.

Tự nhiên tôi có một cảm giác lạ kỳ bùng lên trong lòng. Từ trước đến giờ, tôi và cả nhà đều biết Mẹ sống chung với căn bệnh là hết sức khó khăn, điều đó đã quá rõ. Nhưng ngay lúc này đây, tôi thấy tôi sắp để vượt mất một cái gì. Ý nghĩ đó làm tôi chói với. Mẹ đang ngủ, hoặc chỉ là nhắm mắt. Tôi thấy tôi đang ngồi gần Mẹ, và cũng đang dần xa Mẹ.

“An nè!”

Tôi giật mình, chợt nhận ra mình vui mừng vì Mẹ còn đang sống.

“Dạ?”

Mẹ mở mắt, nói nhẹ như gió:

“Hồi nãy Mẹ xem ngày trong máy, Mẹ muốn nói với con điều này.”

“Sao hở Mẹ?”

“Mẹ... muốn nói đến cái ngày Mẹ chết.”

Tôi hoảng hồn:

“Mẹ ơi! Đừng, Mẹ...”

“Cho Mẹ nói đi! Ít ra, Mẹ muốn An biết cái điều Mẹ mong muốn. Từ trước đến nay, Mẹ luôn nghĩ đến một ngày. Cái ngày đó ảnh hưởng rất nhiều đến tâm tư của Mẹ. Mẹ tưởng Mẹ đã chôn được nó rồi, chôn thật sâu rồi... Nhưng không, Mẹ vẫn sống với nó hằng ngày.

Các con không thể biết đâu!”

“Tại sao tụi con không thể biết hờ Mẹ?”

“Bởi vì Mẹ không muốn. Mẹ thì không dứt bỏ được cái ngày đó. Cho nên, ước nguyện cuối cùng của Mẹ là được ra đi vào đúng ngày đó con ạ!”

“Con chưa hiểu...”

Mẹ cười nhẹ:

“Ông bà mình ngày xưa, có người hay lắm, biết trước ngày giờ mình chết. Mẹ thì không giỏi như vậy. Mẹ chỉ cầu mong được như vậy. Mẹ chỉ còn một tháng. Mẹ sẽ gắng... sẽ kéo được đến ngày đó.”

“Không, Mẹ ơi! Bác sĩ đâu có nói Mẹ còn một tháng. Mẹ sẽ khỏe. Mẹ sẽ lành bệnh mà!”

“Mình không tự lừa dối mình được đâu, An! Hãy cảm thông với ước nguyện của Mẹ. Mẹ muốn ra đi vào đúng ngày đó, ngày ba mươi tháng Tư.”

Mẹ không nói tiếp được nữa. Mẹ khóc nức nở. Tôi không dám hỏi thêm. Ôi, tôi có thể làm gì cho Mẹ bây giờ đây? Tôi vỗ về Mẹ như dỗ một em bé, mong Mẹ sẽ ngủ cho sâu.

2

Ngày ba mươi tháng Tư! Chắc chắn không phải là ngày sinh hay ngày mất của một ai trong gia đình, họ hàng. Và phải là một ngày rất đặc biệt để Mẹ ước mong ra đi vào đúng ngày đó. Trục giác bảo tôi phải tìm hiểu. Tôi vào máy, gõ “April 30 Vietnam” và tôi đã thấy. Ôi, tôi nhớ mình nghe đã lâu rồi, rằng Ba Mẹ chạy khỏi Việt Nam, nhưng tôi không hề biết ngày ba mươi tháng Tư là ngày gì. Hay là Ba Mẹ đã có nhắc đến mà tôi không ghi nhớ?

Hai anh em tôi sinh ra trên đất Mỹ. Những gì gọi là “chất Việt Nam” chúng tôi có được là từ cha mẹ, và từ

tiếng Việt mà cha mẹ và chúng tôi nói với nhau trong nhà. Lớn dần, đi học, đi làm, chúng tôi cũng đã pha trộn rất nhiều trong tiếng Việt đó. Chúng tôi đi học ở những trường không có người gốc Việt. Nơi chúng tôi sống cũng không có người gốc Việt. Thế đó! Tôi tự trách mình không hiểu nhiều. Và cũng băn khoăn vì sao Ba Mẹ không nói nhiều cho chúng tôi nghe về những điều đó.

Ngày ba mươi tháng Tư, Fall Of Saigon, theo như internet đã nói. Vài năm sau cái ngày đó, cha mẹ tôi đã ra đi. Họ là những người còn rất trẻ, tuổi đôi mươi, vượt biển không gia đình không họ hàng. Họ gặp nhau ở đảo. Hai người cô đơn. Họ cần nhau, yêu nhau. Khi đã qua định cư yên ổn ở Mỹ, họ cưới nhau. Chuyện gia đình tôi là như thế, chúng tôi được cha mẹ kể cho nghe rất gọn gàng. Còn những gì mà chuyện gia đình tôi trải qua dưới mắt chúng tôi thì không gọn gàng chút nào. Anh em chúng tôi lớn lên trong bầu không khí “chiến tranh lạnh” giữa cha và mẹ. Họ cư xử với nhau rất lịch sự, nhưng tình yêu không còn. Ba quá khác Mẹ. Ba năng động, thích làm ra nhiều tiền, thích giao thiệp rộng, thích đi du lịch, thích hưởng thụ. Mẹ trầm lặng, kín đáo, thích dành dụm, thích làm việc thiện. Thời gian bị bệnh trở tới trở lui, Mẹ vẫn đi làm. Những ngày phải “chemo” thì Mẹ nghỉ ở nhà, sau đó lại làm việc. Có khi cả tháng trời Ba và Mẹ không nói với nhau một câu. Anh em chúng tôi bị khủng hoảng tinh thần như đang sống với một trái bom nổ chậm. Cho đến một ngày, bom nổ. Rất gọn gàng, Ba Mẹ mời anh em tôi ngồi lại, “xin” cho Ba Mẹ được ly dị. Hai anh em khóc, khóc rất nhiều. Nhưng chúng tôi đã đồng ý. Thôi thà như vậy mà tốt cho mọi người hơn. Chúng tôi cũng đã lớn. Anh tôi học xong, ra trường, đi làm xa. Tôi ở

với Mẹ. Rồi tôi cũng sẽ đi. Chuyện đơn giản như những gia đình bình thường ở Mỹ.

Sau khi ly dị, có vẻ như Ba và Mẹ được bình yên hơn. Ba có công việc kinh doanh với thân nhân ở Việt Nam. Ba thường về Việt Nam. Và Ba cưới một người vợ ở đó, cùng Ba lo việc làm ăn. Ba hoàn toàn thích nghi với những gì mới mẻ. Mỗi khi về Mỹ, Ba và vợ cùng nhau ghé thăm Mẹ và anh em tôi. Còn Mẹ, Mẹ giữ nhịp sống bình thường, thanh thản. Nhưng có nhiều lúc, tôi thấy Mẹ như chìm hẳn vào một không gian khác.

3

Tháng Tư, trời vẫn đang mùa xuân. Với tôi, Mẹ vẫn chưa già. Tôi nghĩ, giá không bị bệnh này, chắc Mẹ còn sống lâu lắm. Tôi chưa có dịp dẫn Mẹ đi chơi đây đó. Bây giờ thì không thể nào. Mẹ không còn ăn uống được. Mẹ đang được chăm sóc theo cách “hospice tại nhà.” Mẹ gầy rộc đi. Một hôm Mẹ bảo tôi ngồi sát lại gần, nói bằng giọng yếu ớt:

“An, Mẹ có một lá thư viết lâu rồi, gửi cho con, nhưng con hãy hứa với Mẹ là chỉ đọc nó khi Mẹ đã đi rồi nghen con!”

Tôi ngạc nhiên:

“Thư gì hở Mẹ?”

“Chỉ là những lời dặn dò thôi. Mẹ sợ đến một ngày Mẹ không còn nói hay viết nổi. Con hứa với Mẹ đi!”

“Dạ con hứa.”

“Mẹ cất lá thư trong hộc tủ kia.”

“Dạ.”

“Cám ơn con. Mẹ yên tâm đợi ngày ba mươi.”

Mẹ nhắm mắt lại, nằm yên. Mẹ mấp máy môi, tôi nghe thoang thoáng:

“Ngày ba mươi... tháng Tư... mười hai giờ trưa... Tôi đã sống đủ hơn bốn mươi năm...”

Mỗi ngày, Mẹ đều muốn vào máy một chút. Mẹ nhìn ở góc dưới bên phải của màn hình, coi ngày tháng và cả giờ phút. Mẹ đếm những tờ lịch tường tượng của mình, như cô gái trong truyện của O. Henry đếm từng chiếc lá héo hắt ngoài song. Ngày ba mươi sẽ là chiếc lá cuối cùng. Tôi ao ước có ai đó vẽ giùm tôi chiếc lá cuối cùng để nó sẽ không bao giờ rơi. Tôi ao ước thời gian ngừng lại ở ngày 29 để Mẹ đừng ra đi, đừng xa chúng tôi...

Ngày 29. Mẹ đã không còn hơi sức. Mẹ thở rất yếu. Y tá đến, cho Mẹ thở oxy. Mẹ hầu như không nhìn thấy gì. Nhưng Mẹ vẫn hướng mắt nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường, và đưa cánh tay khẳng khiu chỉ về phía học tử. Tôi nói nhỏ vào tai Mẹ:

“Mẹ yên tâm. Con nhớ lời Mẹ dặn.”

12 giờ khuya. Tôi nói nhỏ vào tai Mẹ:

“Mẹ ơi, đã qua ngày 30.”

Mẹ gật đầu nhẹ. Tôi bỗng thấy mình mạnh mẽ lên cùng với Mẹ. Tôi trở thành người đồng hành để Mẹ yên tâm thực hiện điều ước cuối cùng. Mẹ muốn đi lúc 12 giờ trưa. Tôi ngồi sát bên Mẹ, đếm với Mẹ từng giờ.

Trời sáng dần. Mẹ thở thoi thóp. Mẹ ơi ráng lên!

9 giờ sáng, Mẹ đi. Mẹ không còn đủ sức chờ.

4

“An yêu thương của Mẹ,

Đây là lời dặn dò mà Mẹ mong đứa con gái cưng của Mẹ làm giúp cho Mẹ một khi Mẹ đã ra đi. Xin làm đám tang cho Mẹ thật đơn giản, không nhận hoa phúng

điều. Hai con hãy đặt một thùng “donation” để xin tiền quyên góp tùy tâm, và nói rõ là quyên góp tặng cho những người thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa đang còn ở tại quê nhà. Mẹ còn một số tiền đã rút từ ngân hàng, con hãy gom chung với tiền quyên góp để làm giùm Mẹ chuyện đó. Mẹ rất yên tâm vì hai con đã

có thể tự lo liệu cuộc sống của mình. Vậy hai con giúp Mẹ làm tròn ước nguyện của Mẹ nhé! Những người thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa sống lây lất nghèo khổ trên khắp đất nước, không nhận được một sự cứu giúp nào hết, rất thương tâm. Chúng ta có làm cũng chỉ là làm một phần nhỏ nhoi cho một số vị nào đó thôi. Con có biết rằng những người thương phế binh đó là một phần đời của Mẹ. Phần đời đó đã khắc sâu trong Mẹ. Cho dù có thích nghi với những hoàn cảnh mới, góc rất khuất trong tâm hồn đó vẫn còn nguyên vẹn.



(Hình sưu tập từ Internet)

Nếu có thể được, hai anh em đi về Việt Nam một lần, nhờ một ngôi chùa hay nhà thờ giúp mời quý ông bà họp mặt và trao quà tận tay họ. Mẹ hy vọng Ba cũng sẽ cùng đi. Hãy xin họ nhận tấm lòng của một người vô danh, một người đã từng săn sóc họ trong những phút giây họ đau đớn. Vâng, nỗi đau của họ cũng chính là nỗi đau của Mẹ. Mười hai giờ trưa ngày ba mươi tháng Tư năm 1975, Mẹ lúc đó vẫn còn đang khoác áo “blouse” trắng, bất lực đứng nhìn họ bị đuổi ra khỏi quân y viện, vết thương còn đổ máu, người mù cống người què, lê lét không biết đi về đâu...

Mẹ cảm ơn con, cảm ơn hai anh em đã cho Mẹ những phút giây vui sướng được làm mẹ. Riêng Mẹ, Mẹ chờ đợi được thanh thân ra đi vào ngày giờ đó, cái ngày cái giờ Mẹ không quên. Mẹ chờ đợi đã hết sức. Đã tạm đủ. Hơn bốn mươi năm...”

Tháng 6/2019

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Bao Giờ Cho Tôi Quên

* thơ **mhhoàilinhphương**

** về một địa chỉ hoa đã thành quá vãng...
ở đường Lê Lợi, Ninh Hòa – Khánh Hòa*

Chỉ còn trong ký ức
Căn nhà tuổi ấu thơ
Hoa muồng vàng, ngói đỏ
Đường phượng bay mong chờ

Giàn bông giấy đong đưa
Khi xuân về, hạ tới...
Dạ lý thoàng mùi hương
Mẹ một thời... trao gửi.

Ríu rít tiếng chim ca
Như nhạc hòa giao hưởng
Từng nhịp bước người qua
Cầu gỗ nâu khuya, sớm...

Ngọt ngào tôi nơi đó
Trong hạnh phúc đoàn viên
Cũng trầm luân tôi đó.
Tháng tư buồn oan khiên

Căn nhà xưa mất dấu
Theo dâu bể phôi pha
Nỗi đau nào không dứt
Tuổi thơ chưa nhạt nhòa...

Tôi trên miền ký ức
Vẫn một đời không quên
Quê Ngoai nghèo gió cát
Ngôi nhà xưa êm đêm...

M.H.HOÀI LINH PHƯƠNG
Washington D.C tháng 04/2019

Di sản văn chương miền Nam

GHI NHẬN CỦA MAI THẢO

về *VĂN NGHỆ*
và *CUỘC SỐNG*

*18 bài ghi nhận ngắn đăng rải rác trên tuần báo Nghệ
Thuật năm 1966.*

(THT sưu tầm và đánh máy lại)

● **Số 34 ngày 4-6-1966**

Thứ ba 31-5

Lại một buổi chiều mưa lớn. Tôi ngồi lẫn trong đám thực khách ồn ào của một tiệm ăn mở rộng phạm vi sang hai phía vỉa hè. Một mình. Lòng ảm. Cõi bên trong phong phanh, nhiều khe hở gió lùa. Nhìn ra: trời xám và thấp. Những hàng giây điện cắt ngang màn mưa. Một thân cây lướt thướt, đỏ chói màu nê-ông từ một tầng cao hắt xuống và nhuộm thẫm. Thời tiết này thật dễ đưa người ta đến một tâm trạng sâu hoải, thứ cô đơn tình cảm đơn giản và dễ tìm thấy nhất, tôi gọi đó là những phút giây thơ mộng thiếu não của cuộc sống hằng ngày. Chợt nhớ đến một câu thơ của Trần

Huyền Trân: “Rượu rồi nâng cổ áo lên cao”. Mưa chiều nay thấp thoáng trong tôi những ảnh hình dĩ vãng. Hà Nội.

Những mái nhà cong trũng đọng lá chết từng mùa. Một mái hiên. Hàng Đào Hàng Quạt. Con say ngất ngưỡng trên mù sương thời thế chấp chờn. Rượu rồi nâng cổ áo lên cao. Thốt nhiên, Saigon chung quanh có một cái gì rất cũ, Thành phố này còn mới quá. Như cái thân cây lột thướt màu đỏ tôi đang nhìn ngắm lạ lùng trước mặt.

Thứ tư 1-6

Đài khí tượng dựng cao trên đất nước chúng ta – chiều qua người vẫn chết, sáng nay còn máu chảy – chưa có triệu chứng nào báo tin vui những trời xanh êm và những biển lặng triều, Ánh mắt viễn kiến nào thấu suốt tới được cái bên kia từng từng khuất lấp của thời thế chỉ rồi? Tri thức siêu việt nào chiếu tới được phương hướng và con đường tất yếu phải hiện ra từ trạng thái mê cung hiện tại ? Vẫn chỉ là những thí nghiệm thiếu bảo đảm chen chân trong những lên đường trong hoài nghi. Cái khó khăn lớn lao nhất của từng người hiện nay là tạo dựng được cho mình một căn bản tinh thần và tin tưởng mới. Nếu văn học nghệ thuật chúng ta hiện nay là phản ánh trung thành của tâm trạng và đời sống chúng ta hiện nay, căn bản cần thiết này chưa hề được tạo dựng.

●SỐ 35 ngày11-6-1966

Thứ ba, 7-6

Gần mười hai giờ đêm. Thành phố chỉ còn một vài phút nữa sẽ giới nghiêm như một cánh cửa mệnh mông cài then và khóa trái sự sống trên tất cả những ngã đường. Dép mông, áo ngắn, tôi lững thững đi trong những con đường nhỏ ẩm cứng phía sau khu chợ Tân Định. Tôi về ở lại khu này đã được ba năm. Mười hai năm trước mới từ Hà Nội vào, tôi đã ở đây, rồi bỏ đi, bây giờ trở lại, và Tân Định này đã trở thành một hình ảnh cố nhân thân mật trùng phùng. Khu tôi ở, những đời người yên, trên những vỉa hè hiền. Ngõ nhà tôi, một cây hoa thơm ngát về đêm. Và thói quen tôi, là lúc khuya, đi dạo một vòng qua khu mình ở. Mát lắm đêm nay. Trời sao trên đầu. Gió đầy thân, và thân thể là một con thuyền thon trôi trong gió đêm là ngọn triều dịu dàng đưa đẩy. Những buổi tối của riêng mình đơn giản. Những đêm khuya của riêng mình lặng thầm. Những con đường quen thân dấu chân tạo cho mình cái cảm giác bằng hữu. Đêm Tân Định đi dạo một vòng trở thành sự yên tâm cuối ngày của tôi, đã mấy năm nay, trên ý hướng và lối sống, hầu như muốn sao cho được giản đơn, êm ái và bình thường thêm nữa. Là một công dân thường trong khu phố mình. Như mọi người chung quanh. Đồng đều. Không phân biệt. Tôi nghĩ rằng chính là ở trong cái trạng thái thu nhỏ ấy mà mỗi cá nhân thấu hiểu được mình. Phải bằng một vòm trời tâm linh lặng gió, ta ngắm nhìn mới thấy rõ được vì sao ta. Tôi muốn kiếm tìm cho tôi một trở thành, ở ngoài mọi khát vọng. Hãy lặng lẽ đi lên qua hết cái phận mình, không ảo tưởng. Sau một ngày, hãy trở về mái nhà riêng như một thế giới riêng. Tôi không thể ý thức được cái lớn, nếu không bằng nhận thức từ những

cái nhỏ. Rồi ảo tưởng thiếu thời nào cũng là những đôi cánh rụng xuống. Khi đó, người ta sẽ có những ý nghĩ trầm tĩnh hơn về thế nào là sự thật một đời người. Thế là thế nào? Đã thỏa hiệp? Có thể. Đã hoài nghi?

Không biết. Chỉ biết đêm nay tôi nhẹ hồn người như một vì sao, tôi thơm hồn đời như một mùi hương. Tôi cùng một ý nghĩ, có phải thế không, vẫn là cái cửa ngõ ấy của một băng khuâng và một mơ màng không dứt? Tôi cùng mọi ý nghĩ chúng ta, có phải thế không, là sự xa thăm bất động rất không gian và rất ngoài đời ấy của một vì sao? Và tôi thì không bao giờ, nhìn được cho mình, như một con người hành động.

Thứ tư 8-6

Mệt. Nằm nhà cả buổi chiều, cửa đóng kín bùng, chìm trong bóng tối. Đầu óc sượng sần và thân thể choáng váng là đất đai nảy sinh ý tưởng cho những ý nghĩ tối đen, bao giờ cũng vậy. Tôi đang nghĩ đây, rất tối đen vì cái nhân ảnh chập chờn là đời người, đời người ngắn hạn, đặt trong liên hệ hằng cửu của nó là cái vô cùng. Ngó thấy cái vô cùng đó. Đâu đây, lạnh lùng, riều cợt. Nghe thấy sự vô cùng đó, lạnh dưng, mãi miết, đang bỏ đi, không đợi chờ ta. Chợt nhớ đến một buổi sáng tháng trước, đi cùng với P.L.P., vào nhà thương thăm một người bạn bệnh. Hắn bữa trước còn hồng hào, bữa sau đã rũ liệt. Trong cái thế nằm thiêm thiếp bất động của người đau giữa mùng màn trắng toát, kẻ chiều qua tôi còn thấy sinh hoạt ồn ào giữa thành phố này, chỉ còn là một hình bóng đợi chờ một cuộc lên đường nào đó, tới hư vô, ra khỏi cuộc đời. Buổi sáng ấy thật đẹp: Nắng lóng lánh trên thành cửa sổ. Thảm cỏ xanh bóng

mát ngoài vườn. Đi trở ra trên hành lang bệnh viện, tôi im lặng, bắt gặp ở mình cái cảm giác lạnh người đó, lần tôi viếng chùa Linh Mục, nhìn thấy một vị sư già thành tượng giữa rêu phong và giữa thời gian, Nhớ P, bảo tôi: “Mỗi năm chúng ta nên đến thăm nghĩa địa là một, bệnh viện là hai, một vài lần. Như thế tốt lắm cho đầu óc”. Hỏi tại sao, P. giải thích: Nhìn cái chết, gần với yên nghỉ, người ta sẽ không thấy những thất bại trong đời của mình là đau đớn, những không thành tựu về cuộc sống mình là những mất mát lớn lao, cũng thế thôi. Rồi cũng nằm đó, như thằng bạn đang nằm, dưới một tấm mùng nhà thương hay dưới một phiến đá mộ chí. Mày sống đó, rồi mày phải chết. Nguyễn Tuân: người nghệ sĩ là kẻ biết nhìn ngắm những cái đẹp sờ mó thấy và không sờ mó thấy của cuộc đời này. Rồi y về. Tôi chưa muốn có ý kiến, bởi vẫn ở lưng chừng tục lụy. Và chưa về. Nhưng đã yêu lắm, từ lâu, hai câu thơ thoát tục này của Chế Lan Viên. *Nay neo thuyền lạ bến sông xa, Mai đã về chơi trong khoảng biếc.*

Thứ năm, 9-6

Vừa viết xong, rất vội, theo yêu cầu phút chót của Trần Phong Giao, cho Văn, một “tạp bút” về Nguyễn Bính. Mới chợt nhớ là tháng này, chúng ta cùng kỷ niệm ba nhà thơ, nhà văn tiền chiến đã mất: Tản Đà Nguyễn Bính và Thạch Lam. Tờ Văn của anh Nguyễn Đình Vượng tháng này đã phát hành một số đặc biệt kỷ niệm ba khuôn mặt lẫy lừng của văn chương tiền chiến nói trên. Gọi là tôi kỷ niệm “ghé” một chút, bằng một vài ý nghĩ thoáng tới, Tản Đà như một cái nền, một hiện tượng. Chúng ta yêu Tản Đà không hẳn như một người. Mà như một mẫu người. Như yêu một cánh hạc,

ở sự nó đã trở thành biểu tượng của tinh khiết thoát tục. Cánh hạc là một ảnh hình hoang đường như Tản Đà là một phong cách phiêu hốt. Văn thơ tiền chiến không có những dạt dào tràn qua đời sống, những vũ bão dấy động xã hội, những đào sâu đánh dấu một thời. Nhưng nó có một vài cái ngon, một vài cái đỉnh cá nhân tuyệt đẹp. Tản Đà một. *Nước đi ra biển lại mưa về nguồn*. Điều lục bát nhẹ, thoát này là riêng tây độc đáo của Tản Đà. Nhưng thi sỹ đã ném tài năng vào đất trời cho loãng tan thành sương, hoa, và không khí. Nguyễn Bính là một trường hợp tiền chiến thật đặc biệt không phải trong đương thời, mà chỉ từ khi đã mất, bằng ý thức và nhận thức bây giờ của chúng ta, tiếng thơ Nguyễn Bính mới được thưởng ngoạn và đánh giá đúng với thực chất và giá trị của nó. Thời tiền chiến. những chói sáng bề mặt kiểu Xuân Diệu đã làm lu mờ nhiều cái tiếng thơ đôn hậu thật thà của Nguyễn Bính, với thời gian một tài năng mờ nhạt xưa đang sáng chói dần dần. Sáng tạo chỉ hoàn tất toàn vẹn bằng hai phía: sáng tạo và thưởng ngoạn. Cái “ca” Nguyễn Bính là một điển hình. Nguyễn Bính đã thành tựu bằng ý thức thưởng ngoạn bây giờ của chúng ta. Muộn màng một chút nhưng sẽ tồn tại mãi với văn học. Còn Thạch Lam? Bút pháp chính xác ông mãi mãi là một vinh dự cho tiếng Việt, theo ý tôi.

●Số 36 ngày 17-6-1966

Thứ ba, 14-6

P.N. mà chúng tôi gọi đùa là Raymond Cartier Việt Nam, ghé tòa soạn sau một chuyến đi về một vùng

chiến thuật. P.N. được đi luôn như thế, theo chân các phái đoàn báo chí. Đó là một điều tốt. Bởi được thay đổi cái nhìn. Cho mới lạ cái thấy. Bởi được thấy đích thực, thế nào là chiến tranh khổ đau, chiến tranh phi lý, chiến tranh lâu dài lộng hành trên đất nước chúng ta từ hai mươi năm nay. Tập ký sự *Đường mòn Hồ Chí Minh* đã được in ra là kết quả đợt đầu về những chuyến đi ngắm nhìn đời sống dưới đường lửa đại bác ấy của PN. Tôi có đọc qua. Ghi hơi vội. Viết chưa kỹ. Cái nóng hổi là ưu điểm đáng ngợi khen. Bức họa hình thái và sinh hoạt chiến trường này còn có những khoảng trống bối rối lấp đầy bằng những giai thoại mua vui thiếu vắng giá trị của tài liệu chính xác, là nhược điểm cần khắc phục ở tập thứ hai *Vượt Trường Sơn*. Đó là nhận xét tôi đã nói cho P.N. biết. Mỗi lên đường của người viết phải được chuẩn bị bằng một sửa soạn hành lý. Hành lý đó là thái độ. Với những người đang ghi và đang viết ký sự chiến trường như P N, thái độ và chủ quan mình, hơn là đối tượng khách quan, là linh hồn của những cái được viết ra. Là ánh sáng. Và phương hướng. Cho nhìn ngắm không hoang mang, Và ghi nhận có lựa chọn.

Thứ tư 15-6.

Buổi tối. Trời lất phất mưa. Trẻ nhỏ hàng đàn đùa ngoài đầu ngõ. Đầu ngõ tối nay không gửi vào bàn viết tôi hương thơm dịu dàng của cây dạ lan như mọi buổi tối. Còn sớm quá? Hương của hoa chưa tới giờ lên đường? Hay lại khu vực xưa nay yên tĩnh của vùng Tân Định này đã chớm có những vụ xuống đường, lựu đạn cay còn trong không khí, đuổi dạt đi mùi thơm loài hoa chỉ nở về đêm? Đời sống này đang cướp dần đi những cái nhẹ, những cái thanh, nho nhỏ, thăm thẳm,

nhưng lại là những yếu tố tạo nên sự hòa đối cho tâm hồn người từng ngày y phải sống, Chợt nhớ lại những buổi đi chơi đêm xưa với P Đ.C. Đưa tôi về tới đầu ngõ, xe hãm ngừng máy, bao giờ cũng thả tôi xuống một vùng thơm ngát. Hương thơm đến nay không tới? Hay nó vẫn có? Mà chỉ là người, không thấy nữa, hương một loài hoa, sao của một vòm trời, trăng của một đầu cành như ở trong văn thơ chúng ta bây giờ thiên nhiên chỉ còn là ngu ngơ trong nhợt nhạt đáng hình tạo vật? Những cái đẹp đang lần lượt bị giết chết, phải thế không? Bài tổng kết về đại hội điện ảnh Cannes năm nay cho biết rằng chỉ những cái thô bạo, những cái sống sượng, những cái trần truồng là được chụp lên đầu những vòng hoa, và riêng những cái đó mà thôi. Thảm mỹ bây giờ là một nhãn mặt.

Thứ năm 16-6

Đang đọc, khá cẩn thận, để viết bài nhận định đăng trên N.T số sau, tập tiểu luận *Nói với tuổi hai mươi* của Nhất Hạnh. Phần đầu tập tiểu luận đậm tình cảm này là một sám hối của tuổi bốn mươi trước tuổi hai mươi qua bản nhạc kiểm thảo sự hèn dón của mình để lại cho thế hệ kế tiếp là bản *Tâm Ca Số Năm* của Phạm Duy. Tôi nghĩ về Phạm Duy như một cố gắng làm mới. Một cố gắng về tiến bộ, theo nhận thức, đơn giản, về thể nào là ý thức tiến bộ của Phạm Duy, ý thức đó không phải là chủ động, nó chỉ là một phản ứng vội vã phát sinh từ những dội đập mới mẻ của biến chuyển thời thế. Cố gắng Phạm Duy nghiêng về một vượn tới kịp thời, cho nên thể hiện thành sáo sẩm, sáng tác không thể nhuần nhuyễn, và bởi vậy nó thiếu những chiều sâu. Tâm Ca do đó có một tác dụng phục vụ đúng lúc và kịp thời, nhiều hơn là những tác dụng khác và phải có. Những

lời đẹp chưa phá vỡ được những cái khung khẩu hiệu.

●Số 37 ngày 24-6-1966

Chủ nhật 19-6

Đánh dấu cho ngày lên khuôn tập thơ đầu tay *Điệp khúc Tình Yêu, Và Trái Phá*, Kiệt Tấn mời bạn hữu “sinh hoạt” bằng một bữa cơm trưa tại nhà riêng. Cuộc taxi đi gấp, đường thì xa, lại giữa Saigon chói chang nắng dãi, đi phải giơ thẳng một ngón tay lên trời - nghĩa là 100đ. Anh tài xế mới chịu lái sát vào một lề đường Trần Hưng Đạo. Tới Kiệt Tấn lần đầu. Xa lộ thênh thang. Nắng đuổi gió trên rộng thẳng đường. Trời ngoại ô cao vút. Đường Hàng Sanh chớm một ý ngỗ một nét vườn thôn quê, với những hàng dậu hoa vàng lấm tấm và những bờ cỏ mọc tự do. Tấn ở một căn nhà xinh nhỏ, ấm cúng. Một chút miền Nam. Một chút Tây Phương. Gặp ở đây Doãn Quốc Sỹ, Viên Linh, Hoàng Ngọc Biên, Thạch Chương, Nguyễn Đình Toàn và một vài bạn trẻ khác. Bữa ăn ngon miệng. Rượu chất trong hũ sành. Vịt tần hạt sen đậm đà nhuần nhuyễn, Thêm vào thực đơn, là một thuyết trình phối hợp trong ngà say choáng váng của Thạch Chương, về triết học, về âm nhạc. Âm nhạc như một kỳ diệu. Và triết học như một lừa dối vô ích không cần thiết cho những nhu cầu đích thực một đời, theo Thạch Chương say, Ai đó phát biểu một ý kiến Triết học là thơ. Thơ Thanh Tâm Tuyền được nhắc. *Buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường*. Phân tích: tại sao lại sao vỡ vào chuông. Tại sao lại phân tích? Thơ rất thơ chối từ phân

tích. Xong. Sang nhà Thanh Tâm Tuyền. Rượu chát làm tôi nặng đầu đến tận giờ khu Lăng ông tàn nắng. Tắm ở đây. Lần đầu. Trưa chủ nhật này là của những cái “lần đầu” nhỏ nhỏ hay hay.

Thứ hai 20-6

Thêm một buổi tối dài. Những giờ phút thừa thãi phải kiếm cách lấp đầy cho giấc ngủ không thể tới trước giờ giới nghiêm. Đi tìm một chút gió thoáng, muốn nhìn vùng ánh sáng lưng trời ngoạn mục của một trái hỏa châu, mặt nước thăm thẳm trên những kè đá bên Bạch Đằng, cùng là sự lở đổ từng chùm của lửa điện bên vùng Thủ Thiêm, tôi đã bước vào một cái thang máy. Thang máy chuyển sự mỏi rời lảng đãng của tôi lên một quày rượu thượng tầng. Nơi chôn khá quen thuộc. Ghế bành lọt thỏm. Ánh sáng chìm. Không khí ngưng đọng. Những khuôn mặt thờ ơ. Chính nơi này tôi đã vay mượn làm đất dựng cho một truyện ngắn đã viết từ lâu. Tựa: Từ cao ngó xuống. Cốt truyện: một người gặp lại một người, không còn gì nữa giữa chúng ta, bởi thành phố vào ở dưới chân, nhưng cuộc đời đã đi qua.

Tôi vay mượn nhiều lắm như thế. Những cái giá. Và những cái áo mặc lên đó, mọc lên những cái giá. Phần còn lại là tưởng tượng.

Thứ ba 21-6

Một bạn đọc trong một lá thư vừa nhận được: “Hiện tại này không có gì đáng nói sao? Chỉ thấy ở văn ông những bóng hình quá khứ”. Tôi chưa đẩy lùi được hiện tại này ra một khoảng xa, để ngắm nhìn tỏ rõ. Tôi yêu những cái đã lắng đọng. Lướt thướt lân tinh một vũng

biển mình. Vót lên những cái đã xong xuôi, mà ngắm nhìn còn ngờ vực. Tôi yêu quá khứ. Ở sự nhũn nhặn của nó. Quá khứ là phần cả nhân duy nhất của một đời người. Tôi thích viết về những cái mà tôi và anh cùng đánh mất.

●Sổ 38 ngày 31-6-1966

Chủ nhật 26-6

Tạo nhân vật, những nhân vật ném được mình ở lại, bước qua mình mà đi, chẳng những là thành công, còn là can đảm ý thức đáng ngợi khen nhất ở một nhà văn. Trường hợp này là một hiếm quý, một thiếu vắng ở hầu hết những người viết truyện chúng ta, tạo nhân vật chủ đề giam nhốt và lưu đầy nó trong chật hẹp tay áo chúng ta phù thủy. Nhân vật là âm binh. Tiểu thuyết Việt Nam, nhân vật, giỏi lắm, chỉ thể hiện được niềm mơ tưởng tình cảm về mình của tác giả. Như Dũng, của Đôi Bạn. Phải tạo dựng cho nhân vật một định mệnh “khôn lường”. Nghĩa là phá vỡ. Và thoát đi. Khung cảnh nó được sinh ra, chỉ là điểm khởi hành của nó.

Thứ hai 27-6

Chín giờ tối. Trời đang yên thoát đổ mưa thật lớn. Vừa dữ dội, quật dập bàng hoàng. Nhớ lại những ngày mưa bão thần tiên hồi nhỏ. Trời vắng hoang. Gió giật trùng trùng. Nắng quái thấp thoáng rồi mưa trút. Ngồi thu lu ở một đầu thềm, cái cảm giác ngây ngất thuở nhỏ ấy phải chăng là rung động đầu tiên trước cái đẹp khác

thường của bất ngờ và nguy hiểm sống. Sống bất ngờ. Và sống nguy hiểm, Phải thế. Nhưng sống ấy hình như đã trở thành một chối từ thận trọng và buồn bã của con người thời đại này nhờ yếu dân, nhọt nhọt dân trong vây bọc của tiện nghi muôn mặt.

Thứ tư 29-6

Ngồi chọn hình bìa cho bốn số Nghệ Thuật sắp tới. Chọn trong tranh của Gauguin, Braque, Vermeer, Lautrec. Bạn đọc có ưng chịu hình bìa những họa phẩm này của những bậc thầy hội họa thế giới? Tôi đề riêng ra mấy phối hợp tuyệt diệu về màu của Braque. Quản lý đến gần, ngó thấy: «Ông Nam Cường bảo muốn bán báo nhiều hơn phải có tranh đàn bà thật đẹp». Có lẽ rồi phải như thế. Hình Thẩm Thúy Hằng cười. Nếu tờ báo này muốn bán được nhiều hơn. Sự sống khó khăn đẩy dần, đẩy dần vào thỏa hiệp.

Thứ năm 30-6

Tạ Tỵ tạt qua tòa soạn. Buổi sáng rực rỡ làm nhớ đến màu sắc, và màu sắc là nhớ đến hội họa. Hỏi Tạ Tỵ về sự vẫn im hơi bật tiếng quá lâu của cuộc triển lãm tranh ảnh, mà chúng tôi đã báo trước từ năm ngoái, mà mọi người đều đợi chờ. Đáp cụt lùn: “Đẹp”. Lỗi tại sao, Tạ Tỵ trả lời rằng thường ngoạn hội họa không có chỗ đứng hiện nay giữa một đời sống chồng chất những vấn đề sinh kế đè nặng. Nói thế nhưng rồi lại nói: «sáng nay vừa vẽ xong một bức tranh đẹp quá». Mâu thuẫn nghệ thuật đó. Hiện tượng sáng tác đó, tranh không trưng bày. Nhưng sáng nay, vẫn thêm 1 bức mới thành hình. Nhưng sống được với mâu thuẫn đó, phải

do hai điều kiện. Thứ nhất: tâm hồn còn lửa đỏ. Thứ hai: yêu mình, yêu công việc làm mình đến tận cùng.

●SỐ 39 1-7-1966

Chủ nhật 3-7

Hạnh phúc trốn thoát, người đuổi rượt nó. Đó là chuyện thường. Chính là trong rượt đuổi vô vọng mơ hồ này mà hạnh phúc được xem như ảo tưởng. Nhưng tôi không rượt đuổi. Tôi đứng đây, trong vùng tin tưởng sáng hồng đời tôi, bảo rằng hạnh phúc có, bắt buộc hạnh phúc tới. Thiên đường không xa. Đâu đây thôi và tôi thừa khả năng tới được thiên đường. Người ta nhìn thấy cái cửa ngõ chan hòa ánh sáng đời sống hạ trại trên một tin yêu bàn thạch đỏ nơi Sophia, mười tám năm khoan thai đợi chờ ngày được sống chính thức đường hoàng với người đàn ông đối với nàng là duy nhất. Và điều không phải là nàng mơ tưởng, nàng không mơ tưởng bao giờ, nàng tin chắc đó là sự thực, đó là cái quyền được có của nàng, đã tới. Hạnh phúc tuyệt đẹp và chính xác nay làm nảy sinh những tuyệt vời mới. Qua cuốn phim Mariage à l'Italienne vừa chiếu trên màn ảnh Saigon, chúng ta đã thấy gì? Thấy một Sophia Loren lớn lao vượt bậc trong một tài năng đóng trò toàn vẹn. Tài năng đó là sự biểu diễn của một trạng thái tự tin và bình tĩnh lạ thường. Tôi muốn mắc lên những kích thước dài rộng ấy của một tài năng được kiện toàn bằng hạnh phúc, ý nghĩ đơn giản này: Phải biết là chủ đời sống của mình, đến tận cùng. Và vẫn là, bởi ta quỳ xuống cho nên cuộc đời trái núi. Đứng thẳng lên xem cuộc đời nằm dưới chân ta.

Báo chí điện ảnh Tây phương vừa kể một trường hợp tương tự về Liz Taylor. Liz dám làm xấu đi, dám đổi diện, dám đến trước với những nếp cau nhăn của tuổi, nơi Marilyn đã chết, bởi không dám nhìn mình trong một tấm gương. Đời có ánh sáng. Hẳn chứ. Đời có hoa và đời thơm hương. Nhất định. Hạnh phúc không phải là một huyền thoại. Không không thể nào tả được trước phải bằng tình cảm đây mà chính là một giàu có rực rỡ bằng ý thức lớn mà hạnh phúc ta có mệnh mông, tôi không tìm được Tôi yêu lắm những đời người tự làm mặt trời cho mình là ánh sáng, tự làm gió cho con thuyền mình tới những bờ thơm. Những đời người hiển vinh vô ngần tuyên chiến với cô đơn, lạ lùng cùng tuyệt vọng. Hoài nghi chỉ là một kiểm điểm. Trạm nghỉ tạm cho chân dồn sức lực. Tôi không hoài nghi như một cùng đường.

Thơ hai 4-7

Hiện tượng trời xanh và nắng hồng, vông hoa và đường thơm, những êm ái ngọt ngào, những dịu dàng tươi đẹp, khi hiện hình trong thế giới tiểu thuyết của một nhà văn, không nhất định là cái hiện tượng mơ mộng chập chờn của một kẻ đứng ngoài lề, lãng quên thực tại. Theo tôi, nhiệm vụ của một nhà văn – nêu viết có một nhiệm vụ – là chỉ dẫn cho người đồng thời, những sự thật khuất lấp và dấu che người đời không nhìn thấy. Cái phía vực thẳm, cái phía thăm kịch của đời sống này, ai mà không hay. Ta còn gọi được đích danh nó ở đâu. Từ những nguyên nhân nào. Qua những đặc thù nào. Dễ lắm. Bởi ý thức con người đời nay đã lớn.

Hắn đã sống và đã tham dự vào thảm kịch chung. Tôi với anh không ai mù lòa, không ai thơ ngây. Chúng ta thấy đều thấu triệt được cái phận mình bị đất. Thành ra, khơi đào mãi vào sự bị đất ấy, có như phát hiện một cái gì đã thấy, nói lên những câu nói dư thừa. Tôi thường ngây ngất không thể nào tả được trước một giàu có rực rỡ mệnh mông, tôi không tìm được danh từ nào khác là cái lượng đời vô tận. Như biển. Như rừng. Như sao đầy trời. Như lúa đầy đất. Như nước lũ và như không khí. Tôi sống, rất đổi ngậm ngùi, rất thường lủi thủi, nhưng cảm động mãi với sự ngây ngất tự nhiên này. Chúng ta chiếu soi ra chung quanh và trở vào đời sống chúng ta, bằng một chiếu soi tối tăm quá thể. Bảo rằng có trời xanh và có nắng hồng, không phải là đánh lừa sự thật bằng những ảo giác. Nhưng là điều chỉnh lại một lối nhìn. Làm mới lại một lối nhìn. Dựng lại một lối sống. Khơi đào lại một sự thực khuất lấp. De Sica cho Sophia nói một câu thật mạnh khỏe. Về khóc như thế nào: “Tôi không bao giờ thèm vì buồn mà khóc. Tôi chỉ muốn khóc khi tôi sung sướng”. Lệ ở đây là ngọc. Qua ý nghĩ của đoạn ghi ngày thứ hai này, tôi nhớ ai đã nói:

Sự lớn lao của một nhà văn ở nơi y là một thi sỹ. Đúng.

●Số 40 ngày 7-7-1966

Thứ hai 11-7

Tôi không bao giờ muốn là một siêu nhân. Siêu nhân sống trên và ngoài thiên hạ. Tôi chỉ muốn là một người thường. Để được sống trong và cùng thiên hạ. Hà Thượng Nhân muốn như thế. Và nói với tôi như thế.

Anh chở tôi về. Đêm đã khuya. Thành phố mát, như một ly nước lọc, trong và đầy, tôi uống từng ngụm nhỏ. Trận mưa buổi chiều vừa ngớt. Nước thả giọt trong lá. Xe lăn chậm, chạy vòng một ngã Bảy mênh mông. Đường 20. Con đường này, hồi mới di cư vào, tôi mất cả một buổi chiều tìm không ra địa chỉ một người bạn. Saigon 1954 là một mới lạ hoàn toàn. Một mới lạ thù nghịch. Nó đẩy mình ra. Không tiếp nhận. Bây giờ khác. Liên hệ giữa tôi và Sài Gòn đã có. Như một siết tay lâu và thân. Có được trở về Hà Nội nếu còn được trở về, cũng thăm viếng sơ qua thôi, rồi sẽ lại từ ga Hàng Cỏ lên, xuống ga Saigon, sống. Chúng tôi thường bảo nhau như thế, trong khăng định với nhau rằng Saigon quả là một thành phố dụng người. Hà nội, nghĩ lại, bây giờ thấy nó nhỏ chật phiền toái. Làm rườn rả và rồi rầm đời sống một cách lố bịch lắm. Chúng ta đã có một đổi thay căn bản về một ý niệm quê hương rồi đó. Chuyển đổi một vùng trời là một thông thường. Quan hệ là thích ứng, hòa nhập được, biểu tỏ được cái khả năng sinh động uyển chuyển của một lối sống không cứng chết trong những điều kiện tiên thiên. Sống tự do là khoan thai và đơn giản sống.

Thứ ba 12-7

Những ghi nhận này của tôi nhiều khi, tôi đã muốn là những ghi nhận chung. Nghĩa là ghi thay và nhận thay cho rất nhiều người. Đâu có được. Muốn như vậy là ngu xuẩn lắm. Đời sống muôn hình nghìn vẻ là ở cái muôn hình nghìn vẻ của từng người ngắm nhìn nó từ những khía cạnh riêng tư. Thời đại bây giờ là của cá nhân. Cá nhân lớn nhất. Cái có một là cái lớn nhất. Vậy, anh với tôi là mỗi thế giới. Hẳn chứ. Tôi đi, tôi hát một mình. Tôi yêu những con đường nhỏ. Những

phút lặng thầm. Mình với mình hay. Riêng mình mình biết. Sống mãi mãi là một bí mật.

Thứ tư 13-7

Về vụ “đề nghị cấm lưu hành ba cuốn tiểu thuyết của Thanh Nam”. Gặp T N, tôi bảo anh; cần nhất và trước hết, tác giả phải đích thân lên tiếng. Không phải để biện minh. Không có gì phải biện minh hết. Không phải để bào chữa. Không có gì để bào chữa hết. Nghệ thuật hạ đẳng nhất, không phải, ở chỗ nó biểu hiện sự thật. Mà trái lại, nó hạ đẳng khi đồng lõa bởi những mưu toan dấu che và chôn vùi sự thật. Một xã hội khôn nạn là một xã hội ở đó sự thật bị giết chết. Nghệ thuật vàng son hoa mỹ chỉ là một đánh lừa người.

Ở nghệ thuật, là tất cả những sự thật, toàn vẹn những sự thật – không từ một sự thật nào, tôi nhấn mạnh, không từ một sự thật nào, phải được nói ra. Xã hội chúng ta ung nhọt đầy mình. Và bởi vậy mà chúng ta phải can đảm nhìn vào thực tế nó: Trước hết ta gọi đích danh tên tuổi những niềm đau. Và sau, là đổi thay nó. Ai cũng phải biết như thế.

●Số 41 ngày 23-7-1966

Thứ hai 18-7

Người đàn bà trong tiểu thuyết Việt Nam là một nhánh hoa, chưa là một đời cây. Một khuôn mặt, chưa là một đời sống. Đẹp như tranh Tô Ngọc Vân ở Đồi Bạ và Bướm Trắng Nhất Linh, Huyền thoại ở Nguyễn Tuân

qua Tóc Chì Hoài. Đến Thanh Tâm Tuyền là vũ bão và bàng hoàng sống. Nhìn chung người đàn bà ấy trong thể giới tiểu thuyết ta có thể là một ảnh hình đã phác họa xong xuôi nhưng chưa là một định mệnh đã vươn tới cái đỉnh vẹn toàn của ý thức. Phụ nữ thứ yếu trong tiểu thuyết do nơi xã hội ta chưa đổi thay lối nhìn phong kiến cũ, khiến những Lan, Huệ, Hồng, Vân, chưa có chỗ đứng dưới mặt trời. Rồi bỗng có Nhã Ca làm thơ, Túy Hồng viết truyện. Tiểu thuyết được thổi qua bởi một mùa gió mới. Gió lửa, choáng váng như gió Lào. Nó thổi qua những miền da thịt xôn xao. Nó giông bão trên những nòng nọc tình nổi loạn. Vận động giải phóng phụ nữ thành hình trong tiểu thuyết và thơ văn chúng ta tuy vậy mới chỉ được ghi nhận như những chứng tích phá vỡ khởi đầu của bản năng và sinh lý, Giải phóng này đưa ra khỏi tù đầy của thân phận để rơi vào một tù đầy mới. Của thân thể. Những đời sống đàn bà vươn lên từ chữ viết vẫn chưa là thứ đời sống toàn diện phải có, như một độc lập, một bình đẳng, một song hành với đời sống đàn ông. Tiểu thuyết ta cần thiết phải làm thay cho xã hội ngưng đọng này cuộc giải phóng xã hội và con người ấy của người phụ nữ, mà trong thực tế ngoại đời hiện giờ, đã đi thật xa khỏi vị trí lưu đầy và lệ thuộc ngày xưa. Ở điểm này và từ khởi điểm này, viết về đàn bà, phải thấy rằng những liên hệ về hạnh phúc, tình yêu, tâm hồn giữa họ và đàn ông đã hoàn toàn đổi khác. Người đàn ông trong nhìn lại, xét lại và thấy lại đàn bà. Đó là một chủ đề mới của tiểu thuyết chưa được khai thác và thể hiện. Tôi gọi là một chủ đề. Theo đúng nghĩa của danh từ. Nghĩa là một chủ đề xã hội.

Thứ ba 19-7

Độc trong bản thảo tuần này, tôi ghi được câu này của một anh bạn trẻ viết văn từ Huế : “*Chúng ta luôn luôn mang dáng dấp của những kẻ sắp ra đi*”. Tuổi trẻ đang từng từng lớp lớp ra đi. Trên những đất đai ngấm nhìn quen thuộc cũ đã vắng bóng thật nhiều những người trẻ tuổi mới. Tôi có một đứa em trai. Mỗi lần gặp nhau như hai người lạ mặt. Nó là một thay đổi hoàn toàn. Từng phút từng giờ. Đối với chính nó. Nghĩ mà buồn cho nó. Thế mà nó vẫn phải sống chung với những cái của tôi đang sống. Tuổi trẻ hôm nay không có mặt mũi, không có tay chân, không có tiếng nói. Ôn ào mà nín thinh. *Rất nhiều con mắt ráo hoảnh mở trong hồn. Như làn tinh trong bãi có về đêm*. Tuổi trẻ làm những cặp mắt ráo hoảnh ở trong hồn. Thơ Tô Thùy Yên.

Thư tư 20-7

Viên Linh: tuần này phải viết một cái gì về ngày 20 tháng 7 chứ! Chúng ta vẫn nhớ. Chúng ta không quên. Chúng ta nào có ở ngoài. Chúng ta ngập chìm tới cổ. Trong cái lưới dày đặc của thời thế và hiện tình đất nước chúng ta. Buổi chiều tôi gặp họ Vũ. Nói với anh tôi muốn viết được, dù chỉ được một vài dòng, về lần thứ 12 của ngày hai mươi tháng bảy. Một kỷ niệm? Nhưng kỷ niệm dùng làm gì? về Hà Nội? Mười hai năm. Hà Nội đã mù sương. Lần thứ nhất ra Huế với Quốc Phong, cách đây bốn năm, Vũ Quang Ninh chở tôi từ Huế tới chân cầu Bến Hải. Chiều giới tuyến mưa phùn. Cây cầu hai màu sơn, tượng trưng cho ngăn chia kịch cỡm. Hiên Lương lạnh tanh. Chúng tôi kéo cao cổ áo đi xuống cái xóm ven bờ tôi quên mất tên, ở đó có một trạm phát thanh nhỏ, hướng những chùm loa

sang bờ đối nghịch. Người trạm trưởng trẻ tuổi kể cho tôi nghe về một công tác tuyên truyền địch vận, đôi khi biến thành hài kịch vì sự đổi chiều đột ngột của hướng gió Bến Hải. Gió thổi ngược lại. Ta nghe ta nói. Như bên kia cũng vậy. Gió vĩ tuyến có những buổi chiều đùa cợt thẳng thừng với cái công tác tuyên truyền của cán bộ hai bờ như vậy. Một năm, gần Nguyên Đán, Kim Cương, Trần Văn Trạch đã tới cái trạm phát thanh địa đầu heo hút này. Kim Cương hát sang cho bên kia nghe. Một bài hát ướt đầm tình yêu.

Lần độc nhất ra thăm Bến Hải hình ảnh dội đập mạnh mẽ nhất vào trí nhớ tôi không phải là lá cờ ta trong mưa phùn, lá cờ địch trong sương mù, mà là những thửa ruộng của vùng phi quân sự. Lúa được mùa. Đào dạt xanh ngắt. Như thế liên ba năm, theo lời một ông già đứng bên bờ đường nói chuyện với Vũ Quang Ninh. Lúa Bến Hải được mùa ba năm liên. Nhưng người không được mùa người. Và đã mười hai năm Việt Nam như thế.

Thứ năm 21-7

Buổi trưa. Ngoài cửa sổ bàn viết tôi, có những chùm hoa đỏ, bông rũ, bất động, trên một nền trời xanh cao và chói nắng. Có tiếng máy bay âm âm ỳ ỳ. Trưa Saigon nhẹ và khoẻ người lạ thường. Nhớ lùi lại những trưa ngoài Bắc. Nhớ phút đến cái nắng thiêm thiếp trên những sườn đồi hoang vu miền Vĩnh Yên, Phúc Yên. Trưa bị nung chín. Nẫu nà và mê hoảng. Năng động ảnh. Trong nắng như có một thứ khối lạ chập chờn. Về cái nắng mùa thu trên những sườn đồi trung du miền

Bắc này, Thanh Tâm Tuyên có một nhận xét rất đúng, và một thứ cảm giác rợn người, cái nắng ấy làm chết người ta như trong cái nắng ấy chết đi giữa một trạng thái tận cùng của hoang vu. Tác động của tạo vật và thiên nhiên, mãi mãi, với tôi, có một hiệu năng ghê gớm. Mưa nắng thường thôi. Nhưng có những lúc nắng, nhưng có những lúc mưa bàng hoàng quái lạ.

Thứ sáu 22-7

Nắng mưa kia mang tin xấu đầy trời.

●số 42 NGÀY 30-7-1966

Thứ hai 25-7



(Đôi mắt của Monty Cliff .THT sưu tầm)

PHIM Une place au soleil mà Charlie Chaplin ngời ca như phim tình bất hủ nhất từ 50 năm trở lại đây, tôi xem đã hơn mười năm mà còn nhớ mãi đến một đôi mắt. Rất đàn ông, trầm và buồn. Thăm thẳm. Không cùng. Đôi mắt của Monty Cliff. Đôi mắt ấy dăm dăm nhìn người đàn bà chết đuối trên mặt hồ đen đặc, bất động và mơ màng, tôi cho là một trong những cảnh tượng nghẹt thở và lạ lùng nhất của điện ảnh, qua Cliff và cuốn phim mang tên một chỗ đứng dưới mặt trời. Đôi mắt ấy vừa khép lại. Bốn mươi lăm tuổi. Cuộc đời như một khuấy lạnh âm thầm, một kiêu hãnh cách biệt, Cliff chết không tiếng vang. Đài trán trầm tư, mái tóc phong ba, cái nhìn u uẩn, Cliff là một loại người hiếm có của điện ảnh. Tin y chết sáng nay làm tôi xúc động. Có những đời người lạ lắm. Kin bụng như một năm mò. Dừng đứng những biên thù. Về riêng một thế giới. Bí mật và hoang đường đẹp. Đời Monty Cliff có được vẻ đẹp khốc liệt bàng hoàng đỏ. Les inadaptés. Cliff là một kẻ inadapté, như con ngựa giống kia chỉ sống được ở những đỉnh tuyết gần trời, mà không một nếp sống nào khác có thể tròng vào cổ một giây cương chế ngự. Sống như một dấu chân âm thầm. Tôi không ai biết. Về không ai hay. Giữa cõi đời ồn ào xa lạ. Trong thứ bóng tối khác thường đó, có một cái gì sáng lắm, sáng lắm đó.

Thứ ba 26-7

*Đọc **Điệp Khúc Tình Yêu và Trái Phá** của Kiệt Tấn. Chợt có một ý nghĩ về cái khả năng vô tận của Thơ hôm nay. Thơ hôm nay không nói về một cái gì. Không*

nói về một vài cái gì. Thơ hôm nay không chỉ nói đến tình yêu, không chỉ nói đến chiến tranh, mà nói đến tình yêu nói cả đến chiến tranh. Thi sỹ của thời đại và xã hội chúng ta là con người của một ý thức và rung động toàn diện. Giải phóng ngôn ngữ đã có. Trước giải phóng con người và giải phóng xã hội. Nhận xét đầu của Viên Linh về tập thơ đầu tay của Tấn: «Đọc toàn tập thấy được hơn đọc lẻ từng bài». Của tôi: Kiệt Tấn còn nhấp nhồm, còn nghịch ngợm. Bài thơ dài **giòng sông và con thuyền hai mươi tuổi** có những ghi nhận lạ lẫm về hình ảnh con mòng dữ đất nước những tháng năm rừng rợn trước đây. Tôi yêu những nơi thơ Kiệt Tấn nói đến mùa hè. Yêu ở những nơi Kiệt Tấn hiền lành. Và không ở những nơi Kiệt Tấn độc ác.

Thứ năm 28-7

Mặc dầu mọi phán đoán nghiêm khắc về những tác phẩm được xếp loại dưới nhãn hiệu chung là “Tiểu Thuyết Mới” từ mười hai năm nay, ít nhất chúng ta cũng phải công nhận cho những tác phẩm ấy tác dụng này: tác dụng làm khuấy động sự bình yên cổ hủ của người đọc, đẩy những nhà phê bình ra khỏi những bản lề cố định, đánh thức một tình trạng ngủ yên. Nhận xét trên là của Jacques Fressard trong một bài tiểu luận về tiểu thuyết Tây Ban Nha đăng trong một số tạp chí Arts tôi vừa đọc. Thế giới tiểu thuyết chúng ta cũng đang cần lắm một sự khuấy động như thế. Sự khuấy động này đã có. Nhưng sự khuấy động này đang lắng chìm. Tiểu thuyết ta vượt khỏi Tự Lực Văn Đoàn, đang có một hiện tượng chậm đà tiến tới. Tưởng chừng như những bước chân tiền phong đã mỏi, những đài trán trong veo đã hiện hình những nếp cau nhăn. Đất đai

tiểu thuyết hoang vu. Cỏ dại còn kín trùm sau trước. Phải khai hoang thêm nữa mới thấy được con đường đi mới. Những mầm hạt tốt đẹp đã có, phải gắng thêm cho mầm hạt kia thành phong phú mùa màng. Tôi nghĩ đến hiện tình tiểu thuyết chúng ta qua hình ảnh chụp chờn của một nửa mặt hoa, một nửa đã lộng lẫy hiện hình, một nửa còn khói sương mù mịt. Phải đưa tiểu thuyết ra khỏi cái tranh tối tranh sáng của nó. Đó là một cần thiết. Nếu không mầm hạt sẽ lặn chìm dưới cỏ dại trùm lên.

Thứ sáu 29-7

*Thu thập lại một số tùy bút đã viết cho thành một tập đã hứa trao cho nhà xuất bản An Tiêm. Chọn cho tập tùy bút này một đề tựa chung là **căn nhà vùng nước mặn**. Chiều nay, tôi chợt hình dung thấy căn nhà đó, nơi tôi ra đời, nơi tôi lớn khôn, nơi tôi bỏ đi. Và trong một tùy bút, đã hẹn với nó là một ngày trở lại. Trở lại? Nhưng thế nào và bao giờ? Ngày tới vẫn là một thứ chân trời mịt mù, mà tôi sẽ giả dối lắm, nếu khẳng định là nhìn thấy dáng hình của nó. Chúng ta sống bây giờ không thắc mắc nhiều lắm về tương lai chúng ta, không phải bởi vì chúng ta không có tương lai, mà bởi vì hiện tại đã được xem như có cả quá khứ lẫn tương lai như một thời gian tổng hợp. Tôi sống với tương lai tôi rồi. Ngay từ hiện tại này. Và chính bằng hiện tại này. Thì sống bởi quá khứ cũng vậy. Quá khứ không còn là một trở về, một ẩn náu, một hồi tưởng. Quá khứ nằm trong hiện tại này. Nó là phản ánh, là chiều sâu, là sự lắng đọng của hiện tại như một bề mặt ồn ào và sôi nổi. Cho nên tôi đã nghĩ được về căn nhà xưa bỏ đi bằng một ý nghĩ rất gần. Bất cứ ý tưởng nào, ý tưởng*

mãnh liệt nhất là ý tưởng hiện tại nhất. Quá khứ tôi trở thành hiện tại tôi. Tôi có một quá khứ luôn luôn mới. Như chiều thứ sáu này.

●Số 43 ngày 7-8-1966

Chủ nhật 31-7

Khí hậu thơ thơ. Thời tiết trầm hương. Tháng bảy kết bằng những câu thơ bảy chữ. “Thu tóc xuân bùng đỉnh chiều đầy”. Xuân Xanh. “Mới tạnh mưa trưa chiều đã tà” Xuân Diệu. Thiên nhiên trước sau là tình yêu lớn nhất, nét vẽ đẹp nhất của thơ tiền chiến. Tôi nói thơ, nhưng không làm thơ đâu. Đi trên đường Lê Lợi, đi vòng chợ Bến Thành mà xem mưa lất phất. Trời lạnh vừa. Và mưa này là trời này lại gọi nhớ lạ từng đến Thâm Tâm. Ngoài phố mưa bay xuân bốc rượu. Buổi sáng gặp nhau đông đủ ở nhà hàng La Pagode, một người bạn nhìn ra cái mùa thu chốc lát của Saigon, kêu tướng lên là thứ thời tiết gây phiền phức quá sức cho cảm giác này, làm gì cũng tuyệt. Hiểu tuyệt, như uống rượu, đánh bạc, nằm với đàn bà, đắm chìm và quên lãng. Chúng tôi làm gì ngày chủ nhật rất thu này? Đến một căn lầu độc thân ở khu Cầu Ông Lãnh. Lầu Trần Lê Nguyễn. Nguyễn có khác. Nguyễn mà. Nguyễn phải tắt Nguyễn. Lầu cao như người. Cho ở như kịch. Một cảnh trí lý tưởng điển hình cho một phim tân tả thực Ý Đại Lợi thời kỳ 1945. Chỉ thiếu một Sophia Loren nhếch nhác ngồi bệt vĩa hè vạch vù cho một thằng nhỏ bú. Qua một cái hẻm hun hút - với

Nguyễn, đường nghĩa là hẻm, phố nghĩa là ngõ, y là một thứ công chúa chân đất, chúng tôi lần bước qua một tầng dưới tối thăm, lên lầu Nguyễn ở. Cảm tưởng tôi: đi vào một hậu trường của một hí viện tả ngạn, khi màn đã buông, đèn đã tắt, mùa kịch đã qua. Và bóng tối và bụi bặm. Và đêm và mưa. Nguyễn sống với một lũ họa phẩm mốc thối, mấy pho tượng, tàu thuốc, những cái gáy sách, bừa bãi chủ ý, tuyên toang có tình. Cũng hay. Người ta sống với một không khí nào đó. Do chính mình tạo ra. Đánh lừa sự cô đơn là hồ thăm giữa mình và kẻ khác, bằng tạo dựng một thế giới thu nhỏ mà đồ vật là bạn hữu thay người. Chỉ thiếu những con mèo, những con chó, những con chuột. Chỉ thiếu cái rét lụ khụ, lò sưởi mùa đông, rượu chát, sớm mai Nguyễn đã là một Léautaud. Cả hai cùng viết nhật ký. Cùng sống rất thơ ngây. Và viết thì làm ra tàn nhẫn. Chúng tôi uống rượu, lừa nhau từng nước phé, cũng đang lừa nhau đánh lừa cái trống không khủng khiếp bằng một hợp mặt ồn ào. Rồi đêm Saigon xuống. Màu đỏ khé của trời lâm chung. Cửa lầu Nguyễn mở ra một nền đêm thành phố xứng đáng được xem như một đề-co đúng nhất cho một thảm kịch có án mạng trong buồng ngủ. Lại kịch. Thứ kịch không diễn. Không bản thảo. Không người xem. Thứ kịch buồn nhất và đúng nhất. Sự còn lại, cái khác đi, chỉ là văn chương.

Thứ hai 1-8

Một người ở gần Jacques Halpern, gặp tôi trưa nay, cho tôi hay về một tin dữ bất ngờ: Jacques Halpern đã mất. Mất cách đây hai hôm. Giới tạo hình Saigon

không ai là không biết Halpern. Qua lối vẽ bằng trực giác và bằng vô thức ộng, khiến tranh ông là tất cả hay không là gì hết. Qua sự có mặt của Halpern trong tiệm nước Givral, trên hè đường Tự Do. Qua những lần nói chuyện về Hội Họa ở Pháp

Văn Đồng Minh Hội. Bộ ria mép nhấp nhồm, ánh mắt tinh quái, tác phong du mục của một lãng tử đầu cũng là nhà, ai cũng là bạn, lúc nào như cũng có một điều phải nói, lúc nào cũng như điều phải nói ấy phải được nói ra. Pháp nhưng Pháp miền Nam, Pháp nhưng rất Tây Ban Nha, thấp thoáng một vài nét điên cuồng, biểu diễn của Salvador Dali, ngoài đời như trên tranh sơn dầu, đó là chụp bắt khởi đầu và mãi mãi tôi có được về hình ảnh con người Halpern. Người bạn kể cho tôi về trường hợp cái chết Halpern. Và đó là một trường hợp thê thảm. Ông đau. Vào bệnh viện, bị đuổi ra vì một hiểu lầm. Đến bác sỹ tư, bác sỹ thoái thác không thêm săn sóc. Ông bị thù ghét, bởi chính những người đồng hương ông ở Saigon. Không hiểu vì nguyên nhân nào. Nhưng nguyên nhân nào thì cũng là một điều thật đáng phàn nàn. Còn nhớ lần triển lãm đầu của Duy Thanh, Ngọc Dũng, Halpern đến, ồn ào thân mật. Tôi nghĩ Halpern thuộc loại người mà «xã hội» không chịu được, và tức giận, vì kẻ ngỗ ngược và hoang toàng sống bất cần đến sự không chịu được đó của chung quanh. Tập Thơ Tôi Không Còn Cô Độc của Thanh Tâm Tuyên, Halpern có góp mặt bằng một bức hình nhỏ. Thay mặt cho một vài người bạn có chung đôi chút kỷ niệm với ông về Hội Họa về Saigon, thành phố này mà ông đã chọn, yêu, và sống, gửi Jacques Halpern ở đây một lời chào vĩnh biệt.

Halpern! Kể về trường hợp cái chết khốn nạn của ông, cái chết bị coi như của một tên hủi, một bệnh truyền

nhhiem, người bạn ông đã phàn nàn về sự độc ác của người đời. Tôi có bảo y Halpern chết rồi, hết thấy đối với Halpern đều không quan hệ. Phải thế không, chúng ta sống, chết đều trong độc ác người đời. Độc ác người đời có chính chúng ta trong đó.

Thứ ba 2-8

Nói thêm về Halpern. Có một thời kỳ, Halpern ở một mình một buồng khách sạn Continental, phía ngó xuống Nhà Văn Hóa bây giờ. Nhiều lần mời chúng tôi lên chơi đó, xem tranh, nói chuyện liên miên không ngừng về hội họa. Sống với màu sắc và ánh sáng, nhưng điều lạ lùng: Halpern ở thật tối tăm. Sau này, tôi có đến chơi một lần, khi H. đã đổi chỗ ở, một buồng-đình sát chân cầu Thị Nghè, cũng vậy. Cửa kín bùng, không cho lọt vào một sợi chỉ ánh sáng. Có lẽ Halpern yêu cái không khí đó. Huyền bí một chút. Và thường trực bóng tối. Như nhà ở của người Ấn Độ. Vẽ, mới bật đèn hay thắp nến. Ý kiến về hội họa, tôi nhớ nhất câu nói này của Halpern: “Khi tôi biết tôi đang vẽ gì, bức tranh vẽ tới đâu cũng lập tức bị hủy bỏ sau đó. Lập tức, lập tức”. Nhiều người khi biết mình sống như thế nào đã lập tức kết liễu đời sống ấy.

(Còn tiếp)

